

GjellerupKarl

(GIẢI NOBEL VĂN HỌC)

Kamanita Kẻ hành hương

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

Kamanita Kẻ Hành Hương

Gjellerup Karl

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Table of Contents

[KỂ HÀNH HƯƠNG](#)

[LỜI GIỚI THIỆU](#)

[ĐỨC THỂ TÔN CHÀO NGŨ SƠN THÀNH](#)

[CUỘC HỘI NGỘ](#)

[BÊN BỜ DÒNG GANGA\[3\]](#)

[NỮ CẦU THỦ CHƠI BÓNG](#)

[BỨC CHÂN DUNG MA THUẬT](#)

[TRÊN SÂN HIỀN CỦA NHỮNG CÂY VÔ TƯ](#)

[TRONG HẸM NÚI](#)

[MẦM THIÊN ĐÀNG](#)

[MANG SỐ MỆNH KẺ CƯỚP](#)

[MẬT THUYẾT](#)

[CÁI VÒI VOI](#)

[BÊN MỒ THÁNH VAJACRAVAS](#)

[KẺ ĂN CHƠI](#)

[NGƯỜI CHỒNG](#)

[TU SI TRỌC](#)

[SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU](#)

[THA HƯƠNG](#)

[TRONG GIAN HÀNG CỦA NGƯỜI THỢ GỖM](#)

[BẠC THẦY](#)

[ĐỨA TRẺ VÔ LỐI](#)

[GIỮA ĐƯỜNG](#)

[TRÊN CỎI TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC](#)

[NHỮNG VÒNG CỨU RỐI](#)

[CÂY SAN HÔ](#)

[MẦM NỞ RA](#)

[CHIẾC DÂY CHUYỀN ĐÁ MẮT HỔ](#)

[MÀN KỊCH ĐI TÌM CHÂN LÝ \(HAY PHÉP THUẬT CHÂN LỰC SACCAKIRIYA\)](#)

[BÊN BỜ DÒNG GANGA THIÊN THẦN](#)

[NGÀO NGẠT MỬI THƠM HOA SAN HÔ](#)

[“TẤT CẢ NHỮNG THỨ ĐÃ HÌNH THÀNH”](#)

[THOÁNG HIỆN TRÊN SÂN HIỀN](#)

[SATAGIRA](#)

[ANGULIMALA](#)

[NGỤC GIÁO](#)

[LỄ VẬT TINH KHIẾT](#)

[ĐỨC PHẬT VÀ KRISHNA](#)

[THIÊN ĐÀNG TÀN LỤI](#)

[TRONG VƯƠNG QUỐC CỦA BRAHMA CHỤC VẠN LẦN](#)

[BÌNH MINH CỦA CÁC VŨ TRỤ](#)

[Ở RỪNG KRISHNA](#)

[CÁCH NGÔN GIẢN ĐƠN](#)

[SỰ NỮ ỒM](#)

[CÔI NIẾT BÀN CỦA ĐẮNG HOÀN THIÊN](#)

[LỜI DI CHÚC CỦA VASITTHI](#)

[BÓNG ĐÊM CỦA VŨ TRỤ VÀ BUỔI BÌNH MINH CỦA VŨ TRỤ](#)

[Ghi Chú](#)

[Chú Thích](#)

Gjellerup Karl

KAMANITA KẺ HÀNH HƯƠNG

TIỂU THUYẾT

(phỏng theo truyền thuyết)

Nobel 1917

Dịch Ngụy Hữu Tâm

Phát hành Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây

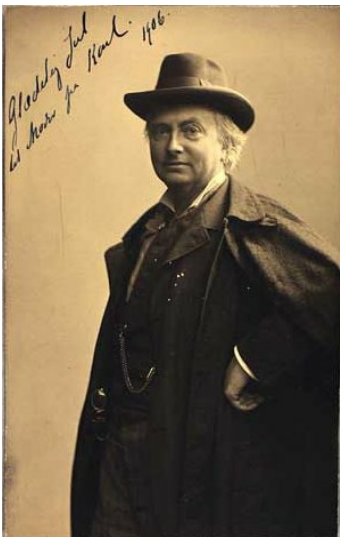
Dịch từ văn tiếng Đức: "Der Pilger Kamanita"

với sự cộng tác của Nguyễn Hữu Khôi và Ngân Chúc

Nhà xuất bản Lao Động

Năm 2006

LỜI GIỚI THIỆU



Karl Adolph Gjellerup sinh ngày 2/6/1857 tại Roholte, miền Bắc Zealand, Đan Mạch. Cha của ông, mục sư Pastor Carl Adolph Gjellerup, đã mất khi ông lên ba tuổi. Sau cái chết của người cha, Gjellerup được người bác Johannes Fibiger, vốn là một linh mục và đồng thời cũng là một nhà thơ, đưa về Copenhagen nuôi dưỡng. Với mong muốn sau này sẽ được phụng sự dưới ngôi nhà của Chúa, năm 1874, K. Gjellerup đã vào học tại khoa Thần học, trường Đại học Tổng hợp Copenhagen. Tuy nhiên, do chịu ảnh hưởng bởi tư tưởng của Herbert Spence - một người theo thuyết tiến hóa của Darwin - và nhà phê bình Georg Brandes, nên ngay khi chưa tốt nghiệp, K. Gjellerup đã bắt đầu cảm thấy bị thu hút bởi chủ nghĩa vô thần. Cũng dưới ảnh hưởng của Brandes, K. Gjellerup ủng hộ sự phát triển tự do của các tác phẩm văn học mang đậm dấu ấn cá nhân và tính nhân văn; đồng thời ông viết những tác phẩm táo bạo với hơi hướng của chủ nghĩa

tự nhiên. Mặc dù vậy, thời gian sau, ông lại dần dần xa rời ảnh hưởng của Brandes và sáng tác theo khuynh hướng lãng mạn.

K. Gjellerup viết văn từ rất sớm, vừa tốt nghiệp trung học ông đã viết hai vở kịch *Spicio Africanus* và *Arminius* nhưng đều không được in. Sự sụp đổ niềm tin vào Chúa chính là một trong những chủ đề quan trọng nhất trong những sáng tác của K. Gjellerup thời kì đầu, đặc biệt qua các tác phẩm như *Người Lý Tưởng* (1878, ký bút danh Epigon), *Antigonos* (1880), v.v... Tuy nhiên, sau này các tác phẩm của K. Gjellerup lại in đậm dấu ấn của tư tưởng Phật Giáo và những tôn giáo Phương Đông khác.

Trong hai năm 1883 và 1884, K. Gjellerup đã du lịch qua nhiều nước như Italia, Hy Lạp, Nga, Thụy Điển, Thụy Sĩ; ấn tượng thu lượm được phản ánh trong các tác phẩm *Tháng Cổ Điển* (1884). *Brynhid* (1884). Đến năm 1885, K. Gjellerup chuyển đến sống ở Dresden, Đức. Ông chịu ảnh hưởng sâu sắc những tư tưởng của chủ nghĩa nhân văn và triết học siêu hình của Goethe và Friedrich Schiller - vốn cho rằng thế giới bên ngoài được sinh ra do ý thức, rằng thế giới vật chất không thể tồn tại một cách độc lập với ý thức của con người. Những tư tưởng này được thể hiện khá rõ qua hai tác phẩm *Minna* (1889) và *Kamanita, kẻ Hành Hương* (1906). Cả Fyodor M. Dostoevsky và Ivan Turghenev cũng là hai nhà văn có ảnh hưởng lớn đến K. Gjellerup, có thể thấy rất rõ điều này trong một số tác phẩm mà K. Gjellerup viết về vấn đề đạo đức. *Chiếc Cối Xay* (1896), một câu chuyện về tội ác và sự đau khổ, lại thể hiện rõ những dấu ấn của Émile Zola. Cuốn tiểu thuyết viết về cuộc sống của những người nông dân Đan Mạch này là một kiệt tác.

Những sáng tác của K. Gjellerup được viết bằng tiếng Đan Mạch và tiếng Đức, thể hiện sự thán phục của ông đối với tinh thần nhân bản và khía cạnh tâm linh trong văn hóa Đức. Tác phẩm của ông cũng bộc lộ rõ ảnh hưởng của trào lưu suy đồi (*Décadence*), nhưng từ khoảng năm 1906 trở đi ông quan tâm đến đề tài tôn giáo. Mặc dù Phật Giáo là nguồn cảm hứng giúp ông hoàn thành nhiều tác phẩm như vở kịch *Ngọn Lửa Hiến Tế* (1903) và tiểu thuyết *Những Người Hành Hương Vĩnh Cửu* (1910), những tác phẩm viết về luân hồi và sự ước vọng tới cõi Niết Bàn, nhưng hai cuốn tiểu thuyết cuối cùng của ông là *Những Người Bạn Của Chúa Trời* (1916) và *Cành Vàng* (1917) lại đánh dấu sự trở về với Cơ Đốc Giáo.

K. Gjellerup đã kết hôn với Eugenia Anna Caroline Heusinger, một người họ hàng của Georg Brandes. Sau khi rời khỏi Đức năm 1887, đến năm 1892 K. Gjellerup lại cùng gia đình chuyển

đến định cư tại Dresden. Kể từ đây, ông bắt đầu sáng tác bằng tiếng Đức, ngôn ngữ mà ông gọi là phương tiện thể hiện chân chính của mình là càng ngày càng được độc giả ở Đức yêu mến và trân trọng. Năm 1917, cùng với một nhà văn Đan Mạch khác là Henrik Pontoppidan. K. Gjellerup đã được Viện Hàn lâm Thụy Điển trao giải Nobel văn học "vì sự nghiệp sáng tác thơ phong phú và những lý tưởng nhân đạo cao cả, vì những đóng góp cho việc củng cố khối thống nhất các dân tộc Scandinavia". Tuy nhiên, người dân Đan Mạch không hào hứng lắm với việc ông nhận giải Nobel vì cho rằng ông là nhà văn Đức.

K. Gjellerup mất ngày 11/10/1919. Dù rằng sau khi mất, danh tiếng của ông mờ nhạt dần nhưng K. Gjellerup vẫn được đánh giá là một trong những nhà văn vĩ đại nhất của nền văn học Đan Mạch.

• Tác Phẩm

Kamanita, kẻ Hành Hương là một trong những tác phẩm đặc trưng và thể hiện rõ nhất quan niệm Phật giáo của Karl Gjellerup.

Tác phẩm là câu chuyện về Kamanita, một thương gia trẻ ở Ấn Độ thời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế (cách đây 2500 năm). Do duyên nghiệp mà chàng trai trẻ tài hoa Kamanita và nàng Vasitthi xinh đẹp như nữ thần Lakshmi đã gặp nhau để rồi yêu nhau trong mối tình nồng nàn, say đắm. Nhưng "đời là bể khổ hạnh phúc đến rồi lại đi, nhường chỗ cho bất hạnh và khổ đau. Điểm khác biệt là tuy cũng gặp cảnh ngang trái như nhiều cặp tình nhân trên đời, Kamanita và Vasitthi có may mắn ở trong số rất ít người trong cõi nhân gian được sinh ra cùng xứ sở với Đức Phật, được gặp Ngài và được Ngài chỉ dẫn tiếp bước theo dấu chân Ngài trên con đường đi tìm chân lý tối hậu - con đường giải thoát khỏi biển khổ của luân hồi sinh tử. Câu chuyện mang đậm màu sắc của trường phái Phật Giáo Tịnh Độ Tông, mà mục đích của nó là tu học nhằm được tái sinh tại Tây Phương Cực Lạc, Tịnh độ của Phật A Di Đà. Nhưng Tây Phương Cực Lạc chưa phải là mục đích cuối cùng trên con đường tu tập mà chỉ là nơi được xem là cõi cuối cùng mà hành giả phải tái sinh để rồi đạt Niết Bàn, điều mà cặp tình nhân Kamanita và Vasitthi đã đạt được trong câu chuyện này. Xin nói rõ thêm là trước thời Đức Phật Thích Ca, con người chỉ mới biết đến và cầu mong được tái sinh trong cảnh trời Đại Phạm của Phạm Thiên Vương (Brahma). Đạo Bà La Môn tôn Phạm Thiên Vương là vị thần chúa tể và Ngài cũng được gọi là Ngọc hoàng Thượng Đế. Đạo Phật cũng công nhận Ngài là chúa tể thế giới con người, nhưng chỉ rõ cảnh trời Đại Phạm thuộc miền sơ thiên, trong cõi sắc giới, tức là còn cách khá xa với cảnh giới siêu việt, dù rằng tất cả đều thuộc về tam giới (Dục giới, sắc giới và vô sắc giới) và vẫn còn chịu sự chi phối của vòng luân hồi sinh tử. Chỉ có Đức Phật và những người đi theo dấu chân của Ngài mới đạt đến sự tỉnh thức tối hậu, đi vào cõi Niết Bàn, lưu trú trong tình không tuyệt đối, sự an lạc siêu việt khi thấy mình cùng một thể với tuyệt đối, khi thấy mình giải thoát khỏi mọi hư huyền, mọi biến tướng, mọi tham ái. "Ngọn lửa đã tắt", nhưng không có nghĩa là nó hoại diệt, đi vào hư vô. Lửa đèn tắt nhưng đèn vẫn còn. Không còn tồn tại kinh nghiệm trong tam giới, nhưng còn siêu tồn tại, cái cao hơn nhận thức và không thể diễn đạt bằng lời.

Bằng cảm hứng sáng tạo câu chuyện về chàng Kamanita, dường như cuối K. Gjellerup đã tìm thấy con đường đi đến chân lý tối hậu và phải chăng tác phẩm này hàm chứa sự biểu lộ một trong vô số các dạng khác nhau của Tâm thức Đức Phật, sẽ không ngừng biểu lộ chừng nào chúng sinh vẫn còn chịu khổ trong luân hồi sinh tử.

NGUYỄN HỮU TÂM

ĐỨC THẾ TÔN CHÀO NGŨ SƠN THÀNH

Ngày ấy Đức Phật còn đi dạo hết chỗ này sang chỗ khác trong xứ Magadha rồi mới đến Rajagaha^[1]. Khi ngày đã tàn thì Đức Thế Tôn tới gần thành Ngũ Sơn. Những tia sáng dịu dịu của vầng dương lan tỏa khắp bình nguyên phủ kín những cánh đồng lúa và những thảm cỏ xanh rờn, hết như ánh phản chiếu của bàn tay ban phước của Thượng Đế. Đây đó thấy những đám mây nhỏ, trông hết như bột vàng rờn, trườn trên mặt đất để chỉ rằng cả người và vật đã kết thúc việc đồng áng và đang về nhà. Bóng các bụi cây trải dài trông như được phủ bởi ánh hào quang mang màu cầu vồng. Từ tán những vườn cây đang trở hoa bùng sáng lên những cổng chào, những sân thượng, những mái vòm và những tháp của kinh thành. Và đây những ngọn đồi với vách đá hiện lên trong bản giao hưởng những sắc màu không thể gì sánh kịp của hoàng ngọc, thạch anh tím và đá mắt mèo.

Choáng ngợp trước quang cảnh đó, Đức Thế Tôn dừng lại. Ngài vui mừng chào đón những hình tượng thân quen gây cho Ngài biết bao hoài niệm: mũi sừng xám, cái ách bè, tảng vọng giác và ngọn đại bàng, mà “hết như cái mái nhà, đỉnh tuyệt đẹp của nó vượt trội trên tất cả các đỉnh khác”. Nhưng trước hết là Vibhara, ngọn núi của những suối nước nóng mà với hàng cây Sattapani của mình, nó trao quê hương đầu tiên cho những kẻ mất chốn quê hương. Đây cũng là nơi nghỉ chân đầu tiên trên chặng đường cuối cùng từ Sansara để đến Cõi Niết Bàn.

Bởi lẽ khi đó Ngài đang còn ở tuổi thanh niên, như vầng dương hé mở, với món tóc đen nhánh, bóng nhoáng. Đó là lứa tuổi đầu tiên của một người đàn ông. Mặc những lời cầu khẩn của người thân đang kêu khóc. Ngài đã từ bỏ ngôi nhà vương giả của họ ở xứ Bắc của người Saky và lẹ bước xuống lưu vực sông Ganga. Chỉ ở nơi ấy Ngài mới cho phép mình dành một thời gian nghỉ chân lâu lâu bằng cách cứ mỗi sớm đi xin ăn đến Rajagaha. Chính ở trong cái hang ấy, khi đó vị vua xứ Magadha - Bimbisara - đã đến thăm Ngài và uống công van nài Ngài về lại với gia đình và cuộc sống trần tục. Cho tới khi được những lời của vị tu hành trẻ tuổi cảm hóa bậc quyền quý dành được niềm tin đầu tiên để cuối cùng cũng quy đạo Phật.

Từ đó đến nay, một khoảng thời gian dài đã trôi qua - nửa thế kỷ. Ở đó, Ngài không chỉ thay đổi đời mình mà thay đổi cả tiến triển của thế giới. Thời đó, khi Ngài còn nghỉ chân ở hang cây Sattapani, với thời nay mới khác biệt làm sao! Khi đó Ngài đang còn là kẻ đi tìm, một người vật lộn để đi đến giải thoát: đang còn những cuộc đấu trí khủng khiếp chờ đợi Ngài. Những năm tháng dài dằng dặc, sự tu luyện khổ hạnh vừa ghê gớm lẫn vô ích mà chỉ cần mô tả đã làm những người can đảm nhất trong số những thánh giả cũng phải dựng tóc gáy lên. Cho đến cuối cùng khi hoàn toàn vượt qua được tất cả những sự khổ hạnh và đau đớn như vậy, thông qua sự tự đào sâu nhiệt thành. Ngài đã đạt được tới sự khai ngộ và trở thành Đức Phật tối cao, hoàn thiện, để giải thoát mọi sinh linh, đi tử cuộc đấu tranh.

Khi đó cuộc đời Ngài giống như một buổi sáng thất thường vào mùa mưa mà nắng chói chang luân phiên cùng với bóng râm tuyệt đối, trong khi đó gió mùa đẩy các bóng mây xếp lại ngày càng cao hơn, và cơn giông đe dọa chết người ngày càng vang tới gần. Cũng bấy giờ trời đất được chứa đầy chính sự thái bình quang đãng của buổi hoàng hôn đó và nó ngày càng trở nên sâu lắng và rạng rỡ hơn, khi vòng lửa vầng dương xuống gần chân trời hơn. Và cả vầng dương của cuộc đời Ngài cũng đi dần tới buổi hoàng hôn. Nghiệp lớn của Ngài đã hoàn thành. Vương quốc của chân lý đã được đặt nền móng vững chắc, đã bỏ công Thuyết giải thoát cho loài người. Nhiều sư tăng và sư ni, cũng như nam nữ Phật tử đã có thể bảo vệ cái Vương quốc, gìn giữ và truyền bá thuyết này. Và sau những sự cân nhắc của ngày này, cái ngày Ngài thực hiện chuyển đạo cô đơn, Ngài đi đến nhận thức chắc chắn trong tim: Đã sắp đến lúc ta phải mãi

mãi từ biệt thế giới này để cho ta và những người tiếp bước ta được giải thoát khỏi nó để đi đến sự thái bình của Cõi Niết Bàn.

Rồi khi ngắm nhìn toàn bộ cảnh vật xung quanh với sự hài lòng pha chút sầu đau, Đức Thế Tôn nói cho chính mình:

"Thành Ngũ Sơn Rajagaha quả thật đáng yêu! Vùng phụ cận nó mới xinh xắn biết nhường nào! Những cánh đồng lúa màu mỡ, những thảm cỏ với hồ nước và cây cối ven hồ, những đồi lùn phiến đá và các bụi cây lúp xúp hết sức kiều diễm... Đây là lần cuối ta được ngắm nhìn cảnh vật đáng yêu này. Chỉ một lần nữa thôi, nếu như ta đi xa hơn nữa, đến cái đèo kia ta quay lại thì từ đó có thể nhìn thấy thung lũng yêu kiều của Rajagaha, và rồi chẳng bao giờ nữa..."

Trong thành phố chỉ còn hai ngôi nhà vàng rực lộng lẫy ửng lên trong nắng chiều: Một là ngọn tháp cao nhất của Hoàng cung mà Bimbisara thấy lần đầu tiên khi Ngài còn là một nhà tu hành trẻ, vô danh đang làm hết trách nhiệm của mình, nhưng qua cư xử đúng đắn của mình đã được đức vua Magadha chú ý tới. Hai là đoạn nóc tròn của đền Indra ở đó trước khi có lời nói của Ngài để ngăn cản sự mê tín đã gây cái chết hàng năm hàng nghìn người và vật để làm vật tế thần. Những tháp nhỏ của tháp lớn cũng chìm trong rừng các tháp cao, chỉ có chiếc chóp hình nón của cái ô che nắng bằng vàng^[2] làm đỉnh cho đến là còn rực sáng. Nó lắc lư mạnh trước gió với ý nghĩa là biểu tượng cho Cổ Đô và nó càng rực rỡ hơn trên cái nền xanh sẫm của những vòm cây cao ngất. Từ đây Đức Thế Tôn trông về phía mục tiêu còn khá xa cho chuyến hành hương của Ngài. Bởi lẽ những vòm cây đó là khóm xoài ở bên ngoài thành phố mà môn đồ của Jivaka - cũng là bác sĩ riêng của nhà vua - đã tặng Ngài, ở đó còn có một tu viện là nơi hết sức sạch sẽ và thoải mái dành cho các nhà sư.

Sau khi nhận trách nhiệm trưởng giáo phận này, Đức Thế Tôn để lại việc phụ trách những sư sãi dưới quyền Ngài - mà con số đó là 200 người - cho em họ và môn đệ trung thành là Ananda, bởi lẽ Ngài bị niềm đam mê của chuyến đi đạo cô độc hàng ngày cuốn hút. Và Ngài còn biết vào lúc hoàng hôn thường có một nhóm các sư trẻ do đại môn đệ và thông thái là Sariputta điều khiển nghỉ lại khu rừng xoài. Trong tâm hồn sống động luôn hướng vào những gì cụ thể của Ngài diễn ra cảnh những vị sư mới đến được các vị trụ trì ở đó đón tiếp thân mật thế nào, được ân cần chỉ bảo nơi ăn chốn ở làm sao, cởi bỏ mũ áo và bát cơm Phật ra sao. Và khi đó nổi lên tiếng ồn ào và tranh cãi hết như dân chài cãi lộn nhau khi chia cá. Đối với Ngài, vốn yêu thích sự lặng lẽ quan sát, không ưa tiếng ồn hệt như một chú sư tử cô đơn, lang thang tìm mồi, chính lúc này đây sau những phút yên bình của chuyến du ngoạn đơn độc và hạnh phúc ngắm nhìn cảnh chiều thanh bình, thì ý nghĩ về một sự lộn xộn như vậy càng khó chịu thêm.

Bởi vậy mà dù vẫn bước tiếp, Ngài quyết định không đi qua thành phố để đến khu rừng xoài mà trải tấm nệm ngủ đêm của mình ngay tại ngôi nhà tử tế nhất tại ngoại ô thành phố muốn tiếp nhận Ngài. Vào lúc đó thì những ánh lửa vàng rực của trời Tây bị tan thành gam màu cam nhức nhối, rồi chính màu này lại chảy thành màu đỏ thẫm hùng hực lửa. Những cánh đồng lúa xung quanh càng ngày càng xanh hơn, hệt như mặt đất đã chuyển thành ngọc lục bảo được rọi chiếu từ bên trong ra. Nhưng ngay lúc đó chân trời xa xa đã bốc lên một làn khí tím nhạt mông mị, trong khi lại có một dòng huyết dụ hầu như siêu nhiên - ta chẳng còn biết đó là ánh sáng hay bóng tối nữa - từ khắp mọi nơi lắng xuống, rồi lại bay lên và tràn ngập toàn bộ không gian. Làm tan biến những gì là rắn chắc và hội tụ những gì lỏng lẻo. Chảy mất đi những gì gần gũi và ồn ập đến những gì xa vời. Tuy nhiên, mọi thứ lại lay động rồi chuyển thành một cơn run rẩy bập bùng...

Bị tiếng lê bước của người du ngoạn cô đơn làm giật mình, một chú dơi tung đôi cánh sẫm rời khỏi cành cây Sala đen thẫm để bay đến thăm viếng những vườn trái ở khu ngoại vi đã

giống hệt như các trang trại, không quên phát những tiếng chiêm chiếp vào hoàng hôn đang tắt lịm.

Vậy là đêm đã buông xuống khu ngoại ô này của thành Rajagaha khi Đức Thế Tôn đến đó.

CUỘC HỘI NGỘ

Tại ngôi nhà đầu tiên mà tường lấp ló giữa những tán cây của vườn tược, Đức Thế Tôn muốn lên tiếng. Tuy nhiên khi đến gần cửa, Ngài nhận ra ngay một cái lưới treo trên cành cây. Rồi Ngài bước tiếp, từ chối ghé lại nhà một gã thợ bắt chim.

Ở khu ngoại vi xóm nhỏ này nhà cửa thưa thớt. Mới đây thôi cũng vừa có đám cháy, bởi vậy phải một lúc lâu sau Ngài mới tới được ngôi nhà có người ở. Đó là khu nhà của một giáo sỹ Bà La Môn giàu sang. Đức Thế Tôn đã vào trong cổng nhưng bỗng nghe thấy tiếng hai bà vợ của vị giáo sỹ Bà La Môn chửi nhau. Họ đang ồn ã cãi lộn với nhau bằng thứ tiếng rin rít, không những thế họ còn văng vãi những lời thô tục nhất. Vậy là Đức Thế Tôn phải quay ra phía cửa rồi tiếp bước.

Vườn của vị giáo sỹ Bà La Môn giàu có nọ còn dài, trải dọc theo con đường mòn. Đức Thế Tôn đã cảm thấy mệt và chân phải Ngài do bị vấp một viên đá sắc nhọn đã gây đau đớn khi Ngài đi. Cuối cùng Ngài cũng phải tiến lại gần một ngôi nhà. Ngôi nhà này đã thấy rõ từ xa bởi lẽ ánh sáng chói lòa từ ô cửa sổ và cánh cửa để ngỏ đổ ra đầy đường. Dẫu có mù thì ai cũng nhận ra ngôi nhà từ xa, bởi lẽ tiếng cười ngạo nghễ, tiếng cốc vại va chạm, tiếng uỳnh ục của những đôi chân dậm nháy và tiếng đàn Vina bảy dây vang ra tận ngoài ngõ. Một cô gái xinh đẹp tựa bên bậu cửa. Cô vận bộ váy lụa dài sang trọng và đeo một nhánh hoa nhài. Cô cười để lộ hàm răng ố đỏ vì ăn trầu rồi mời vị khách thập phương đến: “Xin mời quý khách xa lạ vào! Chỗ này luôn vui vẻ”.

Nhưng Đức Thế Tôn bước tiếp, luôn nhớ lời mình: “Ở Thánh địa thì hát sẽ là khóc, nhảy múa được xem là sự tuyệt vời; ở nơi Thánh địa mà hàm răng phô không đúng lúc thì sẽ được xem là trẻ con, còn cười - trên thực tế, cái cười của cặp mắt cười là đủ cho người khác si mê”.

Nhà hàng xóm chẳng ở xa là bao, nhưng tiếng ồn của lũ nhậu nhẹt và những tay chơi đàn Vina vẫn vẳng tới, bởi vậy Phật Thích Ca đi tới ngôi nhà kế tiếp. Nhưng bên hông nhà này đã có hai cậu thợ học nghề đồ tể đang ra tay trong ánh le lói cuối cùng của buổi hoàng hôn. Bằng những chiếc dao sắc nhọn, chúng đang pha một chú bò đã mổ. Vậy nên Đức Thế Tôn cũng tránh xa nhà đồ tể.

Trước ngôi nhà kế sau là vô kể bát đĩa bằng đất sét tươi. Đó là kết quả của một ngày lao động lương thiện.

Dưới một cây chà là là chiếc bánh quay của thợ gốm. Gã thợ gốm vừa nhấc một chiếc tô ra khỏi bánh đó và xếp nó vào đồng đã miết xong.

Đức Thế Tôn lại chỗ gã thợ gốm, lịch thiệp chào rồi bảo:

— Nếu như điều này không làm phiền bác, là hậu duệ nhà Bhagas, thì tôi xin qua đêm tạm ở sân thượng nhà bác.

—Ồ không, có gì đâu là phiền toái. Vừa có một vị hành hương đến đây sau chuyến ngoạn du dài mệt mỏi. Bác ấy đã trải nệm ngủ. Nếu như bác ta đồng ý thì cả bác nữa, vị khách đáng kính, có thể ở lại tùy thích.

Và Đức Thế Tôn suy ngẫm: “Dĩ nhiên cô đơn là người bạn đồng hành quý nhất. Tuy nhiên kẻ hành hương đáng mến này cũng đến đây vào đêm hôm khuya khoắt như ta vậy. Y cũng mệt mỏi sau chuyến đi vất vả. Y tránh xa những nhà hành nghề không sạch sẽ hoặc nhuốm máu. Y cũng đã bỏ qua ngôi nhà có cãi lộn hoặc chửi rủa tục tằn và ngôi nhà ồn ào với những thú vui không đứng đắn. Y chỉ dừng lại ở ngôi nhà gã thợ gốm này. Người ta có thể qua đêm với một người như vậy”.

Thế là Đức Thế Tôn bước vào sân thượng, ở đó, Ngài thấy một chàng trai trẻ với nét mặt hào hiệp. Chàng ta đang ngồi trên một tấm đệm trải ở góc phòng.

— Nếu như điều này không làm phiền anh, vị hành hương thân mến, thì tôi cũng sẽ qua đêm ở sân thượng này. - Đức Thế Tôn nói với chàng ta.

— Hiền huynh ơi, sân thượng của ông thợ gốm khá là rộng rãi, xin mời hiền huynh đáng kính thoải mái lưu lại.

Vậy là Đức Thế Tôn trải tấm nệm ra phía tường rồi ngồi xuống, chân bắt chữ ngũ, cả người vươn thẳng ra trước, chìm vào suy tư thánh thiện. Vào những giờ đầu đêm Đức Thế Tôn cứ ngồi yên như vậy. Cả kẻ hành hương trẻ cũng làm hệt như vậy.

Khi đó Đức Thế Tôn mới thầm nghĩ: “Liệu chàng trai trẻ này có đang vui vẻ hay không? Nếu giờ mình hỏi y thì sao nhỉ?”.

Vậy là Đức Thế Tôn quay sang phía kẻ hành hương trẻ:

— Người hành hương trẻ kia ơi, làm sao anh lại đi vào chốn tha hương như thế này?

Kẻ hành hương trẻ trả lời:

— Chỉ mới qua đi mấy giờ đêm lạnh. Thôi vậy, nếu hiền huynh đáng kính đã dành chút thời gian quan tâm đến đệ, đệ xin kể tại sao đệ phải đi vào chốn tha hương.

Đức Thế Tôn vui vẻ gật đầu, và kẻ hành hương trẻ bắt đầu câu chuyện.

BÊN BỜ DÒNG GANGA^[3]

Tôi tên là Kamanita và sinh ra ở Ujjeni, thành phố nằm sâu phía Nam, tại vùng núi bang Avanti. Cha tôi là người phong lưu, tuy cũng chẳng giàu sang lắm. Ông cho tôi theo học trường nghiêm chỉnh, và khi tôi đeo cái đai cúng tế lên mình thì đã nắm bắt được hầu hết những năng lực mà một người đàn ông trẻ tuổi có vị thế phải có. Bởi vậy, nói chung người ta cứ nghĩ rằng tôi đã theo học ở trường Takkasila^[4]. Về vật và đấu kiếm thì tôi thuộc lớp hàng đầu. Tôi còn có một giọng hát hay, đã được luyện kỹ và cũng biết chơi đàn Vina thuần thục. Tôi thuộc lòng tất cả các bài thơ của Bharata và nhiều bài khác nữa. Tôi thấu tóm tất cả những bí quyết của toán học, kể cả những vấn đề sâu nhất. Tôi biết viết những bài văn giàu ý tưởng và giàu cảm xúc nhất. Về vẽ và đồ họa thì chỉ có rất ít người vượt được tôi, còn cái cách tôi tung hoa thì được mọi người thán phục vô cùng. Khả năng nhuộm màu của tôi cho tinh thể và hiểu biết của tôi về kim hoàn rất lớn. Không có con vẹt hay con sáo nào biết nói hay như những con đã được tôi dạy. Tôi cũng còn biết trò chơi bằng bảng có sáu tư ô, trò chơi que đĩa, trò bắn cung và chơi bóng theo tất cả các thể loại của chúng, cũng như nhiều loại trò chơi câu đố và chơi hoa. Và đến mức, vị khách lạ ơi, có câu dân gian ở Ujjeni gần như thành ngạn ngữ: “Đa tài như chàng trai trẻ Kamanita”.

Khi tôi 20 tuổi thì một ngày kia, cha tôi cho gọi lên rồi nói như sau:

— Con thân mến, vậy là việc giáo dục con đã hoàn thành. Đã đến lúc con phải đi đây đi đó trên thế giới và bắt đầu cuộc sống doanh nghiệp của con. Cha cũng đã tìm được một thời cơ thuận lợi cho con. Vào lúc này vua của chúng ta gửi một đoàn sứ giả sang với vua Udena ở Kosambi, rất xa trên miền Bắc, ở đó cha có người bạn nối khố tên là Panada. Từ lâu ông ấy đã bảo cha: ở Kosambi có thể bán rất lãi những sản phẩm của xứ ta, mà đặc biệt là tinh thể tự nhiên và bột đàn hương, cũng như các mặt hàng đan lát bằng chuối đá quý và hàng dệt len mỹ nghệ. Tuy nhiên, cha luôn sợ một chuyến đi như vậy, bởi lẽ nó quá ư mạo hiểm vì có nhiều nguy hiểm dọc đường. Nhưng nếu đi theo đoàn sứ giả này. Cả đi lẫn về sẽ không gặp nguy hiểm gì cả. Bởi vậy mà con thân yêu, chúng ta hãy đến xem chỗ đặt kho hàng với 12 chiếc xe bò kéo và các hàng hóa mà cha đã định trước cho chuyến đi này của con. Đổi lại cho các sản phẩm của chúng ta, con hãy mang về vải muxolin của Benares và gạo đã được chọn lọc trước. Cha hi vọng, chuyến đi này sẽ là một bước khởi đầu vinh quang cho sự nghiệp doanh nhân của con. Ngoài ra con còn có dịp tìm hiểu các nước xa lạ với bản sắc và phong tục tập quán khác nhau; và trên đường đi hàng ngày con sẽ được giao tiếp với các doanh nhân cùng gia đình họ, những người có năng lực xã giao cao nhất và ứng xử tinh tế nhất. Điều này theo cha là một món lãi rất lớn cho con. Bởi lẽ doanh nhân nhất thiết phải thuộc giới thượng lưu.

Tôi khóc lên vì sung sướng và cảm ơn cha. Chỉ ít ngày sau đó tôi đã từ biệt ngôi nhà thân thương của cha mẹ. Trái tim tôi đập xốn xang vì những kỳ vọng lớn lao khi tôi được đi giữa đoàn sứ giả hoành tráng này - nhưng lại là đi đầu trong đoàn xe của tôi - đến cổng thành phố để rồi từ đó thế giới rộng lớn mở ra trước mắt tôi. Mỗi ngày trong chuyến đi này đối với tôi đều là một ngày hội. Ban đêm, khi ngọn lửa trại bùng lên để xua lũ hổ báo và tôi ngồi giữa những người đứng tuổi và lịch thiệp, bên cạnh vị sứ giả, thì tôi cảm thấy như mình hoàn toàn đang ở trong thế giới cổ tích.

Sau khi đi qua vùng rừng Vedisas tráng lệ và vượt những rặng núi trùng điệp của dải Vindhya, chúng tôi đến bình nguyên bao la của miền Bắc. Nó đã mở ra trong tôi một thế giới hoàn toàn mới, bởi lẽ trước đây tôi hoàn toàn chẳng bao giờ mừng tượng ra được là Trái đất có thể phẳng đến thế và to đến thế. Khoảng một tháng sau khi lên đường, vào một tối tuyệt

đẹp, từ một móm đất nhô cao với những cây cọ, chúng tôi nhìn thấy hai vành đai vàng rực tách ra khỏi vòng tròn sương mù nơi chân trời, kéo qua màu xanh bất tận rồi dần dần tiếp cận nhau cho đến lúc hòa trộn với nhau thành một dải rộng.

Có tay ai chạm vào vai tôi.

Đó là vị sứ giả, ông ta đến sát tôi.

— Hãy nhìn xem, Kamanita, đó là dòng sông Jamuna thánh thần và dòng Ganga siêu việt. Trước mắt chúng ta, chúng gộp dòng chảy của chúng với nhau.

Tôi bất giác giơ tay lên, đầy ái mộ.

— Con làm đúng đó, phải chào đón chúng. – Vị thần che chở tôi nói tiếp. – Bởi lẽ nếu như dòng Ganga đến từ vị trí thánh thần của nó ở dãy núi phủ tuyết phía Bắc và chảy tràn ra từ chốn vĩnh hằng, thì dòng Jamuna lại chảy từ thời anh hùng xa xưa, và dòng chảy của nó đã lấp lánh những cảnh phế tàn của Tượng Thành^[5] và lênh láng bình nguyên nơi những người Panduinge và người Kuruinge tranh giành nhau quyền lực, nơi Karna hờn oán trong lều của ông, nơi chính Krishna đã chỉ huy những chú tuần mã của Arjuna - nhưng ta chẳng cần nhắc con làm gì nữa, bởi vì con chắc vốn am hiểu những bài anh hùng ca cổ. Ta thường đứng trên mũi đất nhọn nơi đó và đã thấy những con sóng màu xanh của dòng Jamuna lững lờ chạy sát cánh bên những con sóng màu vàng của dòng Ganga mà không hòa trộn cùng nhau. Hệt như đẳng cấp chiến binh tồn tại bên cạnh đẳng cấp giáo sĩ Bà La Môn mà không thể lẫn lộn được. Rồi ta cũng cảm thấy như cùng với tiếng ào xào của các dòng sông này là những tiếng ghê rợn của chiến tranh: tiếng va đập của gươm giáo và tiếng tù và, tiếng hí vang của các con tuần mã và gầm rú của những chú voi chiến. Trái tim ta đập rộn rã hơn, bởi lẽ tổ tiên ta cũng đã tham chiến và đất cát của Kurukschera đã thấm đầy máu họ.

Tôi ngấm nhìn người đàn ông thuộc đẳng cấp chiến binh này đầy khâm phục vì trong gia đình ông ta luôn sống động những hoài niệm như thế.

Nhưng ông đã nắm ngay tay tôi.

— Hãy đến đây con, và chào cái đích trong chuyến đi đầu tiên của con.

Rồi ông dẫn tôi đi chỉ vài bước vòng quanh một bụi cây rậm rì cho đến lúc đó vẫn che lấp mất hướng nhìn ra phía Đông.

Khi phong cảnh này bỗng dưng mở ra, tôi bất giác thốt lên một tiếng đầy ngạc nhiên, ở đấy - chỗ uốn dòng Ganga rộng mênh mông - có một thành phố lớn là Kosambi. Với những tường thành và tháp lũy, với biển nhà sừng sững, những hàng hiên rộng, những bến cảng và ghát^[6] của mình, khi được ánh hoàng hôn phản chiếu thì nó trông như được xây hoàn toàn bằng vàng ròng - cũng như với Benares, cho tới khi sự ngu muội của cư dân đã biến nó thành đá và vữa - còn những mái nhà tròn bằng vàng chính hiệu thì rực sáng hệt như những vàng dương. Trên cao, từ sân các đền bực lên những cột khói thẳng đứng màu đỏ sẫm, còn từ các lò thiêu xác bên bờ là khói màu xanh sáng. Và do những cột khói này đỡ, lơ lửng một màn khói mờ hệt như cái lọng tròng như được đan bởi những sắc màu xà cừ dịu dàng nhất, bao trùm lên toàn bộ, trong khi đằng sau đó thì tất cả các màu mà chúng có thể bùng cháy hoặc rực sáng lên, đều hùng hực cháy, bập bùng và như được đổ khuôn lên trời. Trên dòng sông thánh thần phản chiếu ánh hào quang này, vô số những con thuyền với những chiếc buồm nhiều màu đựng đưa và những chiếc cò đuôi neo lắc lư. Dù cách rất xa, người ta vẫn thấy bậc thềm của các ghát dày đặc những người là người, trong khi ở dưới cũng đã có rất nhiều người lặn ngụp trong làn sóng nhấp nháy. Lâu lâu lại vẳng lên phía chúng tôi một thứ tiếng ồn ào vui vẻ hệt như tiếng vù vù của đàn ong.

Hiền huynh có thể nghĩ rằng, tôi dễ nhìn nhận một thành phố của 33 vị thánh như là một thành phố của loài người, hơn là lưu vực sông Ganga với số cư dân rất đông của nó như là Thiên đàng. Và với tôi cũng vậy, ở đây phải thể hiện Thiên đàng trên Trái đất.

Ngay trong đêm đó, tôi đã ngủ trong ngôi nhà mướn khách của bạn thân cha tôi, cụ Panada. Nhưng ngay sớm hôm sau tôi đã tới ghát đầu tiên rồi với những tình cảm rất khó tả, tôi lao xuống dòng nước thánh thần để không chỉ rửa sạch bụi bẩn của chuyến đi, mà cả những tội lỗi của tôi. Những tội lỗi này mới ít thôi vì tôi đang còn trẻ. Tuy nhiên, tôi lại đổ đầy nước sông Ganga vào một cái chai lớn để mang về cho cha tôi. Nhưng rồi hiền huynh sẽ thấy, nó sẽ chẳng bao giờ đến được với ông đâu.

Cụ Panada quý mướn là một cụ già có vẻ ngoài hết sức đáng kính. Cụ dẫn tôi đi thăm thú các cửa hàng, và nhờ sự giúp đỡ thân tình của cụ mà trong những ngày sau tôi đã bán được hàng của mình với lãi lớn và nhờ đó mua được một lượng dồi dào các sản phẩm của bình nguyên Phương Bắc mà người dân chúng tôi đánh giá rất cao

Vậy là việc kinh doanh của tôi đã may mắn hoàn thành, thậm chí ngay cả trước khi đoàn sứ giả nghĩ đến việc chuẩn bị ra đi. Điều này không hề làm tôi khó chịu, bởi lẽ tôi đã có quyền hoàn toàn tự do đi thăm thành phố và thưởng thức những thú vui. Điều này cũng được tôi thực hiện ở mức độ hào phóng nhất nhờ sự trợ giúp của con trai ông chủ nhà là cậu Somadatta.

NỮ CẦU THỦ CHƠI BÓNG

Vào một ngày đẹp trời kia, chúng tôi đến thăm một công viên ở ngoại ô thành phố. Đó là một khu vườn hết sức đẹp để nằm gần ngay bờ dốc của sông Ganga với nhiều khóm cây râm mát, những ao sen rộng lớn, những biệt thự đá cẩm thạch và những nhà vườn hoa nhài. Vào dịp này ở đây luôn tấp nập. Tại đây, nhóm người hầu đánh đu cho chúng tôi trên chiếc đu bằng vàng. Khi đó đồng thời chúng tôi nghe tiếng thánh thót của đàn Kokila đa sầu đa cảm và tiếng rì rầm ngọt ngào của những chú vẹt xanh. Bỗng nhiên nổi lên tiếng leng keng gây phấn chấn của những chiếc cặp chân. Bạn tôi lập tức nhảy ra khỏi chiếc đu và gọi:

— Nhìn xem kia! Các cô gái xinh nhất của Kosambi, những nàng trinh nữ con các nhà giàu nhất, sang trọng nhất đang đến để thờ vị Nữ thần cư trú ở Vindhya bằng cách chơi bóng. Bạn có thể nói là gặp may đó, bạn thân mến ạ! Bởi lẽ ở trò chơi này thì bạn có thể mặc sức ngắm họ! Đi nào, chúng ta chẳng nên bỏ lỡ cơ hội này.

Dĩ nhiên tôi chẳng để phải nhắc lại, mà vội vã tuân theo lời bạn tôi.

Trên một sàn diễn lớn, trang trí bằng đá quý lập tức xuất hiện các cô gái, sẵn sàng bắt đầu cuộc chơi ngay. Nếu như ngay việc ngắm nhìn cả đám tiên nữ với những bộ xiêm y chói lọi bằng tơ lông lánh, các mạng che bằng muxolin, ngọc trai, đá quý và những cái kẹp vàng đã là của hiếm, thì chúng ta phải nói gì đây về chính cuộc chơi, về việc các cô gái uyển chuyển này có những cơ hội đa dạng nhất để phô bày vẻ kiêu diễm của họ ở những tư thế và bước chuyển mê hồn nhất chẳng? Tuy nhiên đó mới chỉ là khúc dạo đầu mà thôi. Bởi lẽ sau khi các cô gái với những cặp mắt e lệ này mang lại niềm vui cả một lúc lâu cho chúng tôi bằng những trò chơi đa dạng nhất của mình thì tất cả bọn họ lui lại vài bước, chỉ còn một cô ở lại giữa sàn diễn trang trí bằng đá quý - và cô ta cũng ở lại giữa trái tim tôi!

Hiền huynh ơi, tôi phải nói sao đây! Nếu nói về vẻ đẹp của cô ấy thì sẽ là một sự táo bạo quá đáng! Bởi lẽ nếu vậy thì tôi phải là một thi nhân như chính Bharata để trích ra một tia phản xạ nhỏ nhoi của vẻ đẹp đó nhằm trình diễn trước trí tưởng tượng của hiền huynh. Chỉ cần nhấn mạnh rằng, cô gái với khuôn mặt như mặt trăng này có nét đẹp mê hồn và thân thể toát ra vẻ trẻ trung tươi mát, đến nỗi cô ta hiện ra trước tôi hết như nữ thần sắc đẹp và tình yêu bằng xương bằng thịt. Khi nhìn thấy vẻ đẹp này, tôi phải sửng lại vì si mê. Và bây giờ nàng bắt đầu một trò chơi giàu tính nghệ thuật, để tỏ lòng thành kính nữ thần mà chính nàng thể hiện. Nàng ném quả bóng xuống đất một cách điệu nghệ, và khi nó nhẹ nhàng nảy lên, nàng dùng bàn tay mảnh mai như mầm cây mà ngón cái hơi uốn cong, còn các ngón mềm mại khác duỗi ra để đánh mạnh một cái, đẩy quả bóng đang nảy bằng mu bàn tay lên trước, và khi nó rơi thì bắt lại. Nàng ném bóng theo các nhịp độ chậm, trung bình và nhanh, khi thì gia tăng tốc độ nó, khi thì gia giảm, đánh bóng thay đổi từ tay trái sang tay phải, quả bóng theo mọi hướng rồi quay trở lại. Nếu như hiền huynh - như cặp mắt thông thạo của hiền huynh chúng tôi - am hiểu nghệ thuật chơi bóng thì tôi không cần nói với hiền huynh rằng, chắc chẳng bao giờ hiền huynh có thể thấy ai chơi curnapada và gitamarga hoàn hảo như vậy.

Sau đó nàng thực hiện động tác mà tôi chưa bao giờ thấy, mà thậm chí cũng chưa bao giờ nghe nói tới. Nàng lấy hai quả bóng bằng vàng, và trong khi chân nàng chuyển động theo nhịp âm thanh phát ra từ đồ trang sức của nàng, nàng để cho những trái bóng này lao nhanh theo những đường như chim bay sao cho người ta chỉ thấy những thanh vàng của một chiếc lồng có một con chim kỳ lạ bay nhảy một cách dễ thương trong đó. Khi đó xảy ra cái gì đó mà cặp mắt chúng tôi bỗng bắt gặp nhau. Và cho đến nay, hiền huynh ạ, tôi vẫn chưa hiểu là làm sao mà tôi không chết ngất ngay tức thì, để có thể tái sinh trở lại ở một thế giới lạc thú. Nhưng có lẽ là

những thành quả của tôi ở cuộc đời trước đây, mà nay tôi đang hái những trái chín của nó ở chính cuộc đời này, chưa cạn kiệt. Bởi vì cái phần còn lại này của sự biến đổi từ trước đây của tôi, trên thực tế đã theo tôi đến tận ngày hôm nay thông qua nhiều cú đòn nguy hiểm đến chết người và chắc còn giữ lại rất lâu nữa.

Nhưng chính lúc đó nàng lại đánh rơi một trái bóng, những trái cho đến nay vốn phục tùng nàng nghiêm chỉnh đến thế. Bằng một cú bất ngờ, nó văng mạnh từ trên sàn diễn xuống. Rất nhiều chàng trai trẻ lao nhanh theo nó; tôi và một chàng trai trẻ ăn vận sang trọng đã đồng thời chạm vào nó và chúng tôi cũng va chạm nhau. Bởi trong chúng tôi không ai chịu nhường ai. Do tôi thuần thục các ngón của nghệ thuật vật nên tôi thành công trong việc ngáng y. Tuy nhiên để giữ tôi lại, y giật chuỗi vòng đeo cổ bằng pha lê có gắn bùa hộ mệnh của tôi. Chuỗi vòng đứt, y ngã xuống đất và tôi đoạt được trái bóng. Y tức giận vùng lên và ném chuỗi vòng ra trước chân tôi. Bùa hộ mệnh là một viên đá “mắt hổ”, tuy chẳng phải là loại đá đặc biệt quý gì, nhưng nó lại là một phương tiện chắc chắn để chống lại cái nhìn ác hiểm. Và chính lúc này đây khi cái nhìn của y bắt gặp tôi, tôi cảm thấy rất thiếu chiếc bùa hộ mệnh. Tuy nhiên điều đó có gây phiền toái gì cho tôi đâu? Tôi vẫn đang giữ trong tay quả bóng mà những ngón tay hoa sen của nàng vừa mới chạm vào. Và với tư cách là một cầu thủ chơi bóng hết sức khéo léo, tôi đã thành công với trái ném chính xác sao cho nó rơi đúng vào góc sàn diễn để sau đó bằng một cú nảy vừa phải, đồng thời đã được thuần phục, đến đúng chỗ nàng tiên chơi bóng khi đó vẫn giữ quả bóng kia bay trong không trung rồi về lại chiếc lồng bằng vàng - trong tiếng hò reo mừng khôn xiết của khán giả.

Như vậy là đã đến hồi kết của trò chơi bóng để tôn thờ Nữ thần tình yêu Lakshmi. Các cô gái lui ra sau sàn diễn, còn chúng tôi lên đường về.

Dọc đường về, bạn tôi bảo thế là tốt khi tôi không muốn đến chỗ giới quan quyền, bởi lẽ chàng trai trẻ giành bóng với tôi chẳng phải ai khác mà chính là con vị thượng thư. Và người ta cũng đã thấy được là y đã thề sẽ hận tôi, mối hận không gì hòa giải được. Đối với tôi điều đó hoàn toàn chẳng quan trọng. Điều tôi muốn biết hơn hết là ai là nữ thần của tôi. Nhưng tôi ngại chẳng hỏi. Thậm chí khi Somadatta trêu tôi về nàng tiên nữ thì tôi làm ra bộ rất dửng dưng. Bằng cách nói của chuyên gia, tôi khen kỹ thuật chơi bóng của nàng, lại đệm thêm vào rằng ở thành phố quê hương chúng tôi ít nhất cũng có nhiều nữ cầu thủ khéo léo như vậy. Tuy nhiên, trong thâm tâm tôi lại cầu xin tha tội cho sự dối trá này trước mặt cô gái đẹp không gì sánh nổi.

Tôi chắc chẳng cần nói là đêm đó tôi không ngủ. Tôi chỉ nhắm mắt để lại được thấy người đẹp trước mặt. Ngày hôm sau tôi tránh sự ồn ào ở một góc khuất của vườn nhà. Ở đó, nền cát dưới một cây xoài làm dịu mát cơ thể nóng bỏng yêu đương của tôi. Đàn Vina bảy dây là người bạn duy nhất mà tôi tin cậy trao niềm si mê cho nó.

Nhưng ngay khi sức nóng ban ngày đã dịu để cho phép đi chơi, tôi cố thuyết phục Somadatta cùng tôi đi đến công viên dù anh ấy đã định đến xem trận quyết chiến của chim cú. Tuy nhiên tôi đã uống công lần tìm trong công viên. Có nhiều cô gái ở đó, ở đâu họ cũng chơi bóng như họ muốn kéo tôi hết từ chỗ này lại sang chỗ khác bằng hy vọng giả tạo. Nhưng cô gái duy nhất, bức chân dung tương tự Lakshmi, không có trong số đó.

Vậy là tôi phải giả bộ như đang đau đầu đau nỗi thèm muốn không cưỡng nổi được thưởng thức cuộc sống đặc biệt bên dòng Ganga. Chúng tôi đi thăm mọi ghát rồi cuối cùng lên một chiếc thuyền nhỏ để hòa vào hải đội vui vẻ đêm nào cũng lenh đênh trên sóng nước của dòng sông thần thánh cho tới khi trò chơi vạn màu và ánh sáng vàng rờn tắt đi để ánh lửa của các ngọn đuốc và những chiếc đèn lồng bùng lên, nhảy múa và xoáy lốc. Rồi cuối cùng tôi cũng phải từ

bỏ niềm hy vọng cả tâm đắc lẫn bảo tố của mình và ra lệnh cho viên thuyền trưởng lái tàu về ghât kế cận.

Sau một đêm không ngủ, tôi ở lại phòng mình để vừa làm cho tâm trí mình bận bịu vừa giải tỏa nó, vì nó chỉ còn chứa duy nhất hình ảnh nàng. Cho đến khi tôi lại có thể lao nhanh vào công viên, tôi thử dùng bút lông và hộp màu để đưa hình hài tuyệt diệu của nàng lên giá vẽ, như khi nàng đang đánh bóng bằng những bước chân nhảy múa. Tôi không thể ăn dù chỉ một miếng vì như chú chim Cakora hót hay chỉ sống bằng các tia sáng của trăng, tôi cũng chỉ sống nhờ những tia trăng khi đó phản xạ, cho dù chúng chỉ đến tôi qua màn sương hoài niệm. Tuy nhiên tôi vẫn vững tin rằng tối nay tại công viên nàng sẽ làm tôi khỏe lại và tươi tỉnh bằng toàn bộ nét rực rỡ của mình. Nhưng ngay cả lần này tôi cũng vỡ mộng. Vậy nên Somadatta muốn đưa tôi tới một sông bạc bởi vì anh ấy đam mê món súc sắc hết như Nala sau khi y bị quỷ Kali hút hồn. Khi đó tôi chỉ biết tự bảo vệ bằng cách cáo mệt. Nhưng thay vì về nhà, tôi lại lang thang tới những ghât và vượt ra sông - đáng tiếc là chẳng thành công gì hơn đêm qua.

BỨC CHÂN DUNG MA THUẬT

Bởi lẽ tôi biết không thể nghỉ gì đến ngủ nghê nên đêm nay tôi chẳng lên giường, mà ngồi lên chiếc nệm cỏ ở đầu giường vốn dành để cầu nguyện. Tôi qua đêm nhờ nhiệt thành tự xét tình yêu và cầu xin nàng Lakshmi cầm hoa sen, tức là bức chân dung thần thánh của nàng, theo cái cách sùng đạo và thích hợp. Nhưng chỉ chờ tia nắng sớm rạng lên là tôi lại lao vào công việc với bút lông và hộp màu.

Với tôi thời gian như thoi đưa, khi Somadatta đến, nhiều giờ đã trôi qua. Lúc anh ta đến thì tôi còn kịp giấu giá vẽ và dụng cụ tác nghiệp xuống dưới giường. Tôi làm điều đó một cách hết sức vô tình. Somadatta cầm lấy một chiếc ghế nhỏ, ngồi xuống cạnh tôi rồi mỉm cười nhìn tôi.

— Tớ đã nhận thức được rằng, - anh ta bảo, - nhà tớ có cái may là nơi sẽ sinh ra một vị thánh. Cậu chay tịnh hết như những người khổ hạnh nghiêm khắc nhất. Cậu kiên khem trước những thói quen chẳng hề khiêm tốn của khu này. Bởi lẽ trên gối và tấm đệm chân của cậu chẳng thấy một dấu vết dù nhỏ nhất của thân thể cậu, mà đến đệm giường cũng vậy, còn cái chăn trắng cũng không hề có vết nhăn. Dù cho qua kiên khem cậu đã rất gầy rồi đó, nhưng cơ thể cậu vẫn chưa biến thành không khí, điều đó đã được cái nệm cỏ này minh chứng. Rõ ràng cậu đã qua đêm bằng cầu nguyện và thiền ở đó. Tuy nhiên tớ vẫn thấy rằng với một ông chủ thánh thiện như vậy thì cái gian phòng này có vẻ như vẫn quá ư trần tục. Trên bàn giường ngủ hộp kem dĩ nhiên vẫn chưa dùng và cái bát đựng tàn hương, cốc nước thơm và cốc đựng vỏ cây chanh và trà cau vẫn y nguyên. Trên tường nhánh hoa không tàn, đèn lứt còn đó. Nhưng đâu rồi giá vẽ, mọi khi nó vẫn treo trên cái móc kia cơ mà?

Trong khi tôi bối rối không biết trả lời câu hỏi này thế nào thì anh ta phát hiện ra cái giá bị mất và kéo nó ra từ dưới giường.

— Ôi giờ ời, có nhà ảo thuật ác ý, láu cá nào vào đây, - anh ta gào lên, - y đã làm gì với cái giá vốn trông không mà chính tớ đã treo trên cái móc kia, nay nhờ ma thuật y đã cho hiện lên tấm hình quyến rũ về một cô gái đang chơi bóng, rõ ràng là với dụng ý xấu nhằm tấn công nhà tu hành bằng những ngón dụ dỗ nhằm gây rối tâm trí và suy nghĩ! Hay là cuối cùng thì đó là một vị thánh, bởi lẽ chúng ta đều biết, các thánh đều sợ ma lực của những nhà tu hành vĩ đại. Và với sự khởi đầu như ở nơi cậu thì ngay đây Vindhya đã phải bốc cháy trước sự nhiệt thành sám hối của cậu, thậm chí vương quốc các thánh thần lẽ ra phải lung lay trước những đóng góp của cậu. Bây giờ thì tớ cũng biết đó là vị thánh nào: Đó chính là vị mà người ta gọi là vị thánh vô hình, vị thánh đeo cái tên bằng một đóa hoa và gắn con cá lên cờ hiệu - Kama, vị thánh tình yêu mà chính cậu cũng mang tên.

Rồi - Trời đất ời, tôi nhìn thấy cái gì kia! Đó chính là Vasitthi, cô con gái ông thợ kim hoàn giàu có.

Khi lần đầu tiên tôi được nghe tên người tôi yêu như vậy, trái tim tôi bắt đầu đập dữ dội, mặt ửng đỏ vì cảm động.

— Tôi thấy rồi, ông bạn thân mến ạ. - gã hề tinh quái nói tiếp, - chỉ cần ý nghĩ về nhà ảo thuật Kama đã gây sợ hãi thế nào cho cậu. Và thực tế là chúng ta phải làm một cái gì đó để ngài khỏi giận. Tôi phải cho Medini yêu dấu của tôi xem bức hình ma thuật này. Cô ấy cũng có tham gia múa, và hơn nữa lại là chị ruột của Vasitthi xinh đẹp.

Như vậy là anh ta muốn mang bức hình đi. Bởi lẽ tôi biết ngay kẻ tinh nghịch này muốn gì nên tôi để cho y phải chờ, vì bức hình còn thiếu một bộ chữ khắc để tôn nó. Tôi pha màu đỏ bốc lửa đẹp nhất rồi viết rất nhanh bằng nét chữ nhỏ nhất bốn câu thơ đơn giản kể lại câu

chuyện về quả bóng vàng. Nhưng nếu ta đọc ngược thì bài thơ đó lại nói rằng quả bóng vàng chơi chính là trái tim tôi và tôi muốn gửi nó cho nàng dù cho nàng có muốn vứt nó đi. Và ta cũng có thể đọc mấy câu thơ đó từ trên xuống dưới theo từng cột, khi đó nó sẽ chứa một lời oán thán về nỗi tuyệt vọng mà sự biệt ly với nàng mang đến cho tôi. Nếu ta đọc theo chiều ngược lại thì ta lại phải hiểu là dấu sao thì tôi vẫn dám hy vọng.

Nhưng tôi chẳng hề nói gì về những điều bí mật mà tôi đã đưa vào đó, và vì vậy mà Somadatta cũng chẳng tỏ vẻ gì hứng thú trước bản thử này về tài nghệ thi phú của tôi, anh ta cảm thấy nó quá ư đơn giản. Anh ta bảo rằng lẽ ra tôi phải nói về Thánh Kama do sợ hãi trước sự khổ hạnh của tôi mà đã phù phép ra bức hình ma thuật nhằm quyến rũ tôi và qua đó đã chế ngự được tôi. Hệt như bất cứ ai cũng thích nhất câu khôi hài do mình sáng tác.

Khi Somadatta mang bức hình đi rồi thì tôi cảm thấy mình đã ở một trạng thái cao sang và tích cực, bởi vậy là tôi đã thực hiện được một bước có thể mang lại kết quả dẫn tới cái đích hạnh phúc đang mong chờ đó. Tôi lại có thể ăn uống bình thường. Sau khi đã lấy lại sức, tôi rút cây đàn Vina khỏi tường rồi để cho những dây đó vang lên, giai điệu khi thì thở dài, khi mừng rỡ, trong khi tôi luôn nhắc lại cái tên Vasitthi bằng những nốt nhạc mới.

Somadatta cũng thấy tôi như vậy, khi một lúc lâu sau anh ta quay trở lại với bức hình trên tay. "Cô gái biết chơi bóng và quấy rối sự yên tĩnh của cậu cũng biết làm thơ. - Anh ta bảo. - Nhưng tôi cũng chẳng thấy ý gì ghê gớm ẩn chứa trong đó, dù cho nét chữ phải gọi là đẹp đến bất thường".

Tôi thực sự tìm thấy một bài tứ tuyệt thứ hai, thích thú tới mức nào thì tôi chẳng dám tiết lộ. Bài này cũng được phủ lên giá bằng nét chữ mềm mại hệt như nhành hoa. Dĩ nhiên là Somadatta chẳng thể có ý niệm nào cả để tìm thấy một ẩn ý gì trong đấy, chính bởi lẽ mọi thứ đều liên quan tới điều mà trước đó anh ta đã chẳng hề để ý tới. Rồi anh ta còn cho tôi thấy nàng tiên kiều diễm đã đọc những vần thơ của tôi như thế nào cho đúng: theo mọi phía - xuôi, ngược, lên trên, xuống dưới. Điều này cho tôi thấy trình độ nhận thức và thưởng thức của nàng cao biết bao. Cũng còn thấy tính tình nàng tế nhị tới mức nào ở cách nàng diễn đạt bông đùa dễ thương, khi nàng chấp nhận lời tỏ tình cháy bỏng của tôi như là một cử chỉ chiều chuộng phụ nữ hết sức lịch thiệp. Bởi vậy người ta cũng không được phép lấy nó làm gì trọng đại cho lắm.

Bây giờ thì dĩ nhiên tôi cũng áp dụng chính cái phương pháp đọc mà tôi đã dùng cho những vần thơ của nàng. Với hy vọng tìm thấy ở đó phải chăng một ẩn ý thú nhận hay một thông tin bí mật nào đó, thậm chí cả một lời hẹn hò.

Nhưng hoàn toàn vô ích. Tôi tự nhủ ngay rằng đó chính là minh chứng cho lẽ giáo cao nhất và tinh tế nhất của người phụ nữ: Cô gái yêu quý đó cho tôi thấy rằng nàng hoàn toàn có khả năng hiểu những nét tinh vi và những con đường táo bạo của tư duy đàn ông. Nhưng nàng vẫn không cho phép mình để bị cám dỗ lẫn mò theo các dấu vết đó.

Nhưng những lời mà Somadatta thổ lộ lại an ủi cho hy vọng vừa hụt hẫng của tôi.

— Tuy nhiên cô gái xinh đẹp này, và dù cho cô ấy không phải là một nữ thi sĩ lớn, vẫn thực sự có một trái tim nhân hậu. Cô ấy biết rằng từ lâu tới không hề gặp Medini - chị ruột cô ấy - người yêu dấu của tớ, chỉ trừ ở những buổi đại lễ mà ở đó chỉ có thể diễn đạt bằng ánh mắt, và ngay điều ấy cũng chỉ bằng cách lén lút. Bởi vậy cô ấy đã tạo điều kiện cho bọn tớ đêm sau gặp nhau bên hàng hiên lâu đài của cha họ. Đêm nay đáng tiếc là không được vì cha họ tổ chức chiêu đãi. Chúng tớ phải kiên trì vậy đó. Nhưng liệu cậu có hứng thú đồng hành với tớ ở cuộc phiêu lưu này chăng?

Khi đó anh ấy cười hết sức ranh mãnh, và tôi cũng trả đũa như vậy, rồi khẳng định tôi sẽ là

bạn đồng hành cùng anh. Với tâm trạng tuyệt vời nhất, chúng tôi lấy bàn cờ treo trên tường ra chơi để bằng hoạt động trí não đầy hưng phấn này giết thời gian, thì bỗng một gia nhân vào báo có khách lạ muốn gặp tôi.

Tôi đi ra sân thượng và thấy đại diện của vị sứ giả. Ông này bảo tôi phải chuẩn bị để xuất phát chuyển đi và ngay trong đêm đã phải đưa đoàn xe của tôi tới sân lâu đài, sao cho ngay khi trời hửng sáng là đã có thể lên đường.

Tôi thất vọng không sao tả xiết. Tôi mông lung suy tưởng rằng có lẽ mình đã vô tình xúc phạm một vị thần nào đó chẳng. Chỉ tới khi phần nào tập trung lại được suy nghĩ của mình, tôi chạy ngay đến chỗ vị sứ giả và bịa ra với ông ta đủ thứ chuyện về một thương vụ chưa được giải quyết triệt để và không thể kết thúc một cách có kết quả trong thời gian ngắn như vậy. Tôi thề thốt trong hàng lệ rằng chỉ xin hoãn chuyển đi một ngày.

— Trước đây một tuần, cậu đã bảo là cậu xong xuôi rồi. - Ông đối đáp vậy.

Nhưng tôi khẳng định với ông rằng, sau đó tình cờ tôi đã tìm ra được một cơ hội để đạt lợi nhuận cao hơn. Và điều đó cũng không phải là điều sai sự thật, bởi lẽ đối với tôi, bây giờ liệu có lợi nhuận nào có ý nghĩa hơn là việc chinh phục cô gái tuyệt diệu không gì sánh nổi này? Cuối cùng thì nhờ xảo thuật, tôi cũng thành công trong việc thuyết phục ông ta chấp nhận gia hạn thêm một ngày.

Những giờ của ngày hôm sau trôi qua vô cùng nhanh với bọn bề công việc chuẩn bị cho chuyển đi. Vậy là dù nhớ nhung vô hạn, thời gian cũng không quá lâu với tôi. Khi màn đêm buông xuống là lúc những chiếc xe chất đầy hàng đã tề tựu đầy đủ trong sân. Mọi thứ đã hoàn tất để đóng bó vào xe, và một khi tôi xuất hiện - trước lúc trời hửng sáng – sẵn sàng lên đường.

TRÊN SÂN HIỀN CỦA NHỮNG CÂY VÔ TƯ

Đã là đêm hắc. Somadatta và tôi áo quần màu sẫm, nai nịt gọn gàng, kiếm sẵn trong tay, mới lần vào phía mái tây ngôi nhà kiểu dinh thự của người chủ hiệu vàng giàu có. Sân hiên nằm trên một vách đá cheo leo nhìn xuống một hẻm núi. Nhờ cây gậy tre đã đem theo, khéo tận dụng mấy mỗm đá và nấp vào bóng tối dày đặc bao phủ vách đá, chúng tôi dễ dàng vượt tường và thấy mình đã ở trên một cái sân hiên lớn. Cảnh trí đẹp lắm, những cây cọ, những gốc Asoka, đủ loại cây hoa đang tắm mình trong ánh trăng.

Tôi chợt nhìn thấy cách không xa lắm là cô nàng mắt to giống Lakshmi, người đã chơi bóng với tôi, đang ngồi trên một chiếc ghế dài, cạnh một cô nàng trẻ. Chân tay tôi cứ run lên, tôi phải tựa vào hàng lan can để cái lạnh của đá hoa giúp cho tỉnh táo đầu óc. Trong lúc đó thì Somadatta đã vội lao lại chỗ người yêu, nàng ta giật mình đứng bật lên với một tiếng kêu khe khẽ.

Tôi cũng cố thu hết can đảm để có thể tiếp cận cái con người vô song kia. Thấy người lạ, nàng cũng đứng lên, vẻ lúng túng, không biết nên đi hay ở lại. Cặp mắt như mắt con linh dương hãy còn tơ, tuy hốt hoảng song vẫn không ngừng liếc nghiêng về phía tôi, người thì đu đưa như chiếc võng mỗi khi có cơn gió nhẹ. Tôi cũng đứng ngậy ra đó, bối rối, mắt trân trân nhìn, mãi mới lắp bắp được đôi lời, tỏ ý mừng được gặp nàng ở đây. Thấy tôi rút rút lắm, nàng mới có vẻ bình tĩnh hơn. Bằng một cử chỉ uể oải, bàn tay như ngó sen ấy ra hiệu mời tôi ngồi xuống bên cạnh. Nàng nói nàng rất vui mừng có được dịp này để cảm ơn tôi, bởi nhờ tôi khéo léo trả bóng lại mà cuộc chơi đã không đến nỗi bị gián đoạn. Bằng không sẽ mất cả bấy nhiêu công lao và vị nữ thần mà nàng thờ tất sẽ nổi giận vì sự vụng về của nàng, chí ít thì cũng sẽ không ban phúc. Tôi mới đáp lại là không có gì để nàng phải cảm ơn. Chẳng qua tôi chỉ sửa lại cái chính tôi làm sai. Vì nàng không nắm được ý tôi, tôi đành liều nhắc lại: vì hai ánh mắt gặp nhau cho nên nàng mới đánh trượt, và quả bóng mới bay đi mất. Nàng đỏ bừng mặt, nhất định không thừa nhận là thế. Có gì đâu mà nàng phải ngượng nhỉ?

— Tôi cho rằng, - tôi đáp, - vì tôi cứ tròn mắt ngạc nhiên cho nên em mới lảng đi, tay vụt sang bên.

— Đừng, xin đừng nói kinh ngạc, ở quê anh chắc chắn có những cô gái chơi còn giỏi hơn tôi nhiều.

Qua thái độ ấy mà suy thì chắc là người ta đã nói chuyện với nhau về tôi, và những gì tôi từng nói với Somadatta chắc chắn đã được truyền đạt trung thành. Tôi thỏa mãn nhưng cũng lại phát sốt phát rét, bởi đã trót nói về nàng có phần khinh bạc. Tôi vội biện bạch, cam đoan với nàng lời nói ấy không phải là thật, chỉ để giấu bạn một bí mật. Nàng không tin, chí ít cũng tỏ vẻ không tin. Thế là tôi quên phắt mất cái tính rút rề, sốt sắng cố làm cho nàng tin, dám nói liều là ngay lúc mới thấy nàng, thần ái tình đã nhắm vào tôi rồi tên bắn tới như mưa. Tôi chắc rằng nàng vốn là vợ tôi ở một kiếp trước nào đó bởi lẽ nếu không làm sao mà ái tình lại có thể đến đột ngột và mãnh liệt đến thế được? Nếu quả vậy thì chính nàng cũng phải nhận ra tôi là người chồng cũ và có tình cảm với tôi.

Với lời lẽ táo bạo, tôi cứ thế trắng trợn lấn tới cho đến lúc nàng áp má nóng hổi, dầm nước mắt vào ngực tôi, thì thắm thú nhận là tình cảm của tôi thế nào thì nàng cũng thế và nếu như cô chị không kịp thời đưa bức chân dung cho nàng thì chắc nàng chết mất. Rồi chúng tôi còn hôn nhau không biết bao nhiêu lần, hứa hẹn với nhau nhiều điều, cho đến lúc chợt tôi nhớ ra là mình sắp phải ra đi đến nơi rồi. Ý nghĩ ấy như bóng đen phủ bọc cả niềm vui, tôi bất giác thờ dài.

Giật mình, Vasitthi mới hỏi vì sao như thế. Nghe tôi kể nguồn cơn, nàng sụp xuống ghế như người bất tỉnh, nước mắt tuôn thành dòng tưởng đến bất tận và nức nở não lòng. Tôi cố an ủi mà không được. Tôi mới bảo đảm với nàng rằng chỉ hết mùa mưa thôi, tôi lại trở về và sẽ không bao giờ xa nàng nữa, cho dù có phải chịu đi làm công nhật ở Kosambi. Lời nói gió bay dù tôi khẳng định là xa nàng, tôi buồn chẳng kém gì nàng và phải sớm dứt áo ra đi chỉ là vì một sự cần thiết khắc nghiệt mà phũ phàng, vẫn nức nở, nàng cố nói đôi câu, hỏi tôi cần thế nào mà đến nỗi vừa mới tìm ra nhau, đã phải đi ngay ngày mai. Tôi cố giải thích chính xác, cặn kẽ song hình như nàng không muốn nghe, không chịu hiểu. Nàng cho rằng tôi nôn nóng muốn trở về thành phố quê hương, là bởi ở đó có những cô gái còn đẹp hơn nhiều, chơi bóng cũng tốt hơn nhiều, như chính tôi đã nói.

Nói thế nào, khẳng định rồi thề thốt thế nào nàng cũng khẳng khẳng không chịu, và nước mắt tuôn càng nhiều. Có gì đáng ngạc nhiên đâu, nếu ngay sau đó tôi đã quỳ dưới chân nàng, hôn lấy hôn để bàn tay mềm mại buông thông của nàng và hứa với nàng, sẽ không đi nữa? Và còn ai hạnh phúc hơn tôi nữa, lúc mà Vasitthi ôm chầm lấy tôi, hôn rồi lại hôn, khóc khóc cười cười vì sung sướng- Đương nhiên nàng nói ngay: “Thấy chưa, đâu có cần anh đi, mà nếu cần thật thì nhất định là anh sẽ đi rồi”. Thấy tôi lại định giải thích, nàng bịt luôn miệng tôi bằng một nụ hôn và bảo nàng biết tôi yêu nàng, và những gì nàng mới vừa nói về con gái thành phố quê hương của tôi không phải là điều nàng nghĩ thật. Tình tự âu yếm, chuyện trò thân mật, hàng tiếng đồng hồ đã trôi đi mà tưởng chừng chưa dứt được, cứ như trong mơ.

Chợt Samadatta với Medini đến bảo đã đến lúc phải về nhà. Trong sân chúng tôi thấy tất cả đã sẵn sàng. Tôi gọi người đánh xe bò, cử đi thật nhanh đến chỗ vị sứ giả, báo công việc của tôi chưa xong hẳn, vậy nên chưa thể về cùng với phái bộ. Tôi cảm ơn về sự quan tâm và chỉ xin chuyển dùm lời chào bố mẹ.

Tôi vừa mới đi nằm, có ý tranh thủ ngủ lấy độ vài tiếng nếu được, thì đích thân vị sứ giả bước vào. Hốt hoảng, tôi vội vùng dậy, cúi chào. Giọng khá gay gắt, ông hỏi tôi thế là thế nào và bảo phải theo ông ngay. Tôi chưa kịp bắt đầu trình bày công việc thì ông đã dứt khoát cắt lời:

— Công việc! Nói dối thế đủ rồi. Cho tôi biết việc gì còn dang dở mà đến đổi không đi khỏi đây ngay được? Xe của cậu đã đóng bò, chất hàng, tôi đã nhìn thấy ngoài sân.

Tôi đứng đó, mặt đỏ bừng, người cứ run như kẻ bị tóm gọn. Lúc ông bảo tôi phải tuân lệnh ngay vì đã mất quá nhiều thời gian mát mẻ quý giá của một ngày, cũng tức là lúc mà ông vấp phải một sự chống đối mà có thể ông đã không tính đến. Từ giọng ra lệnh, ông chuyển sang giọng đe dọa rồi cuối cùng, giọng nài nỉ. Ông nhắc tôi rằng, sở dĩ cha mẹ tôi quyết định cho tôi đi xa thế này, là bởi họ biết tôi đi với ông và dọc đường, cả đi lẫn về, có ông che chở.

Nhưng ông viện ra được một lý do nào ít thích đáng hơn cho mục đích của ông. Vì tôi tức thì tự bảo: thế thì tôi cũng phải đợi cho đến lúc lại có một phái bộ đi Kosambi, rồi mới trở lại với Vasitthi được! Không, tôi muốn cho cha tôi thấy là tôi có đủ khả năng, để một mình chỉ đạo một đoàn thổ, bất chấp mọi khó nhọc và nguy cơ dọc đường.

Quả thật những nguy cơ mà vị sứ giả mô tả cho tôi nghe cũng đủ đáng lo, thế nhưng tất cả vẫn là gửi lời cho gió. Cuối cùng giận lắm, ông bỏ tôi lại: ông không có lỗi, tôi khờ thì phải tự bươn chải. Tôi thấy mình như cất được gánh nặng. Bây giờ tôi có thể toàn tâm toàn ý cho cuộc tình của tôi. Trong cái tâm thức ngọt ngào ấy tôi thiếp đi và chỉ tỉnh dậy lúc đã tới giờ để mò đến cái sân hiên, nơi hai người yêu của chúng tôi đang đợi chúng tôi.

Ở đó, đêm nào chúng tôi cũng gặp nhau, mỗi lần gặp lại phát hiện ra những cái mới, quý giá trong thiên hướng qua lại, lại càng mong lần gặp sau. Ánh trăng như dát bạc nhiều hơn, đá hoa mát hơn, hương nhài đậm hơn, tiếng con Kokila gọi tình tứ hơn. dẫy cọ rì rào thơ mộng hơn,

những cây Asoka thì thắm cũng nhiều hơn. Có lẽ trên thế giới chẳng có nơi đâu được như vậy.

Ôi, tôi còn nhớ như in hàng cây Asoka tuyệt đẹp đứng dọc hàng hiên, chúng tôi vẫn hay đi dạo dưới tán cây, đứng ôm nhau bên gốc cây. “Hiên của những cây vô tư” được gọi theo tên nó, cây Asoka, “cây vô tư” hay là cây “bình tâm” như các nhà thơ nói. Có lẽ cùng chẳng có ở đâu mà nó mọc lên, đẹp bằng ở đây. Thẳng vút như cây giáo, lá không ngừng xao động lấp lánh ánh trắng, rì rào mỗi lần có ngọn gió đêm thoảng qua, điểm từng nụ hoa các màu vàng kim, vàng cam, đỏ tía, mặc dù mới chỉ vào mùa vasanta. Nhưng sao ở đó, khi đó nó lại không mãi khai ngay nhĩ, để cho hàng cây càng rực rỡ? Chỉ cần người con gái đẹp khẽ chạm gót vào gốc thôi, là cái nụ kia phải nở bung ra chứ!

Có một đêm trăng tròn kỳ diệu, tôi đứng dưới gốc cây cùng Vasitthi yêu dấu. Nhìn vượt qua khe, trong bóng tối, chúng tôi nhận ra giữa bình nguyên rộng mênh mông hai dải bạc thi nhau uốn lượn, rồi hợp lưu ở một chỗ rất thiêng mà người dân ở đây vẫn gọi là “tam hợp”, bởi họ tin rằng con sông Thiên Hằng là con sông thứ ba cùng hợp lưu ở đó. Vasitthi chỉ cho tôi thấy nó qua ngọn cây, họ còn gọi nó là “thiên quang” nữa, người phương Nam chúng tôi gọi nó là Ngân hà. Rồi chúng tôi mới đến ngọn Himavat vĩ đại ở phương Bắc, là nơi nó phát tích. Đỉnh núi quanh năm tuyết phủ, rừng rậm rịt, vực núi sâu là nơi trú ngụ của các vị thần, nơi an cư của các thầy tu khổ hạnh. Tôi lại thích lội ngược dòng Jamuna hơn.

“Ôi,- tôi reo lên - giá mà có một con thuyền con như trong truyện cổ, bằng xà cừ, lấy điều ước làm buồm, lấy ý muốn làm lái, để mà đi trên dòng sông bạc kia”. Khi ấy, tất Tượng Thành lại sẽ mọc lên từ đồng phế tích, dinh thự lâu đài tất lại sẽ náo động vì những cuộc truy hoan chè chén, những cuộc cãi cọ của người chơi xúc xắc. Cát ở Kurukschetra sẽ phải trả lại những người đã khuất. Ông lão Bhishma giáp bạc, khiên trắng, ngất ngưỡng trên cỗ xe cao, sẽ phóng tên như mưa từ ống đồng vào quân thù. Phagadatta dũng mãnh sẽ xông lên trên lưng con voi chiến đang giận dữ tung vòi. Krishna nhanh nhẹn sẽ thúc cỗ xe bốn ngựa Arjunn lao vào cuộc chiến ác liệt. Tôi đâm ra ghen với cái đẳng cấp chiến binh của vị sứ giả, cứ như ông ta nói thì tổ tiên của ông ta từng dự vào trận đánh khó quên ấy. Nhưng thế là điên rồ. Bởi không chỉ trong giới có tiền nhân, mà ngay chúng ta là tiền nhân của chính chúng ta. Ngày ấy tôi ở đâu? Có lẽ ở chính đó, trong số các chiến binh. Bởi tuy là con trai của một thương gia tôi vẫn rất thích vũ khí và tôi dám nói là kiếm trong tay tôi sẽ cho thấy tôi cũng là đàn ông.

Vasitthi ôm chặt lấy tôi, gọi tôi là vị anh hùng của nàng, hẳn tôi phải là một trong những vị anh hùng kia mà sử thi ca ngợi. Người nào thì đương nhiên không thể biết, hương của cây san hô vốn chưa lọt được đến đây. Tôi mới hỏi đó là thứ hương nào, tôi chưa hề nghe nói và tôi thấy ở vùng sông Ganga này, như mọi thứ truyền thuyết cũng nở tung bùng hơn trên vùng chúng tôi nhiều. Nàng mới kể chuyện Krishna có một lần ra trận bay qua thế giới của Indra, đã lấy được cây san hô của trời, đem về vườn nhà trồng. Cây ấy hoa đỏ chói, tỏa hương đi rất xa. Ai mà hít được thứ hương ấy sẽ nhớ lại quá khứ, nhớ lại những thời xa xưa, đã từ lâu lắm, từ kiếp trước.

— Nhưng trên trái đất này chỉ bậc thánh thiện mới hít được cái hương ấy - Nàng nói về thoáng buồn - Mà hai chúng ta thì chắc chẳng đạt được đến bậc ấy. Nhưng có sao đâu? Không phải là Nala và Damayanti, khác tên mà chúng ta vẫn yêu nhau như họ. Tên gọi, đáng người thay đổi, chỉ tình yêu, lòng chung thủy mới là cái có thực. Mấy thứ đó là giai điệu, chúng ta là âm thanh. Âm thanh này vỡ, có âm thanh kia thay, song giai điệu vẫn là giai điệu ấy. Đương nhiên là trên nhạc cụ này nó vang lên đầy đặn hơn, tinh tế hơn trên một nhạc cụ khác. Chúng ta cũng là hai âm, mong được các vị thần phối hợp cho thật tuyệt vời.

Tôi ấp nàng vào người mình, xúc động mà cũng thấy lạ vì những ý nghĩ hiếm có ấy. Nàng mỉm cười, đoán ra tôi nghĩ gì:

— Lẽ ra em không được nói thế; ông già Bà La Môn ở nhà mà biết thì ông ấy sẽ nổi giận. Em chỉ được phép cầu Krishna, suy nghĩ là việc của những người Bà La Môn. Em không được phép suy nghĩ song em được phép tin, vậy em tin rằng chúng ta quả thật và đích thực vốn là Nala và Damayanti.

Cổ chấp hai tay hướng lên ngọn cây, dáng cầu kinh, mà nói với cây Asoka những lời mà chắc Damavanti lẫn quất đầu dây ở trong rừng cũng sẽ nói, chỉ có điều từ môi nàng nói ra các tiết cloka của nhà thơ hình như mềm mại hơn, súc tích hơn, tốt tươi như một cái chồi non vừa được trồng lại ở một chỗ đất mới. Rồi nàng nhìn tôi âu yếm, nước mắt lấp lánh ánh trắng, giọng run run nàng bảo:

— Mai đây ở xa anh có nhớ đến chốn này, thì xin hãy hình dung ra em đang đứng ở đây, chuyện trò với cái cây này. Nhưng em sẽ không gọi "Nala" nữa mà gọi "Kamanita".

Tôi ghì chặt nàng, áp một nụ hôn lên môi nàng.

Đọc lối đi hoa rụng đã nhiều hơn. Medini ngồi với Somadatta cách đó không xa đang chạy lại chỗ chúng tôi, tay cầm mấy bông vàng rực:

— Xem này! Hoa bắt đầu rụng. Chẳng mấy chốc mà sẽ có đủ hoa để tắm.

Anh bạn tôi tính hay châm chọc, vội chêm vào:

— Vasitthi không pha nước tắm bằng hoa vàng đâu vì bản thân cô ấy đã là một bông, phải hoa đỏ kia mà hoa đỏ thì lại chỉ Kamanita mới có. Sách vàng nói về chuyện tình có câu "mát mắt song dễ mất là vàng nghệ, không mất mà càng mát mát là đỏ tía".

Vasitthi bấm nhẹ vào tay tôi, vẫn dịu dàng mỉm cười song đã nghiêm nét mặt:

— Anh Somadatta nhầm mất rồi! Tôi có nghe nói: "màu đen mới là màu của tình yêu chân chính", chứ không phải màu đỏ. Đen như cổ thần Qivas ấy, vì thần đã nuốt thuốc độc đi, để cho sinh linh khỏi bị hủy diệt. Vậy nếu yêu thật sự thì phải biết tự chuốc về mình cái cay đắng nhất ở đời này, để đỡ gánh nặng cho người mình yêu. Thế thì sẽ tự chọn màu cho mình chứ, đâu cần đợi bạn bè khuyên nhủ, dù cho đó là những người sáng suốt nhất.

Vasitthi yêu dấu của tôi đã nói thế, đêm hôm ấy, dưới hàng cây vô tư.

TRONG HẸM NÚI

Kẻ hành hương nín thình một hồi, chắc xúc động lắm vì cái kỷ niệm tươi rói ấy. Rồi thở dài, đưa tay lên vuốt trán và nói tiếp:

— Tóm lại, đạo huynh ơi, cả quãng thời gian ấy, tôi cứ như mở cờ trong bụng, đi mà bàn chân hầu như không thềm chạm đất. Có lần đã phải cười váng lên vì nghe có người nói, thế giới này là biển khổ, không muốn tái sinh làm người. "Somadatta, họ ngớ ngẩn thật! Làm gì có chỗ nào hạnh phúc hơn chỗ cái sân hiên của những cây vô tư".

Nhưng bên dưới sân hiên lại là hẻm núi.

Chúng tôi vừa leo xuống dưới hẻm ấy, thì dường như để cho tôi thấy là ở đời này, ngay trong niềm vui lớn nhất vẫn có chút cay đắng, đúng lúc tôi nói những lời đại đột nọ, thì chúng tôi bị một tốp người có vũ khí tấn công. Bao nhiêu người, không đếm được, vì tối quá. May mà phía lưng đã được vách đá che chắn, tạm yên tâm, chỉ còn lo phía trước mặt. Vì mạng sống, vì tình yêu, chúng tôi bắt đầu đánh trả. Chúng tôi nghiêng rặng, nín thình lúc gạt, lúc đâm, cố giữ thật bình tĩnh. Đối thủ thì la hét như quỷ sứ để cho hăng, để phải tám đến mười tên. Rồi chúng nhận ra là đã gặp phải mấy tay kiếm không dờ như chúng tưởng. Chẳng mấy lúc mà đã có hai tên đổ vật xuống đất. Vương chân, lữ kia sợ bước hụt rồi lại lĩnh trọn mũi kiếm của chúng tôi nên đã bót hung hăng. Hình như chúng đã lùi lại mấy bước, chúng tôi không còn thấy hơi thở nóng hổi của chúng phả vào mặt. Tôi cũng ghé tai Somadatta thì thầm rồi cả hai cùng tạt sang bên nhiều bước. Hy vọng chúng tưởng chúng tôi vẫn ở nguyên chỗ cũ và sẽ đột kích, lúc ấy kiếm của chúng đâm thẳng vào vách đá sẽ bị mẻ mũi mà kiếm của chúng tôi thì lại sẽ thọc vào đúng mạng sườn chúng. Song chắc chúng có thoáng nghe thấy tiếng thì thầm nên sinh nghi. Không thấy cuộc đột kích diễn ra mà lại thấy một tia sáng rọi vào vách đá. Chúng tôi nhận ra: tia sáng ấy đến từ một ngọn bắc, giấu trong một cái hộp chỉ để ngỏ có một khe hở. Cạnh đó là một cái mũi đầy mụn cóc, một con mắt nhắm nghiền.

May mà tay trái tôi vẫn còn cầm cây gậy tre đá dùng để leo trèo khi nãy, tôi ráng sức đâm thật mạnh. Một tiếng thét, tia sáng tắt phụt, tiếng loảng xoảng của cái hộp đèn rơi xuống đất: tôi đã đâm rất trúng. Tức thì chúng tôi tranh thủ giây phút ấy để chuồn thật nhanh, ngược lại hướng đến. Tôi biết là cái hẻm hẹp dần và đường lên khá dốc. Đối phương bỏ cuộc, không đuổi, tuy thế lúc lên đến nơi thì hầu như kiệt sức. Tôi cảm thấy bị nhiều vết thương vì máu ra nhiều. Bạn tôi cũng bị thương, mặc dù nhẹ hơn. Chúng tôi xé áo, băng bó cho nhau rồi vịn vào cánh tay của Somadatta mà lết đi, cuối cùng cũng về đến chỗ ở.

Tôi phải nằm một xó đến hàng tuần lễ với ba nỗi khổ: Vết thương đau buốt, cơn sốt hành hạ, nỗi nhớ người yêu đến cồn cào lòng dạ. Rồi còn thêm nỗi lo cho tính mạng người yêu. Con người tươi như hoa mà rất nhạy cảm ấy đã biết chuyện, biết là cái chết đã lơ lửng và đang còn lơ lửng trên đầu tôi nên sinh bệnh và ốm nặng. Medini rất tận tụy, ngày nào cũng chạy qua chạy lại giữa hai giường bệnh, nhờ vậy mà chí ít thì chúng tôi cũng đã liên lạc được với nhau. Những bông hoa cũng chạy đi chạy lại, chúng tôi gửi gắm ở các vị sứ giả đáng yêu ấy nhiều lắm, bởi cả hai đều đã khai tâm về khoa học ngôn ngữ của loài hoa. Rồi đến khi sức lực đã được vực lên ít nhiều lại cả thơ nữa, lần tận tay trao tận tay, thành thử trạng thái của cả hai là có thể chịu đựng, chưa bình phục thì sẽ đều bước cùng tiến đến bình phục, vẫn chung thủy, gắn bó ngay cả trong âu lo, không bên nào muốn vội bước nhanh hơn bên nào.

Về cuộc tấn công có vẻ bí mật kia thì tình tiết bây giờ đã rõ, bởi không ai dấu ai nữa. Không ai khác, chính là con trai của vị thượng thư - kẻ đã bị tôi tranh mất quả bóng của Vasitthi chiều hôm trước - Satagira là cái tên gọi đáng ghét của hắn. Không ai khác, cũng chính hắn đã kích

động, để thuê bọn giết người hãm hại tôi. Hắc là hắc đã nhận thấy, sau khi vị sứ giả đi rồi vẫn còn tôi ở lại. Hắc là hắc đã đánh hơi thấy và cho rình rập mấy cuộc thăm viếng ban đêm của tôi.

Sân hiên của những cây vô tư bây giờ như hòn đảo nhỏ đã bị nhận chìm. Tôi sẵn sàng dám liều mạng rồi lại liều mạng để lại được ôm hôn người đẹp ở đó. Nhưng toan tính ấy không thể thành hiện thực, giả sử Vasiṭṭhi cùng chịu chấp nhận cho tôi dẫn thân từng đêm. Bởi nàng đã bị ngờ vực, đã bị giám sát cẩn mật. Gia đình viện lý do sức khỏe, cấm nàng ra hiên sau khi mặt trời đã lặn, hắc là tên Satagira độc ác đã đánh động.

Thế là mối tình của chúng tôi không nơi trú ẩn!

MẦM THIÊN ĐÀNG

Xa hơn một chút bên ngoài tường phía Đông thành Kosambi có một cánh rừng Sinsapa, thực ra là một khu rừng thiêng. Trên một khoảng rừng thưa vẫn còn sừng sững Thánh địa, dĩ nhiên ở trạng thái rất đổ nát. Từ lâu lắm rồi, trong ngôi đền cổ này không còn tổ chức các lễ hiến sinh nữa, bởi lễ đền thờ Thần Krishna, mà để thờ vị thần này người ta lại đã xây một ngôi đền hết sức lớn hơn và trang trọng hơn nhiều ngay trong thành phố. Tuy nhiên ngoài một cặp cú, phế tích còn là chỗ trú của một thánh bà. Thánh bà rất danh tiếng về mối quan hệ với những thần linh mà nhờ sự trợ giúp của họ, bà tiên đoán được tương lai - điều tiên đoán này không hề bị dấu giếm trước những người thành kính thờ cúng những linh hồn thánh thiện. Vậy nên số những người hành hương đến chỗ bà rất lớn. Đặc biệt đến nhiều với bà vào buổi hoàng hôn là những người đương yêu thuộc cả hai giới, và có những kẻ xấu miệng đồn thổi rằng, bà già chính ra là một bà mối, chứ chẳng phải thần thánh chi. Dù cho sự việc có sao chẳng nữa thì chính sự linh thiêng này là điều chúng tôi cần, và cái đền nhỏ của bà được chúng tôi chọn làm nơi hẹn hò.

Ngày hôm sau tôi ra đi cùng những cái xe bò kéo của mình, chính vào lúc mà mọi người đang đi chợ hay đến toà. Khi đó tôi chủ tâm chọn những đường phố đông đúc nhất, cho nên chắc chắn việc tôi đã lên đường không thể còn là điều bí mật đối với tình địch của tôi là Satagira. Tuy nhiên, chỉ sau vài giờ đi, bọn tôi đã dừng lại ở một ngôi làng lớn rồi dọn chỗ qua đêm cho đoàn xe, điều này mang lại niềm vui lớn cho toàn đoàn. Còn chính tôi lại leo lên một con ngựa mới thắng và phóng nhanh trước hoàng hôn. Tôi quay lại con đường cũ về Kosambi sau khi đã cuộn mình trong tấm áo choàng thô lậu của một trong số những gia nhân của tôi.

Đêm đã buông xuống khi tôi về đến rừng Sinsapa. Khi tôi cẩn thận đưa con ngựa tránh xa những thân cây thì như thể được nhiệt liệt chào mừng - tôi bỗng ngửi thấy mùi hoa sen nở về đêm ở cái hồ Krishna cổ. Chẳng bao lâu sau đã thấy mái đình nát vụn lúc nhúc bởi những tranh thánh khắc họa những hình dạng răng cưa rối rắm của nó lên nền trời đầy sao. Tôi đã đến đích. Tôi thậm chí chưa xuống khỏi ngựa thì bạn bè đã đến vây quanh. Vasitthi và tôi hét lên sung sướng khi được ôm nhau vào lòng, đến mức gần như nghẹt thở vì niềm vui xum họp. Tôi chỉ còn biết nhận những vuốt ve âu yếm, những lời ấp úng chiều chuộng và cam kết yêu thương và chung thủy. Cho đến lúc giật mình sợ hãi trước cảm giác có một cái cánh đang quạt sát vào má mình, và ngay lúc đó là tiếng kêu của một con cú và tiếng rít ghê sợ của một cái chuông đồng đã rạn hoàn toàn bứt tôi ra khỏi trạng thái ngây ngất yêu đương. Medini đã giật dây chiếc chuông cầu kinh cũ kỹ và như vậy vô tình xua đuổi con cú ra khỏi tổ, cô gái đáng yêu chẳng làm như vậy để gọi thánh bà mà trước hết vì thấy bà ấy đang đi ra về phía đền, còn thánh bà thì phật ý vì nghe thấy tiếng người trong Thánh địa mà không có tiếng gọi chuông hay gõ cửa.

Medini giải thích cho thánh bà rằng tiếng tâm lừng lẫy về sự thiêng liêng và hiểu biết đáng kinh ngạc của thánh bà đã thôi thúc cô ấy và chàng thanh niên này - khi đó cô chỉ vào Somadatta - đến tìm bà để hỏi xem thời gian đang còn che dấu những điều gì. Thánh bà giương cặp mắt dò hỏi lên trời và bảo, bởi vì chòm Bầy Sao đang có một vị thế hết sức thuận lợi đối với sao Bắc Cực nên cô có thể hy vọng rằng các thánh thần sẽ không nuốt lời hứa. Nhân dịp đó đó thánh bà mời Somadatta và Medina vào thăm nhà Krishna, tức là vị rể vạn sáu nghìn một trăm lần^[7]. Vị thánh này sẽ vui vẻ đáp ứng những yêu cầu thổ lộ từ trái tim của cặp uyên ương. Tuy nhiên khi đó Vasitthi và tôi ở lại bên ngoài, với tư cách là những thần dân bị lầm.

Tôi không thể kể kỹ về tất cả, vì chúng chỉ còn đọng lại trong trí nhớ tôi như những gì ta nhớ về một giấc mơ hỗn độn: việc chúng tôi thề thốt với nhau rằng chỉ có cái chết bất thần mới có

thể chia lìa chúng tôi, việc chúng tôi nói về chuyển trở về sắp tới của tôi một khi mùa mưa trôi qua và trao đổi về những biện pháp và phương cách để thuyết phục các thân mẫu rất giàu sang của nàng chấp thuận mối quan hệ của chúng tôi, và về điều đó bị ngắt quãng bởi biết bao lần ôm hôn nhau, khóc lóc và âu yếm như thế nào. Và nếu như hiền huynh không chính mình trải qua những điều tương tự thì tôi càng có thể nói ít hơn để hiền huynh mừng tượng ra được vì sao mỗi âu yếm đều chứa đầy sự mê say cực độ và nỗi tuyệt vọng đến xé lòng. Bởi lẽ mỗi cái đều nhắc rằng sắp có cái kế tiếp nhưng chẳng ai dám khẳng định rằng đó chẳng phải là cái ôm hôn cuối cùng? Nhưng Somadatta và Medini từ đền trở ra quá nhanh. Thánh mẫu cũng muốn nói cho chúng tôi biết về tương lai, nhưng Vasitthi khiếp đảm về ý tưởng đó.

— Làm sao con có thể chịu đựng được, một khi một tương lai chẳng lành hiện ra?

— Tại sao lại có thể là chẳng lành? - Vị thánh mẫu nhân đức mà nhờ sự thánh thiện của bà, chắc bà đã trải qua nhiều kinh nghiệm vui ở đời. - Ngay kể tôi tớ cũng còn có may cơ mà - bà nói thêm đầy hứa hẹn.

Tuy nhiên Vasitthi chẳng để lời bà lay chuyển. Nàng ôm chặt cổ tôi nức nở:

— Ôi, chàng yêu quý duy nhất của em, - nàng kêu lên, - em có cảm giác như là tương lai đang nhìn em với bộ mặt nghiệt ngã. Ôi, em cảm nhận mà, em sẽ mãi mãi mất chàng!

Dẫu cho những lời này như gáo nước lạnh dội vào người, tôi vẫn cố gắng khuyên nàng quên ngay nỗi sợ vô cơ này đi. Tuy nhiên, vì nó là vô cơ nên ngay cả những lời lẽ giàu sức thuyết phục nhất của tôi cũng chỉ giúp ích rất ít hay thậm chí không. Những giọt nước mắt không ngừng chảy ướt đầm má Vasitthi; bằng cặp mắt yêu đương siêu nhiên nàng nắm tay tôi rồi ấn nó vào ngực nàng.

— Dù cho chúng mình không bao giờ gặp lại nhau nữa thì chúng mình vẫn sẽ chung thủy với nhau. Và nếu cuộc đời ngắn ngủi và bi ai trên trái đất này nhanh qua, thì chúng mình sẽ hội ngộ trên Thiên đàng và khi đó gắn bó với nhau để mãi mãi hưởng lạc thú thần tiên... Ôi Kamanita! Anh hãy hứa với em điều đó đi - nó sẽ tiếp cho em nhiều sức mạnh hơn bất cứ những lời an ủi nào! Bởi vì chúng đều bất lực trước dòng đời đang ào ào ập đến mà không ai tránh được, hết như cọng bèo trước cơn thác lũ. Nhưng quyết tâm sắt đá, thánh thần sẽ sinh ra cuộc sống mới, vạn năng.

— Nếu như vấn đề chỉ còn quy về điều đó, Vasitthi yêu dấu, thì ở bất cứ đâu mà anh chẳng tìm ra em được? - Tôi bảo. - Nhưng hãy hy vọng là điều đó sẽ xảy ra ngay trên thế giới này!

— Mọi thứ ở đây đều không chắc chắn, và ngay cả khoảnh khắc mà anh và em đang nói với nhau đây, cũng chẳng thuộc chúng mình nữa là - nhưng chẳng phải vậy trên Thiên đàng.

— Giời ơi, Vasitthi. - Tôi thở dài. - Nếu có Thiên đàng thì nó ở đâu đây?

— Ở nơi vàng dương lặn. - Nàng nói chắc như đinh đóng cột. - Là Thiên đàng của tia sáng bất tận, và tất cả những ai có nghị lực để khinh miệt cái trần tục và hướng suy tư của mình về chốn Giải thoát nào đó thì ở đó rồi sẽ có sự nảy sinh thuần khiết từ mầm một chiếc hoa sen. Ước nguyện đầu tiên tới Thiên đàng ấy sẽ sinh ra ở đó trong cái hồ trong suốt như pha lê, thánh thiện một cái chồi. Mỗi ý nghĩ trong sáng, mỗi việc thiện sẽ làm chồi nảy nở, trong khi mỗi cái ác dù xảy ra trong ý nghĩ, lời nói hay hành động, sẽ gặm nhấm ở đó như loài giun dế và dẫn nó tới héo úa.

Mắt nàng sáng lên như ngọn nến ở đền, khi nàng nói như vậy bằng một giọng thánh thót như nhạc điệu du dương nhất.

Sau đó nàng giơ tay và chỉ lên trời, nơi vượt lên trên bóng đen đui của những ngọn cây Sinsapa là giải Ngân hà trải rộng trong ánh hào quang của thạch cao trắng nuốt bởi vòm trời

hồng tối sẫm đầy sao lấp lánh...

Nhìn xem kìa, anh Kamanita, - nàng kêu lên, - sông Ganga thiên thần! Chúng mình hãy thề trước những con sóng bạc đầu của nó đang đổ về các hồ sen của cảnh quan giải thoát ấy, - rằng hãy hướng toàn bộ tâm trí chúng mình về đó, sẽ chuẩn bị ở đó cái quê hương vĩnh viễn của tình yêu chúng ta.

Được thôi thúc đến kỳ lạ, bị cuốn hút và cảm động đến sâu thẳm trong tâm can, tôi nắm lấy tay nàng. Và hai trái tim chúng tôi cùng run lên bởi ý nghĩ thánh thiện rằng trong tích tắc này, trong vũ trụ bao la không gì nắm bắt được này, vượt trên những sóng gió của cuộc đời trần tục này đang nẩy ra một cái chồi kếp của tình yêu muôn thuở. Như là qua đó sức lực nàng đã cạn kiệt, Vasitthi rơi vào hai cánh tay tôi, bất động, sau khi đã ấn vào môi tôi một nụ hôn vĩnh biệt như đang đi vào cõi chết.

Tôi dịu dàng chuyển nàng sang tay Medini, nhảy lên ngựa rồi phi nhanh mà không dám ngoái lại.

MANG SỐ MỆNH KẺ CƯỚP

Khi tôi về tới làng nơi người của tôi đóng quân, thì tôi chẳng do dự đánh thức họ dậy. Và ngay vài giờ trước ban mai, đoàn xe đã lên đường.

Đến ngày thứ 12 vào buổi trưa, chúng tôi đến một thung lũng rất đáng yêu ở vùng rừng rú Vedisas. Một dòng sông nhỏ trong như gương khoan thai uốn lượn giữa những bãi cỏ xanh rờn. Những khóm cây trổ hoa trên ngọn đồi thoai thoải lan tỏa hương thơm hăng hắc khắp nơi. Ở khoảng giữa thung lũng trải dài hình đế giày và không xa con sông là bao có một cây Nyagrodha mà đỉnh tán lá dày đặc của nó tạo một bóng đen lên tấm thảm ngọc bích và tạo nên một cái rừng nho nhỏ nhờ dựa trên hàng nghìn thân phụ của mình. Dưới cánh rừng này có đến chục đoàn xe cỡ đoàn tôi có thể làm chỗ trú qua đêm.

Chỗ này tôi đã tâm niệm ngay từ chuyến đến, và tôi cũng đã định lấy làm nơi kho vận ngay từ lúc ấy. Bởi vậy chúng tôi dừng ngay. Những chú bò mộng mệt mỏi về chuyển đi vùng vẫy trên sông và uống dòng nước lạnh một cách thích thú để sau đó thưởng thức món cỏ tươi bên bờ. Mọi người cũng tắm rửa cho sảng khoái rồi bắt đầu ngay với việc tìm cành khô để thổi cơm, trong khi tôi, cũng đã tắm, nằm dài trong bóng râm, dựa vào rễ của thân chính của cây để nhớ tới Vasitthi và thực tế là ngay sau đó mơ mơ màng màng về nàng. Tôi thấy mình lơ lửng bay, tay trong tay với cô gái mà mình yêu dấu, trong cảnh Thiên đàng...

Bỗng có một tiếng kêu lớn ném tôi trở về với hiện thực nghiệt ngã. Cứ như có một nhà ảo thuật ác tâm nào đó dựng chúng dậy, xung quanh chúng tôi nhưng nhúc nhúc những gã vũ trang đến tận răng. Và từ bụi rậm bên cạnh còn có tiếp viện thêm. Chúng tiến tới chỗ những chiếc xe mà tôi đã cho xếp thành một vòng tròn quanh gốc cây và đang đấu kiếm với người của tôi. Tất cả họ đều quen dùng vũ khí và dũng cảm tự vệ. Chẳng bao lâu, chính tôi cũng đã lao vào đám đánh nhau rối loạn đó. Nhiều tên cướp đã ngã dưới tay tôi. Bất thần tôi thấy một gã đàn ông cao lớn để râu với diện mạo ghê gớm trước mặt. Y ở trần, quanh cổ đeo ba chiếc vòng xếp bởi những ngón tay cái. Tôi biết ngay: "Đó là tên tướng cướp Angulimala. Nó là kẻ man rợ, khát máu biến những làng trù phú thành nơi hoang mạc, các thành phố thành đồng đổ nát, và thậm chí cả quốc gia thành bình địa. Nó giết người rồi cắt lấy ngón cái xếp thành vòng đeo cổ". Tôi đã phải tính đến là với mình, giờ tận số đã điểm.

Thật vậy, ngay lập tức con quái vật đã đánh bật gươm khỏi tay tôi. Đó là một chiến tích mà lẽ ra tôi chẳng tin là kẻ nào bằng xương bằng thịt dễ làm nổi. Và chỉ trong nháy mắt, tôi đã bị trói gô dưới đất. Quanh tôi, tất cả đám thuộc hạ đều bị đánh ngã hết. Chỉ còn duy nhất một, đó là người hầu cận già của cha tôi. Ông cũng đã bị đám cướp quy phục và hết như tôi, bị bắt làm tù binh mà chưa hề bị thương. Xung quanh chúng tôi, theo từng nhóm lẻ, lũ cướp mặc sức thưởng thức chiến thắng dưới tán lá xum xuê của một cây khổng lồ.

Chiếc vòng pha lê với cái mắt hổ mà tôi đã có dịp kể với hiền huynh, và khi đấu vật với Satagira để giành quả bóng của Vasitthi đã bị y đứt đứt, vốn là vòng bà mẹ đeo lên cổ tôi khi từ biệt để làm bùa hộ mệnh, nay lại bị bàn tay đầm máu người của tên Angulimala rút ra khỏi cổ. Nhưng đau đớn hơn là tôi còn bị mất cả bông hoa Asoka, mà từ cái đêm ở hiền nhà đó tôi luôn đeo bên tim mình. Tôi có cảm giác như thấy nó không xa mình, đó là một chấm đỏ trong đám cỏ bị xéo nát, chính là nơi mà lũ cướp chạy đi chạy lại để tiếp thêm cho bọn đang ăn nhậu những tảng thịt bò nghi ngút khói, được mổ và nướng vội vã, và những nậm bằng vỏ bí chứa đầy rượu mạnh. Tôi cảm thấy mình bị chúng nghiền nát trái tim khi đóa hoa Asoka bé nhỏ của tôi phải rên xiết dưới những bàn chân bẩn thỉu của chúng. Rồi càng lâu tôi càng không thấy nữa, cho tới khi mất hút. Và tôi nghĩ ngay, liệu Vasitthi có đứng trước cái cây không biết lo âu

để hỏi nó không? May thay, nó không thể nói cho nàng biết tôi đang ở đâu. Bởi nếu không chắc rằng nàng đã hết hồn nếu như nàng thấy tôi ở hoàn cảnh này. Chỉ cách tôi mấy bước, gã Angulimala ghê tởm đang nhậ nhệch với lỗ thân cận của y. Chai rượu được lần lượt chuyển trong đám và những bộ mặt – chỉ trừ duy nhất một mà sau này tôi sẽ nói tới - càng ngày càng đỏ tía, trong khi lũ cướp ầm ỹ nói năng, rồi la hét, rồi tất nhiên đi tới một cuộc cãi lộn. Đáng tiếc thời đó, khoa học về ngôn ngữ của lũ cướp còn chưa thuộc vào số những năng lực nhiều mặt của tôi - từ đây ta thấy ngay được là: con người ít khi đánh giá hết được những hiểu biết nào sẽ có lợi nhất cho mình. Tôi đã muốn hiểu được ý nghĩa của lời mà chúng oang oang nói ra biết bao, bởi lẽ tôi hoàn toàn chẳng hề nghi ngờ là những lời này liên quan tới tôi và số phận tôi. Với một sự hiển nhiên đáng lo ngại, về mặt và cử chỉ điệu bộ của chúng cho tôi thấy rõ điều đó, dưới cặp lông mày rậm rì đã ăn liền nhau và những ánh mắt hằn học thực sự như muốn nuốt sống tôi mà lâu lâu Angulimala lại phóng về phía tôi làm tôi cảm thấy hết sức tiếc là đã để mất chiếc bùa để ngăn ánh mắt hiểm độc, chiếc bùa này giờ đây đang long lanh chính ngay trên bộ ngực đầy lông lá của con quái vật. Thực vậy - như sau này tôi được biết - tôi đã đánh gục ngay trước mắt y một đệ tử yêu quý của y mà hơn nữa, tên này còn là tay kiếm xuất sắc nhất trong đám thuộc hạ của y. Tên thủ lĩnh không giết tôi ngay chỉ vì y muốn thỏa mãn thú tính thù dai của mình bằng cách ngắm nhìn việc tra tấn tôi cho đến chết. Tuy nhiên những đứa khác lại không muốn cho phép một chiến lợi phẩm rất đáng quý như tôi mà theo luật lệ ra phải thuộc toàn bộ lũ cướp, nay lại bị phung phí như thế này. Có một người đàn ông đầu cạo trọc, râu ria nhẵn nhụi trông như một ông thầy tu gây sự chú ý của tôi vì y là đối thủ chính của Angulimala và chỉ duy nhất có y biết cách chế ngự con thú dã man này. Y là kẻ duy nhất khi nốc rượu như điên vẫn giữ được bộ mặt lạnh như tiền. Sau một cuộc cãi vã không dứt mà nhiều lần tên Angulimala đã phải lên cơn thịnh nộ và cũng đã sờ tay vào đốc kiếm, thì cuối cùng luật lệ chung của bọn cướp đã thắng, và đó là điều may mắn cho tôi.

Bởi lẽ toán cướp Angulimala thuộc chính nhóm “Người gửi”. Chúng được người ta gọi như vậy vì chúng hành luật như sau: khi bắt được hai tù nhân thì chúng sẽ gửi một người đi để người này lo kiếm tiền chuộc người kia. Một khi chúng bắt được hai bố con, chúng sẽ thả bố đi tìm tiền chuộc con. Nếu là hai anh em, chúng gửi người anh đi. Nếu hai thầy trò rơi vào tay lũ cướp, chúng sẽ gửi trò đi. Còn khi chúng bắt được chủ tớ thì tớ được đi. Bởi vậy mà chúng mang cái tên “Người gửi”. Cũng chính vì mục đích này và theo tục lệ đó mà chúng đã không phung phí người đầy tớ đó của cha tôi trong khi chúng đã tàn sát hết tất cả đám thuộc hạ của tôi. Bởi lẽ dù đã đứng tuổi, người đầy tớ này trông vẫn còn khỏe mạnh, thông minh và từng trải. Cũng vì lẽ, y đã từng chỉ huy nhiều đoàn xe.

Vậy nên chúng đã cởi dây trói y ngay trong đêm đó. Rồi gửi đi sau khi tôi đã trao cho y một bản thông điệp mật, ở đó cha mẹ tôi có thể nhận biết ra ngay tính xác thực của sự việc. Nhưng trước khi y lên đường, Angulimala còn vạch một vài ký hiệu vào một chiếc lá cọ, rồi trao cho y. Chiếc lá đó tương đương một bức thư tháp tùng để dành cho trường hợp trên đường về khi y mang theo số tiền chuộc mà lại rơi vào tay một lũ cướp khác. Bởi lẽ chỉ riêng cái tên Angulimala cũng đủ gây khiếp sợ tới mức mà ngay đến những tên cướp dám liều mạng trấn lột trên đường cả quà tặng vua, cũng không bao giờ cả gan dù chỉ đụng tay vào của nả của y.

Cả tôi cũng được nhanh chóng cởi trói, bởi lẽ chúng biết ngay là tôi chẳng đại gì mà bỏ trốn. Việc đầu tiên mà tôi phải làm khi có được quyền tự do, đó là lao ngay tới cái chỗ mà tôi thấy bông hoa Asoka biến mất. Nhưng đáng tiếc là tôi không phát hiện được ngay cả đến một vết không màu, dù là nhỏ nhất của nó. Cánh hoa dịu dàng này có lẽ đã bị những mũi giày thô bạo của lũ cướp dẫm nát, hoàn toàn thành cát bụi. Phải chăng điều này là biểu tượng dự báo cho hạnh phúc tình yêu của chúng tôi?

Trong khoảng thời gian đó tôi sống khá tự do, được di chuyển thoải mái trong lãnh địa của lũ cướp nguy hiểm này với hy vọng tiền chuộc sẽ được mang tới trong vòng hai tháng.

Bởi lẽ chúng tôi đang sống trong nửa tối của tháng nên luôn xảy ra những vụ trộm cướp. Vì thời gian này thuộc về nữ thần Kali gớm ghiếc, và nó hầu như chỉ dành duy nhất là cho những công việc kinh doanh thường xuyên. Và bởi vậy không đêm nào là không xảy ra ít nhất một vụ tấn công trên đường hay đột nhập vào nhà. Nhiều lần còn xảy ra cả những vụ cướp trong phạm vi toàn xã.

Tuy nhiên vào đêm thứ 15 trăng khuyết, lễ mừng Kali được tổ chức một cách rùng rợn. Người ta không chỉ giết một con bò mộng và một con dê đen, mà cả một số tù nhân bất hạnh cũng bị hành quyết ngay trước hình nhân của họ. Những vật hiến sinh được đặt lên bàn thờ, người ta cắt động mạch chúng để máu phun vào chính mồm đã mở toác của cái hình hài gớm ghiếc có gắn đầu lâu. Sau đó là lễ tế thần man rợ, ở đấy trong cơn hoan lạc chúng nốc cho tới khi say mềm để rồi nô đùa với đám vũ nữ. Nhằm mục đích này với sự trợ giúp không gì sánh được, chúng đã bắt cóc họ từ một ngôi đền lớn. Khi say rượu Angulimala muốn tỏ mình rộng lượng cũng muốn cho tôi một cô vũ nữ. Nhưng khi nghĩ đến Vasitthi, tôi từ chối cô gái làm cô ấy xấu hổ nước mắt vì coi đó là điều xỉ nhục. Angulimala nổi cơn lôi đình tới mức tóm lấy tôi rồi định bóp cổ tôi đến chết, nếu như tên cướp đầu trọc và nhăn râu không đến cứu. Chỉ cần vài lời ngắn gọn của hắn ta đã đủ để tên tướng cướp nói lỏng sức bóp và tổng khứ y đi. Y gầm gừ hết như một con thú đã tạm thời bị chế ngự.

Lần thứ hai con người đặc biệt này lại là ân nhân tôi. Y có bàn tay đang vấy máu của vật tế Kali gớm ghiếc mà y vừa mang đến, vốn là con một vị giáo sỹ Bà La Môn, nhưng vì được cảm tình tướng cướp nên y đã hành nghề lục lâm. Đầu tiên y theo nhóm “Bóp cổ”. Tuy nhiên sau những cân nhắc trí xảo, y quy về với nhóm “Người gửi”. Từ di truyền dòng nội y có thiên hướng suy xét tôn giáo và cùng được thừa kế khá nhiều những biểu hiện giàu tính hàn lâm. Bởi vậy một mặt y điều hành ban tế lễ với tư cách thầy tu - nên người ta quy cái may mắn hiếm có của nhóm cướp này cho nền khoa học tâm linh của y, cũng như sự năng nổ ở tài cầm quân của Angulimala, nhưng mặt khác y vẫn giảng dạy môn cướp bóc một cách rất hệ thống, kể cả về mặt chính trị lẫn mặt đạo đức. Vì vậy tôi ngạc nhiên mà thấy rằng lũ cướp cũng có đạo đức và hoàn toàn không thể coi chúng là xấu hơn người khác được.

Những buổi giảng như vậy thường được tiến hành vào buổi đêm khoảng nửa sau tháng âm lịch (trăng tròn) mà ở đó - trừ những biến cố bất thường - mọi việc đều ngưng.

Trên bãi cỏ giữa rừng, thính giả ngồi xõm theo hình bán nguyệt quanh Vajacravas đáng kính, còn vị này ngồi bắt chân vòng tròn. Cái đầu to lớn, không tóc của y sáng long lanh trong ánh trăng, và tất cả vẻ bên ngoài của y là sự thể hiện của một nhà truyền giáo theo đạo Veda. Vị này truyền thụ môn học bí mật trong sự yên tĩnh của đêm trăng cho các cư dân của khu rừng ẩn dật. Tuy nhiên vẫn có thể thấy một vài bộ mặt đã man, chẳng thánh thiện, thậm chí có cả diện mạo giá treo cổ xung quanh buổi họp mặt. Bởi vậy với tôi trên thực tế, tôi có cảm giác như tôi thấy cái diện mạo này - cứ như là tôi nghe thấy tiếng rì rào của cánh rừng mệnh mông, đôi khi ngắt quãng bởi tiếng gầm xa xa của một chú hổ hay tiếng rống trầm đục của con báo - thêm vào đó tiếng bình thản lầm rầm như một dòng sông là tiếng của Vajacravas, cái giọng nam trầm rất ấm, với âm tròn trịa là di sản đáng quý của vô số thế hệ Udgatar^[8].

Tôi được vào học các lớp này vì Vajacravas đã dành cho tôi sự ưu ái đặc biệt. Y thậm chí còn khẳng định, tôi sinh vào giờ mang số mệnh kẻ cướp. Tôi rồi sẽ phải nhập vào hội thuộc hạ của Kali, bởi vậy rất tốt cho tôi nếu nghe y giảng, vì những bài giảng này sẽ thức tỉnh bản năng đang còn ẩn dấu nơi tôi. Bởi vậy tôi đã nghe những bài giảng rất đặc biệt của y về những “giáo

phái Kali” khác nhau - thường được gọi là kẻ cắp và kẻ cướp - và về những tập tục khác biệt nhất của chúng. Những bài nghị luận của y về các đề tài như: “Tiện ích của gái điếm đối với việc cho lính gác vào bẫy”, hay “Những đặc điểm của các quan chức cấp dưới và cấp trên dễ được hối lộ, cùng với hướng dẫn về số tiền có thể xem xét tới”. Luận văn của y về vấn đề: “Tại sao lũ lưu manh nhận ra nhau ngay từ ánh mắt đầu tiên, trong khi người lương thiện không làm điều đó, và những ưu thế nào xuất hiện từ trạng huống thứ nhất này” chứng tỏ tài quan sát người sắc sảo nhất và kết luận chặt chẽ nhất. Đó là chưa kể đến những báo cáo xuất sắc như: “Về cái ngớ ngẩn của những lính gác đêm nói chung, một bài xem xét hấp dẫn dành cho người mới vào nghề” - ở những bài này thì cả cánh rừng đêm vang lên tiếng cười rộ đến mức mọi người đổ xô từ khắp nơi đến để nghe xem liệu có gì mà hay đến thế.

Nhưng vị chuyên gia này còn biết thảo luận một cách rất hấp dẫn những vấn đề khô khan nhất mang đầy tính kỹ thuật. Tôi còn nhớ những bài mô tả thực sự lôi cuốn về việc làm sao người ta có thể đục một lỗ lớn trên tường thành mà không gây tiếng động, hay đào một giao thông hào ngầm dưới đất một cách mỹ thuật nhất. Y trình bày rất sinh động cách chế tạo đúng nhất các loại xà beng, đặc biệt là loại thường được gọi là "mỡm răn", rồi cái móc "hình con cua" cùng được y mô tả rất dễ hiểu. Việc chơi đàn dây nhẹ nhàng để xem liệu ai còn thức, và cái đầu đàn ông đeo bằng gỗ chèn vào cánh cửa sổ hay cửa ra vào để xem xem liệu kẻ đột nhập giả này có bị phát hiện hay không, tất cả những bài toán này được thảo luận rất kỹ lưỡng. Những bài trình bày của y về việc khi đi ăn cắp, người ta nhất thiết phải giết bất cứ kẻ nào sau này có thể làm nhân chứng, cũng như những bài xét chung chung như kẻ cắp không được mắc bệnh biến thành có đạo đức, mà nhất thiết phải thô lỗ, vũ phu và man rợ, đôi khi có thể phải nghiện rượu và gái điếm, thuộc số những bài mang tính hàn lâm nhất và trí tuệ nhất mà từ trước tới nay tôi chưa bao giờ được nghe. Nhưng để cho hiền huynh có được một khái niệm đúng đắn về nhà tư tưởng thực sự sâu sắc này, tôi phải nhắc đến đoạn nổi tiếng nhất của bài bình luận mang tính giáo luận của y về các cuốn sách lễ Sutra cổ về Kali - Mật thuyết dành cho kẻ cắp.

MẬT THUYẾT

Vậy là: Sutra thứ 476 nói rằng: "Các người bảo, cả những thánh thần? - Không! - vì không gian chữ viết, truyền thống".

Vị Vajacravas bình điều đó như sau:

"Cả những thánh thần..." đó chính là hình phạt. Bởi lẽ trong Sutra trước có nói về những hình phạt như vậy. Đó là những hình phạt được lãnh chúa hay nhà cầm quyền ban hành như chúng vốn có: cắt tay, cắt chân và cắt mũi, vạc cằm, vòng nhựa thông, hàm rồng, vẩy giọt dầu sôi lên người, chặt đầu, cho chó cắn xé, đóng cọc vào người - đủ nhiều nguyên nhân sao cho tên cướp không được phép để bắt sống, còn nếu bị bắt, y sẽ tìm mọi cách trốn chạy.

Vậy có một số người bảo: cả những hình phạt thánh thiện cũng đe dọa tên cướp. "Không", Sutra của chúng ta bảo. Không vì lẽ xảy ra sự thiếu trách nhiệm. Điều này thấy từ: Qua lý trí, qua Veda, thánh văn của đạo giáo cổ Ấn Độ và qua những anh hùng ca truyền khẩu lại.

"Vì không gian" - qua đó muốn nói tới sự cân nhắc sau đây về lý trí. Nếu tôi cắt đầu một người hay một vật thì cây giáo đi qua những thành phần không chia được nữa. Còn chính cây giáo lại không chia được những thành phần này vì tính chất không chia được của chúng. Cái mà nó chia, đó là không gian trống rỗng phân chia những thành phần. Nhưng người ta không làm hại được cho không gian này chính vì tính trống rỗng của nó. Bởi lẽ làm hại cho một cái hư vô sẽ là: không làm hại. Vậy là qua việc cắt đứt không gian đó người ta không bị mang trách nhiệm vào người, và không thể xảy ra một sự trừng phạt thánh thần. Nhưng nếu điều đó có nghĩa về việc giết người, thì sẽ nhiều hơn là những hành động mà con người sẽ trừng phạt nhẹ hơn!

Đến thế về lý trí, bây giờ là chữ viết.

Veda thánh thiện dạy chúng ta rằng cái duy nhất tồn tại thực sự, thánh thần tối cao, đó là Brahman, tâm linh vũ trụ, sức ma thuật của đạo giáo Ấn Độ. Nhưng nếu như điều đó là đúng, thì rõ ràng là mọi sự giết chóc đều là một ảo giác trống không. Điều này cũng được Veda nói bằng lời rõ ràng ở chỗ mà Yama, Thần Chết, dạy cho chàng Naciketas trẻ tuổi biết về Brahman này và ngoài ra còn nói:

Ai khi đang giết sẽ tin rằng y giết,

Ai bị giết tin rằng sẽ chết,

Cả kẻ này lẫn kẻ kia đều nhầm:

Kẻ đó không chết, và kẻ kia không giết.

Tuy nhiên sự thật mang tính huyền bí này sẽ thể hiện một cách thuyết phục hơn nữa cho chúng ta trong anh hùng ca của Krishna và Arjuna. Bởi lẽ Krishna, lẽ ra là sinh linh không sinh, không tử, vĩnh viễn, siêu khổng lồ, không tưởng tượng nổi, thánh thần tối cao, vị thánh được sinh ra để cứu rỗi các sinh linh là con người - Krishna ở những ngày cuối cùng của sự hóa thân về Trái đất đã giúp đỡ vị vua của những gã Panduinge là Arjuna tâm hồn cao thượng, trong cuộc chiến chống lại những gã Kuruinge, bởi vì bọn này gây những điều bất công lớn cho y và những người anh của y. Khi hai đạo quân vào vị trí chiến đấu đặt đối diện nhau những hàng quân tràn đầy vũ khí, thì Arjuna thấy trong hàng ngũ địch một số vốn là bạn, một vài anh họ và bố nuôi của những ngày đã qua: Bởi lẽ những gã Panduinge và những gã Kuruinge vốn là con của hai anh em. Và Arjuna thấy trong lòng hết sức cảm động, y chần chừ trong việc phát lệnh cho cuộc chiến đẫm máu. Bởi y chẳng muốn giết những người vốn trước đây cũng là người anh em của y. Vậy nên y đứng đó với cái đầu cúi xuống, bị nổi do dự xót xa gặm nát, lưỡng lự trên chiếc chiến xa của y. Bên cạnh y là vị thánh vàng Krishna, làm người lái chiếc xe của y. Krishna

đoán được ý nghĩ của vị lãnh chúa Pandaver đáng kính. Rồi ngài cười cười mà chỉ vào hai khối người đó của quân đội và dạy cho hẳn rằng tất cả sinh linh đó chỉ có vẻ như sinh thành và tan đi, bởi vì trong tất cả họ chỉ có duy nhất một sinh linh không hình thành mà cũng chẳng tan biến, không để sự sinh và sự chết chạm tới:

Ai coi kẻ này là kẻ giết người,

Ai bảo kẻ kia là bị giết,

Thì kẻ đó không hiểu và cũng chẳng biết chút gì về cả hai kẻ kia:

Bởi lẽ không ai giết mà cũng chẳng ai chết,

Vậy nào hãy vùng lên, anh lại mở màn cuộc đấu tranh!

Sau khi được học như vậy, vị lãnh chúa Pandaver ra hiệu để bắt đầu trận chiến vĩ đại và chiến thắng. Như vậy là Krishna là vị thánh cao nhất trở thành người, thông qua sự thể hiện cái mật thuyết vĩ đại này cho Arjuna để ông này đi từ một người suy tư công bằng và có tấm lòng nhân hậu thành một nhà thông thái cứng rắn anh hùng sâu sắc.

Vậy là trên thực tế tồn tại như sau:

Cái mà người này phạm phải và để cho vi phạm: Ai phá hủy và để cho phá hủy, ai đánh và để cho đánh, ai giết chết sự sống, lấy thứ người ta không cho mình, đột nhập nhà cửa, cướp tài sản của người lạ: Cái mà người này phạm phải, y không gán tội lỗi vào mình. Và ai dùng ngay một tấm kính sắc nhọn cắt nhỏ mọi thứ sinh vật trên Trái đất này để làm thành một thể duy nhất là món nát nhừ, hoặc là bột nhão, thì kẻ đó không có lỗi về điều ấy, không phạm phải một sự phi nghĩa. Và nếu ai đẩy kéo đi để tàn phá và giết chóc ở bờ phía Nam dòng Ganga, thì kẻ đó không có lỗi về điều ấy: Và nếu ai đẩy kéo đi để hiến tặng và ban phát ở bờ phía Bắc dòng Ganga, thì kẻ đó không lập được công trạng về điều ấy. Thông qua khoan dung, dịu dàng, hy sinh mình thì người ta không lập được công trạng, người ta không làm được gì tốt.

Và bây giờ tiếp theo là bài ngạc nhiên, thậm chí rùng rợn, bài: Sutra thứ 477, mà ở dạng rất ngắn gọn nó có nội dung như sau: "Nhiều hơn-vì kẻ ăn".

Ý nghĩa của lời ngắn gọn ẩn chứa bí mật sâu kín nhất được vị Vajacravas khả kính suy ra cho chúng ta như sau:

Trùng phạt của Phạm Thiên Vương còn lâu mới đe dọa được kẻ cướp và kẻ giết người, trái lại với "nhiều hơn" luôn xảy ra điều ngược lại: Chính là tính tương tự Phạm Thiên Vương, điều từ các đoạn Vecia suy ra mà ở đó ca ngợi Phạm Thiên Vương cao cả nhất như là "kẻ ăn", chẳng hạn như:

Chiến binh và giáo sĩ Bà La Môn ăn chẳng hạn như bánh mỳ,

Nó được y tưới món canh của Thần Chết lên.

Hệt như chính thế giới có nguồn gốc từ Brahman, thì cũng vậy là sự tan biến của nó ở cách là Brahman luôn để cho nó xuất hiện rồi cũng lại tiêu hủy nó. Như thế, Phạm Thiên Vương không chỉ là kẻ sáng tạo mà cũng là kẻ nuốt chửng mọi sinh linh mà ở đây chỉ nêu “chiến binh và giáo sĩ Bà La Môn” như là những kẻ quyền quý nhất và chúng đại diện cho tất cả. Cũng như ở một đoạn khác là:

Ta ăn tất cả, nhưng chẳng có ai ăn ta.

Nói ra lời này chính là Phạm Thiên Vương cao cả nhất khi Phạm Thiên Vương dưới dạng một con cừu đực (chòm sao Bạch dương) Phạm Thiên Vương mang đứa bé Medhatithi vào cõi Trời. Bởi lẽ phật lòng về việc bị dùng vũ lực bắt cóc mang đi, đứa bé này mới đòi được biết ai là kẻ bắt cóc mình: “Hãy nói ta biết mi là ai, nếu không ta sẽ gặp ngươi bằng cơn thịnh nộ của ta”.

Khi đó, kẻ mang dạng con cừu đực mới cho biết mình là Brahman cao cả nhất, là cái tất cả trong mọi cái, bằng lời:

Ai là kẻ đang giết người và bắt giữ người?

Ai là con cừu đực đã đưa mi kể từ khi đó?

Ta là cái kẻ, kẻ xuất hiện dưới dạng đó,

Ta là cái kẻ, kẻ xuất hiện dưới tất cả các dạng.

Nếu có một kẻ sợ bất cứ một cái dù nó là thế nào đi nữa, Ta là cái kẻ, kẻ sợ và làm cho kẻ khác sợ.

Tuy nhiên về độ lớn có sự khác biệt:

Ta ăn tất cả, nhưng chẳng có ai ăn ta.

Ở đây, ngay với cặp mắt ngó gần nhất vẫn phải thấy rõ là sự tương tự Brahman không thể nằm ở chỗ bị đánh và bị ăn - như lẽ ra trong trường hợp, khi tính dịu dàng và sự hy sinh mình là một cái gì đó rất thiện - mà ngược lại ở chỗ là, phải đánh và phải ăn tất cả - nghĩa là tận dụng và tiêu hủy - tuy nhiên ngay chính mình thì lại chẳng bị ai làm hại.

Bởi vậy không nghi ngờ gì là cái học thuyết đó - về hình phạt địa ngục dành cho những kẻ áp dụng bạo lực - do kẻ yếu phát minh để tự bảo vệ trước những hành động bạo lực của kẻ mạnh, bằng cách qua đó họ muốn dọa nạt những kẻ sau cùng này.

Còn nếu trong Veda có chứa một số đoạn của học thuyết này thì chúng phải - vì không phù hợp với các mệnh đề chính - do những người đó đưa vào một cách sai lầm.

Vậy nếu Rigveda bảo rằng, dẫu toàn thể thế giới lẽ ra là Brahman, thì Phạm Thiên Vương vẫn nhận thức con người là cái xuyên suốt Brahman nhất: Vậy bây giờ phải thừa nhận rằng trong loài người thì kẻ cướp thật và chân chính lại là sinh linh xuyên suốt Brahman nhất, và như vậy thể hiện vương miện của tạo hóa. Nhưng còn về kẻ cắp không muốn vươn lên thành kẻ cướp thì, bởi vì văn tự thường tuyên bố rằng quan niệm "cái này thuộc tôi" là một ý tưởng điên rồ cản trở mục tiêu cao nhất của con người, nên thực tình rất rõ là kẻ cắp, cái kẻ đã lấy sự bác bỏ thực sự, liên tục điều điên rồ "cái này thuộc tôi" thành nhiệm vụ của đời mình, sẽ đại diện cho chân lý cao nhất. Tuy nhiên do hành động bạo lực của mình mà vị trí kẻ cướp là cao hơn.

Vậy nên sự "tồn tại là vương miện của tạo hoá" của kẻ cướp đã được chứng minh, cả bằng việc cân nhắc lý trí cũng như bằng văn tự. Và phải xem là không thể bác bỏ được.

CÁI VÒI VOI

Sau thử nghiệm cách suy luận kỳ lạ của người đàn ông đặc biệt này - người mà ít nhất người ta cũng không thể quy trách nhiệm cho nhiều nhà tư tưởng nổi tiếng khác rằng anh ta chẳng ứng dụng học thuyết của mình vào thực tiễn - thì tôi lại kể tiếp câu chuyện của mình.

Ở những trải nghiệm đa dạng và những hoạt động trí não mới như thế này thì dĩ nhiên tôi chẳng bỏ lỡ cơ hội tiếp thu ngôn ngữ kẻ cướp cho mình, nên thời gian chờ đợi cũng chẳng quá lâu. Tuy nhiên càng gần đến ngày kết thúc, sự thanh thản ở tôi càng bị chấn động mạnh bởi những lo lắng đến nghẹt thở. Liệu tiền chuộc có dứt khoát đến không đây? Dù cho cái lá thư hộ tống đó có bảo vệ được tên đầy tớ trước những toán cướp, nhưng trên đường đi, y có thể bị một con hổ xé nát xác hay một cơn lũ trào lên cuốn mất, hay một trong số bất kỳ, vô vàn những sự ngẫu nhiên không tính trước được của một chuyến đi giữ rịt y lại để cho mọi sự đã rồi. Những ánh mắt đỏ như lửa, đầy ác ý của Angulimala thường bắn về phía tôi hết như y đang chờ đợi trường hợp đó, và tôi đổ mồ hôi hột ở bất cứ chỗ nào có thể. Dù cho diễn giải của Vajracravas có được đề cập một cách hệ thống hoàn chỉnh và chứng minh logic sắc nét đến thế nào đi chăng nữa về việc, một khi tiền chuộc không đến đúng lúc, thì nạn nhân sẽ bị cưa đôi bằng một cái cưa gỗ rồi hai phần thân thể sẽ được ném ra đường - thân trên về phía trăng mọc, thì tôi vẫn phải thú nhận rằng, sự ngưỡng mộ của tôi trước năng lực khoa học tất nhiên rất đáng ngạc nhiên của ông bạn hàn lâm của tôi phần nào đã bị một chuyển động kỳ lạ của cái phúc mạc hơi bị “tóm đúng” của tôi làm ảnh hưởng. Nhất là khi thật sự cái cưa răng kép để cưa gỗ lớn thường được dùng ở những trường hợp tương tự, đã được đưa ra và để minh họa thêm, được hai thợ trẻ đưa vào vận hành trên một cái bục to để tượng trưng cho một thân người.

Vajracravas nhận ra ngay tôi trở nên khó ở đến thế nào, đã đập nhẹ nhẹ lên vai tôi để động viên rồi bảo, điều đó chẳng liên quan gì đến tôi cả. Qua đó dĩ nhiên tôi củng cố thêm hy vọng rằng trong trường hợp khẩn cấp, y sẽ cứu tôi một lần thứ ba nữa. Tuy nhiên khi tôi muốn thể hiện điều đó bằng lời lẽ hàm ơn nhất, thì y thậm chí còn cau mặt lại bảo:

— Nếu như số phận do kiếp trước của ông bạn ấn định, thực sự mạt vận tới mức tiền chuộc cũng không đến đúng hạn được, và dù chỉ chậm nửa ngày, thì chẳng có thần thánh hay quỷ sứ nào giúp ông bạn được, vì luật Kali là bất khả kháng. Tuy nhiên hãy yên tâm đi, ông bạn! Ông bạn còn được để dành đó cho những mục đích khác cơ. Nhưng với ông bạn thì ta ngờ rằng, ông bạn sẽ kết thúc cuộc đời vinh quang của kẻ cướp này bằng việc bị chặt đầu ở quảng trường hay bị đâm bằng cọc - nhưng chắc còn lâu nữa kia!

Tôi chẳng thể nói là lời an ủi này đã động viên tôi được nhiều. Bởi vậy tôi đã cảm thấy nhẹ nhõm đi nhiều khi, trước lúc thời hạn kết thúc cả tuần lễ, gã nô bộc già trung thành của chúng tôi đã đến cùng với số tiền chuộc. Tôi từ biệt ông chủ đáng sợ của mình vì cặp mắt dữ tợn của y luôn nhìn tôi chằm chằm như muốn cắt đôi tôi ra và y vẫn luôn nhớ tới thằng bạn đã bị tôi chém. Tôi dịu dàng nắm tay vị giáo sỹ đang nức nở vì cảm động và hẹn là chúng tôi chắc chắn sẽ còn gặp lại nhau trên những nẻo đường khuya khoắt của Kali. Vậy là hai chúng tôi ra đi, có 4 tên cướp hộ tống. Chúng phải bảo đảm chúng tôi an toàn tới Ujjeni bằng tính mạng chúng. Bởi lẽ Angulimala, là kẻ rất lo giữ uy tín kẻ cướp của mình, đã hẹn chúng là sẽ lột da chúng rồi treo 4 bộ da lên 4 góc ở một ngã tư. Ai cũng biết là y rất biết giữ lời hứa. Rất may là không cần tới lời răn đe đó, 4 tên cướp trẻ tới Ujjeni mà không có sự cố gì, và trên thực tế, tôi có quá đủ nhiều trải nghiệm rồi. Bố mẹ tôi tột độ vui mừng khi được gặp lại tôi. Và vì vậy mà càng không thể được, nếu muốn họ đồng ý cho tôi sớm lên đường để thực hiện một chuyến đi mới. Ngoài số tiền chuộc chẳng hề nhỏ, cha tôi còn mất toàn bộ số hàng hóa và thành viên đoàn xe đó của tôi.

Vì vậy không thể sớm hoàn thành việc gây dựng một đoàn mới. Nhưng đó chỉ là một trở ngại nhỏ nếu so với nỗi khiếp đảm mà cha mẹ tôi gặp khi nghĩ tới những hiểm nguy đoạn trường. Đôi khi, người ta lại nghe thấy những hành động ghê tởm của Angulimala, và tôi chẳng phủ nhận rằng, tôi không hề muốn một lần nữa lại rơi vào tay y. Vào thời điểm này cũng chẳng có điều kiện để gửi một thông điệp tới Kosambi, bởi vậy tôi phải tự thỏa mãn mình bằng những hoài niệm và niềm tin sắt đá vào sự thủy chung của nàng Vasitthi tôi đầy ái mộ, và chờ đợi một tương lai sáng sủa hơn.

Rồi cuối cùng thì tương lai này cũng đến. Một ngày kia có tin lan truyền nhanh như chim đến: Angulimala đã bị Satagira, con trai vị thượng thư ở Kosambi, đánh trúng đầu, toàn bộ toán cướp đã bị đánh gục và phá tan tành. Tên tướng cướp cùng những tên ghê gớm nhất đã bị bắt và xử trảm.

Vậy là cha mẹ tôi chẳng còn thể từ chối ước vọng cháy bỏng của tôi nữa. Trên thực tế, hoàn toàn có lý nếu giả thiết rằng, đường xá còn thông thoáng trong thời gian khá lâu nữa. Cha tôi cũng chẳng có cơ gì để không một lần nữa thử vận may với đoàn xe mới. Nhưng bỗng nhiên tôi mắc trọng bệnh. Và khi tôi có thể dậy được thì mùa mưa lại đến gần tới mức, phải chờ cho nó qua đi đã. Rồi cũng chẳng còn gì có thể cản trở chuyến đi của tôi nữa. Sau khi nhắc nhở tôi nhiều bằng lời khuyên nên cẩn trọng, cha mẹ tôi nói lời từ biệt. Và tôi lại lên đường, chỉ huy một đoàn xe khá lớn. Nó trang bị tốt, có tới 30 xe do bò kéo. Còn tôi luôn được thúc thúc bởi trái tim rực lửa, sự dũng cảm và nỗi nhớ nhung cháy bỏng.

Chuyến đi lần này cũng trôi chảy như chuyến đầu. Một sáng đẹp trời kia, tôi phát điên lên vì vui sướng: đã đến Kosambi. Nhưng tại đây, trên đường phố tôi bỗng nhận ra có một đám đông bất thường. Bởi vậy chúng tôi càng đi càng phải chậm lại, cho tới lúc đoàn xe tới điểm giao nhau giữa con đường đang đi với đường chính của thành phố thì hoàn toàn tắc nghẽn. Đáng tiếc là chẳng thể đi qua đám đông. Tôi nhận ra con đường chính được trang hoàng sang trọng nhất với cơ man cò quạt, những tấm thảm vắt từ tầng sát mái và bậu cửa, những lẵng hoa bắt chéo ngang. Hệt như cho một lễ rước. Hồi hộp đến nghẹt thở, tôi hỏi những người đứng cạnh xem, có điều gì xảy ra. Họ bảo: “Ồ dào. bác không biết là hôm nay anh con trai thượng thư - Satagira tổ chức lễ vu quy à? Bác có thể nói là gặp may khi đến đúng lúc. Bởi lẽ đám rước đi từ đền Krishna sẽ qua đây ngay mà. Chắc là chưa bao giờ bác được xem một buổi lễ long lầy đến vậy đâu!”

Việc Satagira cưới đối với tôi là tin vừa quan trọng, vừa mừng vì việc y theo đuổi Vasitthi của tôi trước mặt bố mẹ nàng trước đây là một trong những trở ngại lớn nhất cho quan hệ của chúng tôi. Bởi vậy bây giờ tôi sẵn sàng chờ đợi, và cũng chẳng lâu la gì nữa. Bởi lẽ đã thấy từ xa xuất hiện những ngọn giáo của đội kỵ binh, rồi tiếng hoan hô chói tai vang dội. Như người ta kháo nhau thì đội kỵ binh này được dân chúng Kosambi ái mộ vô cùng vì chính họ đã tiêu diệt toán cướp Angulimala.

Ngay sau đội kỵ binh này là đến con voi rước cô dâu. Đó là cảnh hết sức ngoạn mục. Cái trán sần sùi, gồ ghề giống như thánh sơn Meru của con vật khổng lồ treo đầy đá quý nhiều màu. Hệt như một chú voi động hơn hai bên má và từ trán rờn rờn chảy nhựa sống và tỏa hương thơm ngào ngạt lôi cuốn đàn ong mật bám đầy, thì ở đây trên trán và má con voi này cũng đầy những ngọc trai đẹp nhất mà trên đó còn có những giải kim cương đen, trong suốt. Cảnh tượng đẹp mê hồn tới mức tôi muốn hét lên vì vui sướng. Hai chiếc ngà voi to như hai cái cột đều mạ vàng. Trước ngực treo một tấm biển cũng mạ vàng và gắn những viên hồng ngọc hết sức lớn. Từ tấm biển này rủ xuống một dải muxolin Benares xanh, thơm tho và nó phủ lên cặp chân dũng mãnh của con voi, hệt như đám sương mù ban mai phủ trên những gốc cây rừng già.

Nhưng chính cái vòi của chú voi “nhà nước” kia mới cuốn hút ánh mắt tôi. Ngay ở nhà, ở Ujjeni trong các đám rước tôi cũng đã được thấy cách trang hoàng tráng lệ cho vòi voi, nhưng chưa bao giờ tôi lại chiêm ngưỡng một cái vòi như vòi này: Ở chỗ chúng tôi cách trang trí cho vòi voi được chia thành nhiều vùng, mỗi vùng tạo nên một dải vân nhất định, và vì vậy hội tụ đủ màu sắc. Nhưng ở đây thì nó lại được để trần làm nền, và trên cái nền lớn như một cành cây này treo những chiếc lá Asoka giống như những chiếc khiên. Và từ vòng lá này rục rờ hiện lên những đoá hoa vàng, da cam và đỏ sẫm màu huyết dụ. Tất cả những thứ đó được trang trí theo một cái gu tao nhã nhất.

Trong khi tôi đang chiêm ngưỡng tuyệt tác này bằng con mắt nhà nghề, thì bỗng một cảm giác thoáng buồn xâm chiếm, vì với nó, tôi lại thấy như được hít đầy cái mùi hương nồng đậm những đêm chênh choáng tình ái trên sân thượng hồi nào. Tim tôi đập mạnh vì vô tình tôi liên tưởng ngay tới đám cưới của chính mình. Phải nghĩ ra cách trang điểm lộng lẫy bởi báu vật nào đây cho con voi rước Vasitthi, bởi lẽ cách trang hoàng trên đã nổi tiếng toàn Kosambi vì “Sân hiên của những cây vô tư” với những đoá hoa Asoka tuyệt diệu của nó. Nhưng khi đang trong tình huống mơ màng này, tôi bỗng nghe thấy một mệnh phụ nói với bà bên cạnh: “Nhưng trông cô dâu mới ử dột làm sao!”.

Bất giác tôi ngược lên, một cảm giác lo ngại lạ lùng xâm chiếm tôi khi tôi thấy cái dáng ngồi dưới lòng màu hồng đỏ. Chỉ là dáng thôi vì không nhìn được mặt, và cái đầu cũng đã gục xuống trước ngực. Nhưng ngay cả dáng cũng khó nhận, và có vẻ như trong cái vệt nhòe bằng vải muxolin màu cầu vồng kia ẩn chứa một cơ thể, dù là cơ thể sống vẫn không thể chứa đựng một sức sống mãnh liệt, giàu sức chịu đựng. Cái cách nàng đứng đưa trong mỗi chuyển động của con vật mà mỗi bước đi dừng mảnh của nó làm cho cả cái lều vải gần trên vai dao động mạnh, lại mang theo chút gì đó buồn bã không tả nổi, thậm chí tới mức gây nổi khủng khiếp nhất. Thực vậy, người ta sợ nhất là chỉ trong giây lát hay bất cứ lúc nào, tất cả cái hình bóng này sẽ ập đổ. Cả cô hầu đứng đằng sau cũng gây nổi khiếp đảm như vậy, bởi lẽ cô ấy đang bám vai cô dâu và cúi xuống nàng để thì thầm gì đó nhằm khích lệ nàng. Nổi sợ hãi gần như làm tôi đóng thành băng khi tôi nhận ra cô hầu gây nghi ngại này chính là Medini. Và khi linh cảm này trở nên rõ nét trong tôi, lập tức cô dâu của Satagira ngẩng đầu. Đó là Vasitthi của tôi!

BÊN MỒ THÁNH VAJACRAVAS

Đúng vậy, đó là nàng. Không thể nhầm bởi những đường nét này. Tuy nhiên những đường nét đó lại không giống nhau Trên thực tế chúng không giống nhau nữa, cái nét mà tôi từng thấy. Chúng có vẻ như đã hóa đá trong nỗi buồn không tên, vượt quá sức người này.

Khi tôi định thần lại, những người đi sau rốt đám rước vừa qua. Mọi người quy cơn ngất đột xuất của tôi cho cái nóng hầm hập và sự chen chúc của đám đông. Một cách vô hồn, tôi để cho người ta đưa về nhà trọ gần nhất trên tuyến đường, ở đây tôi nằm bệt xuống góc tối nhất, mặt quay vào tường, nước mắt trào ướt gối, bỏ mặc mọi đồ ăn thức uống. Tôi nằm yên như vậy trong nhiều ngày sau khi đã trao lệnh cho người hầu già, cũng là trưởng đoàn xe đã tháp tùng tôi chuyển đi đầu tiên. Người hầu này phải giải phóng nhanh nhất, thậm chí với điều kiện bất lợi, số hàng của chúng tôi, vì tôi quá ốm để có thể hoàn thành việc đó - Trên thực tế tôi chỉ còn có thể suy nghĩ về nỗi mất mát không kể xiết của mình. Tôi cũng không muốn mọi người ở thành phố nhìn thấy tôi rồi nhận ra tôi. Đặc biệt là tôi muốn tránh việc Vasitthi có thể lảng máng biết về sự hiện diện của tôi trong thành phố.

Hình ảnh tôi thấy lần cuối này luôn chấp chờn trước tâm hồn tôi. Tôi hoàn toàn phần nộ trước tính không kiên định hay đúng hơn là bản chất yếu đuối của nàng, bởi lẽ tôi đã nhìn nhận ra rằng đó chỉ có thể là cái có, một khi nàng không cưỡng lại được sự thôi thúc của bố mẹ nàng. Nhưng việc nàng không để lòng mình hướng về con trai hiếu thắng của vị thượng thư, thì ứng xử và nét mặt nàng cũng đã minh chứng đủ rõ ràng. Tuy nhiên khi tôi nhớ tới nàng, với cái cách hứa thủy chung suốt đời bằng cặp mắt long lanh trong khu rừng Krishna, thì tôi lại không hiểu được là vì sao nàng sớm nhượng bộ làm vậy? Và tôi thở dài cay đắng tự nhủ rằng, không thể tin vào lời hứa suông của lũ con gái. Tuy nhiên trước mặt tôi cũng luôn hiện lên khuôn mặt bi đát thảm hại đến tột đỉnh, và lập tức mọi tức giận được xua tan, chỉ còn lòng thương cảm từ nội tâm là còn sôi lên sùng sục. Bởi vậy tôi quyết tâm không làm tăng nỗi buồn của nàng bằng cách không để lọt tin tôi đang ở Kosambi tới tai nàng. Không bao giờ nàng còn nhận được một tin gì của tôi nữa. Khi đó chắc nàng tưởng rằng tôi đã chết, và dần dần tuân theo số phận của nàng mà nó không hề thiếu vẻ hào nhoáng bên ngoài.

Cũng có hoàn cảnh thuận lợi khi lão nô bộc già của tôi đã trao đổi và bán đi nhanh đến mức không ngờ số hàng mang đến, với lợi nhuận rất lớn. Bởi vậy chỉ vài ngày sau, một sáng sớm tôi đã có thể cùng đoàn xe của mình rời Kosambi. Khi tôi vừa đi qua cửa thành phía Tây, tôi quay lại, ngẩng nhìn một lần nữa thành phố mà bên trong tường thành của nó, tôi đã trải bao điều không thể nào quên, cả vui lẫn buồn. Chỉ mấy ngày trước khi tôi vào thành, lòng tôi tràn ngập sốt ruột bởi kỳ vọng nóng bỏng tới mức chẳng còn nhìn thấy bất cứ thứ gì xung quanh. Vậy nên bây giờ lần đầu tiên tôi mới nhận thức rằng không chỉ những cái răng cưa ở cổng thành, mà cả hai cái viền bức tường thành cũng được trang trí một cách rùng rợn bằng những đầu lâu xiên lên đầu lưỡi giáo!

Không còn nghi ngờ gì nữa, đó là đầu lâu của các thành viên toán cướp Angulimala. Lần đầu tiên kể từ khi tôi nhìn thấy mặt nàng Vasitthi dưới cái lọng, tôi đã cảm nhận được một cảm giác khác với nỗi thương đau. Tôi lặng nhìn những cái đầu với nỗi ghê tởm không gì tả xiết, bởi vì từ lâu lũ điều hâu đã rửa hết chỉ còn để lại những bộ sọ trống huếch trống hoác. Với chúng còn lại nhiều lắm là mớ tóc hay đầu đó một bộ ria mà độ rậm rì của nó đã giữ nguyên được phần thịt phía dưới. Bởi vậy lẽ ra tất cả chúng không thể nhận dạng được, duy nhất chỉ bị tiết lộ bởi một bộ râu hung đỏ man rợ. Và chỉ khác là cái cách chủ nhân nó mang mớ tóc tu hành với hai cái bím quấn lên. Hai người này, không nghi ngờ gì nữa và cả nhiều người khác, trong

những buổi gặp gỡ khuya khoắt, thường đã gặt đầu thân thiện với tôi. Và tôi liên tưởng, với tính trực quan ghê rợn khi bộ ria đỏ này đã sùng sục như thế nào bởi những tia sáng lung linh của đêm trăng hay buổi tọa đàm về sự ngu muội của những tên tuần đêm, đã rung lên vui vẻ thế nào. Tôi thậm chí còn ngờ ngợ như nghe văng vẳng tiếng cười vang như sấm rền phát ra từ cái miệng không còn môi này.

Nhưng bên trên rìa thành giữa này nổi bật trong những tia sáng ban mai, lên trên những cái khác là cái sọ rất lớn. Hách dịch, nó thu hút toàn thể mọi sự chú ý của tôi. Làm sao tôi có thể quên mà không nhận ra những nét mặt này? Đó là cái đáng diệu đã bắt chúng tôi phải cười đến no bụng mà không hề phải thay đổi chút nào bộ mặt tu hành nghiêm nghị của mình.

Ở đây sọ của Vajacravas chiếm vị trí nổi bật hoàn toàn, trong khi không còn nghi ngờ gì nữa là cái đầu của Angulimala cắm trên cửa thành phía Đông. Một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm ý nghĩ tôi khi y giải thích tỷ mỉ đến thế nào về những hình phạt tử hình khác nhau - chia tư, cho chó xé xác, cắm thanh gỗ vào người, cắt đầu... và qua đó y muốn chứng minh một cách cẩn thận rằng kẻ cướp không bao giờ được để bị bắt. Còn nếu bị bắt thì phải cố tìm mọi cách trốn thoát, ôi trời ơi! Khoa học của y giúp ích gì cho y? Y như con người chẳng vượt qua được số mệnh mình, đó chỉ là hệ quả hành động của nó mà thôi - dù đó là ở cuộc sống này, hay ở cuộc sống trước đó!

Tôi có cảm giác như qua hốc mắt sâu hoắm của mình, y nghiêm nghị nhìn tôi và cái miệng hé mở của y như muốn nói: "Kamanita, Kamanita, hãy ngắm kỹ ta, hãy nhớ kỹ cái quang cảnh này! Cả mi nữa, con trai ta, mi cũng sinh ra với lá số kẻ cướp, rồi mi cũng sẽ bước theo những ngã đường Kali, và hết như ta ở đây, mi cũng sẽ kết liễu cuộc đời ở đâu đó".

Nhưng thế là đã đủ kỳ lạ: Cái óc tưởng tượng phong phú này, sống động hết như một cảm nhận trí tuệ, không xâm lấn tôi bằng hãi hùng và khiếp sợ. Bước hoạn lộ kẻ cướp liệu đã định trước của tôi, mà tôi chưa bao giờ nghiêm chỉnh suy nghĩ chỉ một tích tắc về nó, bỗng hiện lên trước mặt tôi không chỉ trong ánh sáng nghiêm nghị, mà thậm chí hấp dẫn của nó. Lục lâm! - Có gì đáng mong ước hơn như cái kẻ bất hạnh như tôi! Về điều đó tôi chẳng nghi ngờ chỉ trong giây lát; rằng với năng lực và kiến thức của mình, đặc biệt là những điều mà tôi đã học được nhờ những giờ lên lớp của thầy Vajacravas đáng kính, rồi tôi sẽ chấp nhận một vị trí lãnh đạo. Và đối với tôi có vị trí nào có thể sánh được với vị trí một tên tướng cướp? Ngay vị thế Hoàng đế cũng là quá nhỏ mọn nếu so với nó! Phải chăng việc trả thù Satagira sẽ tạo cho tôi cái vị thế đó? Và liệu cái đó có đưa Vasitthi trở về lại trong vòng tay tôi? Tôi tự thấy mình đang ở trong rừng, đang ở trong cuộc thách đấu với Satagira, và tôi xé đôi sọ y bằng một lưỡi kiếm sắc nhọn, đầy uy lực. Rồi tôi lại thấy mình bắt cô nàng Vasitthi đang ngất lịm trên cánh tay mình, và bê nàng lao ra khỏi tòa lâu đài đang rực lửa, đâu đâu cùng vang vọng tiếng la hét của lũ lục lâm.

Lần đầu tiên kể từ cảnh tượng ghê rợn đó, tim tôi lại đập dũng mãnh và tràn trề hy vọng cho một tương lai sáng lạn. Lần đầu tiên tôi không mong sự chết, mà là sự sống.

Chứa chan những hình tượng này, chưa bước được ngàn bước tôi đã thấy trên đường đến từ phía trước, đang có một đoàn xe nghỉ chân. Trong khi đó, rõ ràng là người chỉ huy đang tế lễ trên một ngọn đồi nhỏ ngay bên vệ đường.

Tôi tiến đến gần và lịch thiệp chào rồi hỏi y thờ thần linh nào nơi đây.

— Trong năm mờ này, - y bảo - đang yên nghỉ Vajacravas, mà nhờ sự phù hộ độ trì của vị này, khi phải đi qua nơi đầy hiểm nguy, tôi vẫn vững mạnh và nguyên lành vô sự trở về, cả về mặt thân thể lẫn tài sản. Và tôi cũng khuyên anh không bỏ lỡ cơ hội này, hãy mang một lễ vật thích hợp tới cúng. Bởi lẽ ngay khi đi vào rừng mà có thuê đến trăm lính kiếm lâm chẳng nữa, thì cũng không hữu hiệu bằng sự bảo vệ của vị thần linh này trước lũ lục lâm.

— Ngài ơi, - tôi đáp - năm mộ này có lẽ chỉ mới được lập vài tháng thôi, và nếu có vị tên là Vajacravas được chôn nơi đây thì chắc chắn không phải là thánh thần, mà là tên tướng cướp cùng tên.

Tuy nhiên thương gia vẫn gật đầu đồng ý.

— Chính y - đúng vậy!.. Tôi thấy y đã bị xía bằng cọc ở đây như thế nào. Đầu y còn cắm trên cổng thành. Nhưng sau khi y chịu hình phạt mà vị lãnh chúa ban cho thì y, do đã đền những tội mà y đã gây ra, nên đã bay lên trời không để lại dấu vết gì. Thần linh y giờ đang phù hộ độ trì cho những du khách trước lũ lục lâm. Thậm chí người ta còn nói, ngay từ khi đang còn ở cuộc đời tướng cướp, y đã là một kẻ sĩ và gần như là thánh sống. Y thuộc lòng thậm chí cả những đoạn bí mật của Veda - ít nhất là người ta cũng bảo vậy.

— Điều đó đúng đấy. - Tôi chuyển đề tài - Tôi biết y kỹ đấy, thậm chí còn có thể gọi là bạn y.

Khi nghe những lời này, thương gia nhìn tôi pha thoáng hãi hùng, thì tôi mới tiếp tục:

— Anh nên biết là đã có thời tôi bị nhóm cướp này bắt, và trong vụ này, Vajacravas đã cứu mạng sống tôi đến hai lần.

Anh mắt ngài thương gia chuyển từ sợ hãi sang tôn sùng đến ghen tỵ:

— Nếu vậy chắc chắn anh có thể tự tán dương rồi đấy. Nếu tôi mà được y quá yêu như vậy, chắc chỉ cần vài năm, tôi đã là người giàu có nhất Kosambi rồi. Thôi nhé, chúc thượng lộ bình an, con người đáng ghen tỵ này!

Nói vậy rồi anh ta ra lệnh cho đoàn xe mình lên đường.

Dĩ nhiên tôi chẳng bỏ lỡ dịp đặt một món phúng viếng lên mộ người bạn đáng kính của mình. Nhưng lời cầu nguyện của tôi khác với tất cả những bài nguyện đã đọc nơi đây, lại đi xa hơn để y đưa tôi vào tay lũ lục lâm, và nhờ sự trợ giúp của y, tôi sẽ nhập bọn với lũ cướp, rồi tất cả quyền bính ở đó lại vào tay tôi, là điều mà tôi chẳng nghi ngờ gì. Nhưng sẽ phải rõ là, người bạn thông thái và bây giờ được thiên hạ tôn sùng là thánh thần, đã nhằm khi giả định là ngôi sao lục lâm đã chiếu mệnh tôi khi sinh. Bởi lẽ trên cả quãng đường tới Ujjeni chúng tôi chẳng hề gặp dù chỉ một dấu nhỏ của lũ lục lâm, nhưng chỉ một tuần sau khi vượt qua cánh rừng lớn ở biên giới Avanti, chúng tôi gặp một đoàn xe đã bị cướp ở chính cánh rừng đó.

Đó là nguồn cảm hứng cho suy xét kỳ lạ của tôi rằng, có lẽ đó là một sự hoàn toàn tình cờ, khi tôi vẫn sống cuộc đời thường dân thay vì trái tim tôi nóng bỏng ước nguyện bước vào cuộc đời lục lâm. Có lẽ trong các con đường khuya khoắt của Kali cũng có một con đường dẫn tới hành hương, cũng như trong số 101 mạch máu chứa đầy chất nhựa năm màu đi từ tim, chỉ có một mạch duy nhất đi về não, và đó là mạch mà khi chết, linh hồn lìa khỏi xác. Vậy là ngay cả trong trường hợp tôi có là tướng cướp đi nữa, vẫn có thể là một kẻ hành hương, và trên đường đi tới cái đích là sự giải thoát. Tuy nhiên khi một kẻ đạt được sự giải thoát thì những công trình của y, dù thiện dù ác, vẫn bị hỏa thiêu thành tro bụi bởi sức nóng của tri thức.

Tôi cũng phải nói với hiền huynh rằng, cái thời gian đi đêm này, dù đó là cuộc đời lục lâm hay thị dân, về mặt kết quả đạo đức có lẽ sẽ không diễn ra khác nhau tới mức như mình tưởng, phải không hiền huynh? Bởi lẽ trong khi chung sống với lũ cướp tôi đã nhận ra rằng, ngay cả trong số họ cũng có những người rất khác nhau về tính nết, cụ thể là có một số người với những đức tính tuyệt vời, và, nếu bỏ qua một số vẻ bề ngoài nhất định, thì sự khác biệt giữa kẻ lục lâm và người lương thiện chẳng quá lớn như người lương thiện những muốn tưởng tượng ra. Mặt khác, ở thời kỳ chín chắn của cuộc đời mà nay tôi đang đi vào, không thể bỏ qua mà không nhận xét rằng, người lương thiện đã làm lẫn cả công việc của lũ trộm và lũ cướp, một số là thi thoảng và đồng thời mang tính ngẫu hứng, số khác là liên tục và với khả năng của kẻ chuyên

ngiệp mà họ rất thích hợp, cho nên sự tiếp cận lẫn nhau, thậm chí xảy ra không ít sự tiếp xúc giữa hai nhóm người này.

Bởi vậy tôi cũng chẳng biết, liệu thông qua số phận ưu đãi đã xa cách tôi với những nẻo đường khuya khoắt của cô vũ nữ mang vòng đeo cổ bằng sọ người, tôi lẽ ra đã giành được nhiều điều như vậy chẳng?

Sau bài nhận xét sâu sắc này, Kamanita, kẻ hành hương dừng kể, y hướng cặp mắt đã chìm vào suy tư về phía trăng tròn vừa hiện lên, to lớn và rực rỡ rực lửa, trên cánh rừng xa vời là đại bản doanh của lũ lục lâm, và ánh sáng của nó vừa tràn vào căn buồng tuyềnh toàng của gã thợ gốm, có vẻ như muốn biến chiếc áo màu vàng của Đức Thế Tôn thành vàng ròng, hết như trang phục của một ảnh thánh.

Đức Thế Tôn, mà kẻ hành hương bị cuốn hút vào vẻ huy hoàng của ngài, vẫn hoàn toàn chẳng linh cảm được rằng, anh ta đang nhìn ai, một cách vô tình hướng nhìn vào, thông qua cái gạt đầu nhẹ nhẹ để báo cho sự tham gia của mình rồi bảo:

— Tôi vẫn thấy anh, kẻ hành hương, đang đi vào cuộc sống gia đình hơn là sự vô gia cư, dấu cho con đường cuộc sống sau rõ ràng đã mở ra anh.

— Bởi vậy, hiền huynh đáng kính! Với cặp mắt đờ ra vì ngu muội, tôi không thấy lối thoát này mà vì vậy, như hiền huynh vừa nói ra, tôi đi về hướng cuộc sống gia đình

Sau một tiếng thở dài nặng nề, kẻ hành hương kể tiếp câu chuyện đầy những trải nghiệm của mình, bằng một giọng tươi sáng và hân hoan.

KỂ ĂN CHƠI

Vậy là tôi ở nhà cha mẹ ở Ujjeni. Thành phố quê hương của tôi nổi tiếng khắp Ấn Độ không chỉ vì dinh thự, đền đài tráng lệ mà còn vì thói đàn đấm ăn chơi ồn ào. Đường phố rộng, ban ngày âm ỉ tiếng voi rống, ngựa hí, đêm về vắng vắng tiếng đàn luyến của những đôi tình nhân, tiếng hát vui của những gã say rượu.

Về đám gái đấm ở Ujjeni thì tiếng tăm đã nổi như sóng cồn. Từ tầng lớp thượng lưu ở các dinh thự, dành cho những đền thờ các vị thánh thần và những công viên cho nhân dân, mà khách lui tới có đủ nhà thơ, nghệ sỹ, diễn viên, ngoại kiều danh giá đôi khi thậm chí cả những ông hoàng cho đến đám gái đấm bình dân, tất cả đều đẹp khôn cùng, sang khó tả. Những dịp hội hè, diễu hành hay là biểu diễn, họ mới là thứ đồ trang sức chính của phố phường rực rỡ hoa, phấp phới cờ. Trông họ kìa, đang chễm chệ trên lễ đài hay là đang kéo nhau qua phố. Áo đỏ son, tay cầm từng tràng hoa ngào ngạt mùi hương, kim cương lấp lánh, người nghiêm mặt, người liếc mắt, những lời cợt nhả bay tứ phía cứ như muốn thổi bùng lên ngọn lửa dục tình.

Được đức vua trọng nể, được người dân cầu cạnh, được nhà thơ ca ngợi, họ cứ như là “Vòng hoa sắc sỡ trên thành Ujjeni cheo leo vách đá” khiến cho các thành phố lân cận kém thuận lợi phải ghen tị. Cũng nhiều khi những người đẹp nhất còn là khách mời của mấy thành phố ấy và nghe đâu đã có lần chính đức vua phải xuống chỉ gọi về.

Tôi khi ấy có chuyện buồn héo hắt, đang muốn chìm nó xuống thì được ngay đám chị em vui tính, thiện chí và hào phóng, rót đầy rượu vào một cái cốc bằng vàng, rồi lại tự tay nâng đến tận môi cho để mà say. Tôi vốn nhiều tài lẻ, am hiểu đủ mọi ngành mỹ thuật, trò chơi xã giao cũng biết nhiều nên vẫn thường là khách mời của tầng lớp thượng lưu. Trong số ấy có một người, thậm chí không phải lắm tiền mà là dụ được, thế mà lại đem lòng yêu tôi, yêu đến mức bỏ rơi cả một ông hoàng. Mặt khác vì tôi cũng làm chủ được cả ngôn ngữ của giới hạ lưu nên rất dễ gần đám gái đứng đường, đi đứng chơi bời với họ tuyệt không có ý khinh rẻ họ cho nên nhiều cô cũng rất thật tâm hết mình với tôi.

Cứ như thế tôi lặn sâu vào cái vòng xoáy của các thói ăn chơi ở ngay thành phố quê hương, đến nỗi thành phương ngữ của người Ujjeni “ăn chơi như tay Kamanita”.

Nhưng bây giờ đã rõ ra là thói hư tật xấu, thậm chí đồi bại, truy lạc đôi khi lại đem vận may lại cho con người, thành thử người chịu suy nghĩ chín chắn thật khó xác định, hưng thịnh lên là nhờ các mặt tốt hay lại là nhờ các mặt xấu của mình.

Tình thân với các cô gái hạ lưu quả thật đã giúp nhiều cho tôi. Chẳng là nhà cha tôi bị kẻ trộm đột nhập và chúng lấy đi rất nhiều đá quý mà phần lớn lại là của người khác tin tưởng gửi cha tôi giữ, mất đến mức gần như không còn cách gì bù đắp. Tôi lo lắng, bởi nguy cơ phá sản hoàn toàn đè nặng lên chúng tôi. Hoàn toàn uổng công dù tôi cung cấp tất cả những gì mà tôi biết, những kiến thức mà tôi đã thu thập được ở trong rừng. Cứ theo cái cách chúng đào hầm ngầm, tôi có thể nói ngay vụ này là của loại kẻ trộm nào. Một dấu vết quan trọng thế mà cảnh binh không thèm để ý - dù sao ở Ujjeni xưa nay hoạt động của ngạch cảnh binh nào đâu đã được ngang tầm với hoạt động của nghề đi đấm, mà biết đâu lại chẳng có một mối quan hệ nội tại. Tôi có được nghe một câu trong một buổi thuyết trình rất thông thái về đời sống tình ái của các giới khác nhau: “Cảnh binh hay phiêu lưu tình ái vào những lúc đi tuần tra đêm, chơi bời với chính đám gái đấm”. Liên hệ với bài giảng của Vajacravas: “Thao túng cảnh binh bằng gái đấm”, khiến tôi nảy ra một ý ở cái thời điểm hồi hộp đợi chờ ấy.

Bấy giờ, trong cái thế giới lạ lùng này của chúng ta hình như có sự sắp đặt, bên trái phải làm được cái bên phải làm không đạt. Vì ở đây cũng xảy ra như thế, chính những bông hoa thừa

thầy kia lại đã cho ra cái quả mà ngạch cảnh binh có vẻ không muốn. Vì các cô gái tốt bụng thấy tôi và thân quyến ở vào tình thế hiểm nghèo, đã tức thì xác định bọn thủ phạm, buộc chúng phải trả hiện vật, các cô chỉ cần dọa cắt hết mọi ưu ái. Cũng mất ít nhiều vì đã bị chúng tẩu tán, vậy là chúng tôi thoát nạn.

Nỗi lo sợ lúc đầu lại đã có tác dụng tốt. Chẳng là kẻ sống phóng túng quen phung phí thời gian và sức lực của tuổi thanh niên vào những câu chuyện vô bổ đã thức tỉnh. Thời điểm đã đến: hoặc tiếp tục làm tôi đòi cho thói quen, để chìm sâu, hoặc bắt đầu đẩy lùi nó, từ bỏ tất cả các thú vui tốn tiền. Tôi nhớ đến lời của vị thương gia ở chỗ mộ Vajacravas: “Ta mà được Vajacravas ưu ái cũng như mi, thì chỉ ít năm nữa ta sẽ là người giàu nhất Kosambi”. Tôi bèn quyết định sẽ là người giàu nhất Ujjeni, thế là tôi dồn cả tâm huyết, lập đoàn để đi buôn đường dài. Liệu ở cội bên kia, Vajacravas, ông bạn và ông thầy, có ủng hộ tôi trong công cuộc kinh doanh không, thì tôi không dám chắc, dù đôi lúc có tin. Điều chắc là lời ông nói lúc này vẫn có tác dụng. Bởi nhờ ông dạy dỗ tôi mới nắm được các thói quen và tập quán của các loại kẻ cướp, thậm chí cả những quy tắc mật của bọn chúng, để bây giờ có thể toan tính, không hề liều lĩnh ngu ngốc, những doanh vụ mà kẻ khác không khi nào dám. Nhưng chính tôi lại tìm đến với những vụ như thế và không còn màng tới những chuyến đi bình thường. Bây giờ cứ mỗi lần tôi dàn đoàn ngựa thồ dài dằng dặc kéo vào một thành phố, nơi dễ đã đến hàng tháng không ai dám lui tới vì các toán cướp đã phong tỏa toàn vùng, thì thấy cư dân thêm muốn hàng của tôi đến mức tôi có thể thu lời gấp mười lần. Song thế chưa đủ: lợi thế vô giá của tôi còn ở chính lời răn: “Hãy nắm lấy đặc điểm của các quan chức địa phương, các cấp cao thấp và đừng quên gọi ra trước những số tiền có thể “hối lộ”, nhờ khéo vận dụng chỉ trong vòng có mấy năm mà riêng cái thuật ấy đã đem về cả một tài sản.

Tức là một số năm đã trôi qua trong sự chuyển hướng lành mạnh, từ đủ mọi thú ăn chơi ở thành phố quê hương sang những chuyến đi buôn bán xa đầy rẫy nguy hiểm. Dù sao, để nói cho thật nghiêm túc, cũng chưa phải là đã đoạn tuyệt hẳn với ăn chơi, bởi cứ đến thành phố lạ là tôi phải mò đến nhà một cô điểm nào đó. Thường đó là bạn của một cô ở Ujjeni mà tôi cũng quen. Lắm khi họ còn chỉ vẽ thêm cho công việc buôn bán của tôi, thậm chí rất lấu cá.

Có một hôm, cha tôi vào phòng tôi lúc buổi sáng. Tôi đang bận tô môi và cùng lúc chỉ cho người làm đứng ở trước cửa sổ cách giống yên cho con ngựa quý. Phải đặc biệt cẩn thận và phải có bộ giá riêng để buộc gối vào đằng trước yên, bởi lần này dọc đường sẽ có một “mắt nai” lên ngựa, ngồi ở đằng trước tôi. Chẳng là tôi đã hẹn với các bạn, nam và nữ, cùng đến thăm một công viên.

Tôi muốn cho đi lấy nước uống ngay để mời nhưng cha tôi từ chối, tôi lấy cái hộp vàng đựng kẹo thơm ra, cha tôi cũng gạt sang một bên. Ông chỉ nhai một lá trà. Tôi đoán ra ngay, chắc ông có điều gì nghiêm túc.

— Cha thấy con chuẩn bị đi chơi- Ông nói sau khi ngồi vào chỗ tôi đã mời - Cha cũng chẳng thể trách cứ, vì con vừa mới đi xa về, khó nhọc. Thế con trai định đi đâu?

— Cha ạ, con với người bạn muốn đến thăm vườn đầm Trảm bông sen, rồi chơi ở đấy.

— Tốt, rất tốt, con ạ! Thú vị, hấp dẫn. Nơi vườn ấy cây râm, nước mát cứ như mời người ta đến. Trò chơi cũng độc đáo, đầy ý nghĩa, phải vận dụng thể lực, trí lực mà không quá mệt. Không biết có còn những trò từ thời cha còn trẻ? Kamanita, các con định chơi trò gì hôm nay?

— Cái đó còn tùy, cha ạ. Để xem đề xuất của ai được chấp nhận. Như con biết thì Nimi muốn chơi trò té nước.

— Cha không biết trò ấy. - Cha tôi nói.

— Trò ấy rất thịnh hành ở phương Nam, Nimi mới học được. Đổ đầy nước vào ống tre, xong té lẫn nhau, ai ướt nhất là bị thua. Vui lắm. Kolliya lại muốn chơi đấu kadamba.

Người cha lắc đầu:

— Trò ấy cha cũng không biết.

— Trò ấy cùng đang được ưa chuộng. Người chơi chia hai phe, đấu với nhau, vũ khí là cành cây kadamba hoa vàng. Phấn hoa đánh dấu chỗ bị quất, như thế trọng tài dễ phân xử bên nào thắng. Nhộn nhịp lắm mà cũng khá căng thẳng. Con đang định đề xuất lấy làm trò chơi thời thượng.

— Trò ấy cũ rồi - Rõ ràng cha tôi mỉm cười - Nhưng cha tán thành cái đề xuất ấy bởi nó bộc lộ tính cách của con, từ chơi đến thật chỉ có một bước.

Ông lại gật gù, tôi thì chột sỏn gai ốc.

— Thế này, con trai, - ông nói tiếp, - bây giờ cha mới đi thẳng vào vấn đề muốn nói với con hôm nay. Con đi đã nhiều, nhờ khôn khéo và nhờ vận hội nữa, đã nhân tài sản của chúng ta lên gấp bội. Tiếng khen công việc của nhà ta bây giờ đã như là châm ngôn ở Ujjeni. Mặt khác thì con cũng đã được hưởng trọn vẹn tự do của tuổi trẻ. Từ đó suy ra, đã đến lúc con phải lập gia đình riêng của mình. Cũng từ đó suy ra, đã đến lúc con phải nghĩ đến chuyện nối dõi cho dòng tộc. Con trai yêu quý, để cho dễ dàng mọi sự, cha đã chọn sẵn cho con một cô vợ. Bên đó cũng là một thương gia lớn, vậy là nó cũng xuất thân từ một dòng tộc vốn môn đăng hộ đối, đáng trọng nể, lắm của ăn của để, lại đông họ hàng cả hai bên nội ngoại. Con bé ấy hình thể không thể chê vào đâu được, tóc đen như màu con ong, mặt tròn như trăng, mắt nai tơ, mùi tựa bông hoa vùng, răng tựa hạt ngọc, môi tựa bông bimba. Cặp chân như gốc pisang, hồng đầy đặn, dáng đi đường bệ như con voi. Tức là khó có chỗ để chê.

Thật ra tôi chẳng có gì để chê ngoại trừ một điều, là tôi hoàn toàn đứng dưng trước những nét thơ mộng vừa được ca tụng. Và cũng xin thú thật là trong tất cả các nghi thức hôn lễ đỡ ngán nhất chỉ có mỗi cái lệ kiêng cử ba đêm, theo tập tục, cặp vợ chồng trẻ không được ăn cay, phải ngủ dưới đất, không được để tắt bếp lửa, cố giữ gìn tiết hạnh. Ôi, một người vợ mà mình chẳng yêu, làm sao thành tổ ấm, làm sao có ràng buộc! Thế là kể từ đó tôi càng muốn đi. Càng đi nhiều hơn và chỉ quan tâm đến chuyện làm ăn của tôi. Và, để tôn trọng sự thật - vì tôi chẳng dẫn đo gì lắm trong công việc, thấy lợi là làm không ân hận, cho nên giàu lên càng nhanh, đến đổi chỉ ít năm sau đó nữa là cái tính háo danh đã gần như được thỏa mãn, tôi trở thành một trong những người giàu nhất thành phố. Nhưng bây giờ với tư cách là người chủ và người cha - vợ tôi đã sinh cho tôi hai đứa con gái - tôi lại muốn tận hưởng cái giàu, và nhất là muốn phô trương trước những người đồng hương. Tôi mua một mảnh đất thật rộng ở ngoại thành, cho làm một cái vườn thật đẹp, cho xây một ngôi nhà thật to, cột chống các sảnh toàn bằng đá hoa. Cơ ngơi ấy được coi là một trong các kỳ quan của Ujjeni, ngay đức vua cũng đã có lần đến xem.

Tôi mở những bữa tiệc ngoài vườn như trong truyện cổ, tôi mời thật dư dả thực khách. Vì càng ngày tôi càng ham các thú vui ẩm thực. Dọn trên mặt bàn phải là những món ngon nhất, mùa nào thức nấy. dù cho đắt đến mấy - mà ngay trong các bữa ăn ngày thường cũng thế. Ngày ấy, tôi đâu có như bây giờ, hốc hác, gầy gò vì đi nhiều, vì ngủ rừng, vì đời tu hành khổ hạnh. Mà béo tốt, thậm chí bắt đầu phì nộn. Ngày ấy ở Ujjeni có một câu châm ngôn: "Ăn như ở nhà thương gia Kamanita".

NGƯỜI CHỒNG

Có một buổi sáng tôi đang ở ngoài vườn với người làm vườn, nghĩ xem có gì đáng làm mỗi, thì cha tôi cười con lừa già đi vào sân. Tôi vội chạy lại để đỡ ông xuống, muốn dẫn ông vào vườn, bởi tôi nghĩ chắc ông đến xem hoa. Nhưng ông lại thích vào ngay căn phòng đầu tiên. Tôi định sai người làm đi lấy nước uống, ông cũng từ chối. Ông muốn nói chuyện với một mình tôi.

Khá xúc động và cảm thấy có một nguy cơ gì đó âm ỉ, tôi lắng lặng ngồi xuống một cái ghế thấp cạnh ông.

— Con trai ạ, - ông bắt đầu rất nghiêm trang - vợ con chỉ sinh cho con được hai đứa con gái, và không có triển vọng là nó sẽ còn sinh thêm một đứa con trai. Tức là - mà đúng thế, người đàn ông rồi sẽ chết thắm, chẳng có con trai để làm tang lễ. Cha không trách con đâu, con trai - ông nói thêm vì thấy tôi hơi bối rối. Và mặc dù tôi chẳng biết là mình có thể bị trách ở chỗ nào, tôi vẫn cứ ngoan ngoãn cảm ơn tấm lòng bao dung của ông rồi hôn tay ông.

— Không, cha phải tự trách cha, lúc chọn vợ cho con đã quá nệ vào thói đời chuộng dòng tộc, chuộng của cải, nên mới mù quáng và không để ý đúng mức đến các dấu hiệu. Người con gái mà cha đang nhắm cho con lúc này, gia thế chẳng được như thế đâu về danh tiếng và càng không thể bằng về của cải, cái bề ngoài mà người ta gọi là “sắc đẹp” thì cũng chưa tới mức để ca ngợi. Song cô ta lại có cái rốn sâu hướng về bên phải, tay chân như ngó sen, tóc mượt và có hai lọn vòng sang phải. Con gái như thế, người già bảo có thể sinh ra đến năm chàng trai là anh hùng.

Tôi nói tôi hoàn toàn thỏa mãn với cái bề ngoài như thế, cảm ơn cha đã có lòng lo lắng cho tôi, và tuyên bố tôi sẵn sàng dắt ngay cô ấy về nhà. Bởi tôi nghĩ: nếu phải như thế...

— Ngay ư? Cha tôi hốt hoảng. - Nhưng này con trai! Đẹp cái nôm nóng đi! Quỹ đạo của mặt trời bây giờ lệch về phía Nam. Đợi vị thần ấy chuyển quỹ đạo lên phía Bắc đã rồi đến một tuần trăng lên nào đó ta mới chọn ngày xin dâu, sớm hơn thế không được đâu, không thể sớm hơn, con trai ạ! Bằng không, mọi đặc điểm tốt của cô dâu nào có ích gì?

Tôi xin cha đừng lo. Tôi sẽ kiên nhẫn chờ cho đến cái ngày đó, vì cha rất sáng suốt nên tôi xin nghe theo mọi điều chỉ bảo. Đến đây cha tôi khen tôi biết vâng lời, ông cầu phúc cho tôi và bằng lòng để tôi cho mang đồ uống lại.

Rồi cái ngày được chờ mong ấy cũng đến, với mọi điều lành. Nghi lễ lần này phiền phức hơn nhiều; tôi mất trọn mười bốn ngày để học cho thuộc tất cả các tiết kinh kệ cần thiết. Lúc xin dâu ở nhà bố vợ, tôi lo đến mức nào, thật khó tả. Cứ run lên, chỉ sợ đọc không đúng một câu kinh nào đó, hoặc giả làm sai động tác gắn với câu kinh ấy: nào cha tôi có dạy cho tôi những điều ấy bao giờ đâu! Run quá quên cả cái chính yếu, lẽ ra phải nắm lấy ngón tay cái của cô ấy thì lại định nắm bốn ngón nhỏ, cứ như là muốn vợ sinh con gái. May mà cô dâu cũng đủ nhanh trí chìa luôn ngón cái cho tôi. Mồ hôi vã ra như tắm, lúc ra về không còn thắng nổi bò vào xe nữa, vợ tôi tranh thủ cài vào mỗi lỗ yên cương một nhánh cây đã có quả. Tôi đọc câu kinh tương ứng với ý thức, thế là cái tội tệ nhất đã qua. Nhưng tuyệt không phải thế.

Mặc dù ở những dịp như thế thường có nhiều sự cố rình rập, chúng tôi về đến nhà mà không có chuyện gì xảy ra dọc đường. Ba bà Bà La Môn có tiếng là người tiết hạnh, chỉ sinh con trai, chồng còn sống, đã đợi sẵn trước cửa. Họ đỡ cô dâu xuống xe. Cho tới đó mọi sự tốt đẹp cả. Bây giờ mới có chuyện, tôi sợ quá: lúc vợ tôi bước vào nhà, tí nữa thì cô ấy chạm chân vào ngưỡng cửa. Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu, tôi lấy can đảm ở đâu ra mà đã bế bổng ngay cô ấy lên cho khỏi chạm. Bước vào không đúng lệ như thế đã đủ dở, lại đến lượt tôi nữa: tôi quên phắt là

phải bước chân phải vào trước. May mà tất cả mọi người, nhất là cha tôi, đang còn hồi hộp về cái bước chạm kia nên chẳng ai nhìn thấy cái bước sai này.

Ở giữa nhà, tôi ngồi bên trái vợ tôi, trên một tấm da bò màu đỏ, mặt có lông đặt quay lên trên, mặt không lông thì cho hướng về phương Đông. Cha tôi đã kỳ công lắm, tìm mãi mới ra một chú bé thần đồng, chỉ có anh em trai, không có chị em gái – kể cả đã chết – mà người cha cũng thế mà thậm chí người ông cũng thế, tất cả đã được công chứng. Chú nhóc phải ngồi vào lòng vợ tôi, bên cạnh cô ấy đã để sẵn một cái chậu bằng đồng với mấy bông sen trồng trong bùn và cô ấy phải đưa mấy bông cho chú nhóc đồ chấp tay sẵn. Song tìm đâu cũng không thấy chú nhóc của vận xấu. Mãi sau, khi đã quá muộn, mới có một người làm tìm ra chú. Tức là chú thấy cái giường lễ ở giữa mấy ngọn lửa thú vị quá mới nhảy vào mà lăn lộn, làm rối tung cả lên và gần như bị vùi ở đó. Đương nhiên bây giờ phải trải lại giường, mà trải lại thì phải cắt cỏ kuga mới – thế là đã sai rồi, bởi lẽ chỉ được cắt cỏ tươi lúc mặt trời lặn.

Cho qua công trình đỉnh cao ấy, chúng tôi đành chấp nhận và vội cho đi tìm một chú bé mà người mẹ chỉ sinh con trai. Cha tôi đặt bao nhiêu hy vọng vào đó mà bây giờ việc đúng lệ không thành, ông buồn ghê gớm, tôi chỉ lo lỡ ra ông lên cơn đau tim đột ngột thì có khi mất mạng. Đương nhiên là ông mà chết bây giờ thì nghi lễ sẽ kết thúc cực kỳ tồi tệ. Lo sốt vó song vẫn phải đợi chú bé thay thế. Để lấp lỗ trống, tôi mới liên tục đọc những tiết kinh thích hợp, không ngừng nghỉ. Lúc ấy tôi tự thề với mình, dù tình huống thế nào đi nữa, quyết không bao giờ lại cưới vợ lần nữa. Mọi việc đâu vào đó cả rồi, tôi với cô vợ – đâu đến nỗi quá xấu như tôi từng tưởng tượng, còn phải qua mười hai đêm kiêng cử tuyệt đối: ăn chay, ngủ dưới đất. Lần này những mười hai đêm, bởi cha tôi nghĩ thừa còn hơn thiếu. Suốt thời gian đó không được ăn những thức có gia vị vốn tôi rất thích, nghĩ mà nản quá!

Rồi cuộc thử thách ấy cũng qua, cuộc sống trở lại nhịp độ cũ của nó, song với một điều khác rất cơ bản. Chẳng mấy lúc đã rõ ra, là lúc cha đề xuất lấy thêm vợ, tôi khiếp là tôi có lý. Tôi cũng tự an ủi rằng đã có một vợ thì cũng có thể có hai. Nhưng than ôi, tôi đã lầm.

Cô vợ thứ nhất của tôi vốn tính hiền, thiên hướng của cô ấy: thà mang tiếng đàn còn hơn lắm điều. Cô thứ hai cũng được tiếng là dịu dàng, nữ tính. Ôi! Đó lại là nước với lửa. Cả hai thứ cùng lành, thế nhưng thử đặt cả hai lên bếp lò xem: tức thì có tiếng réo! Và thế là kể từ cái ngày bất hạnh kia trong nhà tôi đã có tiếng réo. Nhưng làm thế nào mà cô vợ thứ hai lại đã thật sự sinh cho tôi đứa thứ nhất của năm đứa con trai anh hùng. Cô thứ nhất bây giờ lên án tôi không quên cúng đầy đủ, không muốn có con trai với cô ấy để có cơ cưới cô thứ hai. Cô thứ hai mà bị cô thứ nhất kích động, tất không tiếc lời xỉ vả cho đến cay đắng. Rồi lại còn chuyện tranh giành ngôi thứ: cô thứ nhất đòi ngôi thứ trên vì là vợ thứ nhất, cô thứ hai cũng đòi ngôi thứ trên vì sinh con trai.

Nhưng chẳng mấy lâu còn tồi tệ hơn nhiều. Có một hôm bỗng cô thứ hai lao đến chỗ tôi, người vẫn còn run vì giận, đòi tôi tống khứ cô thứ nhất vì đầu độc con cô ấy – chẳng là thằng bé đau bụng vì tham ăn. Tôi nghiêm mặt bảo đi ra nhưng không thể nào dứt được với cô ta. Đúng lúc đó thì cô thứ nhất cũng lao đến, la lối: chừng nào con đĩ ấy còn ở trong nhà thì hai con cừ non tất sẽ chết – có nghĩa, địch thủ sẽ giết hai đứa con gái để sau này phần thừa kế của đứa con trai khỏi bị khấu đi mất hai phần của hồi môn.

Trong nhà không còn sự yên bình. Đứng bên ngoài cũng nghe thấy tiếng the thé của hai người đàn bà cãi nhau ầm ĩ, chửi nhau thô tục. Ở Ujjeni bây giờ có câu phương ngữ: “Hai người ấy ăn ở với nhau hệt như hai người vợ Kamanita”.

TU SI TRỌC

Gia cảnh tôi là vậy, khi vào một buổi sáng tôi đang ở trong căn buồng rộng lớn, ở phía râm mát mà tôi dùng để thu thập tất cả những việc liên quan tới công việc, bởi vậy nó quay ra sân. Bởi từ nơi đó, tôi quá thoải mái trong việc quán xuyến các công việc làm ăn. Tôi có một người hầu dày dặn kinh nghiệm, đã tham gia tất cả các chuyến đi của tôi trong nhiều năm. Và tôi giao cho y những mệnh lệnh chi tiết về việc điều khiển một đoàn xe đi đến một địa điểm khá xa, cũng như cách thức mà y có thể tiêu thụ tốt nhất số hàng, phải mang từ đó về những sản phẩm như thế nào, y phải bắt mối ở đó những quan hệ thương mại nào, và những việc tương tự - bởi vì tôi muốn ủy thác cho y toàn bộ công việc.

Tuy nhiên gia cảnh tôi ít đầm ấm hơn bao giờ hết, bởi vậy người ta có thể nghĩ rằng tôi sẽ vui vẻ bắt lấy bất cứ cơ hội hé ra nào để rong ruổi khắp nơi xứ người. Nhưng giờ đây, tôi lại bắt đầu ưa thoải mái và được nuông chiều, ngại các chuyến đi xa không phải chỉ vì những vất vả của chúng, mà trước hết vì những món ăn đậm bạc mà người ta ít nhất đành phải hài lòng khi đang trên đường. Và ngay cả khi đã đến nơi, muốn giữ lại những gì đã mất và thoải mái thưởng thức cuộc đời, thì dầu sao vẫn hay bị những thất vọng, và thế nào đi nữa, không ở đâu tôi có thể ăn ngon như ở nhà.

Bởi thế mà tôi lại bắt đầu gửi các đoàn xe với những xa trưởng đáng tin cậy ra đi, trong khi bản thân vẫn ngồi nhà. Vậy là khi tôi đang ra những mệnh lệnh phức tạp và được cân nhắc kỹ lưỡng của mình, thì từ sân nhà, tiếng hai bà vợ tôi đang cãi cọ nhau vang lên. Mà chúng mới to tiếng bất thường làm sao, với tính liên tục đến mức làm chúng ta khó tưởng được rằng, chúng sẽ dừng. Bực bội vì sự quấy rầy quá khó chịu này, cuối cùng thì tôi cũng phải đứng dậy sau khi uổng công nhìn qua cửa sổ mà chẳng làm gì được, tôi đi ra sân.

Tôi thấy hai bà vợ đứng bên cổng vào. Tuy nhiên khác xa với việc thấy họ đang cãi nhau - điều mà tôi đã chờ đợi - lần đầu tiên tôi thấy họ thống nhất ở cách họ đã tìm ra được kẻ thù chung mà tên này phải hứng chịu nỗi giận dữ chung của họ. Cái gã bất hạnh này là một tu sĩ đang ngao du. Y đứng tựa bên cổng, và bình tĩnh chấp nhận dòng thác những lời thóa mạ đang trút lên đầu! Tôi chẳng bao giờ biết được nguyên nhân đích thực của cuộc công kích của hai bà vợ, tuy nhiên bản năng làm mẹ nổi trội ở cả hai dường như đánh hơi được ở kẻ dám khước từ này một tên phản bội sự nghiệp thánh thiện vì sự sinh sôi nảy nở loài người, và một kẻ thù của nữ giới. Và như vậy là họ đã vô tình lao vào tấn công y như hai chú mèo lao vào con rắn hổ mang.

“Bố thằng sư trọc ghê tởm, thằng ăn mày vô sỉ này! - Nhìn kia, xem y đứng đó với hai vai trùng xuống, cặp mắt sụp lại - người y toát ra toàn lòng mộ đạo, sự yên bình, kẻ giả nhân giả nghĩa, kẻ đạo đức giả. Y chỉ dòm ngó nồi cơm, rồi ngoái lại, hít hít khịt khịt, đánh hơi hệt như con lừa, khi thoát ra khỏi được dây chằng vào xe kéo, thì đi ngay ra sân tới chỗ hố rác và dòm ngó, rồi ngoái lại, hít hít khịt khịt, đánh hơi... Bố thằng sư trọc ghê tởm, kẻ cắp ngày lười nhác, thằng ăn mày vô sỉ này!”.

Đối tượng của những lời sỉ nhục như thế hoặc tương tự, kẻ tu hành ngao du kia, một gã đàn ông với chiều cao đập ngay vào mắt, khi đó vẫn tựa bên cổng ở tư thế hết sức điềm tĩnh. Áo choàng của y có màu vàng của hoa Kanikara và cũng chẳng khác hiền huynh là bao, những nếp nhăn trải trên vai trái cho tới tận chân, hệt như trong một bức danh họa, cho phép chúng ta đoán nhận một cơ thể cường tráng. Cánh tay phải để trần trể nải, và tôi không thể tránh không chiêm ngưỡng cơ bắp cuộn cuộn thích hợp với một chiến binh dày công luyện tập hơn là phần di truyền vô dụng của một kẻ chân tu. Cả cái bát đất nung để xin ăn trên bàn tay đầy gân của y

cũng cầu xin một cách kỳ quái, không thích hợp y hệt như tôi thấy một chiếc chùy sắt đeo bên hông phải y vậy. Đầu y cúi thấp, mắt nhìn xuống đất, mép bất động không để lộ một dáng vẻ gì, vậy y đứng nguyên xi như thế, hệt như có một nghệ sỹ chăm chỉ nào đã khắc một bức tranh tu sĩ hành hương nào đó lên đá, rồi vẽ mặt và ăn vận đường hoàng cho y, rồi tôi đã cho đem tác phẩm nghệ thuật này đặt ra trước cổng nhà - có lẽ coi như là biểu tượng cho tính hào phóng của mình chăng?

Tính cách không để bị ai quấy rầy này của y được tôi cho là bản chất đầy vẻ dịu dàng, nhưng lại bị hai mục vợ tôi coi là khinh người, dĩ nhiên nó kích thích hai mục đi đến những nỗ lực ngày càng lớn hơn nhằm chống lại y, và có lẽ cuối cùng đã đưa đến việc hành hung y, nếu như tôi không kịp can thiệp để quở mắng hai mục vợ ghê gớm của mình về hành vi đê tiện của chúng, rồi đuổi bég chúng vào nhà.

Sau đó tôi tiến lại gần tu sĩ, kính cẩn cúi chào và bảo:

— Xin ngài kính mến đừng rầu lòng về những gì mà hai mục đàn bà mà hiểu biết của chúng chẳng đầy quá gang tay đã nói với sự khiếm nhã và đầy tính xúc phạm. Vậy xin ngài, đức ông kính mến, không bằng nổi phiền muộn tu hành mà phá tan nhà tôi. Tôi muốn, đức ông kính mến, tự mình đổ đầy vào bát xin ăn của ngài những thứ ngon nhất mà nhà này có. May thay bát vẫn đang còn voi! Tôi muốn đổ đầy nó cho tới khi không còn chút gì có thể đổ thêm vào được nữa, và không để cho hàng xóm nào hôm nay có thể kể công là đã nuôi ngài. Và thật sự là ngài, đức ông kính mến, cũng không đến làm nhà đâu, vì tôi trộm nghĩ, món ăn sẽ hợp khẩu vị ngài. Thậm chí ở Ujjeni đây đã hình thành câu ngạn ngữ: "Người ta ăn ở nhà anh ta hệt như ở nhà thương gia Kamanita" - và tôi chính là thương gia đó. Vậy xin ngài, đức ông kính mến, đừng phiền chi về điều vừa xảy ra, và không mắng nhiếc nhà tôi.

Nhà tu hành mới trả lời, nét mặt không kém phần thân thiện:

— Tôi làm sao mà phiền muộn được cơ chứ, chủ nhân ơi. Tôi thậm chí còn phải cảm ơn về những đối xử còn thô thiển hơn thế nhiều! Bởi lẽ có một thời, chủ nhân ơi, tôi đã vận áo cà sa và mang bát đến một thành phố để xin ăn. Nhưng ở thành phố này có Mara là con quỷ đã kích động các giáo sĩ Bà La Môn và các ông chủ đứng lên chống lại giáo phái các thánh thần. "Cút đi cùng với các tu hành đạo đức, tốt giống nhà các người! Hãy chửi mắng, lăng mạ, xua đuổi, truy nã chúng". Và điều đó đã xảy ra với tôi, chủ nhân ơi, khi tôi đi trên phố, khi thì người ta ném đá lên đầu tôi, khi thì vút mảnh thủy tinh vào mặt, khi thì lấy gậy đập làm què tay tôi. Khi tôi quay về chỗ sư phụ với cái đầu bị xước, chảy đầy máu, cái bát vỡ, cái áo cà sa rách thì vị này bảo: "Hãy chấp nhận, kẻ tu hành, hãy chấp nhận! Để trả đũa một hành vi nào đó lẽ ra người phải chịu nhiều năm dưới địa ngục, thì người còn thấy sự trả đũa hành vi này ngay khi đang còn sống!".

Ngay khi những tiếng đầu tiên mà giọng y vang lên, tôi đã cảm thấy một nỗi khiếp sợ bất chợt nhói từ tim rồi chạy suốt từ đầu xuống chân, và cứ với mỗi lời thì cơn ớn lạnh này tràn khắp người. Vì đó là, hiền huynh ơi, giọng của Angulimala, tên lục lâm đấy - làm sao mà tôi có thể nghi ngờ được! Và khi cặp mắt cứng lạnh của tôi lướt lên mặt y, tôi lại càng nhận ra y, dấu cho thời xưa râu y mọc tới mắt và tóc mọc tới trán, bây giờ đã cạo trọc, mày râu nhẵn nhụi. Tôi nhận biết quá rõ cặp mắt dưới cặp lông mày rậm rì mọc sát vào nhau, dù cho ngày nay không còn như xưa. Chúng không còn phóng về phía tôi những tia chớp giận dữ nữa. Ngày nay bằng nghệ thuật giả mạo tài tình y đã vui vẻ nhìn tôi, những ngón tay đầy gân nắm quanh bát xin ăn - chắc đó chính là những ngón tay thời xưa đã bóp chặt họng tôi hệt như móng vuốt quỷ dữ.

— Ôi, ông chủ, tôi làm sao thế được, - vị khách ghê gớm của tôi tiếp, làm sao tôi có thể lên cơn giận dữ chỉ vì những lời nhiếc mắng? Bởi vì sư phụ chẳng đã nói sao: "Dù các người, sư trẻ,

có bị lũ lục lâm hay kẻ giết người lấy cớ cưa cưa cụt chân, thì cũng không được lên cơn tức giận, nếu không sẽ không thực hiện lời dặn của ta”.

Nhưng khi tôi, hiền huynh ơi, nhận biết được những lời tàng ẩn như ma quỷ tiềm tàng khá rõ nhiều đe dọa đó, chân tôi run lẩy bẩy tới mức tôi phải bám vào tường để khỏi khụy ngã. Chỉ bằng nỗ lực ghê gớm, tôi mới lấy lại được sự tỉnh táo, để bằng động thái nhiều hơn là bằng những lời ấp úng, báo cho tên tướng cướp đội lốt tu hành biết rằng, hãy kiên trì để tôi đi kiếm thức ăn.

Sau đó tôi vội vã nhanh theo mức mà đôi chân không vững nữa của tôi cho phép - đi qua sân để vào bếp, đang chuẩn bị bữa ăn trưa cho cả nhà tôi lẫn lũ gia nhân, nơi trong tất cả xoong chảo đều sôi lên sùng sục hay nghi ngút khói. Nơi đây, tôi nhanh chóng và cẩn thận chọn những thứ ngon lành nhất. Cầm một cái muôi bằng vàng và được thắp từng bởi cả tốp gia nhân bưng những tô đầy, tôi lao về phía sân để phục vụ vị khách gớm ghiếc của mình và phải chăng có thể hòa giải với y.

Nhưng Angulimala đã biến mất.

SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU

Tôi rơi phịch xuống ghế. Gần như ngất xỉu. Tuy nhiên đầu tôi lại bắt đầu làm việc ngay. Angulimala đã tới đây, điều đó chẳng phải nghi ngờ gì cả. Ngay lần nguyên nhân y đến, tôi cũng rõ. Tôi đã nghe quá nhiều chuyện về Angulimala với sự khó tính không chịu hòa giải và thói thù vật của y. Bây giờ tôi lại có cái tai ương là đã đánh gục gã bạn thân của y. Vì đã ở lâu với lũ lục lâm, tôi biết rõ tình bạn giữa chúng cũng chẳng kém gì tình bạn ở thường dân có tự trọng, thậm chí còn hơn. Khi tôi còn là tù nhân của y, Angulimala không thể giết tôi. Nếu không, y sẽ phạm ngay luật “người gửi”. Dẫu sao cũng đã có đến hai lần, y suýt làm như vậy, qua đó y đã bôi một vết nhơ lên danh dự lục lâm của y. Nhưng bây giờ thì, cuối cùng y có thể tới thăm vùng đất cách biệt rất nhiều so với những vùng y vốn hành nghề, và vì vậy có thể chuộc lại những điều đã để tuột mất. Vận bộ đồ tu hành, y dễ dàng đến những địa điểm khác nhau, và không còn nghi ngờ gì nữa, ngay đêm nay y sẽ thực hiện việc đó. Dù biết là tôi đã nhận ra y, y vẫn không chần chừ được nữa, bởi vì đêm nay là đêm cuối cùng của nửa tháng không có trăng. Nếu làm điều này ở đêm trăng sẽ vi phạm điều luật thần thánh của phường lục lâm, và sẽ bị nữ thần Kali dữ tợn tức giận mà trị tội.

Tôi sai người nhà đóng yên cho con ngựa hay nhất, và phi về thành phố hướng Hoàng cung. Lẽ ra tôi đã dễ dàng được tiếp cận vua, nhưng tôi ngạc nhiên khi biết rằng hiện vua đang ở tại một trong số những lâu đài săn bắn ở rất xa của ngài. Vậy nên tôi phải tự thỏa mãn bằng cách đi tìm gặp vị thượng thư. Đó lại chính là vị đã dẫn đoàn đã đi sứ tới Kosambi ngày nào, và nhờ sự che chở của ông ta mà tôi đã, như hiền huynh còn nhớ, tuy có đến, nhưng chẳng có về. Kể từ ngày từ chối không theo thì ông ta không còn tử tế lắm với tôi nữa, điều này tôi đã cảm nhận được từ một số buổi gặp. Và tôi cũng được biết rằng, ông đã cản trở nhiều bước thăng tiến trong cuộc đời tôi. Tôi thực sự chẳng lấy làm thích thú gì khi phải trình bày những vấn đề của mình với ông ta. Trong khi đó thì tính hợp lý, thậm chí xứng đáng được khâm phục của chúng là hiển nhiên tới mức ở đây, như tôi cảm nhận được, chẳng hề có sân chơi cho những tình cảm ưa ghét cá nhân.

Vậy nên tôi kể cho ông ta nghe điều gì đã xảy ra ở nhà tôi, ngắn gọn và rành mạch hết sức, và chưa thêm lời cầu khẩn gần như là tất yếu: khi đêm đến thì phải tập trung một đơn vị quân đội ở tại nhà và vườn nhà tôi để bảo vệ tài sản chúng tôi và chống lại cuộc tấn công gần như chắc chắn của lũ cướp, và bắt gọn tối đa bọn chúng.

Với nụ cười mỉm vô nguyên cớ, vị thượng thư lặng thinh nghe tôi nói. Rồi ông bảo:

— Kamanita thân mến! Ta chẳng biết là sáng nay mi vừa nốc một liều khá lớn chất cay, hoặc vẫn đang còn men say của những bữa nhậu thâu đêm đúng là rất nổi tiếng của mi ở Ujjeni, hoặc thậm chí mi đã làm hại cái dạ dày của mình qua những món ăn thêm quá nhiều vị cay, cũng đúng là rất nổi tiếng của mi, tới mức không chỉ vào đêm khuya, mà ngay cả ban ngày ban mặt vẫn có những giấc mơ quái đản. Bởi lẽ ta chỉ có thể coi câu chuyện vui mà mi vừa kể như vậy, nhất là khi từ lâu chúng ta đều biết rằng, Angulimala đã không còn ở chốn dương thế này nữa. - Nhưng đó là một tin đồn nhảm, như chúng ta đang thấy đây. - Tôi sốt ruột kêu lên.

— Tôi hoàn toàn chẳng thấy như vậy! – Bằng giọng nghiêm nghị ông ta để vào- Ở đây chẳng thể nói về tin đồn nhảm, bởi lẽ chỉ ít lâu sau vụ đó, Satagira có nói với chính tôi tại Kosambi rằng, do bị tra tấn dã man, Angulimala đã chết dưới mái vòm ngầm của lâu đài thượng thư. Và tôi đã thấy đầu y bị cắm lên mũi giáo ở cổng thành phía Đông.

— Tôi chẳng biết ông đã nhìn thấy đầu ai ở đó, - tôi bảo, - nhưng điều này thì tôi rất rõ: Chỉ trước đây một tiếng thôi, tôi thấy cái đầu của Angulimala vẫn còn nguyên vẹn như cũ trên cổ y.

Và tôi cũng chẳng xứng với những lời diều cọt của ông, mà trái lại, ông phải cảm ơn tôi vì qua tôi mà ông có điều kiện...

— Đánh chết một kẻ đã chết, và biến tôi thành một thằng hề, - vị thượng thư ngắt lời tôi. - Angulimala, thì tôi xin cảm ơn.

— Nếu vậy thì ít nhất tôi cũng xin ông lưu ý rằng, vấn đề ở đây không phải chỉ là món tài sản quý thứ nhất, mà là một cái nhà và khu vườn đã được đánh giá là thuộc vào các di sản quý hiếm của Ujjeni, và chúng cũng đã được nhà vua kính yêu của chúng ta chiêm ngưỡng với lòng khâm phục sâu sắc. Ngài sẽ chẳng cảm ơn ông một khi Angulimala tàn phá những nét duyên dáng của kinh đô thành tro bụi.

— Úi chào, điều đó chẳng làm tôi phiền lòng đâu. Kẻ quái vật này cười và bảo - Hãy nghe lời khuyên nhủ này: về nhà đi! Hãy an thần bằng một giấc ngủ ngon và đừng bận tâm gì nữa! Mọi thứ cũng xảy ra bởi lẽ khi ở Kosambi mi đã không chịu nghe lời ta, lại lao vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm đầy hào hoa phong nhã nhưng đủ điên khùng đến mức tung những lời khuyên của ta bay theo gió, và không chịu sớm ra đi cùng ta. Nếu làm theo những lời khuyên này thì mi đã không rơi vào tay Angulimala, và bây giờ không bị ám ảnh bởi nỗi lo sợ trống rỗng, vô có. Và việc mi sống chung hàng tháng cùng lũ lục lâm hoàn toàn không phù hợp với phong tục tập quán nhà người, điều đó thì tất cả mọi người ở Ujjeni này đều đã rõ.

Ông ta còn dừng lại ở một số đoạn mang tính giáo lý, rồi mới để cho tôi đi.

Ngay khi lên đường, tôi đã nghĩ xem mình phải làm gì đây. Vì tôi biết, bây giờ tôi chỉ còn biết dựa vào sức mình mà thôi. Về đến nhà, tôi sai người đem tất cả những tài sản quý giá đang có trong nhà, mà chủ yếu là những thứ như những chiếc thảm quý, bàn ghế gấp... ra sân rồi chất lên xe đưa vào trong nội thành để bảo đảm an toàn cho chúng. Đồng thời tôi tiến hành trang bị vũ khí cho tất cả mọi thuộc hạ của tôi - cả xe và vũ khí đều đã sẵn sàng vì đang chuẩn bị cho chuyến đi sắp tới. Tuy nhiên khi đó tôi không để cho một ai có thể suy chuyển ý nghĩ mình. Điều đầu tiên tôi phải làm là gửi một số thuộc hạ thân tín vào thành phố để tuyển những thanh niên trai tráng dũng mãnh và thạo dùng vũ khí đánh đêm, với lời hứa trả lương hậu hĩnh. Đối với bất cứ người nào khác thì đó dĩ nhiên là một đòn quá ư mạo hiểm, bởi lẽ ở những thời điểm trọng yếu nhất thì những loại này lại rất dễ liên kết với kẻ địch! Tuy nhiên tôi lại tin cậy một số người bạn gái nhất định, những người này sẽ chỉ khuyên bảo cho đám thân cận của tôi những kẻ giang hồ chắc chắn. Đó chính là những kẻ tuy bình thường sẵn sàng làm bất cứ việc xấu gì, nhưng lại coi lời long trọng tuyên thệ của mình và tiền trao tay đã nhận là một điều thiêng liêng. Vì tôi biết kĩ đám vô lại thuộc loại này và những thói quen của chúng, nên dĩ nhiên tôi biết điều tôi phải làm.

Trong khi chuẩn bị như thế này - vì tôi không có thời gian - thì với mỗi người vợ tôi cử một tên thuộc hạ đến báo họ phải sẵn sàng chuẩn bị: trong ngày hôm nay, người vợ đầu với hai cô con gái, người vợ thứ với cậu con trai phải chuyển về nhà bố ở trong thành phố. Việc chuyển này là chỉ cho một đêm thôi, tôi không cho họ biết vì tôi đã cân nhắc một cách rất khôn ngoan rằng, một khi họ đã tới đó thì họ cũng sẽ có thể ở một tuần hay lâu hơn nữa. Khi đó ở nhà, tôi sẽ hưởng một nền hòa bình không ai ngờ được - dĩ nhiên với điều kiện là tôi thành công trong việc đánh tan cuộc tấn công. Và tôi cùng chẳng để họ biết nguyên nhân đi đến biện pháp này, bởi lẽ đối với phụ nữ người ta hoàn toàn chẳng nên quy về nguyên nhân.

Vậy là tôi đang chuẩn bị một bài diễn thuyết nhằm động viên đám gia nhân vũ trang của tôi, điều mà tôi luôn làm ở những trường hợp trong chuyến đi có nguy hiểm đe dọa, và luôn thu được kết quả mỹ mãn. Thì bỗng nhiên từ hai cánh cửa khác nhau, như có hẹn trước, hai mục vợ tôi đồng thời lao vào sân, với dáng vẻ hoảng hốt tột độ và tiếng hét vẳng nhà. Điều đó làm cho

mọi người phải quay về phía họ, và tôi phải ngắt bài nói vừa mới khơi mào của mình. Mụ vợ đầu mang theo hai đứa con gái, mụ sau cậu con trai. Khi đến trước mặt tôi, mụ đầu chỉ vào mụ thứ hai rồi cả hai hét tướng lên:

— Cuối cùng là con mụ đàn bà khốn nạn này đã thành công trong việc kích động trái tim chàng chống lại thiếp. Bằng cách làm cái chuyện ô nhục bắt thiếp phải về nhà cha cùng với hai đứa con gái vô tội của chàng (cùng với cậu con trai nhỏ đáng thương của chàng).

Nổi tức giận trào dâng mà hiểu biết nông cạn do di truyền của họ còn gia tăng, gây nên hoàn cảnh là cả hai mụ cùng đổ lỗi cho nhau chính điều mà bản thân họ gây ra, và cũng than vãn về số phận mà họ cũng khóc than cho chính mình, bởi vậy nên chắc chắn phải có nhầm lẫn gì đây. Nhưng còn xa mới đi tới nhận thức đó, nên họ cứ tiếp tục la hét. Và khi đó họ còn dút tóc nhau và dấm vào ngực nhau cho tới khi, như để tạm nghỉ, tuôn trào những lời chửi mắng độc địa đối với kẻ tưởng như mình thắng, mà về sự thô lỗ thì vượt xa tất cả những gì tôi đã nghe bởi đám đàn bà được coi là tồi tệ nhất.

Cuối cùng thì tôi cũng đã bắt đầu được với bài diễn thuyết của mình, và dù với khó khăn lắm lắm, cũng nói được cho hai mụ rõ rằng các mụ đã hoàn toàn hiểu lầm lũ gia nhân mà tôi sai tới, rằng không ai trong hai mụ bị gửi về trả bố mẹ đẻ, mà sẽ được đưa về nhà bố mẹ chồng, và không phải vì bị phạt hay là tín hiệu rằng đang bị tôi ruồng bỏ, mà chỉ là để bảo đảm an toàn cho họ và những đứa trẻ mà thôi. Tuy nhiên khi thấy họ đã hoàn toàn hiểu ra, thì chính tôi lại lên cơn lòi đờm và thét lên:

— Đó chính là cái giá của hành vi xấu xa của các người, bây giờ thì hãy học cách ứng xử cho nghiêm chỉnh đi! Giờ là bọn mi có “nhà tu hành trọ” của bọn mi đó nhé! Đó chính là Angulimala, tên tướng cướp, kẻ độc ác ghê gớm, giết người, gấn các ngón tay cái thành vòng rồi treo lên! Bọn mi đã mắng chửi y, bọn mi đã chọc tức y! Thật kỳ lạ là y đã không lấy cái bát đi xin ăn ra mà đánh chết bọn mi. Với chúng ta thì khác lắm, nếu ai đó rơi vào tay hắn thì chúng ta phải trả giá ghê gớm lắm. Và cũng chẳng ai hiểu là liệu ở nhà bố ta, bọn mi có an toàn trước y hay không.

Khi hai mụ đàn bà nhà tôi nghe thủng được bài diễn thuyết đó, thì chúng hét tướng lên, cứ làm như lưỡi dao của Angulimala đã chạm đến cổ chúng. Và đã muốn cùng lũ trẻ chạy biến ra cổng. Nhưng tôi ra lệnh giữ chúng lại, rồi kiên nhẫn giảng giải rằng, hiện chưa có nguy hiểm gì mà phải sợ. Vì như tôi biết thì Angulimala không bao giờ tấn công chúng ta trước đêm. Tôi bảo các mụ về lại nhà, chuẩn bị đầy đủ mọi thứ để trong thời gian vào thành phố tránh nạn cướp, có sẵn tất cả những thứ cần thiết cho các mụ và lũ trẻ. Chúng làm ngay điều đó.

Tuy nhiên khi đó tôi không nghĩ rằng, những lời đó tác động lên người của tôi như thế nào. Và điều đó cho thấy ngay là không thuận. Bởi lẽ ngay khi chúng biết rằng đó chính là tên Angulimala gớm ghiếc, đã được coi là chết, nhưng nay lại đã do thám nhà tôi và chắc chắn là đến đêm sẽ tấn công, thì lần lượt hết kẻ này đến kẻ khác bỏ trốn. Rồi hàng chục đứa bỏ súng và tuyên bố không muốn dính dáng gì đến một con quỷ như thế: Không ai có quyền yêu cầu như vậy với họ! Cả những người được tuyển mộ từ thành phố mà nay những người đầu tiên vừa đến, thì nay nghe vậy cũng bảo, họ không ngờ sự việc lại như vậy và bỏ đi ngay. Chỉ còn khoảng hai chục kẻ thân tín nhất, mà đứng đầu là gia nhân dũng cảm nhất của tôi, tuyên bố rằng họ sẽ không bỏ tôi và sẽ bảo vệ ngôi nhà cho tới giọt máu cuối cùng. Vì họ thấy tôi quyết tâm không bỏ mặc toàn bộ cơ ngơi quý giá này mà tôi gấn bó biết bao, mà nếu cần thiết, sẽ cùng nó mà tan biến.

Nhiều thanh niên từ thành phố, quyết tâm tới vì một cuộc chiến anh dũng chứ không phải vì tiền, ngay đến cái tên Angulimala cũng chẳng sợ, đã nghe ra là một khi chiến đấu dũng cảm thì

ngay khi bị bắt cũng sẽ thuộc nhóm chúng tôi - nhiều người đến mức tuyệt vọng như thế đã tham gia, và cuối cùng tôi đã đếm được khoảng bốn chục người trang bị đầy đủ, và rất dũng cảm.

Rồi tối cũng đã đến, chiếc xe chở hai vợ tôi đã lên đường. Họ cùng lũ trẻ ra đi tương đối yên ổn. Nhưng tiếng hét lại văng lên khi họ biết tôi không đi cùng, thậm chí còn không hề có ý định sẽ ra khỏi nhà. Họ quỳ xuống, nắm lấy áo tôi và thề thốt trong nước mắt, phải cứu tôi cùng họ: "Chúa tể của chúng tôi, vị cứu tinh che chở chúng tôi, xin ngài đừng bỏ chúng tôi, đừng lao vào miệng hùm!". Tôi bảo họ, một khi tôi rời ngôi nhà này thì nó biến ngay thành miếng mồi ngon của lũ lục lâm và ngọn lửa của tử thần, con trai tôi sẽ mất hết di sản, trong khi nếu kiên trì chiến đấu, biết đâu còn cứu được, vì người ta còn chưa biết liệu Angulimala có tấn công bằng lực lượng thật lớn hay không.

— Ôi, đáng thương cho chúng tôi, chúa tể của chúng tôi, vị cứu tinh che chở chúng tôi nay muốn bỏ chúng tôi! Và tên Angulimala gớm ghiếc sẽ giết ngài rồi đơm ngón tay vào vòng treo cổ! Y sẽ tra tấn người chồng yêu quý của chúng tôi cho đến chết trong cơn điên loạn của y, và đó là do lỗi của chúng tôi! Chỉ vì vài lời chửi bới của chúng tôi mà chồng chúng tôi phải chịu đau đớn, bởi vậy chúng tôi cũng phải nhận những gì tồi tệ nhất nơi địa ngục!

Tôi cố gắng trấn an họ đến mức tốt nhất, và khi họ thấy không thể lay chuyển tôi được, họ đành phải lên xe. Nhưng vừa mới yên chỗ, thì họ lại bắt đầu biến thành kẻ thù của nhau bằng cách riếc móc nhau.

— Mi là kẻ khơi mào.

— Không, không, mi, chính mi đã làm cho ông ấy chú ý đến ta khi ông ấy đang đứng bên cổng. Thật vậy, chính ở đó, mi đã lấy ngón tay chỉ vào thằng ấy.

— Và mi đã nhổ nước bọt vào thằng ấy - nước bọt đỏ - ta chưa ăn trâu. Ta không bao giờ ăn trâu vào buổi mai.

— Nhưng mi đã gọi thằng ấy là tên du đảng, là thằng ăn mày bẩn thỉu.

— Và mi gọi y là kẻ tu hành trọc...

Và cứ thế mãi. Nhưng tiếng lộc cộc của những chiếc bánh xe đã ngắt tiếng họ khi những chú bò bắt đầu kéo căng dây.

THA HƯƠNG

Chỉ cho mọi người vị trí của họ xong, tôi lại bước vào nhà. Xung quanh tôi bây giờ tĩnh lặng biết bao, tĩnh lặng chưa từng có. Không còn nghe thấy tiếng hai cô vợ - à không phải thế, mà là nghe thấy tiếng hai cô vợ xa dần ra khỏi cổng. Không còn khả năng chột thấy cất lên từ một xó nào đó hai cái tiếng the thé ấy cứ kích nhau lên dần, lên dần, để rồi cuối cùng hoặc hợp âm thành một bè đôi chửi rủa đến lạc cả giọng, hoặc lại tách bè. Thế đấy, trong nhà bây giờ tĩnh lặng, an bình đến khó hiểu, khó tả.

Bây giờ hình như toà dinh thự có vườn tược rộng rãi bao quanh của tôi lại càng tuyệt đẹp hơn bao giờ hết. Tôi rùng mình nghĩ, chỉ vài tiếng nữa thôi, cái tuyệt đẹp ấy rồi sẽ bị lũ cướp vô đạo đức kia phá cho tan nát. Tôi ít lo cho tính mạng của mình mà cứ day dứt với cái hình ảnh là rồi khi mặt trời lại mọc, những lối đi có cây trồng được tưới công phu kia sẽ chỉ còn là chốn hoang vắng, những cây cột đá hoa được chạm trổ rất nghệ thuật kia sẽ bị lật đổ nhào và tất cả những gì mà tôi đã phải lao tâm khổ tứ, khó nhọc, kiên trì mới gây dựng được - niềm hoan hỉ lớn của tôi, cũng chỉ còn là một đồng phế tích. Tôi vốn biết quá rõ các dấu vết của Angulimala.

Tôi chẳng có việc gì khác ngoài việc đợi, mà đợi cho đến tận nửa đêm vì còn những mấy tiếng đồng hồ nữa.

Trước kia, không ngừng bị lôi cuốn vào cái chuỗi không hề ngừng nghỉ của những thú vui và những công việc, tôi không bao giờ bận tâm đến ký ức. Lúc này việc làm chẳng có, ngồi đơn độc trong căn phòng trông ra vườn và trông ra căn sảnh có cột, giữa toà dinh thự vắng lặng như đã chết, tự nhiên có phần nào đó tôi lại nhớ đến thuở thiếu thời, cái thuở hoàn toàn của chính tôi. Ý nghĩ bay bổng, lần đầu tiên hướng về chính tôi và cả cuộc đời như diều qua trước mặt tôi. Tôi như người ngoài cuộc ngồi xem, thờ ơ nên không hề thấy thỏa mãn.

Có một đôi lần tạm ngừng xem, đi một vòng qua nhà, sân, vườn để cho yên tâm là mọi người vẫn canh gác. Đến lần thứ ba hay thứ tư gì đó, từ hàng cột bước ra, vì đã nhiều lần đi thành đoàn, quen xem sao, tôi chợt nhận ra cho tới nửa đêm chỉ còn độ nửa tiếng nữa. Tôi vội bước nhanh và dặn dò người của tôi phải hết sức cảnh giác. Chính tôi cũng cảm thấy máu như nện búa trong huyết quản và hòng như muốn thất lại vì căng thẳng, về phòng rồi, tôi lại ngồi như cũ. Song không còn muốn nghĩ ngợi gì nữa, tôi cảm thấy rất tức ngực, rồi lại như sắp ngạt thở.

Tôi đứng bật dậy, bước ra chỗ có hàng cột để cho dễ thở. Bỗng thấy có một hơi khê quạt ngang má, rồi ngay sau đó vang lên tiếng kêu của một con cú. Cùng lúc ấy từ ngoài vườn thoảng vào hương thơm ngát của mấy bông sen vừa mới nở dưới đầm. Tôi lại ngược mắt nhìn sao để xem giờ, thì nhìn thấy ở phía trên các ngọn cây đen sẫm, dải Ngân hà lấp lánh vắt ngang qua mảng trời màu lam đậm.

“Thiên hà”, tự dưng tôi thì thầm. Tự dưng ngực hết tức và có một con sóng ấm cứ thế dâng, để rồi cuối cùng thành dòng lệ nóng hổi ứa ra đẫm mắt.

Lúc cuộc đời như diều qua trước mắt, tôi có chợt nhớ cả đến Vasitthi và cuộc tình của chúng tôi, song lại như cái gì đó hơi xa lạ, gần như một giấc mơ rờ rại. Song lúc này tôi không nghĩ đến nó mà tôi thấy lại nó, tôi vừa là chính tôi của ngày ấy vừa là chính tôi của lúc này; nhận thấy chỗ khác biệt ấy, tôi thật sự hoảng hốt. Ngày ấy ngoài chính tôi và mối tình của tôi ra, tôi chẳng có gì để sở hữu, tách hai thứ ấy sao được nhỉ? Còn lúc này, ồ, tôi có tất cả mọi thứ! Vợ và con, voi, ngựa và bò, trâu kéo xe, người làm và người hầu, nhà đầy hàng hóa, vàng bạc và châu báu, một cái công viên nhỏ, một toà dinh thự mà đồng hương phải thèm - nhưng chính tôi lại ở đâu nhỉ? Như khi quả đã thành, hạt khô đi, teo lại và tất cả chỉ còn vỏ!

Như tỉnh dậy, tôi nhìn quanh quất.

Khu vườn rộng mênh mông, với những tán cây đen sẫm hướng lên vòm trời đêm rắc đầy sao và có dải Ngân hà vắt qua, căn sảnh kiêu hãnh với những ngọn đèn sáng rực trên trần thạch cao giữa các hàng cột. Lúc này tất cả hiển hiện trong một thứ ánh sáng mới khác hẳn, chúng vây lấy tôi, thù địch và đe dọa, như những con dơi quỷ lấp loáng đã hút cạn máu người mà vẫn còn toác miệng thêm khát, còn muốn hút nốt giọt cuối cùng, chỉ chịu bỏ lại cái xác cứng đờ của một kiếp người lơ dờ. Có tiếng động ở xa không rõ ràng - tiếng thì thầm hay là tiếng chân bước? Tôi giật mình. Kiểm tuốt sẵn cầm tay, tôi nhảy xuống vài bậc, đứng nghe ngóng. Cướp! Nhưng không! Tất cả im ắng, tất cả vẫn im ắng, không có động tĩnh gì ở xa và ở xung quanh. Chỉ là thứ âm thanh kỳ lạ của đêm vắng, nó đã từng làm tôi nhảy dựng lên bên đồng lửa canh của các đoàn tải hàng. Chẳng có gì ở ngoài kia! Nhưng trong tôi có gì? Không còn là sợ, máu dồn trong lúc này, cũng không phải là dũng cảm trong tuyệt vọng; không, đó là reo mừng!

"Hoan nghênh các người, quân cướp! Lại đây xem, Angulimala! Phá đi, đốt đi! Các người hủy diệt là hủy diệt kẻ thù không đội trời chung của ta! Lại đây nào! Cho kiếm nhuộm máu ta đi! Đâm thủng cái thân này đi, đó là kẻ thù xấu xa nhất của ta đấy, bệ rạc, bê tha! Mạng sống này, lấy nó đi, đó là vật sở hữu tồi tệ nhất của ta đấy! Hoan nghênh các người, quân cướp ạ, bạn tốt, bạn cũ của ta!". Không thể lâu: đã quá nửa đêm. Tôi mong trận đấu biết bao! Angulimala sẽ tìm tôi, để rồi xem liệu lần này nó có đánh bật được kiếm ra khỏi tay tôi! Ôi, sẽ êm ái biết bao, cái chết ấy, sau khi tôi đã đâm thủng được hắn. Hắn, chính hắn và chỉ có hắn, phải chịu trách nhiệm về tất cả nỗi niềm bất hạnh của tôi.

"Không thể lâu nữa" - không biết bao nhiêu lần tôi đã nhắc lại câu ấy trong cái đêm hôm ấy! Lúc này - Thế chứ! Không, đó chỉ là tiếng ngọn cây xào xạc, tắt dần đi rồi lại rộ lên. Nghe như có con vật lớn đang quẫy. Không ngừng lại thế và có lần đã vang lên tiếng hót ngắn gọn của một con chim nào đó.

Chẳng phải đó là tín hiệu ngày sắp rạng sao?

Tôi lạnh toát người. Không lẽ tôi phải thất vọng ư? Vâng, lúc này tôi run, bởi tôi sợ bọn cướp sẽ không đến. Có vẻ sắp đến hồi kết - một trận đấu ngắn, căng thẳng rồi chết, hầu như không cảm thấy. Tôi thấy không có gì khó khuây bằng cái triển vọng chết tiệt, sáng ra lại thấy mình ở đây, vẫn khung cảnh cũ, vẫn chính cuộc sống cũ, bị ràng buộc bởi cuộc sống cũ. Sẽ xảy ra điều đó thật ư? Bọn nó không đến, những kẻ giải phóng! Chắc chắn là đúng rồi - tôi không dám tìm hiểu thêm. Nhưng sao lại có thể như thế? Vậy rút cuộc tôi là nạn nhân của một ảo ảnh sao? Lúc tôi nhận ra kẻ tu hành khổ hạnh ấy chính là Angulimala? Tôi đặt đi đặt lại câu hỏi đó, tuy nhiên tôi không thể tin điều đó. Vậy tất hắn còn phải đến - không có mục đích, chắc chắn hắn đã không khéo cái trang mà đến để rồi lại biến mất, cứ như thể trái đất nuốt chửng hắn. Bởi tôi đã tìm hiểu thêm và đã biết chắc, là hắn chẳng hện khát thực^[9] ở đâu khác hết.

Tiếng gáy còn ngái ngủ của một con gà trống non ở nhà gần đó kéo tôi ra khỏi giấc mơ màng. Tôi không còn thấy ngôi sao tôi định tìm, vài ngôi đã khuất mất sau ngọn cây, và ngay những ngôi đứng cao nhất cũng không còn được tỏ. Không còn nghi ngờ gì nữa: ngày sắp rạng và cuộc tấn công của Angulimala chắc chắn không xảy ra.

Biết vậy mà không hề cảm thấy thất vọng, và đương nhiên cũng không thấy nhẹ nhõm vì đã hết nguy hiểm. Bởi có một ý tưởng mới đã lóe lên trong tôi:

"Cần bọn cướp ấy để làm gì? Để nhờ đuốc, nhờ vòng tẩm nhựa của chúng giải thoát cho khỏi gánh nặng của cái cơ ngơi tráng lệ này ư? Thì cũng có người tự nguyện từ bỏ sở hữu để làm kẻ hành hương đi đây đi đó. Tựa con chim nó bay đi đâu là chỉ bằng cánh của nó, kẻ khát thực bằng lòng che thân chỉ bằng chiếc cà sa, tự kiếm sống chỉ bằng cái bát khát thực. Tôi từng được

nghe ca ngợi: “ở nhà là ở tù, ru rú trong cái xó bần thủ, đi hành hương là có cả một trời tự do”.

Tôi cần đến kiếm đao của bọn kẻ cướp là để diệt cái thân này. Nhưng khi xác này tiêu tan đi thì lại có xác khác, nó từ kiếp sống này mà sanh ra như là quả của kiếp sống này. Đương nhiên là tôi với Vasitthi từng thề thốt, có con sông Thiên Hằng vẫn đổ nước bạc vào đầm sen ở cõi Tây Phương cực lạc, là rồi sẽ tìm nhau ở các cánh đồng linh hồn. Như cô ấy bảo thì với lời nguyện ấy, sẽ sinh ra cho mỗi người một cái mầm sống trong con đầm thiêng nước trong suốt như pha lê kia. Mỗi suy nghĩ trong sạch, mỗi việc làm tốt lành đều thúc cho mầm phát triển. Cái ác, cái không xứng như con sâu, nó đục mầm. Hẳn là cái mầm của tôi đã bị đục ruỗng từ lâu rồi! Tôi đã nhìn lại cuộc đời mình: chỉ thấy cái không xứng, hẳn từ đó rồi lại sẽ sinh cái không xứng. Vậy đổi lẩn như thế, tôi được gì?

Quả bây giờ có những người, họ diệt mọi khả năng tái sinh trần thế ngay ở trong cuộc sống này và chắc chắn họ sẽ được hưởng cực lạc vĩnh hằng bất di bất dịch. Đó chính là những người đã bỏ lại tất cả sau lưng họ, để tự do hành hương đây đó. Vậy cần gì đến đuốc đốt nhà, kiếm giết người của lũ kẻ cướp? Lúc đầu tôi run sợ trước lũ cướp rồi sau lại nóng lòng mong chúng và hy vọng ở chúng, giờ tôi chẳng sợ gì chúng cũng chẳng cầu mong gì ở chúng. Hết sợ, hết mong tôi thấy rất thanh thản. Trong cái thanh thản ấy, tôi thưởng thức tiền vị của niềm vui, như người đi hành hương đã đạt được cái đích của mình.

Và tôi, đã từng biết cái giá của đời sống lang thang, mới cách đây hai mươi bốn tiếng còn ngán ngại thậm chí cả những chuyến đi gần, bây giờ tôi quyết định làm kẻ không nhà. Tức thì cũng chẳng cần quay vào nhà, tôi đi thẳng ra chỗ để cái kho chứa dụng cụ, nhặt lấy cây gậy của người đánh trâu, đeo bỏ đầu nhọn để làm gậy đi đường, nhặt thêm một cái bầu nữa mà những người đi làm đồng thường hay đeo bên mình. Ra giếng, tôi lấy đầy một bầu nước. Chợt người quản gia lại hỏi:

— Angulimala và quân của nó không đến nữa sao, thưa ông?

— Không, Kolita, chúng không đến nữa.

— Nhưng thưa... ông đã định ra ngoài rồi sao?

— Đúng vậy, Kolita, ta sắp ra ngoài và muốn nói với mi về chuyện đó. Chẳng là ta quyết định chọn con đường mà người ta vẫn nói là đường của những loài chim di trú. Chọn con đường ấy, Kolita, thì có đi không có về. Chết rồi không quay lại trái đất, còn sống cũng không trở về nhà. Mi vốn là kẻ trung thành, ta giao hẳn cho mi trông nom cái nhà này. Hãy quản lý nó cho tốt, đợi con ta đến tuổi trưởng thành. Ta gửi lời chào cha ta và hai cô vợ. Chúc mạnh khỏe!

Nói xong, rút lại bàn tay mà Kolita đang vừa hôn vừa khóc, tôi bước thẳng ra cổng. Chợt nhìn thấy cái cọc, chỗ có người mặc áo khổ tu đã đứng tựa, tôi thầm nghĩ: nếu như việc người đó giống Angulimala chỉ là một ảo ảnh thì mình đã hóa giải đúng.

Tôi bước thật nhanh không hề nhìn lại, vượt qua khu ngoại ô với bao nhiêu vườn tược. Trong cái hùng sáng đầu tiên của buổi rạng đông, con đường thiên lý trải dài trước mặt, như dẫn đến vô tận.

Bạch Đại đức, tôi đã thành kẻ tha hương như vậy.

TRONG GIAN HÀNG CỦA NGƯỜI THỢ GỖM

Kẻ hành hương Kamanita đã kể xong câu chuyện, chàng ngồi nín lặng, về nghĩ ngợi nhìn ra cảnh trí bên ngoài.

Đức Thế Tôn cũng nín lặng, về nghĩ ngợi nhìn ra cảnh trí bên ngoài. Nhìn thấy những cây to, ở gần và ở xa, có chỗ cây cụm lại từng mảng tối, có chỗ cây lại tản như mây để rồi nhạt nhòa dần như sương.

Trăng đã lên đến đầu mái, ánh trăng lọt vào phía trước in lên mặt đất như những tấm khăn trắng nõn, trong khi các cây cột lại ánh lên ở mé bên trái cứ như dát bạc.

Trong cái tĩnh mịch của đêm khuya, nghe rõ tiếng bò gặm cỏ, giật từng hồi ở gần đâu đó.

Đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Có nên nói ngay tất cả những gì mình biết về Vasitthi cho kẻ hành hương nghe không nhỉ? Là cô ấy chung thủy với hấn, cô ấy không có lỗi, cô ấy bị lừa quá bỉ ổi nên mới phải lấy Satagira? Là công của cô ấy, nếu như Angulimala xuất hiện ở Ujjeni, nếu như Kamanita lên đường hành hương thay vì sa đọa trong cuộc sống hoan lạc bất thủ. Có nên tiết lộ là Vasitthi lúc này đang ở trên con đường nào không?".

Rồi Người quyết định là chưa nên vì chưa phải lúc, biết như thế có thể không có lợi cho quyết tâm của kẻ hành hương.

- Đức Thế Tôn nói:
- Xa người yêu là khổ, ở với người không yêu là khổ. Nói như thế là vì như thế.
 - Ôi đúng quá! - Kamanita xúc động reo. - Cực kỳ đúng và thâm thúy! Nay ông khách lạ, vậy ai đã nghĩ ra cái câu châm ngôn quá đúng ấy?
 - Để đó đi, kẻ hành hương. Ai nói thì cũng thế, miễn là cảm được và nhận được ra chân lý.
 - Tôi mà không ư? Có mấy từ mà chứa đựng được tất cả nỗi khổn khó của đời tôi. Giá như tôi chưa chọn một bậc thầy, tất là tôi sẽ đi tìm đúng cái người đã nghĩ ra câu ấy.
 - Vậy ra kẻ hành hương đã có một bậc thầy, nguyện theo giáo lý của người ấy và lên đường cùng nhân danh người ấy?

— Tôi chẳng nhân danh bất kỳ ai đâu, thưa đạo huynh, mà ngày ấy tôi nghĩ một mình mình phải đạt được một mục đích. Ngày đêm tôi thành tâm miệt mài suy nghĩ, dù đó là lúc nghỉ ở gần một cái làng nào đó, hay là ở dưới một gốc cây, hay là ở giữa rừng, cố nghĩ thật sâu. Những ý nghĩ như thế này cứ đeo bám lấy tôi: "Linh hồn tôi là gì? Thế giới là gì? Linh hồn có vĩnh hằng? Thế giới có vĩnh hằng? Linh hồn có nhất thời? Thế giới có nhất thời? Thế giới là vĩnh cửu mà linh hồn là nhất thời? Linh hồn là vĩnh cửu mà thế giới là nhất thời? Hay là: Tại sao đấng Brahma tối cao lại sinh ra thế giới, nếu như đấng Brahma là hoàn thiện, là niềm vui tinh khiết, thì sao thế giới mà người sinh ra lại không hoàn thiện và đầy rẫy cái khổ?". Bản khoản mãi với những ý nghĩ như thế, thưa đạo huynh, mà không tìm ra được lời giải nào thích đáng. Lại càng hồ nghi hơn và hình như chẳng tiến được thêm bước nào đến gần cái đích, mà vì nó đưa con của dòng quý tộc đã quyết ra đi, bỏ nhà, bỏ quê hương mãi mãi.

— Hỡi kẻ hành hương, như người đuổi theo chân trời: "chỉ nay hay mai là có thể đến chân trời!" thì cũng thế: Ai đó càng đuổi theo những câu hỏi như thế, cái đích lại càng thêm xa vời.

- Kamanita gật gù suy nghĩ rồi nói tiếp:
- Có một hôm, bóng cây lúc ấy đã ngả dài, tôi đi đến một quãng rừng thưa thì chợt bắt gặp một chốn tu hành. Mấy người trẻ tuổi, người đang vắt sữa, người đang bồ cùi, người đang cọ

thùng. Trước sảnh là một vị Bà La Môn già ngồi trên chiếc nệm, chắc là người dạy hát và dạy kinh cho lớp trẻ kia. Vị ấy thân mật chào hỏi và mặc dù chỉ còn độ tiếng nữa là đến cái xóm gần đó nhất, như vị ấy nói, tôi vẫn được mời ở lại dùng bữa rồi nghỉ đêm. Tôi cảm ơn, nhận lời và trước lúc đi nằm tôi có được nghe thuyết, đôi chỗ cũng hay, đáng nể. Sớm hôm sau, đến lúc tôi định xin cáo biệt, vị ấy mới hỏi "Ai là thầy, kẻ hành hương ra đi nhân danh ai?". Tôi đã trả lời như vừa mới trả lời đạo huynh. Vị ấy bảo: "Con voi khôn còn phải đi thành đàn, có con đầu đàn dẫn dắt, cái đích ấy cao siêu mà kẻ hành hương như con tê giác lũi một mình thì đến đích sao được?". Nói đến "đàn" vị ấy bao dung liếc nhìn mấy người trẻ tuổi, còn nói đến "đầu đàn" thì vị ấy mỉm cười có vẻ hơi tự mãn. Vì lẽ, vị ấy nói tiếp, như thế là quá cao nếu chỉ suy nghĩ có một mình cho dù là sâu. Không thầy thì rồi ai khai mở, chỉ cho lối vào? Mặt khác kinh Veda đoạn răn Cvetaketu có nói: "Tựa như một người bị người ta bịt mắt, rồi dắt từ mãi xứ Gandhar đến đây, rồi thả vào sa mạc. Anh ta sẽ dạt sang Đông, dạt lên Bắc, dạt xuống Nam; bởi bịt mắt rồi mới dắt đi, lúc thả vẫn bịt mắt. Sau có người gỡ bỏ miếng vải bịt rồi chỉ cho: Người Gandhar ở tít phía đằng kia kia, cứ hướng về phía ấy mà đi!". Rồi từ làng này đến làng kia, đến đâu cũng hỏi thêm, lúc về đến nhà ở xứ Gandhar thì đã ra người có học vấn và hiểu biết. Cũng là thế: Một người ở cõi trần này mà đã tìm ra được một ông thầy, thì biết chắc: Mình sẽ chỉ còn phải đi lang thang trên trái đất này cho đến lúc mình được giải thoát, đến lúc ấy mình lại về nhà.

Tôi đã nhận ra điểm xuất phát của vị Bà La Môn già, vị ấy muốn chiêu dụ tôi làm học trò. Thế nhưng chính ham muốn ấy lại thức tỉnh tôi, tôi không tin. Nhưng tôi lại rất thích đoạn kinh Veda, đọc đường tôi cứ phải nhấm lại luôn cho nhớ. Tôi nghĩ đến một câu kệ có lần đã được nghe, thấy nói là của một bậc thầy: "cần cái hoàn thiện không cần lớp trẻ, xong lớp trẻ cần cái hoàn thiện". Tôi nghĩ, quả thật đó phải là một người khác hẳn người Bà La Môn trong cánh rừng ấy. Và tôi cần, thừa đạo huynh, là cần cái bậc thầy không cần kia.

— Bậc thầy mà đạo hữu từng được nghe ca ngợi đó là ai vậy? Tên là gì nhỉ?

— Ôi đạo huynh, đó là vị chân tu dòng khổ hạnh Gautama, là đức Thái tử Thích Ca, là người đã quyết khước từ ngôi báu của dòng tộc Thích Ca. Đâu đâu bậc thầy Gautama cũng được người ta tôn vinh là Đấng Thế Tôn, bậc Thánh thiện, bậc Tri giả, bậc Thầy của thần và người, Đấng Giác Ngộ Hoàn Thiện, Đức Phật. Bây giờ tôi hành hương là theo ý của Đức Thế Tôn, tôi nguyện theo đạo pháp của Người.

— Nhưng này kẻ hành hương, Đức Thế Tôn, Đấng Giác Ngộ Hoàn Thiện bây giờ ở đâu?

— Đạo huynh, vương quốc phía Bắc Karala ở trên kia có một thành phố gọi là Savatthi. Trước thành có một khu rừng là công viên Jetavana, cây cao bóng cả, người ta có thể ngồi ở đó để mà thiền vì rất yên tĩnh. Có đầm hồ mát rượi, có thảm cỏ xanh mượt, có vô số hoa đủ sắc đủ màu. Khu rừng ấy, cách đây mấy năm, nhà phú thương Anathapindika đã chịu bỏ vàng ra mua lại của hoàng thân Jeta để cho toàn cơ ngơi được trọn vẹn, nhưng rồi lại giao cho Đức Phật. Vậy đó, chính là ở Jetavana, nơi rất nhiều người hiền ưa đi đạo: Đức Thế Tôn, Đấng Giác Ngộ Hoàn Thiện hiện ngự ở nơi đó. Mong rằng khoảng độ bốn tuần nữa, tôi vẫn khỏe và đi thật nhanh, bước rõ dài, thì tôi sẽ vượt được khoảng cách từ đây đến Savatthi để mà được ngồi dưới chân Đức Thế Tôn.

— Nhưng mà kẻ hành hương đã nhìn thấy Đức Thế Tôn bao giờ chưa? Và liệu đến lúc gặp có nhận ra được Người?

— Chưa, đạo huynh, tôi chưa bao giờ được gặp Người, vì vậy đến lúc gặp, có khi thấy mà lại chẳng nhận ra không chừng!

Đức Thế Tôn thầm nghĩ: "Kẻ hành hương này vì ta mà hành hương, thuận theo danh tính của

ta. Thế nào đây, nếu ta thuyết pháp cho y lúc này?". Đức Thế Tôn mới quay lại bảo Kamanita:

— Trăng vừa mới lên đến ngang mái nhà, đêm chưa khuya lắm mà ngủ nhiều không tốt cho tinh thần. Nào, nếu đạo hữu cho là phải, thì kẻ này sẽ xin thuyết giảng đạo lý của nhà Phật, gọi là để đền đáp câu chuyện mà đạo hữu vừa kể.

— Đạo huynh, được đấy, xin thỉnh ngài làm việc ấy cho.

— Vậy nghe đây, hỡi kẻ hành hương và hãy nhập tâm lời ta nói.

BẠC THẦY

— Này đạo hữu, - Đức Thế Tôn nói, - Người hoàn toàn giác ngộ đã cho chuyển pháp luân ở chỗ Hòn đá Tiên tri, trong Thung nai, gần Benares. Đã tiết lộ, đã công bố bốn chân lý thiêng^[10]. Bốn chân lý nào? Chân lý của khổ, chân lý của sinh khổ, chân lý của diệt khổ và chân lý của con đường diệt khổ mà người không nhìn thấy, thần không nhìn thấy và chính thiên nhiên cũng không nhìn thấy. Song lại về một cuộc sống vĩnh hằng, về niềm vui đến tột cùng, về thiên lạc.

— Tôi chẳng nắm được gì, chẳng lẽ Đức Thế Tôn lại không bày tỏ về chuyện ấy.

— Thế đấy, thế đấy, đạo hữu. Đức Thế Tôn đã không bày tỏ gì về chuyện ấy.

— Tức là về cái vấn đề quan trọng bậc nhất ấy, Đức Thế Tôn chẳng biết gì nhiều hơn tôi. - Kamanita chán nản nói.

— Thế ư? Vậy kẻ hành hương hãy nghe đây! Đức Thế Tôn cũng có một thời trú ngụ trong khu rừng Vasitthi cõi Tây Phương. Đức Thế Tôn đã ra khỏi rừng, tay cầm nắm lá Sinsapa hỏi các đệ tử: “Lá trong bàn tay ta nhiều hơn hay là lá trên rừng Sinsapa nhiều hơn?”. Không nghĩ ngợi gì lâu, chúng đệ tử đáp: “Lá trong tay Người ít, lá trong rừng kia mới nhiều”. “Cũng là như thế hỏi các đệ tử, Đức Thế Tôn nói, cái ta biết mà không nói nhiều hơn cái mà ta đã cho các người biết. Nhưng vì sao ta không cho các người biết nốt? Vì không bổ ích, không phải của dòng tu khổ hạnh cổ, không làm sao cho kinh hãi, không tạo ra bước ngoặt, không giúp hóa giải, không giúp tỉnh ngộ, không dẫn đến Niết Bàn”.

— Nếu Đức Thế Tôn cũng từng nói ở khu rừng Sinsapa, - Kamanita đáp, - thì sự thể có thể càng nghiêm trọng. Vì Người đã giấu điều ấy, để cho đệ tử khỏi nản lòng, thậm chí khiếp sợ, bằng cách Người tiết lộ cho họ chân lý cuối cùng: chân lý của diệt. Tôi thấy hình như đó cũng là hệ quả tất yếu cái mà Người từng phân tích, giảng giải cho tôi. Vì lẽ sau khi tất cả các đối tượng của ngũ quan và của tư duy đã được xem là nhất thời, phi bản thể, đầy đau khổ, bị khước từ và phủ định thì lại chẳng còn một quy định nào nữa để mà nắm lấy cái gì đó. Vì tôi hiểu lời dạy của Đức Thế Tôn như thế này, rằng một vị tăng đã rũ sạch bụi trần, lúc thì thể tan rã là lúc đi vào hư không, rằng vị tăng ấy đã biến đi, rằng vị tăng ấy không còn ở bên kia cái chết.

Đức Phật mới hỏi:

— Kẻ hành hương chẳng nói rằng nội trong một tháng nữa sẽ ngồi dưới chân Đức Thế Tôn trong rừng Jetavana, cạnh Savatthi đó sao?

— Vì sao Đại đức lại hỏi? Tôi mong được như thế.

— Khi đạo hữu ngồi dưới chân Đức Thế Tôn, đạo hữu có cho rằng cái dáng người mà mình nhìn thấy, có thể sờ thấy bằng tay đó là Đấng Hoàn Thiện, liệu đạo hữu có nghĩ thế?

— Bạch Đại đức, tôi không.

— Nhưng bây giờ khi Đức Thế Tôn nói với đạo hữu - ý thức thì hình thành cảm thụ, cảm nhận và cảm giác - đó có phải là Đấng Hoàn Thiện, đạo hữu có nghĩ thế?

— Bạch Đại đức, tôi không.

— Vậy, đạo hữu, thân thể với ý thức gộp lại là Đấng Hoàn Thiện?

— Bạch Đại đức, tôi cũng không thấy thế.

— Vậy Đấng Hoàn Thiện có tách khỏi thân thể? hay khỏi ý thức? Hay khỏi cả hai? Đạo hữu có nghĩ thế?

— Tách khỏi chúng, chừng nào mà bản thể còn chưa cạn kiệt vì các quy định.

— Thế thì đạo hữu có những quy định nào, ngoài các quy định của cái hữu hình với tất cả các bản chất cảm nhận được bằng giác quan, với nội dung trọn vẹn của nó về cảm nhận, cảm thụ, cảm giác, đạo hữu còn có những quy định nào nữa dùng được để có thể tận khai cái chưa tận khai trong bản thể của Đấng Hoàn Thiện?

— Những quy định như thế, Bạch Đại đức, dĩ nhiên tôi không có.

— Như vậy thì, này đạo hữu Kamanita, ngay ở đây, trong thế giới giác quan đạo hữu đã không nắm được chân lý và thực thể của Đấng Hoàn Thiện. Vậy đạo hữu có quyền nói là Đấng Hoàn Thiện - hay vị tăng, đã rũ sạch bụi trần, lúc cuộc sống tan rã là lúc đi vào hư không, là vị ấy không ở bên kia cái chết, khi mà đạo hữu không có phương tiện để nắm bắt lấy chân lý và thực thể của nó ở đó?

Bị hỏi như thế, Kamanita ngồi một lúc, lưng gập, đầu cúi, im lặng. Cuối cùng nói:

— Nếu tôi cũng không có quyền nêu ra như thế thì hình như đã đủ rõ, xuất phát ngay từ sự nín lặng của Đức Thế Tôn. Vì chắc chắn Người đã không nín lặng, nếu như Người có chút gì vui để mà thông báo, đúng là như thế, nếu như Người biết là vị tăng đã dứt khổ sau lúc chết đâu có đi vào hư không mà đi vào cuộc sống hạnh phúc, vĩnh cửu. Vì thông báo như thế chỉ có thể khích lệ đệ tử, có lợi cho xu thế đúng của họ.

— Đạo hữu có chấp nhận không? Bây giờ thế nào khi Đấng Hoàn Thiện đặt mục đích cuối cùng không phải là diệt khổ, cũng như ngài bắt đầu chính từ cái khổ, mà vượt ra xa nữa, đã ca ngợi một cuộc sống hạnh phúc, vĩnh hằng ở bên kia cái chết? Thậm chí có nhiều đệ tử chuộng cái quan niệm ấy, đeo bám theo nó, sốt sắng thực hiện nó, làm náo động cả tư duy. Nhưng này đạo hữu, thế nào là chân lý thiêng về cái khổ? Sinh là khổ, lão là khổ, bệnh là khổ, tử là khổ. Lo buồn, đau thương, than vãn, hoài nghi là khổ. Xa người mình yêu, ở với người mình không yêu là khổ. Ham của không được là khổ. Tóm lại mọi dạng phụ thuộc là khổ. Người ta bảo đó là chân lý thiêng của cái khổ. Này đạo hữu, còn thế nào là đạo lý thiêng của cái sinh khổ? Đó là cái sự thèm khát, dẫn từ tái sinh đến tái sinh, có lạc thú với đam mê đi kèm, lúc ở đây, lúc ở đó vui chơi, hưởng thụ. Đó là sự thèm khát vui thú, thèm khát cái chưa đến, thèm khát cái đã qua. Này đạo hữu, người ta bảo đó là chân lý thiêng của sự sinh khổ. Còn thế nào là chân lý thiêng của diệt khổ? Đó chính là sự thèm khát diệt trọn, tận diệt, là buông bỏ, là để mặc, là giải thoát, là cứu rỗi. Người ta bảo đó là chân lý thiêng của diệt khổ.

Vậy đạo hữu, thế nào là chân lý thiêng của con đường diệt khổ? Đó là con đường thiêng có tám nhánh, bao gồm nhận thức đúng, quyết định đúng, nói năng đúng, hành động đúng, đi đứng đúng, cầu mong đúng, miệt mài đúng, thiền định đúng^[11]. Người ta bảo đó là chân lý thiêng của con đường diệt khổ”.

Dựng xong bốn cây cột trụ như thế là xong, Bậc thầy mới bắt tay vào dựng cả cơ cấu giáo lý thành ngôi nhà ở được cho tư duy và đức tin của các đệ tử. Người giảng giải từng câu một, như người ta chẻ từng viên đá rồi mài bóng; như người ta đặt từng viên gạch một, ở chỗ nào cũng chắc chắn cẩn thận và tất cả lại ăn khớp với nhau thật chính xác. Cạnh cây cột của tư duy khổ, Người đặt cây cột của tư duy quá vãng; nối hai cây cột ấy với nhau và được chống bởi cả hai là cây xà nặng ký: tư duy của tính phi bản thể của mọi hiện tượng. Lọt qua cái cổng đồ sộ ấy rồi, Người trèo, thận trọng dắt theo học trò, từng bậc của cây thang ghép rất chắc của quy luật nhân quả, trèo lên rồi lại trèo xuống, đến đầu gia cố và hoàn thiện ở đó.

Như Người thợ cả giỏi nghề lúc xây một toà dinh thự tráng lệ biết cài thêm vào những chỗ thích hợp những tác phẩm tạo hình, không chỉ là tiết trang trí mà còn là tiết gánh, tiết chống. Có đôi khi, Người còn ví von dí dỏm, tài trí để qua diễn giải thâm sâu làm sáng lên những chỗ nào đó còn tối.

Cuối cùng, Người tổng hợp toàn bộ, chụp lên đó cái mái vòm phát sáng ra xa và bảo:

— Hỡi kẻ hành hương, có bám víu người mới sinh, không bám víu người không thể phát sinh. Song một vị tăng già, cho dù không bám víu ở đâu đi nữa, thì trong sự tinh khiết của tâm thức cũng phải tâm niệm: cứu rồi mình là không thể lay chuyển, đây là lần sinh cuối cùng, không có một hiện hữu mới nào nữa. Một vị tăng mà đã đạt đến đó là người đã nắm được đạo lý cao nhất. Đó chính là đạo lý thiêng cao nhất: biết thắng mọi nỗi khổ. Kẻ đã tham gia vào đó là kẻ đã tìm thấy tự do, tự do đích thực, tự do không gì có thể lay chuyển. Bởi, hỡi kẻ hành hương, cái phù du, cái nhất thời là sai, còn cái đích thực, cái không nhất thời mới là có thật: cứu rồi cái sai.

Và kẻ tự ở nhà mà ra, phải chịu khuất phục sinh, lão, tử, bây giờ nhận thấy chỗ bất hạnh của cái quy luật thiên nhiên ấy, đã tự giành được an toàn không sinh, không lão, không tử: kẻ phải chịu khuất phục bệnh, buồn, tội, kẻ ấy đã đạt đến thánh thiện, tinh khiết, không phù du.

— Trong cái được cứu rồi có sự cứu rồi, cuộc sống đã cạn kiệt đi, sự nghiệp được tác động, thế giới này không còn chỗ để cho tôi.

— Người như thế, hỡi kẻ hành hương, gọi là “người chấm dứt”, vì đã chấm dứt khổ.

Người như thế, hỡi kẻ hành hương, gọi là “người dập tắt”, vì đã dập tắt cái “tôi” và “của tôi”.

Người như thế, hỡi kẻ hành hương, gọi là “người nhổ cỏ”, vì đã nhổ cái ham sống đến tận gốc.

Người như thế chừng nào còn thân xác thì người và thần chẳng thấy; chết rồi, thân xác đã tan rã thì người và thần không thấy. Thiên nhiên cũng thế, thiên nhiên rình rập tất tậ, cũng không thấy. Hẳn đủ làm quáng mắt thiên nhiên, đã biến mất khỏi cái ác.

Dòng tiến triển vạn tự^[12], hẳn đã đến được hòn đảo ấy, hòn duy nhất nằm ở phía bên kia của cả lão và tử: Niết Bàn.

ĐƯA TRẺ VÔ LỐI

Đức Thế Tôn thuyết pháp xong đã lâu mà kẻ hành hương Kamanita vẫn bần thần ngồi đó, trong dạ ngổn ngang những suy tư trái chiều, hồ nghi. Rồi chàng cũng hỏi:

— Đại đức nói khá nhiều về việc kẻ tu hành sinh thời đã dứt được biển khổ, song đặc biệt chưa thấy Người nói về thân phận của kẻ ấy sau khi chết, lúc thân xác đã trở về với cát bụi. Thế liệu kẻ ấy rồi có vì không giữ gìn mà lại sa vào vòng xoáy của dục vọng? Ở bên kia đấy song tất còn mang theo đủ mọi sắc màu của bên này, đeo đẳng bên kia đấy song vẫn còn dính chặt vào bên này. Như con chó đã bị xích vào cột, muốn thoát cũng chỉ chạy quanh chân cột, kẻ đệ tử có chán cuộc đời này thì vẫn cứ lẩn quẩn trong cõi đời này.

Kamanita tự trả lời:

— Nguy cơ ấy phải nhận là có, nhưng tôi e rằng cái tệ khác còn tai hại hơn nhiều: ấy là tâm trạng bấp bênh do nín lặng sinh ra. Bởi tín đồ làm sao có thể toàn ý, toàn tâm, dốc lực để dứt ra khỏi biển khổ, khi chưa biết rồi sau thế nào: giải thoát đời đời hay là hư vô?

— Tín hữu nghĩ sao? Nhà cháy, đầy tớ mới chạy vào đánh thức ông chủ: “Dậy thôi, ông ơi! Chạy đi! Nhà cháy! Lửa đã bắt lên vĩ kèo, mái sập đến nơi rồi!”. Chủ lại bảo rằng: “Ra xem ngoài kia mưa hay là sáng trăng, nếu sáng trăng ta sẽ ra”.

— Bạch Đại đức, sao Người chỉ lại có thể trả lời như thế? Rõ ràng người tớ sợ lắm nên mới vào gọi: “Chạy đi, ông ơi! Nhà cháy! Cháy lên vĩ kèo, mái sập sập rồi”.

— Đương nhiên người tớ đã gọi đúng như thế. Vậy mà chủ lại sai: “Ra xem ngoài kia mưa hay là sáng trăng, nếu sáng trăng ta sẽ ra”. Tín hữu có cho rằng người tớ ấy trung thành mà người chủ hiểu không đúng? Vậy nên không hề biết là cái chết đang lơ lửng ở ngay trên đầu?

— Đương nhiên tôi phải cho là thế. Bạch Đại đức, chủ đáp khờ dại đến thế thì tôi nghĩ khác làm sao được?

— Vậy bây giờ cũng là như thế, hỡi kẻ hành hương. Hãy đi đi, như thể quanh mình đang rực lửa. Vì nhà cháy. Nhà nào? Thế giới! Lửa nào? Lửa dục vọng, lửa hận thù, lửa mù quáng! Cả thế giới rừng rực lửa, cả thế giới mù mịt khói, cả thế giới chao đảo.

Tĩnh ngộ, kẻ hành hương cứ run lên, tựa như con nghé non lần đầu nghe tiếng sư tử gầm vọng ra từ lùm cây. Lưng gập, đầu cúi, mặt đỏ bừng, chàng ngồi nín lặng một lúc. Rồi chàng nói, trầm buồn và vẫn còn hơi lập cập:

— Nhưng tôi chưa thỏa mãn, bởi Người vẫn chưa nói gì về việc kia. Giá như Đại đức cho biết chút gì đó đầy hy vọng. Người giấu, chắc Người biết nói ra làm cho hoảng sợ, khó bề an ủi. Hay là chính Người cũng không biết, mà thế thì tôi cũng không thỏa mãn. Bởi lẽ cảm xúc và thiên hướng của con người bao giờ cũng hướng về hạnh phúc, về lạc thú - lẽ tự nhiên, không thể khác. Có lần tôi nghe thấy các vị tu sĩ Bà La Môn rao giảng như sau: “Giả định có một chàng trai dũng cảm, hiếu học, nhanh nhất, khỏe nhất, mạnh nhất, cả trái đất với mọi của cải là của gã: đó là một lạc thú của con người. Song cả trăm lạc thú của con người mới là một lạc thú của các vị thiên thần. Mà cả trăm lạc thú của các vị thiên thần mới chỉ là một lạc thú của các Đấng trên cao. Mà cả trăm lạc thú của các Đấng trên cao mới chỉ là một lạc thú của Indra. Mà cả trăm lạc thú của Indra mới là một lạc thú của Prajapati, cả trăm lạc thú của Prajapati mới là một lạc thú của Brahma. Đó là lạc thú tối thượng, đó là con đường đi lên lạc thú tối thượng!

— Hỡi kẻ hành hương, giống như một đứa trẻ còn non nớt, còn chưa biết phải trái. Đứa trẻ ấy có chiếc răng sâu, đau lắm, đau buốt như khoan. Nó mới tìm đến một ông thầy thuốc giỏi nghề, thạo việc, nài nỉ: Tôn ông có cách nào để cho chiếc răng không làm đau mà lại làm cho khoan

khoái". Ông thầy đáp: "Con thân mến, nghề của ta chỉ có thể làm cho hết đau". Đứa trẻ không biết điều quay ra trách cứ: "Tôi chịu đau mãi rồi, đau lắm, đau buốt như khoan, công bằng thì bây giờ phải làm cho tôi được thấy dễ chịu, thấy khoan khoái chứ! Tôi nghe nói có những ông thầy giỏi nghề, thạo việc, làm được, vậy mà tôi cứ tưởng ông cũng là người như thế!". Thế là đứa trẻ vô lối ấy lại chạy đến nhà một ông thầy pháp, chuyên trị bệnh bằng phép lạ, người xứ Gandar, xưa nay vẫn bán rao, vẫn thuê người khua trống, thổi tù và rông phố để quảng cáo: "Sức khỏe là của quý nhất, sức khỏe là mục tiêu của con người. Khỏe dồi dào, khỏe thừa thãi, dễ chịu cả tứ chi, sáng khoái từng mạch máu, từng thớ thịt. Kẻ ốm yếu nhất rồi cũng sẽ được như các vị thần. Tiền chi không là bao, tôi sẽ giúp". Đứa trẻ than vãn với thầy pháp: "Xin tôn ông trở tài, để chiếc răng này thay vì làm tôi đau, lại làm cho tôi thấy dễ chịu, sáng khoái". Thầy pháp bảo: "Con ạ, đó chính là tài nghệ của ta!". Rồi sau khi đã bỏ ngay số tiền đứa trẻ đưa vào túi, thầy pháp mới khẽ chạm ngón tay vào đó và quả nhiên, như có phép lạ, cảm giác đau đã bị đẩy lùi bởi một cảm giác viên mãn. Đứa trẻ mừng lắm, hỏi lòng hỏi dạ ra về. Nhưng chẳng được mấy lâu thì cái viên mãn đã hết, cái đau trở lại. Tại sao? Tại vì cái nguyên nhân của tai ách chưa hề bị diệt.

Thế nhưng, hồi kẻ hành hương, lại có một người hiểu biết cũng đau răng, đau lắm, đau buốt như khoan. Người ấy mới tìm đến một ông thầy thuốc giỏi nghề, thạo việc, trình bày: "Tôn ông có cách nào làm cho hết đau?". Ông thầy đáp: "Có chứ, nếu quý ông không đòi hỏi gì hơn nữa?". Ông thầy bèn khám răng, phát hiện ra nguyên nhân là chân răng đang viêm tấy. "Quý ông cứ về đi, kiếm lấy một con đĩa mà đặt vào chỗ ấy. Đợi nó hút, nó rụng xuống rồi thì đắp nắm lá này lên vết thương. Lúc đó đã hết mủ với máu độc, sẽ hết đau". Người hiểu biết về làm đúng như ông thầy dặn. Quả nhiên hết đau và không hề thấy đau lại. Tại sao? Tại vì cái nguyên nhân của tai ách đã bị diệt.

Đức Thế Tôn kể hết câu chuyện, kẻ hành hương ngồi nín thinh, bối rối, lưng gập, đầu cúi, mặt đỏ bừng. Sợ toát mồ hôi, thành dòng trên trán, từ hai hốc nách. Ra vị Đại đức này ví mình với một đứa trẻ vô lối, xem mình như nó. Cố gắng đối đáp mà không nổi, đến sắp khóc. Mãi mới cất giọng được, khe khẽ hỏi;

— Thế Đại đức nghe được chuyện ấy từ chính miệng Đức Thế Tôn, Đức Phật Hoàn Thiện à?

Hiếm khi Đấng Hoàn Thiện mỉm cười. Vậy mà khi nghe hỏi câu đó Người hơi nhếch mép.

— Đương nhiên không, hơi tín hữu.

Thấy nói thế, bây giờ Kamanita mới hoàn hồn, ngồi thẳng lưng, mắt sáng lên, vui vẻ:

— Tôi biết mà! Tôi biết đó không phải là nguyên bản lời răn dạy của Đấng Hoàn Thiện, đó chỉ là cách diễn giải lại, có làm sai lạc đi, có chủ định của chính Đại đức. Giáo lý của Đức Phật phải là đoạn đầu tuyên phước, đoạn giữa tuyên phước, đoạn cuối tuyên phước. Ai dám nói giáo lý không hề hứa hẹn một cuộc sống vĩnh hằng, thanh bình trong cực lạc? Được, chỉ ít tuần nữa thôi, tôi sẽ được ngồi ở ngay dưới chân Đấng Hoàn Thiện, được nghe chính Người thuyết pháp, như đứa trẻ được bú sữa ngọt từ chính bầu sữa mẹ. Hẳn là khi ấy Đại đức cũng sẽ ở đấy, được răn dạy đúng và sẽ phải từ bỏ cái quan niệm sai lạc, nguy hại của mình. Nhưng nhìn kìa, ánh trăng đã lùi vào đến ngưỡng cửa, chắc là đã khuya lắm. Thôi bây giờ ta phải đi ngủ thôi.

— Như tín hữu muốn. – Đức Thế Tôn thân tình trả lời.

Rồi cuốn chặt cà sa, Đức Thế Tôn ngả lưng trong tư thế của con sư tử, tựa mình trên cánh tay phải, thả cho chân trái dề trên chân phải.

Và nhớ đến giờ phải tỉnh giấc, Người ngủ ngay tức thì.

GIỮA ĐƯỜNG

Tảng sáng, Đức Thế Tôn tỉnh giấc thì thấy kẻ hành hương Kamanita đã cuốn nệm, đeo quả bầu và đang tìm gậy, ở ngay góc mà không nhìn thấy bởi cây gậy đã đổ rạp xuống đất. Nhìn cử chỉ thì biết là vội lắm.

Đức Thế Tôn trở dậy, hỏi han thân tình:

— Tín hữu định đi rồi chăng?

— Đương nhiên, đương nhiên. - Kamanita réo lên, nôn nóng. - Nghĩ mà xem, thật khó tin, chỉ buồn cười, mà lạ lắm, may mắn thật sự! Cách đây ít phút, tỉnh giấc, thấy khát đến khô họng vì bữa qua nói nhiều. Mới trỗi dậy, chạy ngay ra giếng, chỗ có mấy cây me ở ngang đường. Thì đã có một cô gái ở đó, đang múc nước. Cô ta bảo gì mình nào? Bảo Đức Thế Tôn đâu có ở Savatthi. Thế thì ở đâu, biết không? Ở ngay đây này, mới đến Rajagaha hôm qua, có ba trăm vị tăng theo hầu. Hiện giờ thì đang ngụ ở vườn Xoài, phía bên kia thành. Chỉ một tiếng nữa thôi, có khi chưa tới, là mình sẽ được thấy Người - thế mà mình cứ nghĩ, có khi còn phải hành hương mất độ bốn tuần lễ nữa. Mình nói gì nhỉ - một tiếng? Cô bé bảo chỉ mất độ nửa tiếng nếu bỏ đường cái, đi lối tắt, qua ngõ qua sân, cứ nhằm hướng cửa Tây. Không thể tưởng tượng! Đất đã nóng lên dưới gót chân đây này - chào nhé, tín hữu! Tín hữu đã xử sự tốt với mình, mình sẽ không bỏ qua đâu, sẽ dẫn cả tín hữu đến chỗ Người. Song bây giờ thì không thể nấn ná nữa, dù chỉ một nháy mắt.

Thế là kẻ hành hương nhảy bổ ra đường, cứ thế vắt chân lên cổ chạy. Song lúc đến cửa thành Rajagaha thì cửa lại chưa mở, phải đợi một lúc, một lúc mà như vô tận nên lại càng nôn nóng đến hết mức.

Chợt thấy một bà già với một cái giỏ đầy rau, chắc định mang vào thành cũng đang phải đợi. Chàng mới tranh thủ hỏi thăm đường cho chính xác. Đường ngắn nhất phải đi qua mấy cái ngõ kia, đến một ngôi chùa nhỏ thì rẽ phải, đến một cái giếng lại rẽ trái và nhất là, phải luôn luôn để mắt đến một ngọn tháp. Như thế sẽ lấy lại được quãng thời gian phải đợi trước cửa thành, mà có khi chỉ nội trong quãng thời gian ấy.

Cửa thành vừa mở, chàng đã vội lao theo hướng được chỉ. Lúc thì xô vào mấy đứa trẻ, lúc thì vấp phải một bà đang rửa bát đĩa chỗ máng nước làm cho một cái liễn lăn lách cách rồi vỡ tan tành, lúc lại ầy ngã một người đi xách nước. Mặc họ mắng chửi, nào chàng có nghe thấy, tâm trí của chàng đang còn bị cuốn hút vào chỗ chàng sắp được thấy Đức Phật, được thấy đến nơi rồi.

“May thật! - Chàng thầm nghĩ. - Biết bao người đâu có vị Phật nào sống cùng thời; mà có Phật sống cùng thời thì thử hỏi liệu mấy người được thấy Phật! Mình quả là có phúc! Lâu nay cứ sợ đường xa xa xôi, trắc trở, có khi mà thú dữ hoặc cướp đường lại tước mất cái phúc ấy. Giờ thì tước thế nào được nữa!”.

Đang nghĩ thế thì phải rẽ vào một cái ngõ rất hẹp. Còn mãi chạy như điên không nhìn thấy từ đâu đằng kia có một con bò cái, chẳng hiểu tại sao nổi khùng, đang lao lại. Cũng không nhìn thấy có mấy người ở đằng trước, người vội chạy vào nhà, người vội nấp sau bờ tường. Cũng chẳng nghe thấy tiếng la của một bà đứng trên kho thóc, cổ cảnh báo chàng. Chỉ chăm chăm nhìn lên ngọn tháp, cốt khỏi lạc đường. Đến lúc không còn kịp tránh nữa mới hoảng hồn: hai lỗ mũi phì phì hơi nước, cặp mắt vằn vện tía máu, cái sừng bóng loáng húc sâu vào bên sườn chàng. Thét lên một tiếng, chàng đổ vật xuống chân tường. Tức thì mọi người vội vã chạy tới. Con bò cũng lao đi tiếp rồi biến mất. Có người tới vì hiếu kỳ, có người tới để giúp đỡ. Cái bà đã cảnh báo chàng xách nước tới để rửa vết thương. Họ xé áo khoác, cứ thấy máu tuôn ra như

suối ở đâu thì băng bó ở đây, cố cầm máu.

Kamanita hầu như chẳng hề hôn mê tí nào. Chàng hiểu rõ ngay thế là chết. Song cả ý nghĩ ấy, cả cái đau cũng không hành hạ chàng bằng nỗi lo không còn được thấy Đức Phật. Giọng run rẩy, chàng van nài những người đứng quanh đó hãy khiêng chàng đến chỗ Đức Phật ở vườn Xoài.

—Quý vị ơi, tôi hành hương từ xa lắm! Sắp đến đích rồi! Thương tôi thì hãy khiêng tôi lại đó đi! Đừng nghĩ đến cái đau, đừng lo tôi chịu thua nó - chưa được phủ phục dưới chân Đấng Hoàn Thiện thì tôi chưa chết đâu. Rồi tôi mới chết, thanh thân, tái sinh, thanh thân!

Vài người chạy đi kiếm đòn khiêng, kiếm nệm. Một bà đem lại một thứ đồ uống tăng lực, Kamanita uống mấy thìa đầy. Cánh đàn ông còn chưa nhất trí, đường nào đến chỗ hẹp ở vườn Xoài là ngắn nhất. Bởi lúc này phải tính đếm từng bước. Bởi ai cũng thấy rõ là kẻ hành hương sắp qua đời.

— Môn đồ của Đấng Hoàn Thiện đến kia rồi! - Có người reo lên chỉ ra đầu ngõ - Nghe họ là chắc nhất.

Quả thật có mấy vị tăng đang tiến lại, cà sa màu vàng, vạt phải để buông, tay cầm bát khất thực. Hầu hết đều trẻ, song đi đầu là hai vị với dáng đường bệ. Một vị tăng già, vẻ mặt nghiêm nghị có phần khắt khe, ánh mắt như xuyên suốt, cầm bạnh, tự nhiên thu hút sự chú ý. Một vị trung niên, đường nét ánh lên vẻ hiền hòa, dễ mến, nên bề ngoài gần như là một thanh niên. Người có kinh nghiệm cứ qua thái độ, cử chỉ sinh động, ánh mắt rực lửa là nhận ra các đặc điểm không lẫn được của đẳng cấp chiến binh. Vẻ thư thái thận trọng của vị đã già thì dễ lộ, vị ấy sinh ra là người thuộc đẳng cấp Bà La Môn. Về tầm vóc cao lớn, về vẻ ngoài uy nghi thì hai người như nhau. Các vị tăng ấy đi đến chỗ đám người đang xúm xít quanh người bị thương thì dừng lại. Nhiều kẻ mau miệng mới vội kể lại câu chuyện đã xảy ra, còn nói thêm là sắp khiêng người bị thương theo ý nguyện đến chỗ Đức Phật ở vườn Xoài - cớ gì đã có, liệu có vị tăng trẻ nào vui lòng cùng quay lại để chỉ chỗ Đức Phật đang ngụ lúc này?

Vị tăng già mặt nghiêm trả lời:

—Đức Thế Tôn hiện không ở chỗ vườn Xoài mà chúng tôi cũng không rõ lúc này Người ở đâu.

Nghe nói vậy. Kamanita thất vọng thở dài. Vị trẻ hơn nói thêm:

— Đương nhiên Người ở cách đây không xa. Mới hôm qua Người cử các vị tăng đi trước để Người đi tiếp một mình. Có sự chậm trễ chắc Người đã nghỉ ở đâu đó, ở ngay ngoại thành không chừng. Chúng tôi đang đi tìm Người.

—Ôi, xin tìm nhanh nhanh, xin tìm cho thấy! - Kamanita rên rỉ.

— Có biết Đức Thế Tôn ở đâu thì cũng không thể khiêng người bị thương đến đó. - Vị tăng già nghiêm nghị nói. - Càng rung, tình hình càng xấu đi, mà có qua được thì đến nơi cũng đang hấp hối, làm sao lĩnh hội được lời Người. Nếu để nghỉ ở đây, kiếm một thầy pháp giỏi chăm sóc thì hãy còn hy vọng, khỏe rồi mới lắng nghe Người được chứ!

Trên cang, Kamanita đã mất kiên nhẫn:

— Không còn thời gian... chết mất... đưa tôi đi... Thấy Người... chạm tay vào Người... chết thanh thân. Cho tôi đi với... nhanh lên.

Vị tăng già nhún vai quay sang phía vị trẻ hơn:

— Kẻ khó này xem Đức Thế Tôn như thế một thần tượng, chạm tay vào là được xá tội.

Vị trẻ nói:

— Hẳn hiểu chưa sâu, Sariputta, song hẳn tin ở Đấng Hoàn Thiện. - Nói rồi cúi xuống, có ý

muốn xác định sức lực của kẻ bị thương. - Có khi phải liều. Tôi thấy thương hẳn và tôi cho rằng tốt nhất là cứ thử.

Ánh mắt của kẻ hành hương cảm ơn người đã biện hộ cho mình.

— Như tín hữu muốn, Ananda. - Sariputta thân mật trả lời.

Đúng lúc ấy thì từ phía mà Kamanita đã đến, có một người thợ gốm cũng đi đến, cái giỏ trên lưng lĩnh kinh đủ mọi thứ đồ gốm. Nhìn thấy họ khiêng Kamanita lên cáng, tuy rất cẩn thận nhưng không khỏi làm đau, anh ta chợt đứng ngậy ra, đột ngột đến nỗi mấy cái liễn xếp thành chồng đội ở trên đầu rơi vỡ tan tành.

— Ôi, các vị thần! Chuyện gì sẽ xảy ra ở đây? Đúng là kẻ hành hương sùng đạo đã dành cho gian hàng của tôi cái vinh dự qua đêm tại đó. Cùng một vị tăng, mặc áo như của các vị đáng kính đây, họ đã qua đêm trong nhà tôi.

— Có phải vị tăng ấy đã già, với dáng cao lớn không? - Sariputta hỏi.

— Đúng thế, bạch Đại đức mà hình như chẳng khác gì chính Đại đức.

Giờ thì các vị tăng đã biết, chẳng cần tìm lâu nữa, Đức Thế Tôn nghỉ ở nhà người thợ gốm. Bởi lẽ “người đệ tử, người giống như Giáo chủ” cũng tên là Sariputta.

— Thế được ư? - Ananda nói, ngược nhìn lên từ chỗ người bị thương quá đau lúc bị nhấc lên, nên bây giờ hầu như bất tỉnh, không hề thấy người thợ gốm vừa tới. - Thế được ư? Kẻ khó này từng được hưởng phúc, điều anh ta thiết tha mong, suốt đêm mà lại tuyệt không hề có chút linh cảm nào ư?

— Người khờ vẫn như vậy. - Sariputta nói. - Nhưng ta đi thôi, bây giờ có thể đưa anh ta đi.

— Khoan! - Ananda kêu. - Cái đau đã khổng chế anh ta mất rồi.

Thật thế, ánh mắt trống rỗng của chàng không còn nhận thấy được những gì đang diễn ra ở xung quanh. Bắt đầu thấy tối dần. Ngoại trừ cái vệt rõ dài của bầu trời buổi mai ở tít trên cao, kẹp giữa hai bức tường cao, là còn xuyên suốt được vào đến tận tiềm thức của chàng, mà chàng cảm nhận như thể dải Ngân hà đêm đêm vẫn vắt ngang qua vòm trời. Môi chàng mấp mảy:

— Sông Hằng. - Chàng lẩm bẩm.

— Hồn đang lạc. - Ananda nói.

Những người đứng gần nhất nghe được, lại hiểu khác: “Kẻ ấy mong được khiêng đến sông Hằng, để sông rửa cho sạch tội. Nhưng Mẹ Hằng ở xa lắm, ai khiêng đến tận đó được?”.

“Đức Phật trước, sông Hằng sau!” - Sariputta thì thầm với vẻ bậc trí giả thương cảm mà cũng nửa phần xem thường kẻ khù khờ, từ dị đoan này rơi vào dị đoan kia, không cứu được.

Nhưng bỗng nhiên mắt Kamanita linh hoạt hẳn lên lạ thường. Một nụ cười mỉm thanh thản làm rạng rỡ khuôn mặt. Thân thể muốn duỗi ra. Ananda hỗ trợ chàng.

“Sông Hằng ở trên trời. - Chàng thì thầm, giọng đã yếu nhưng thích thú, tay phải chỉ lên cái giải sáng của bầu trời ở trên đầu... Sông Hằng ở trên trời!... Chúng mình đã thề... có sông sông... Vasitthi...” Thân thể chàng rung rung, máu tuôn ra đàng miệng, chàng thở hắt trong vòng tay của Ananda.

Không đầy nửa tiếng sau đó Sariputta và Ananda, với các vị tăng theo hầu đã bước vào gian hàng của người thợ gốm. Kính cẩn vái chào Đức Thế Tôn xong, họ ngồi xuống bên Người.

— Này Sariputta, - Đức Thế Tôn hỏi sau khi đã thân tình chào lại, - vậy người dẫn dắt các vị tăng trẻ đi đường xa, ổn thỏa và không có sự cố gì cả chứ? Dọc đường, thức ăn hoặc thuốc men cho kẻ khó, có thiếu không? Các đệ tử vẫn hoan hỉ, chăm chỉ thụ pháp chứ?

— Bạch Đức Chí Tôn, tôi có thể vui mừng xin nói là chúng tôi không thiếu gì cả, các vị tăng trẻ vẫn giữ được nhiệt huyết và đức tin, chỉ mong được thấy Đức Chí Tôn, mặt gặp mặt. Các đệ tử đáng quý ấy, lời kinh đã thuộc, giáo lý nguyện theo, tôi đã dẫn theo là cốt để xin Giáo chủ cho được trình diện ngay bây giờ.

Nghe nói vậy, ba vị tăng trẻ tức thì đứng dậy, chắp tay vái chào Đức Thế Tôn lần nữa: “Chúc phúc Đức Thế Tôn, Đức Phật Hoàn Thiện - Xin chúc phúc”.

—Chúc các người. - Nói rồi Đức Thế Tôn khoát tay mời họ ngồi lại.

— Đức Thế Tôn đến đây cũng bình an chứ? - Ananda hỏi. - Đi đường hôm qua không quá mệt chứ? Không có gì rắc rối chứ? Người ngự lại đây đêm qua không đến nỗi dở chứ?

— Vậy đó, các tín hữu. Đến đây thì vừa vặn tối, quả là khá mệt song không có gì rắc rối dọc đường. Qua đêm ở đây cũng không dở, lại có một người hành hương lạ làm bạn.

— Người hành hương ấy, - Sariputta lên tiếng, - đã bị một con bò cướp đi sinh mạng ở ngay giữa đường phố Rajagaha rồi.

— Mà không hề biết là mình đã được qua đêm với ai. - Ananda thêm vào. – Chẳng là anh ta cứ ao ước được đưa đến tận chân Đức Thế Tôn.

— Rồi lại còn đòi người ta khiêng đến tận sông Hằng. - Sariputta nhận xét.

— Đâu có phải, đạo huynh Sariputta! - Ananda cải chính. - Anh ta nói đến sông Hằng ở trên trời. Ánh sáng đã gọi cho anh ta nhớ lại một lời thề, và anh ta có nhắc đến tên của một người đàn bà - Vasitthi thì phải – thế rồi anh ta tắt thở.

— Một cái tên đàn bà nào đó ở trên môi, lúc anh ta ra đi. - Sariputta nói. - Mà anh ta luân hồi ở đâu nhỉ?

— Khờ dại, hỡi các đệ tử, là kẻ hành hương Kamanita, ví như một đứa trẻ vô lối. Kẻ hành hương ấy, hỡi các đệ tử, đã nhân danh ta lang thang đây đó, đã muốn hành đạo của Đức Thế Tôn. Ta đã thuyết giảng giáo lý cho hắn, kỹ và sâu. Mà hắn lại phạm vào pháp giới. Được cái tâm hắn vốn hướng về cõi cực lạc, vốn mong mỗi được giải thoát. Hỡi các đệ tử, kẻ hành hương hiện ở Sukhavati, trên cõi Tây Phương cực lạc, lại bước vào cuộc sống, được thụ hưởng ngàn năm và ngàn năm phúc trên thượng giới.

TRÊN CỎ TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC

Đức Thế Tôn nói xong mấy lời ấy ở nhà người thợ gốm thành Rajagaha thì trên cỏ Tây Phương cực lạc^[13], kẻ hành hương Kamanita cũng tỉnh lại. Khoác chiếc cà sa màu đỏ, láng bóng và mềm mại rủ nếp (như cánh hoa), chàng ngồi xếp bằng trên một bông sen lớn, cùng màu, nổi giữa một cái đầm rất lớn. Mặt nước xa xa đâu đâu cũng thấy những bông sen như thế với các màu đỏ, xanh và trắng; có bông mới chỉ nhú mầm, có bông đã khá lớn mà vẫn hàm tiếu. Và rồi những bông của chàng thì nhiều vô kể. Và hầu như bông nào cũng có hình người ngồi trên, cà sa rủ nếp cứ như mọc lên từ các cánh hoa.

Trên bờ đầm nghiêng nghiêng, lẫn trong cỏ xanh muốt, tung bừng một thảm hoa. Tưởng chừng mọi thứ đá quý trên trái đất đều hội tụ ở đây để tái sinh ở dạng hoa, vẫn giữ nguyên vẻ bóng bẩy với trò chơi màu sắc tuy nhiên để đổi lớp giáp cứng của cuộc đời đất đá lấy lớp bao mềm, uốn được, sống động của cuộc đời cây cối. Hương cũng vậy, hương thoát ra còn ngào ngạt hơn bất cứ nước hoa nào thơm nhất trong lọ pha lê, thế mà vẫn kiên trì giữ trọn cái tươi mát của hương hoa thiên nhiên.

Từ chỗ ven bờ hút hồn ấy, ánh mắt như bị thôi miên lướt đi giữa những hàng cây bằng ngọc, lá xanh biếc, hoa đỏ chói, lúc thì đứng lẻ loi, lúc thì đứng thành cụm, thành lùm, lướt đến tận những vách đá đẹp nhất, chỗ thì trần trụi phô thân hình, đá hoa và đá trắng nuột, chỗ lại phủ thảm hoa hay là dày đặc cây bụi. Ở một chỗ, lùm cây, vách đá lánh hắt sang bên để lấy lối cho một dòng sông nhỏ lấp lánh như sao đổ nước vào đầm.

Trên cả vùng là một vòm trời màu lam càng thấp xuống càng thắm và bên dưới cái vòm ấy bồng bềnh những đụn mây trắng toát. Đó là nơi ở của các vị thần, tiếng nhạc vui tai du dương, réo rắt.

Nhưng lại không nhìn thấy mặt trời, mà vòm trời ấy cũng chẳng cần đến mặt trời. Vì lẽ từ mây và vách đá, từ hoa lá, từ nước và các bông sen. Từ áo quần và nhất là từ gương mặt của các vị thần luôn lan tỏa một thứ ánh sáng kì diệu. Thứ ánh sáng ấy rất sáng mà không chói, nước nhiều nên hơi nóng cũng dịu mát. Không khí thoảng mùi hương, vậy nên hít vào thật sảng khoái, dưới trần chẳng có gì sánh nổi. Lúc mới thấy các cảnh tượng ấy, Kamamta ngạc nhiên lắm, giờ đây không còn thấy lạ đã quen với môi trường tự nhiên nên bắt đầu để ý đến những người khác, như chính mình cũng ngồi trên tòa sen nổi ở xung quanh. Chẳng mấy lâu đã hiểu ra: màu áo màu đỏ là nam giới, áo màu trắng là nữ giới, áo màu lam thì hình như có cả nam cả nữ. Tất cả đều đang ở độ tuổi hoa và hình như tất cả đều có thái độ thân tình.

Cảm thấy người láng giềng đặc biệt đáng tin, chàng mới nảy ý định bắt chuyện.

Không được mời mà tự tiện hỏi vị đại đức này có nên không nhỉ, chàng nghĩ. Mình rất muốn biết lúc này mình đang ở đâu.

Thì lạ chưa, đã có ngay câu trả lời mà không hề thấy tiếng người, không hề thấy người áo lam mấp máy môi.

— Đạo hữu đang ở Sukhavati, cỏ cực lạc.

Không định mà Kamanita vẫn hỏi tiếp trong ý nghĩ:

— Tôi mở mắt ra đã có đạo hữu ở đây vì tôi nhìn thấy ngay đạo hữu. Vậy đạo hữu tỉnh dậy cùng lúc với tôi hay đã từ lâu?

— Chắc đã từ lâu lắm lắm. Đã không biết bao nhiêu lần thấy sen nở rồi lại có một người mới xuất hiện. Lại còn hương của cây san hô nữa.

— Hương ấy thế nào?

— Rồi bạn sẽ tự biết. Đó là kì quan lớn nhất trên cõi này.

Tiếng nhạc của các vị thiên thần hình như đệm cho câu chuyện không thành tiếng này bởi nhịp điệu và âm thanh vẫn bám sát lấy từng câu chữ, hoặc để làm cho rõ ràng, hoặc để làm cho ý nghĩa càng sâu sắc, những lúc câu chữ không diễn đạt được hết. Âm hình thần bí Kamanita cảm thấy tâm thức rơi vào chôn sâu thẳm đến vô tận mà trong bóng tối lại có những kí ức cố cựa quậy nhưng không làm sao tỉnh lại được.

— Kì quan lớn nhất! - Kamanita nói sau một hồi im lặng. - Tôi lại thấy kì quan lớn nhất phải là dòng sông đổ vào đầm, đẹp lắm!

— Thiên Hằng.- Người mặc áo lam gập gù.

— Thiên Hằng. - Kamanita nhắc lại, mơ màng. Cảm giác lại trào dâng càng mạnh về cái gì đó lẽ ra phải biết mà lại không thể biết, trong lúc ấy thì ở tận chỗ sâu thẳm nhất của bản thể của chính chàng các âm thanh thần bí vẫn như cố tìm đến ngọn nguồn của dòng sông kia.

NHỮNG VÒNG CỨU RỒI

Kamanita kinh ngạc thấy có một bóng áo trắng đang ngồi ở tòa sen của mình bỗng chốc vút lên cao. Không còn gấp nếp, chiếc cà sa bây giờ buông thẳng từ vai áo xuống đến tận đường viền màu vàng. Gấu áo không còn chạm vào cánh sen nữa, hình người lơ lửng trên mặt đầm, bay vào bờ, len lỏi giữa các hàng cây rồi biến mất sau một cái bụi.

— Giỏi quá. - Kamanita nghĩ thầm. - Chắc là khó lắm, mặc dù nhìn cứ như không. Không biết mình có luyện được không?

— Được chứ nếu đạo hữu muốn. - Áo lam trả lời.

Tức thì Kamanita cảm thấy như chính mình cũng vút lên. Chàng cũng bay ngang mặt đầm vào bờ rồi chẳng mấy chốc đã thấy mình ở giữa các lùm cây. Muốn nhanh chậm thế nào tùy ý và nhìn về hướng nào là bay về hướng ấy. Bây giờ mới nhìn thấy những cái đầm khác đẹp không kém. Bay ngang các lùm cây, thấy chim sắc màu sặc sỡ đang đua nhau chuyền cành, tiếng hót du dương xen kẽ tiếng rì rào của cây lá. Lướt trên những bình nguyên hoa nở tung bừng, thấy những chú linh dương vẫn mãi nô đùa, không hề sợ người. Rồi hạ xuống một ngọn đồi rất thoải thì nhìn qua cây cối thấy có một góc đầm, nước ở đó róc rách chảy quanh những bông sen thật lớn. Đây đó có người ngồi ở trên, nhưng phần lớn là để trống, kể cả những bông đã mãn khai.

Thì ra đang là giờ vui chơi. Như bày đom đóm vào một tối hè ấm áp tụ họp với nhau vòng vèo qua lại giữa các lùm cây, thẳm lặng nhưng tung bừng, ở đây cũng thế, những hình người lẻ loi hay kết cặp, kết nhóm, lửng lơ rong ruổi giữa các bụi cây, vách đá. Cứ nhìn vẻ mặt ánh mắt thì biết, chắc là chuyện trò rôm rả, có thể cảm thấy từng sợi dây vô hình giăng qua, mắc lại giữa những con người đối thoại không thành âm.

Như trong cơn mơ, hấp dẫn mà êm ái, Kamanita cứ đứng ngẩn ra trước cảnh trí. Rồi thấy mình cũng muốn trao đổi với những con người vui tính ấy. Tức thì có cả một hội quây lấy chàng, chào hỏi thân tình con người mới đến, con người mới tỉnh giấc.

Kamanita lạ lẫm, mới hỏi vì sao chàng vừa mới đến mà tin đã lan truyền khắp vùng Sukhavati này.

— Ôi cứ mỗi lần sen nở là cả đầm sen này náo động, ai cũng biết là ở đâu đó trên này lại mới có một người vừa thức tỉnh.

— Nhưng vì sao các đạo hữu lại biết chính tôi là người mới?

Những người đứng xung quanh trù mến mỉm cười:

— Vì đạo hữu còn chưa thật tỉnh. - Đạo hữu nhìn chúng tôi như nhìn những hình bóng trong mơ và đạo hữu sợ, sợ có thể mất đột ngột, sợ khi ấy xung quanh đạo hữu rồi lại sẽ là sự thật trần trụi.

— Tôi chưa hiểu các đạo hữu lắm. Thế nào là hình bóng trong mơ.

— Các đạo hữu quên rồi. - Một áo trắng nói. - Nhất định là anh ta chưa đến chỗ cây san hô.

— Chưa, tôi chưa đến đó thật. Mới chỉ nghe người bên cạnh nói, cây ấy hẳn phải là một kì quan. Vậy nó như thế nào?

Nhưng tất cả đều mỉm cười bí hiểm, nhìn nhau lắc đầu.

— Tôi muốn đến đó ngay bây giờ. Không ai vui lòng chỉ đường cho tôi ư?

— Đạo hữu sẽ tự tìm ra đường, lúc nào đến thời điểm.

Kamanita quệt tay ngang trán:

— Còn một kì quan nữa, người ấy bảo thế... Đúng! Sông Thiên Hằng... Sông ấy đổ nước vào đầm của chúng tôi. Đầm của các đạo hữu cũng vậy chứ?

Áo trắng chỉ tay ra phía con sông nhỏ nước trong vắt chảy ven chân đồi uốn lượn từng vòng thoải mái rồi trút nước vào hồ.

— Đó là dòng nhánh của chúng tôi. Ở đất này có vô số mạch nước như vậy và dòng nhánh mà đạo hữu đã nhìn thấy ở chỗ đạo hữu cũng chỉ là một tuy có lớn hơn. Thế nhưng Thiên Hằng thì lại khác, nó bao cả vùng Sukhavati.

— Đạo hữu đã nhìn thấy chính nó chưa?

Áo trắng lắc đầu.

— Vậy không đến đó được sao?

— Đến được. - Tất cả cùng trả lời. - Nhưng chưa có ai trong chúng tôi đến đó. Mà sao chúng tôi cũng phải đến đó? Không có nơi đâu đẹp bằng ở đây. Cũng có vài người khác đã đến đó, nhưng không hề thấy họ bay đến đó một lần nữa.

— Tại sao không?

Áo trắng chỉ tay ra đầm:

— Đạo hữu có nhìn thấy người mặc áo đỏ ở chỗ gần bờ bên kia không? Đạo hữu ấy đã ở đó lâu rồi, lâu lắm rồi. Ta cứ hỏi xem, rồi sau đó đạo hữu ấy có bay đến đó lần nữa không?

— Không bao giờ. - Tức thì vang lên câu trả lời của áo đỏ.

— Nhưng tại sao không?

— Cứ đến đó đi rồi sẽ có câu trả lời.

— Đến không? Đến cùng với đạo hữu thì tôi dám lắm.

— Muốn đến, nhưng không phải lúc này.

Từ trong vạt rừng gần đó bỗng kéo ra một đoàn người, xếp hàng thành một vòng xung quanh bụi cây ở chỗ giữa đồng cỏ. Hàng cứ rộng ra mãi, thế rồi người mặc áo lam đứng ở đầu cùng chỉ tay cho người mặc áo trắng nắm tay người này lại, chìa một tay kia ra mời Kamanita. Nhưng chàng chỉ mỉm cười, lắc đầu, cảm ơn: "Tôi muốn đứng xem đã".

— Vậy cứ nghỉ, và nhớ tỉnh lại. Tạm biệt!

Áo lam kéo khẽ, áo trắng từ đó bay lên, lơ lửng trong điệu vũ vòng tròn trên không những người khác cũng rút đi cả, sau khi đã chào thân tình, khích lệ, để cho chàng được nghỉ mà tịnh tâm.

CÂY SAN HÔ

Kamanita nhìn dõi theo họ hồi lâu mà thấy lạ. Rồi lại lấy làm lạ về cái thấy lạ của mình. Sao ở đây cái gì cũng làm cho mình ngạc nhiên đến thế nhỉ? Mình là người ở đây kia mà, sao mình lại không thấy tất cả là tất nhiên? Nhưng hiện tượng mới nào ở đây cũng bí hiểm, nên mình không khỏi kinh ngạc. Như cái mùi hương mới vừa thoảng qua chẳng hạn. Sao nó lại khác hẳn mọi thứ hương hoa khác ở đây - thơm hơn nhiều, ngát hơn nhiều, vừa quyến rũ, vừa hăm dọa.

Nó từ đâu lại? Mà mình từ đâu lại? Hình như chỉ mới trước đây mình thấy còn không là gì cả. Hay là mình từng đã có một bản thể, chỉ ở đây là không? Vậy thì ở đâu? Mà mình đến đây bằng cách nào?

Trong lúc còn day dứt vì các câu hỏi ấy thì không nhận thấy, chàng đã bốc lên khỏi mặt đất, đã lơ lửng bay đi tiếp, song không theo bất kỳ một hướng nào mà những người kia đã theo. Kamanita bốc lên cao về phía một chỗ giống như yên ngựa trên đỉnh đồi. Lúc bay lướt ngang, bỗng lại thấy thoảng cái mùi hương lạ, mới kia mà càng đậm.

Phong cảnh bên kia quả đồi không còn được như ở bên này. Thảm hoa thưa hơn, cây cối rậm rạp hơn, rừng tối hơn, vách đá cao hơn và dốc hơn. Tầng bầy linh dương mãi mê gặm cỏ, nhưng hiếm con có cái vẻ ung dung, thanh thản.

Thung lũng hẹp dần rồi dẫn vào một cái khe. Đến đây mùi hương lại càng đậm. Càng vào sâu bay càng nhanh, vách đá càng trần trụi, càng dốc, càng cao, càng khép lại, cho tới lúc không còn nhìn thấy lối ra ở đâu.

Khe lượn thành đôi ba chỗ ngoặt gấp rồi thỉnh linh mở toang ra. Kamanita thấy mình lúc này ở trong một cái thung lũng như lòng chảo, bốn bề kín mít vách đá màu gan gà và cái cây kỳ lạ kia đứng ngay chính giữa.

Gốc, cành lá san hô trong suốt, đỏ tươi; lá xoắn cũng màu đỏ ngả vàng, từ đó như ra những đợt hoa màu son.

Phía trên các vách đá với ngọn cây là một bầu trời xanh thẳm, không một gợn mây. Tiếng nhạc của các vị thiên thần lọt vào đến tận đây - không khí vẫn còn run rẩy như thể được gọi lên một ký ức về những giai điệu từng được nghe từ những thời rất xa xưa.

Chỉ có ba màu ở đó là màu xanh thẳm của bầu trời, màu gan gà của vách đá, màu đỏ tươi của san hô. Và cũng chỉ có một mùi hương, thần bí không giống bất kỳ một mùi hương vào khác, chính nó đã dẫn dắt Kamanita đến đây.

Và ngay lúc ấy thì cái thần bí của mùi hương cũng phát lộ: Thung lũng ngào ngạt hương. Kamanita mới vừa hít vào tức thì tâm thức chàng như được mở toang ra - chàng đã vượt qua bức tường rào vẫn vây lấy chàng suốt từ lúc chàng mới tỉnh dậy ở trong đầm.

Cuộc đời trước đây hiện ra trước mắt.

Chàng lại nhìn thấy gian sảnh của người thợ gốm, nơi chàng từng ngồi đàm đạo với vị tăng già khờ khạo, lại nhìn thấy những con ngõ nhỏ ở Rajagaha nơi chàng từng chạy vội qua, lại nhìn thấy con bò đang lao tới - rồi những gương mặt hốt hoảng xúm xít ở xung quanh, rồi những vị tăng mặc áo cà sa vàng...

Rồi chàng lại nhìn thấy những cánh rừng, những con đường chàng từng đi qua khi hành hương, tòa dinh thự của chàng với hai cô vợ, đám gái điếm ở Ujjeni, lũ cướp đường, thung lũng Krishna, sân hiên của những cây vô tư với Vasitthi, nhà cha mẹ, phòng trẻ nhỏ...

Lại thấy một cuộc đời khác ở đằng sau, rồi một nữa, rồi một nữa - cứ vậy không ngừng, như

thấy cây xếp hàng dọc đường, kỳ cho đến lúc cây thành chấm rồi các chấm hòa vào nhau thành một vệt tối duy nhất.

Chàng chóng mặt và tức thì chàng lại thấy mình đang ở trong khe, như chiếc lá theo gió cuốn. Bởi lẽ không có ai ngay lần đầu có thể chịu đựng mùi hương ấy lâu: chóng mặt và thiên hướng tự giữ mình và chỉ một lần chóng mặt là tức thì rời khỏi nơi ấy. Lúc đã yên ổn bay ra khỏi thung lũng trải rộng trước mặt, Kamanita mới có đủ tâm trí mà suy ngẫm.

“Bây giờ mới hiểu vì sao cô áo trắng lại bảo, nhất định mình chưa từng ở chỗ cây san hô. Vì lúc đó đâu đã hiểu “bóng hình trong mơ” là thế nào. Bây giờ thì hiểu, vì sao mình lại ở chốn này. Mình định tìm đến chỗ vườn Xoài ở Rajagaha để cầu Phật. Đương nhiên việc ấy không thành vì mình chết đột ngột quá, khủng khiếp quá, nhưng lòng thành của mình đã được xét đến. Vậy nên mình mới được lên chốn này, như thể mình đã được ngồi dưới chân Người và đã chết trong lời thuyết pháp độ trì của Người. Như thế cuộc hành hương đã không đến nỗi uổng”.

Chẳng mấy lúc mà Kamanita lại về đến đầm; chàng ngồi xuống chỗ bông sen đỏ của chàng như cánh chim tìm về tổ.

MẦM NỞ RA

Bỗng nhiên Kamanita có cảm giác như có con vật gì đó đang bơi trong ao, ở độ rất sâu nhưng trong suốt như pha lê, có thể lơ mờ nhận ra nó đang dâng lên qua màn tối. Nước sôi sùng sục và nổi sóng, một mầm sen to có đầu đỏ bật nổi lên như một con cá từ dòng nước để sau đó lặn lơ bơi trên mặt nước. Mầm này lúc đầu còn quay thành vòng tròn, rồi sau đó nổ tung, run rẩy và lóng lánh sáng, tung tóe màu sắc, hết như ao được đổ đầy kim cương nóng chảy, trong khi ánh sáng phản chiếu lại của nước nhấp nháy hết như ngọn lửa trên những lá sen, làm run bần bật các diềm áo và các bộ mặt của những hình dáng cứu rỗi.

Và cả tâm hồn của Kamanita cũng run lên và phát sáng theo tất cả mọi màu sắc ẩn hiện của nó. Cả trên trái tim chàng có vẻ cũng như đang nhảy múa, nó đùa một ánh phản xạ của những chuyển động vui vẻ.

— Đó là cái gì nhỉ? - Chàng nhìn anh láng giềng màu xanh lam đầy dò hỏi.

— Ở sâu dưới kia, ở nơi vũ trụ xa xăm, trên cái Trái đất mờ mịt kia, tại thời điểm này có một tâm linh con người đã hướng nhu cầu từ trái tim của mình vào điều ước là được bước vào chốn Sukhavati này. Vậy nên bây giờ chúng ta hãy quan sát xem, liệu cái mầm đó có phát triển tốt và đi tới nở hoa hay không. Bởi lẽ có những tâm linh con người hướng điều ước của mình vào chính địa điểm giải thoát, nhưng lại không thể sống theo nó, mà lại bị vướng vào những đam mê không thánh thiện, rơi vào khoải lạc xác thịt và không thoát được khỏi cái dơ bẩn trần tục. Và khi đó thì mầm thui chột đi và cuối cùng sẽ hoàn toàn biến mất. Lần này thì như hiền huynh thấy đấy, đó là một tâm linh nam. Một tâm linh như vậy dễ lạc hướng rời khỏi con đường lên Thiên đàng mà vào sự náo nhiệt đa màu của thế giới hơn. Bởi vậy mà như hiền huynh rồi sẽ thấy, dù cho về mặt con số thì màu đỏ và trắng là khá như nhau, nhưng còn trong số màu lam thì những màu sáng hơn, màu của nữ giới rõ ràng nhiều hơn hẳn.

Với thông báo này thì trái tim Kamanita run lên thậm chí tới mức như cả niềm vui sướng đến quặn đau lẫn nỗi khổ tâm gây khoải lạc đồng thời đưa nó vào chuyển động đung đưa, rồi cặp mắt chàng - như đang đoán nhận lời giải cho một câu đố - hướng vào một đoá hoa sen đã đóng, nó trắng hết như ngực một con thiên nga và đang đung đưa một cách duyên dáng ngay bên cạnh chàng trên mặt nước hơi lay động nhẹ.

— Hiền huynh có còn nhớ không, khi anh đã có lần thấy, cái mầm của cây sen của tôi mọc từ dưới sâu lên? - Chàng hỏi người láng giềng đầy kinh nghiệm vậy.

— Chắc chắn như thế, bởi lẽ nó cùng với bông hoa trắng này xuất hiện, mà chính bây giờ anh đang ngắm nhìn nó. Còn tôi đã luôn luôn quan sát cặp này, mà đôi khi không phải là không lo lắng. Bởi lẽ khá là chóng vánh thì mầm của anh bắt đầu co lại một cách dễ nhận thấy, rồi nó chìm tới mức hầu như hoàn toàn nằm sâu dưới mặt nước. Và bỗng nhiên nó lại ngẩng lên, trở nên đầy đặn và bóng loáng hơn và rồi phát triển thậm chí tuyệt vời tới mức nở ra. Nhưng mầm trắng thì lại lớn chậm chạp, đối diện dần dần và đều đặn với quá trình nở của nó, nhưng rồi thì nó bị mắc một bệnh. Tuy nhiên bông hoa vẫn hồi phục nhanh, và trở nên một đoá hoa rực rỡ như thế, như anh giờ đây đang ngắm nhìn nó.

Nghe những lời này, ở Kamanita nổi lên một chuyển động phấn khởi tới mức chàng có cảm giác như cho đến giờ chàng chỉ là một vị khách lơ mờ ở một địa điểm lơ mờ - vậy nên tất cả xung quanh chàng mới có vẻ bừng sáng lên, mới tỏa hương thơm ngào ngạt và mới thánh thót vang lên đến vậy.

Và hết như cái nhìn của chàng, vẫn dăm dăm dừng lại ở bông hoa trắng, là một cái gây thần

để nâng những châu báu đã bị dấu kín lên, thì nay đầu nhọn của bông hoa lay động, các cánh hoa quay những cái viền của chúng ra trước và nghiêng theo mọi phía. Và hãy nhìn kìa - Vasitthi đang ngồi ở giữa, mắt mở to, cái hấp háy cười dịu dàng của nó gặp ngay cái hấp háy của mắt chàng. Và cả Kamanita lẫn Vasitthi đều giang tay về phía nhau, rồi những bàn tay bắt vào nhau, họ lơ lửng bay lên trên hồ để hướng vào bờ.

Kamanita biết rõ rằng, Vasitthi còn chưa nhận ra chàng, mà chỉ vô tình quay về phía chàng, hết như hoa hướng dương hướng về phía vàng dương. Mà làm sao nàng có thể nhận ra chàng được, khi mà bất cứ ai chẳng nữa cũng không thể nhớ ra cuộc sống trước đây của mình lúc thức giấc - dù cho ở trong sâu thẳm của tâm linh của nàng khi nhìn thấy chàng có nổi lên những linh cảm lơ mơ, hết như ở chàng trước đây khi người hàng xóm chàng nói về dòng Ganga thiên thần. Chàng chỉ cho nàng thấy dòng sông, nó đang đổ về hồ:

— Những con sóng bạc đầu của dòng Ganga đều nuôi dưỡng tất cả những đầm sen trong thẳng cánh của những kẻ được ban phước.

— Dòng Ganga thiên thần ư? - Nàng nhắc lại đầy dò hỏi, và lấy tay xoa trán.

— Đến đây đi, chúng ta hãy đến chỗ cây san hô.

— Nhưng ở đây rừng và những bụi rậm đều đáng yêu, và họ chơi ở đây những trò vui vẻ đến thế. - Vasitthi nói và chỉ về một hướng khác.

— Sau này cơ! Bây giờ trước hết chúng ta hãy đến chỗ cây san hô, để cái hương thơm của nó làm cho em tươi tỉnh lên.

Vasitthi ngoan ngoãn tuân theo chàng, hết như đứa trẻ mà người ta dỗ dành nó khi nó không được tham gia nô đùa với chúng bạn, bằng cách hứa hẹn sẽ cho nó đồ chơi mới. Khi hương thơm bắt đầu bay về phía hai người thì dáng vẻ họ càng ngày càng run lên vì cảm động.

— Anh đưa em đi đâu thế này? - Nàng hỏi khi họ đi vào hẻm sâu trong hốc đá. - Chưa bao giờ em lại thấy hồi hộp như thế này. Em có cảm giác như là em đã luôn luôn hồi hộp như thế. Mặc dầu cái cười mỉm của anh nhắc em nhớ rằng, em đã hoàn toàn tỉnh táo rồi. Nhưng anh nhầm đường rồi, đến đây thì ta chẳng thể đi tiếp được nữa.

— Ôi, người ta vẫn có thể đi tiếp được, mà xa, xa hơn rất nhiều cơ, - Kamanita cười mỉm - có lẽ bây giờ em sẽ nhận ra rằng cái cảm giác đó đã không đánh lừa em, Vasitthi yêu quý nhất đời của anh!

Và ngay trước họ đã mở ra thung lũng với những mỏm đá malachit có cây san hô đỏ và nền trời xanh thẳm, và hương thơm của mọi hương thơm vây quanh họ.

Vasitthi để tay lên ngực như để ngăn hơi thở quá sâu của nàng lại. Và ở sự thay đổi rất nhanh giữa ánh sáng và bóng tối trong đường nét của nàng, Kamanita nhận ra rằng, cơn bão tố của những hoài niệm cuộc đời đã vụt bay khỏi nàng đến như thế nào. Bỗng dưng nàng bỏ hai tay ra rồi ôm chầm lấy chàng:

— Kamanita, anh yêu quý nhất của em!

Và chàng bế nàng vụt đi, như cơn lốc qua hẻm đá trở lại.

Trong cái thung lũng mở, nhưng hơi nghiêm nghị này với những bụi cây tối đen và những cánh rừng rậm rạp nơi những con linh dương nô đùa, mà chẳng có một bóng người phá tan sự cô tịch, chàng mới để nàng nằm xuống một gốc cây.

— Ôi, anh tội nghiệp của em! - Vasitthi bảo. - Anh đã phải chịu đau khổ đến thế nào! Và anh đã nghĩ ra sao về em đây, khi anh được biết rằng em đã cưới Satagira!

Nhưng Kamanita kể cho nàng nghe rằng chàng không được biết điều đó qua tin tức, mà chính

bản thân chàng đã thấy đám cưới đi qua phố chính của thành Kosambi ra sao, và cái nỗi thống khổ không tên mà nó khắc sâu trên mặt nàng, đã trực tiếp minh chứng cho chàng rằng nàng chỉ phải nhượng bộ trước sức ép của cha mẹ nàng mà thôi.

— Nhưng chẳng có uy quyền nào trên Trái đất này có thể ép buộc em, người yêu duy nhất của em, nếu như em đã không phải tin rằng, đã có bằng chứng chắc chắn rằng, anh không còn sống nữa!

Và Vasitthi lên giọng để kể về những trải nghiệm khi đó của nàng.

CHIẾC DÂY CHUYỀN ĐÁ MẮT HỔ

Khi anh, hiền huynh yêu dấu của em, đã rời Kosambi, thì em nhọc nhằn kéo lê những tháng ngày dài dằng dặc của mình đi, y như một cô gái làm điều đó, lúc bị cái hăm dọa của sự nhớ nhung gặm nhấm và vì thế phải bay lơ lửng giữa những nỗi lo lắng cho người mình yêu. Em thậm chí cũng chẳng biết liệu anh có còn thở chung với em cái không khí ẩm áp này của Trái đất nữa hay không. Bởi vì em đã quá thường xuyên nghe nói về nỗi nguy hiểm của những chuyến đi như thế này. Và nay em lại phải tự trách mình thậm tệ nhất, bởi lẽ chính em qua cái tính ương ngạnh đến điên khùng của mình mà đã gây nên tội trạng với mối tình của mình, để cho anh trên đường về không được an toàn tuyệt đối nữa vì không còn được sứ đoàn bảo vệ nữa.

Ngay cả những lời an ủi và khích lệ của Medini cũng hiếm khi đẩy lui được những đám mây sầu não của em, còn nếu có thì cũng chỉ với thời gian rất ngắn. Người bạn thân nhất và trung thành nhất của em là cái cây Asoka xinh đẹp mà dưới bóng cây đó, một đêm trăng tuyệt vời kia, hai chúng mình đã tình tự. Chắc anh, hiền huynh yêu dấu của em, cũng không thể quên được ngày đó, và em đã nói với anh theo cách xưng hô với Damayanti. Nhiều lần em đã thử nghe từ tiếng rít của lá cây để luận ra câu trả lời cho câu hỏi đầy lo âu của em. Và như vậy khi có hoa rơi hay cuộc đùa giỡn của những đốm sáng trên mặt đất cũng có thể là một điềm báo trước. Nếu khi một dấu hiệu tiên tri tự diễn ra theo ý nghĩa thuận lợi, thì em cảm thấy hạnh phúc và tràn trề hy vọng cả ngày hôm đó, hay còn nhiều hơn để hướng về tương lai. Nhưng chính qua đó mà khao khát gia tăng, và với nó những lo lắng cũng quay trở lại, hết như những cơn ác mộng sinh ra trong cơn sốt.

Trong tình trạng như thế thì đó gần như là một sự đặc ân, khi mối tình của em không còn được kéo dài vô tận trong sự vô công rồi nghề cô đơn để chỉ sống trong nỗi đau nữa, mà nó được đẩy về một vị trí chiến đấu, ở đó nó phải tập trung tất cả mọi sức lực lại, đấu cho qua đó em hầu như đã chia những người thân của em ra thành hai. Satagira, con trai vị thượng thư, bây giờ theo đuổi em càng ngày càng hăng hái hơn bằng những dấu hiệu cho mối tình của anh ta. Và em không còn có thể đến một công viên nào đó với các bạn chơi của em, mà không có mặt anh ta và biến em thành đối tượng chú ý đến mức khó chịu của anh ta nữa. Việc em không đáp lại dù chỉ một chút xíu mối tình đó, thậm chí còn cho anh ta thấy một cách ngày càng rõ rệt hơn, tới mức vượt quá cả giới hạn của phép tắc, em ghét nó đến thế nào, chẳng hề gây một tác dụng giảm thiểu nào cho anh ta. Nhưng chẳng bao lâu sau thì cha mẹ em, đầu tiên mới chỉ là qua đủ loại những lời bóng gió, nhưng càng sau càng thẳng thừng hơn, lên tiếng ủng hộ anh ta. Và cuối cùng khi anh ta không úp mở xuất hiện với lời cầu hôn, thì cha mẹ em đã yêu cầu em phải đồng ý. Em khẳng định trong nước mắt trước cha mẹ em rằng chẳng bao giờ em có thể yêu được Satagira, nhưng điều đó chẳng hề gây ấn tượng nào cho họ. Nhưng cũng vậy em không chịu tác động nào của cha mẹ em với những suy nghĩ của họ, cách họ yêu cầu và giận dữ với em, cách mẹ em van xin em, những lời đe dọa của cha em.

Khi bị dồn vào ngõ cụt, cuối cùng em mới tuyên bố thẳng thừng rằng em đã có hứa với anh - qua Satagira thì họ đã được nghe kể về anh - và chẳng có thế lực nào trên thế gian này có thể ép buộc em phải nuốt lời hứa danh dự đó và thuộc về một người khác. Nhưng nếu sự việc đi đến tận cùng, thì em sẽ thông qua một cuộc tuyệt thực mà đi đến cái chết.

Khi cha mẹ em đã nhận thức được rằng, em chắc chắn sẽ thực hiện lời đe dọa này, thì cuối cùng họ mới, dù cũng rất buồn bã và tức giận, chịu đầu hàng. Và cả Satagira bây giờ có vẻ như cũng đã chịu tuân thủ số mệnh và cân nhắc đến việc tự an ủi với thất bại trong ái tình bằng

những chiến công trên một mặt trận khắc nghiệt hơn.

Trong thời gian này có nhiều tin đồn về sự dã man của tên tướng cướp Angulimala. Với đội cướp của mình, y đã tàn phá toàn bộ cả một vùng, đốt cháy làng mạc và làm cho các con đường trở nên mất an toàn tới mức, cuối cùng thì chẳng còn ai dám đi đến Kosambi nữa. Qua đó em lâm vào một trạng thái sợ sệt ghê gớm, bởi vì dĩ nhiên em lo là cuối cùng thì anh rồi cũng sẽ đến, và sẽ rơi vào tay lũ cướp. Nhưng rồi bỗng nhiên có thông báo rằng, Satagira được lệnh toàn quyền điều hành một toán quân lớn để thanh lọc toàn vùng Kosambi và nếu có thể thì sẽ bắt sống chính Angulimala hay những thủ lĩnh khác của toán cướp. Anh ta, như thông báo, đã tuyên thệ sẽ đạt được điều đó, hay sẽ hy sinh trong trận mạc.

Dù bình thường em ít có thiện cảm với con trai vị thượng thư, thì nay em cũng chẳng làm khác được là dịp này vui vẻ thừa nhận một thành công cho anh ta và khi anh ta ra đi, ban những lời chúc phúc cho toán quân dưới trướng anh ta.

Khoảng một tuần sau đó em đang cùng Medini ở trong vườn, thì bỗng chúng em nghe thấy từ ngoài đường vọng lại tiếng la hét vang trời. Medini liền chạy tới đó để thăm dò xem liệu đã có gì xảy ra, và thông báo về ngay rằng Satagira đã trở về thành phố trong chiến thắng, sau khi anh ta đã đánh tan hay bắt sống lũ cướp. Và ngay cả tên Angulimala ghê gớm nọ cũng đã sa vào tay anh ta. Medini yêu cầu em phải cùng chị ấy và Somadatta ra đường để ngắm nhìn cuộc diễu hành vào thành phố của các chiến binh và chuyển đưa lũ cướp đã bị khóa tay. Nhưng em không muốn vậy, bởi lẽ em không thể vui vẻ chấp nhận Satagira thấy em trong đám người đón mừng chiến thắng của anh ta. Vậy là em ở lại một mình, quá ư sung sướng với ý nghĩ rằng từ nay con đường cho người mình yêu lại được mở. Bởi vì những người rồi sẽ chết ít khi linh cảm được về diễn biến của số mệnh họ, đến mức đôi khi họ, như em khi đó, đón mừng như ngày may mắn cái ngày mà đó lại chính là ngày cuộc đời họ có bước ngoặt dẫn tới những điều u tối.

Sáng hôm sau, cha em bước vào phòng em. Ông trao cho em một dây chuyền bằng pha lê với bùa hộ mệnh bằng đá mắt hổ và hỏi liệu em còn nhận ra nó không.

Em có cảm giác như đất dưới chân mình tuột mất. Nhưng em lấy hết sức bình sinh và trả lời, chiếc dây chuyền giống với chiếc dây mà anh vẫn luôn đeo trên cổ.

— Nó không chỉ giống với chiếc dây chuyền đó, - cha em nói với sự bình thản đến mức cay nghiệt, - nó chính là chiếc đó. Khi Angulimala bị bắt, y đã đeo nó, và Satagira nhận ra nó ngay lập tức. Bởi vì anh ta, như anh ta kể cho cha nghe, đã có lần tranh trái bóng của con với Kamanita trong công viên. Khi đó chiếc dây chuyền của Kamanita bị đứt, chính là chiếc mà anh ta đã nắm lấy được để giữ địch thủ của mình lại. Và vì vậy mà nó nằm trong tay anh ta, anh ta có thể ngắm nhìn nó rất kỹ. Anh ta tin chắc là anh ta không thể nhầm được. Sau đó bằng cực hình anh ta cũng đã khiến Angulimala phải khai nhận rằng, trước đó khoảng hai năm, y đã tấn công đoàn xe của Kamanita trên đường trở về Ujjeni ở vùng quanh Vedisa, đã tàn sát mọi người rồi bắt được Kamanita với một tên gia nhân. Tên gia nhân đã được y gửi trả về Ujjeni để nhận tiền chuộc. Nhưng bởi vì điều này vì bất kỳ một nguyên nhân nào đó mà đã không diễn ra, nên theo tập quán của lũ lục lâm, y đã giết Kamamta.

Ở những lời khủng khiếp như thế này, lẽ ra em đã bất tỉnh nếu như trong những ý nghĩ tuyệt vọng của em không lóe ra được một khả năng để còn hy vọng chống lại chính niềm tuyệt vọng:

— Satagira là một người xấu xa và quỷ quyệt. - Em trả lời với sự bình thản giả tạo. - Anh ta chẳng hề biết sợ trước bất cứ sự lừa dối nào. Và anh ta đã đặt cược bằng trái tim hay đúng hơn là niềm kiêu hãnh của anh ta với việc bằng được lấy con làm vợ. Nếu như khi đó anh ta đã ngắm chiếc dây chuyền kỹ đến thế, thì điều gì có thể ngăn cản anh ta không đặt làm một chiếc tương tự? Con tin là khi anh ta nghe về Angulimala, anh ta đã đi đến ý nghĩ này. Dù cho anh ta

chẳng bắt được chính Angulimala, thì anh ta vẫn luôn có thể nói rằng, chiếc dây chuyền đã được tìm thấy trong tay lũ cướp và chúng khai là đã giết chết Kamanita.

— Điều đó hoàn toàn không thể được, con gái yêu ạ, - cha em lắc đầu bảo, - chính bởi nguyên nhân mà con dĩ nhiên chẳng thể biết được, nhưng cha với tư cách là thợ kim hoàn may mắn có thể bóc trần ra cho con được. Nếu như con nhìn kỹ những mối nối bằng vàng để nối các cục pha lê với nhau, thì con sẽ nhận ra rằng, kim loại này hơi đỏ hơn những đồ trang sức ở đây một chút. Đó là vì trong những hợp kim của chúng ta, chúng ta dùng nhiều bạc hơn đồng. Và cả cách làm ở đó cũng hơi thô hơn một chút, y như những thứ mà người ta xuất đi những nước có nhiều đồi núi.

Câu trả lời lơ lửng nơi môi em. Cha em chính là một thợ kim hoàn giỏi đến mức, ông sẽ thành công cả ở hỗn hợp chính xác lẫn cách chế biến vàng đặc trưng. Vậy nên em thấy như tất cả mọi người đã có âm mưu chống lại mối tình của chúng ta, và em không tin cả người thân của chính mình nữa. Trong khi đó thì em đành hài lòng với việc nói rằng, em hoàn toàn chẳng để chiếc dây chuyền này thuyết phục là Kamanita của mình đã không còn trên trần thế này nữa. Cha em rất tức tối bỏ đi, và trong nỗi cô đơn tuyệt độ, em có thể dành toàn bộ tâm trí cho sự tuyệt vọng của mình.

MÀN KỊCH ĐI TÌM CHÂN LÝ (HAY PHÉP THUẬT CHÂN LỰC SACCAKIRIYA)

Trong thời gian này, em luôn dành những giờ rỗi ban đêm để lên sân hiên của những cây vô tư. Hoặc một mình, hoặc cùng với Medini. Đêm đó em ở một mình, trong tâm trạng hiện hữu thì điều đó cũng là điều mà em thích nhất. Trăng rằm tròn sáng như hời nào, và em đứng trước cái cây Asoka to lớn đang trở đầy hoa để được nó "bình tâm - niềm thanh thản cho trái tim", ban cho một điềm báo trước cho trái tim không hề biết thanh bình của em. Và em tự nói với chính mình: "Nếu như giữa mình và thân cây có một bông hoa vàng màu nghệ rơi xuống trước khi mình đếm đến một trăm, thì Kamanita yêu dấu của mình vẫn còn sống".

Khi em đếm đến năm mươi, có một bông hoa rơi xuống, nhưng là bông màu da cam. Khi em đạt đến con số tám mươi, em bắt đầu đếm càng ngày càng chậm đi. Bỗng một cái cửa ở góc giữa sân thượng và nền nhà - ở đó có một cái cầu thang dẫn ra sân chung, lẽ ra chỉ giành cho giới thợ thuyền và người làm vườn mà thôi - bỗng kèn kẹt mở ra.

Cha em bước ra, đằng sau ông là Satagira. Một vài kỵ sĩ, trang bị đến tận răng, theo sau. Và kể đó là một người đàn ông cao hơn người khác đến cả cái đầu, cuối cùng còn có những kỵ sĩ khác nữa kết thúc cái đám người kỳ cục, không sao giải thích nổi này. Hai người đi cuối dừng lại ở cửa làm lính gác, còn những kẻ khác tiến về phía em. Khi đó em mới nhận ra rằng, viên kỵ sĩ ở giữa đoàn chỉ đi được một cách rất khó nhọc mà thôi, và mỗi bước hắn đều phát ra một tiếng loảng xoảng và lách cách ghê người.

Cũng vào lúc này có một bông hoa vàng màu nghệ lơ lửng rơi xuống và nằm ngay trước chân em. Nhưng vì em do ngạc nhiên mà đã dừng đếm rồi, nên chẳng còn biết liệu nó rơi trước hay sau con số một trăm.

Khi cái nhóm đó từ bóng do bức tường tạo, bước ra phía chan hòa ánh trăng, em bỗng hãi hùng thấy cái kẻ khổng lồ kia cuốn sắt dây mình. Tay y bị trói oặt ra sau lưng. Quanh chân y leng keng những vòng sắt nặng nề, được nối với nhau bằng dây gắn bị, từ đó lại có những chiếc xích sắt kép dẫn tận tới vòng đeo cổ, ở đó lại có kết nối hai chiếc xích nữa, hai chiếc này do hai kỵ sĩ giữ. Hệt như một kẻ bị đưa ra pháp trường, có một vòng hoa Kanavera đỏ đeo quanh cổ và ngực đầy lông lá của y, và bụi gạch nâu đỏ bám trên đầu y làm cho món tóc lộn xộn rủ xuống trán và bộ râu kéo dài đến tận mắt của y thêm dữ tợn. Từ cái mặt trông như mặt nạ này, cặp mắt long lanh xoáy vào em - nhưng chỉ nhanh như chớp. Sau đó chùng xuống và rụt rè đi lang thang trên nền nhà như một con thú hung dữ.

Ai đứng trước mặt em, lẽ ra sau đó em cũng chẳng cần phải hỏi nếu như những bông hoa Kanavera có che mất dấu hiệu tượng trưng cho cái tên khủng khiếp của y: vòng đeo cổ bằng ngón tay cái những người bị giết.

— Nào, Angulimala^[14], - Satagira phá vỡ cái im lặng nặng nề, - hãy nhắc lại trước quý bà danh giá này, tại buổi tra tấn mi đã khai những gì về vụ giết vị thương gia trẻ Kamanita từ Ujjeni đến.

— Kamanita không bị giết chết, - tên tướng cướp cục cằn trả lời, - mà chỉ bị bắt rồi hành hình tuân thủ đúng truyền thống của chúng tôi.

Và bằng vài lời ngắn gọn, y kể cho em nghe những gì mà cha em đã nói.

Khi đó em đang đứng, lưng tựa vào cây Asoka, còn hai tay dựa vào gốc cây, em phải dùng móng tay cấu chặt, co cứng vào vỏ cây để khỏi ngã vật xuống. Còn khi Angulimala kết thúc thì mọi thứ xung quanh em quay cuồng. Nhưng em vẫn chưa chịu đầu hàng.

— Mi là một tên cướp bất lương, và kẻ giết người, - em bảo, - liệu những lời mi nói ra có nghĩa gì với ta? Tại sao mi không khai ra, ai ra lệnh cho mi, những hành động tàn ác của mi do thế lực nào dung túng?

Và như bỗng có linh tính báo cho biết, nó làm em ngạc nhiên và suýt nữa cho em một tia sáng hi vọng le lói lên, em mới bảo:

— Mi thậm chí chẳng cần phải nhìn vào mắt ta. Mi, kẻ gây biết bao hãi hùng cho mọi người, còn ta, một cô gái yếu đuối! Mi không dám làm điều đó - vì do người đàn ông này xúi giục mà mi đã nói dối một cách hèn hạ.

Angulimala không nhìn lên, nhưng y cười gằn và nói bằng giọng hệt như tiếng gầm gừ của một con thú bị trói:

— Nhìn vào mắt người để làm gì? Ta để cái đó giành cho bọn trẻ con. Người chắc sẽ chẳng tin vào cái nhìn của một tên cướp bất lương hệt như lời nói của hấn mà thôi. Và với lời thề của hấn thì người cũng không coi trọng gì hơn.

Hấn bước một bước lại gần.

— Tiến lên, cô gái! Hãy là người làm chứng cho phép chân lực của ta.

Một lần nữa, cái nhìn của y gặp trúng em, khi nó hướng lên phía Mặt trăng. Giữa món râu tóc rối rắm không biết gọi là màu gì của y chỉ thấy hai nhãn cầu trắng phau. Ngực y hỗn hển sao cho những bông hoa đỏ rung rinh như múa, và với giọng như tiếng sấm gầm trên trời, y bảo:

— Hỡi nữ thần ban đêm đăng quang loài rắn, người kiềm chế được cả loài hổ! Người dưới ánh trăng bay nhảy múa may trên đỉnh những dãy núi hình răng cưa, đánh chiếc vòng cổ đầy những đầu lâu kêu leng xeng, nghiêng răng, lắc lư bát máu, Kali, nữ thần lực lâm, người đã dẫn ta qua cả ngàn hiểm nguy, hãy nghe ta nói đây! Hệt như chân lý ta chưa bao giờ bủn xỉn với lễ vật, như chân lý ta luôn tuân thủ các luật của người, thì theo chân lý đó, ta cũng ứng xử với tên Kamanita này đúng theo quy chế của người. Theo đó nó cho phép chúng ta, những "Người gửi", được cưa đôi tù nhân một khi tiền chuộc không kịp đến đúng giờ đã hẹn, và vút các phần của cơ thể ra đường: như chân lý thì bây giờ người hãy ở bên ta trong giờ phút nguy khốn nhất của ta, hãy cắt đứt xiềng xích và giải thoát cho ta ra khỏi bàn tay lũ kẻ thù của ta!

Khi y nói như vậy thì y làm một cử động đầy bạo lực - những cái xích kêu leng xeng - chân và tay đều đã được giải thoát - hai kỵ sĩ giữ y lăn lóc dưới đất, còn tên thứ ba bị y dùng đoạn xích đang còn treo trên tay đánh gục. Và trước khi một người nào đó trong bọn chúng tôi hiểu được điều gì đã xảy ra, thì Angulimala đã nhảy qua bức tường ngăn. Bằng một tiếng gầm dữ tợn. Satagira lao theo y - Đó là những gì kết thúc mà em còn nhìn thấy và nghe thấy.

Sau này em mới biết, Angulimala ngã, y bị gãy một chân và bị lính gác bắt lại. Sau này y chết trong tù vì những đòn tra tấn, thân thể y bị treo lên trên cổng thành phía Bắc, ở đó chính Medini và Somadatta đã thấy y.

Qua phép chân lực này của Angulimala thì nghi ngờ cuối cùng cũng như hy vọng cuối cùng đã bay biến khỏi em. Bởi vì em đã rõ rằng ngay cả chính nữ thần quỷ quyết nọ cũng không thể tạo phép màu nào để cứu y, nếu như y không có sức mạnh chân lý ở phía mình.

Còn cái gì xảy ra với em, điều đó em chẳng quan tâm. Bởi lẽ đối với em thế là mọi thứ trên trần ai này coi như đã mất hết. Chúng ta chỉ có thể gặp lại nhau ở Phương Tây cực lạc: anh đã đến đó trước, và em, em hy vọng vậy, sẽ theo bước anh ngay, ở đó hạnh phúc trở bông, còn tất cả những cái khác đều chẳng quan trọng.

Bởi lẽ Satagira tiếp tục cố gắng giành giật em và mẹ em luôn kêu than và khóc lóc kêu bà sẽ

chết vì trái tim tan vỡ, nếu qua em bà bị sỉ nhục vì ở lại nhà bố mẹ mà không lấy chồng được - lẽ ra nếu vậy thì bà đã có thể đẻ ra đứa con gái xấu xí nhất thành Kosambi này! - thì cuối cùng, sức kháng cự của em càng ngày càng yếu đi.

Thực ra thì ngay cả bây giờ, em cũng chẳng phản kháng Satagira nhiều như trước nữa. Em không thể không thừa nhận sức bền bỉ và lòng trung thành của anh ta. Và em cũng cảm nhận rằng em đang còn mắc nợ chưa cảm ơn anh ta đã trả thù cho người em yêu.

Vậy là em - khi gần một năm trôi qua – trở thành vị hôn thê của Satagira.

BÊN BỜ DÒNG GANGA THIÊN THẦN

Khi Kamanita cảm nhận rằng, ngay cả ở nơi đây, chốn cứu rỗi, thì những hoài niệm này vẫn che phủ tâm hồn hiền dịu, vừa mới tỉnh ngộ của người yêu như bằng những cái cánh đen đúa, thì chàng liền nắm lấy tay nàng và dẫn nàng bay xa hơn bằng cách hướng cánh bay chung của họ về cái đồi dễ thương nọ, mà trên sườn đồi vừa mới đây chàng còn nằm nghỉ và ngắm xem trò chơi của những người bay lơ lửng.

Chính nơi đây tập trung họ lại. Vậy là những cánh rừng, và những bụi rậm. Những đồng cỏ và những sườn đồi tràn đầy không đếm xuể những hình dáng bay lơ lửng, màu đỏ, màu lam, màu trắng. Càng ngày càng có nhiều nhóm mới bao quanh họ, để chào mừng những kẻ vừa mới tỉnh ngộ. Và hai người hòa vào nhóm những người chơi.

Từ lâu họ đã bay lơ lửng, bay qua các rừng, quanh những phiến đá, qua những đồng cỏ và những hồ sen, nơi vòng xoáy đưa họ tới, khi họ gặp cái cô áo trắng nọ, người đã yêu cầu Kamanita cùng cô thực hiện chuyến bay đến dòng Ganga. Khi hai người trao tay cho nhau để múa, nàng mới hỏi với nụ cười đáng yêu:

— Liệu anh đã đến bên bờ dòng Ganga chẳng? Bây giờ thì anh có một nữ tùy tùng đấy.

— Còn chưa đâu. - Kamanita trả lời.

— Còn đây là cái gì? - Vasitthi mới hỏi.

Và Kamanita kể cho nàng nghe.

— Vậy thì chúng ta hãy đến đó. - Vasitthi bảo. - Ôi, biết bao lần ở chốn trần tục u ám thung lũng nơi Trái đất em đã ngẩng nhìn lên trời, hướng tới vầng sáng xa xôi của dòng sông thiên thần, và nghĩ tới Thiên đàng mà nó được dòng này uốn quanh và tưới nước, và hỏi, liệu có đến một ngày nào đó chúng ta sẽ được hội ngộ tại nơi chốn lạc thú này. Bây giờ nó kéo em tới đó mà không có gì có thể cưỡng lại được, em với anh sẽ cùng tới nghỉ bên bờ dòng sông đó.

Họ tách khỏi chuỗi vòng tròn và hướng chuyển bay của họ theo phương dẫn họ đi khỏi những cái hồ. Sau một lúc thì họ không còn thấy những cái hồ nữa, mà những bông hoa sen của chúng mang những hình hài thánh thiện, và càng ngày thì số những bông hoa càng giảm, càng ngày họ càng ít gặp những hình dạng bay lơ lửng. Những bầy sơn dương làm sống động bình nguyên, trên những cái hồ có đàn thiên nga dạo chơi, kéo theo sau đuôi những sóng sáng trên nền nước tối đen. Các ngọn đồi lúc đầu càng ngày càng dựng đứng và lởm chởm đá hơn, cuối cùng rồi cũng biến mất hoàn toàn. Họ bay trên một bình nguyên phẳng, gần như sa mạc, mọc đầy cỏ voi và bụi rậm gai. Trước họ là một rừng cọ trải rộng đến tận chân trời.

Họ đã đến rừng. Càng ngày bóng nó càng bao quanh họ, xuống thấp hơn. Những thân cây sần sùi lóe sáng như đồng. Tít trên cao, các ngọn cây rì rào tiếng reo muôn thuở.

Trước mắt họ bắt đầu thấy nhảy múa những điểm và những vân lóng lánh. Và bỗng nhiên đập thẳng vào mắt họ là một dòng sáng rực rỡ tới mức, họ phải lấy tay che lại. Họ cảm thấy như trong rừng có vô kể các cột sáng lóa chúng phản xạ ánh sáng của vầng dương buổi bình minh.

Khi họ dám bỏ tay ra khỏi mắt thì họ đang bay lơ lửng trên những cây cọ cuối cùng của cánh rừng, rồi bay ra ngoài.

Trước mắt họ bây giờ là dòng Ganga thiên thần, nó trải rộng bề mặt bằng bạc của nó cho đến tận chân trời, trong khi dưới chân họ là lớp sóng phẳng đập vào bờ cát xám màu ngọc trai, hệt như ánh sáng lung linh của các tinh tú. Còn nếu như thông thường, bầu trời xuống dưới càng sáng dần, thì ở đây ngược lại: màu lam nước biển chuyển sang màu chàm, rồi cuối cùng cái

màu này với một cái viền gần như toàn đen dựa vào ánh sáng phản xạ bởi không khí ở chân trời trên biển có màu trắng bạc. Không còn cảm thấy gì nữa của mùi thơm của những nhụy hoa Thiên đàng. Nhưng y như trong cái màu ngọc bích xung quanh cây san hô hội tụ cái mùi thơm đáng nhớ của mọi mùi thơm, thì ở đây dọc theo dòng sông vũ trụ có một làn hơi nhẹ nhẹ, lành lạnh, chan chát thoảng qua. Nó không chứa bất kỳ mùi gì, hoàn toàn thanh khiết nên rất thích hợp làm mùi vị duy nhất. Vasitthi thêm thường hít sâu nó vào mình như nàng nuốt ực một món uống tươi mát, trong khi với Kamanita thì nó làm chàng ngạt thở.

Ngay với những âm thanh du dương của các thiên thần thì ở đây người ta cũng chẳng nghe thấy một tiếng nhỏ nào. Tuy nhiên từ dòng sông có vẻ như có những âm thanh mạnh mẽ, gầm rú như sấm rền vang lên được.

— Hãy lắng nghe! - Vasitthi thầm thì rồi nâng tay nàng lên.

— Thật kỳ lạ! - Kamanita bảo. - Có một lần kia, anh trở về cái lều nằm ở lối vào một hẻm núi và bên cạnh có một cái suối nhỏ, dễ thương chảy qua. Sau chuyến hành hương, anh rửa chân ở dòng nước tươi mát, trong suốt của nó. Đêm đến có một cơn mưa dữ dội ập tới, và khi anh hoàn toàn không ngủ và nằm trong lều lắng nghe, thì thấy dòng suối hồi tối mới rì rào nhẹ nhẹ, nay càng ngày càng sôi lên sùng sục và nổi sóng mãnh liệt hơn. Nhưng đồng thời anh nhận ra một tiếng trầm đục giống như sấm dậy, nhưng anh không giải thích nổi. Sáng hôm sau anh nhìn thấy ngay, con suối trong lành, hiền hòa nay đã thành một dòng sông chảy xiết với dòng chảy màu xám đậm nổi đầy bọt. Nó cuốn theo tảng đá lớn đang lao vun vút đi. Đó chính là nguyên do gây ra cái ồn ào huyền ảo này. Tại sao mà lúc này đây, khi nghe những tiếng này, hoài niệm từ chuyến hành hương của anh lại trở dậy nơi anh?

— Điều đó xuất phát từ điểm là, - Vasitthi trả lời, - với mỗi dòng suối ở chân núi đều cuốn theo những tảng đá, tuy nhiên với dòng Ganga thiên thần sẽ cuốn theo và đẩy đi cả những vũ trụ, và đó chính là nó, từ đó vang lên những tiếng âm ỳ như sấm rền ấy.

— Các vũ trụ! - Kamanita kinh ngạc kêu lên.

Vasitthi mỉm cười mà vẫn lơ lửng bay tiếp. Tuy nhiên Kamanita hãi hùng nắm lấy áo nàng mà giữ lại.

— Hãy giữ lấy mình, Vasitthi yêu quý! Chẳng ai biết được có những thế lực nào, những quyền lực khủng khiếp nào đang bay lượn ngoài kia, trên dòng sông vũ trụ này. Những thế lực mà em có thể bị sa vào uy lực của nó, nếu như em rời bỏ cái bến bờ này. Anh đang run rẩy đây khi nghĩ đến việc phải thấy em bỗng chốc bị cuốn đi mất hút.

— Anh không thể theo em ư?

— Dĩ nhiên anh sẽ theo em. Nhưng có ai biết là liệu anh có thể đạt tới em được chẳng, hay người ta lại bứt hai ta ra khỏi nhau? Và ngay cả khi chúng ta ở bên nhau, sẽ thật là bi đát nếu như bị mang đi đến nơi vô hạn, vô cùng xa cái nơi cứu rỗi thân thuộc này.

“Đến nơi vô hạn!”. - Vasitthi nghĩ lại, mông lung suy tư, và cặp mắt nàng lướt trên bề mặt dòng Ganga thiên thần, vượt xa cho tới nơi cái dòng bàng bạc đạt tới đường viền đen sẫm của bầu trời, rồi có vẻ như muốn còn đi tiếp nữa.

— Và liệu có thể có sự giải thoát vĩnh cửu chẳng, khi tồn tại sự giới hạn? - Nàng nói ngay, hoàn toàn lơ đãng đến mức như bất tỉnh.

— Vasitthi! - Kamanita thét lên thật sự hãi hùng. - Anh những muốn, lẽ ra anh không bao giờ đưa em đến đây! Người yêu ơi, đến đây đi, đi đi!

Và còn sợ hơn với cây san hô, chàng kéo nàng đi khỏi đó.

Chẳng hề miễn cưỡng, nàng theo chàng, tuy nhiên nàng vẫn ngoái cổ lại giữa những cái cây cọ ngoài cùng để một lần nữa, ngắm nhìn dòng Ganga thiên thần.

Và họ lại ngồi thiền trên những nhánh sen giữa cái hồ trong như pha lê của họ, rồi họ lại lơ lửng bay giữa những cây nở hoa màu ngọc, và hòa vào dòng những kẻ đã được ban phước và tận hưởng lạc thú thiên thần, hạnh phúc trong mối tình không hề vãn đục của họ.

Nhưng khi trong vòng xoáy có một lần nàng gặp cô áo trắng thì cô này bảo:

— Vậy là các người thực sự đã đến bờ dòng Ganga thiên thần rồi chẳng?

— Tại sao cô biết chúng ta đã đến đó?

— Ta thấy nó; bởi vì tất cả những người đã đến đó đều mang trên lông mi một cái bóng. Bởi vậy ta cũng chẳng hề muốn tới đó. Và các người cũng sẽ không đến đó lần thứ hai, không có một ai làm điều đó.

NGÀO NGẠT MÙI THƠM HOA SAN HÔ

Thực vậy, họ không bao giờ đến thăm cái bờ chẳng hề mền khách nọ của dòng Ganga thiên thần nữa. Tuy nhiên họ vẫn thường lái hương bay của họ về thung lũng với những phiến đá malachit. Nằm dưới cái tán khổng lồ của cây san hô, họ hít thở cái mùi thơm của tất cả mọi mùi thơm, lan tỏa từ những cánh hoa màu đỏ tía của son, và theo chiều sâu hoài niệm của họ sẽ mở ra toàn cảnh của cuộc sống trước đây của họ.

Lúc thì ở lâu đài, lúc thì ở lều bạt, họ thấy lại mình, tuy nhiên dù đóng bộ trong nhung lụa hay trong những thứ vải thô dệt trên khung cửi nhà quê: luôn luôn họ thấy tồn tại mỗi tình sâu nặng với nhau. Khi thì mỗi tình đó được tôn vinh bởi hạnh phúc đoàn tụ, lúc thì biệt ly qua vận không may cuộc đời hay qua cái chết là số phận đầy bi ai của họ: nhưng dù hạnh phúc hay bất hạnh, mỗi tình vẫn là duy nhất.

Và họ thấy mình ở thời khác, ở đó con người dữ dội hơn bây giờ nhiều, ở những tháng ngày anh hùng chẳng bao giờ quên được nọ, khi chàng rời khỏi cánh tay nàng để leo lên con voi chiến của mình, để đến thành Vạn Tượng và đến với các bạn mình, các hoàng tử Pandaver, để trợ giúp họ trong cuộc chiến chống lại bọn Kuruinge. Ở đó, vai kề vai chiến đấu bên cạnh Arjuna và Krishna, tâm hồn anh hùng của chàng thở hơi thở cuối cùng vào ngày thứ mười trong trận đánh vĩ đại trên bình nguyên Kurukschetra. Tuy nhiên còn nàng, khi nàng nhận được tin chàng mất, thì nàng đã ra trước toà lâu đài, có tất cả các bà các cô tháp tùng, đã đứng và tự tay châm ngọn lửa trên giàn hỏa thiêu mình^[15].

Và họ lại đoàn tụ tại những miền quê và thiên nhiên xa lạ. Chúng chẳng dài hơn thung lũng của các dòng Ganga và Jamuna với những thành phố tráng lệ, có nhiều lâu đài của nó, ở đó những chiến binh ngồi sáng với những vũ khí bên mình, những giáo sỹ Bà La Môn kiêu hãnh, những thị dân giàu có và những Cudra làm sống động các phố phường. Đó còn là những cánh đồng lúa phì nhiêu và những cây sung khổng lồ nhiều thân, những cánh rừng cọ và rừng già bạt ngàn, những chú voi và hổ hung dữ và những đỉnh núi phủ đầy tuyết của dãy Himavat. Cái sán đấu với những vẻ tráng lệ nhiệt đới đa dạng của nó thường đã bao bọc trong mình một cuộc sống cộng đồng của nó đã làm cho có vẻ như chẳng hề có một thế giới nào khác, nay biến mất hoàn toàn để nhường chỗ cho một xứ cô tịch và cằn cỗi hơn nhiều.

Dĩ nhiên ở đây vầng dương cũng nóng bỏng hết như ở bên dòng Ganga, nên các dòng sông cạn kiệt và các đồng cỏ cháy sém đi. Nhưng vào mùa đông thì những cánh rừng bị giá lạnh cướp đi những cành lá, và sương muối phủ đầy những cánh đồng. Không có những thành phố sừng sững với những tháp của chúng, mà là những làng quê rộng lớn với những bờ dậu cao nằm giữa những cánh đồng cỏ bao la. Và cái đồi đất có tính bảo vệ nằm bên cạnh thì nhờ những bức thành và tường thờ mộc mà biến thành một chiến lũy nho nhỏ. Đã có một chủng tộc du mục dày dạn trận mạc cư trú nơi đây. Những cánh rừng đầy chó sói, và từ xa hàng dặm, du khách đang run rẩy lắng nghe tiếng gầm của sư tử, “loài thú kinh khủng, phiêu bạt, sống ở núi” - như ngài gọi nó, bởi lẽ ngài là một danh ca.

Sau chuyến hành hương dài, ngài tới gần một cái làng, ở lại với tư cách là vị khách lạ, nhưng được hoan nghênh, bởi vì ngài là như vậy ở bất cứ đâu. Trên vai ngài treo lưng lửng tài sản duy nhất thấy được của ngài, một cây đàn luyt nhỏ. Nhưng trong đầu thì ngài mang theo toàn bộ di sản quý giá của cha ông: những thánh ca bí ẩn ca ngợi Agni^[16] và Indra, ngợi ca Varuna và Mitra, thậm chí cả những bài thánh ca, những chiến ca và những bài hát khi uống rượu cho đàn ông, những bài tình ca cho các cô gái, những câu niệm chú mang tính ban phước cho những người đi xin sữa. Và ngài có sức khỏe và hiểu biết để gia tăng cái kho dự trữ này bằng những

phương tiện của chính mình, ở đâu mà một vị khách như vậy không đáng hoan nghênh?

Đó là vào lúc người ta xua những đàn bò về nhà. Dẫn đầu một đàn là một cô gái dong dỏng cao với dáng vẻ kiêu diễm nhất trong mọi cử động của cơ thể trẻ trung. Bên cạnh nàng là con bò cái thân thuộc của nàng, mà những con khác đi theo cái chuông trước cổ nó. Thỉnh thoảng nó lại liếm tay nàng. Ngài chào nàng, nàng thân mật chào lại. Họ nhìn nhau và cười - đó chính là cái cảnh mà nó bay đi bay lại trong công viên ở Kosambi giữa nữ cầu thủ chơi bóng trên sân diễn và vị khán giả xa lạ.

Nhưng ngay cả ở đất nước của năm dòng sông, sau khi nó đã chứa chấp chúng, cũng biến mất, hết như trước đó thung lũng Ganga - những miền đất khác mở ra, những con người và truyền thống khác bao quanh chúng - tất cả mọi thứ khắc nghiệt hơn, dữ dằn hơn và xơ xác hơn.

Thảo nguyên, mà đoàn xe kéo dài trên đó - kỵ sỹ, xe cộ và người đi bộ theo dãy dài vô tận - đều trắng màu tuyết. Những bông tuyết rơi lả tả, xoáy tít trong không trung. Những dãy núi đen ngòm cúi nhìn xuống cùng bóng của chúng. Từ khe hở cái bạt của một chiếc xe bò kéo loại lớn, một cô gái lộ ra, sống động đến mức chiếc áo lông cừu tuột ra, và món tóc óng vàng xổ ra trên má, cổ và ngực nàng. Mắt nàng lộ rõ vẻ hãi hùng khi nàng ngó ra ngoài, tất cả các cặp mắt hướng theo, và các ngón tay cũng chỉ theo: như một đám mây đen có một toán kỵ sỹ phóng tới. Tuy nhiên nàng cười đầy tin cậy khi mắt nàng bắt gặp mắt chàng trai trẻ đang cười trên một con bò mộng đen đi bên cạnh xe. Đó vẫn là chính cái nhìn đó, dù đó là mắt xanh. Cái nhìn này phóng đi từ mắt một chàng trai trẻ tóc vàng, anh này vung cái rìu chiến của mình lên rồi cùng các chiến sỹ khác lao vào lũ địch, mồm kêu to - nổi lửa lên và hâm nóng chiếc rìu, khi nó bị một mũi tên sắt Skythe^[17] xuyên thủng.

Nhưng họ còn trải qua những thay đổi lớn hơn; họ thực hiện những chuyến đi tiếp theo, luôn có mùi thơm của cây san hô thấp tùng.

Họ biến thành chàng hươu đực và nàng hươu cái trong cánh rừng bao la. Bây giờ tình yêu họ không nói bằng lời, mà bằng mắt. Và đó cũng chính là cái nhìn nọ: thăm thẳm trong màu đen sâu kín nhất của những cặp mắt to, đầy linh cảm của họ vẫn sáng lên, dù như phải xuyên qua một lớp sương mù dày đặc, xanh thẳm, chính cái tia sáng mà nó bùng lên để tìm ra con đường đi từ mắt người này sang mắt người khác.

Họ lượm củi cùng nhau, họ tắm với nhau trong con suối mát lạnh, trong suốt giữa rừng. Họ nằm bên nhau trên tấm thảm cỏ mềm mại. Họ vui vẻ bên nhau, họ cùng run rẩy vì sợ hãi, khi cành cây bỗng rung lay động và hàm con trăn mở to; hay giữa cái tĩnh mịch của đêm khuya có tiếng bò soàn soạt hầu như không nghe ra mà cái tai họ rất thính vẫn thu nhận được, trong khi lỗ mũi họ phồng to ra để đánh hơi mùi của một con thú săn mồi. Và họ phải trốn chạy nhanh chóng khi trong bụi rậm có tiếng răng rắc, lạo xạo, rồi tiếng gầm rú giận dữ của một chú hổ đói vang rền trên cánh rừng nay trở nên sống động khắp mọi nơi.

Nhiều năm như vậy họ đã cùng nhau nếm trải tất cả niềm vui và nỗi buồn, sợ hãi của rừng già, khi một ngày kia tại một địa điểm râm mát, chúng nhón ăn những chồi non, đầy nhựa ngọt. Bỗng nàng hươu cái sa vào bẫy của một thợ săn. Con đực cố dùng ngạnh và móng vuốt để tháo gỡ cái thòng lọng đã trói con cái, nhưng vô hiệu, và cũng không rời khi người thợ săn đến gần. Rồi nó giương cái sừng ra để ngáng đường chàng thợ săn, nhưng bằng cái giáo săn, chàng kết liễu đời cả hai con.

Rồi họ thành một cặp đại bàng vàng làm tổ trên cao nơi những rặng núi đá hung dữ, họ lơ lửng bay trên những vựa thắm màu xanh nhạt của dãy Himavat và lượn trên những đỉnh núi phủ tuyết của nó. Có khi thành hai con cá heo, họ bơi lội trên dòng nước mặn vô tận của đại

dương.

Thậm chí có lần họ lớn lên như là hai cây cọ trên một đảo nhỏ giữa đại dương, lấy rễ quấn quýt nhau trong cát lạnh và cũng để cho những tán lá lao xao trong gió biển.

Và hết như một cặp công tước để cho người kể chuyện trong Hoàng cung nói chuyện - khi thì lý lịch của một vị vua, khi thì một câu chuyện nhà quê mộc mạc, khi thì một thiên anh hùng ca, khi thì một truyền thuyết từ xa xưa, khi thì một chuyện cổ tích hay một chuyện ngụ ngôn nào đó, khi đó nên biết dù bất cứ khi nào chúng ta có hứng muốn nghe, thì chẳng phải lo gì rằng có lúc nào đó, nhà kể chuyện siêu việt này hết chuyện, bởi lẽ kho kiến thức về truyền thuyết và khả năng sáng tạo của anh ta là không bao giờ cạn kiệt - cả hai đều biết rõ - dù chúng ta đến đây thường xuyên hay không và dài ngắn thế nào, và nếu có là vĩnh viễn chẳng nữa, thì vẫn không có gì nguy hiểm cả, và không sợ cái mùi thơm này không thức tỉnh được những hoài niệm. Bởi vì nếu chúng ta đi ngược thời gian càng xa, thì ta càng trở lại thời cổ đại.

Và thế là họ rất ngạc nhiên.

“Chúng ta già như vũ trụ”. - Vasitthi bảo thế.

“TẤT CẢ NHỮNG THỨ ĐÃ HÌNH THÀNH”

“Chắc chắn chúng ta già như vũ trụ. - Kamanita bảo thế. - Tuy nhiên cho đến nay chúng ta luôn đi hành hương không nghỉ, và thần chết luôn đưa chúng ta trở lại một cuộc đời mới. Nhưng cuối cùng thì nay chúng ta đã đạt tới một địa điểm nơi không còn có sự chấm dứt nữa, mà số mệnh chúng ta chỉ là lạc thú vĩnh viễn”.

Khi chàng nói những lời này thì họ vừa mới từ cây san hô trở về lại cái hồ của họ. Chàng vừa mới hạ xuống bông hoa sen của mình, thì bỗng nhận ra rằng, màu đỏ của hoa hơi bị mất đi cái vẻ tươi và độ bóng bẩy. Thậm chí khi chàng dừng lại, lơ lửng bay trong không trung và cúi xuống nhìn kỹ nó, thì chàng hãi hùng mà nhận ra, ở viền các cánh hoa đã chuyển màu nâu và trông như bị cháy xém, và đầu nhọn của cánh hoa đã chùng xuống rồi cuộn lại.

Cái bông sen trắng của Vasitthi trông vẫn chẳng khác gì, nàng cũng đã dừng trên đó, rất chú tâm tới cảm nhận này.

Chàng mới hướng cặp mắt mình vào láng giềng màu lam của mình. Cây sen của anh ta cũng đã nhận sự biến đổi hết như vậy và Kamanita thấy rằng mặt anh ta không bừng sáng vui vẻ như xưa, khi chàng lần đầu tiên chào đón anh ta nữa. Các dáng điệu không còn sinh động như xưa, thế đứng không còn tự do, thậm chí trong cặp mắt anh ta chẳng còn nhận ra cái xa lạ làm cả chàng lẫn Vasitthi phải mỉm lòng.

Thực vậy, đó là điều xảy ra ở mọi nơi mà chàng để mắt tới. Ở hoa và dáng vẻ đã xảy ra một sự biến đổi. Chàng lại cúi xuống nhìn ngắm cây sen của mình. Một cánh hoa có vẻ như sống động hơn - ngay lập tức nó nghiêng ra trước, rồi tách ra và rơi xuống mặt nước.

Đồng thời ở mỗi bông sen có một cánh hoa bị tách ra - mặt nước lặn tẩn như run rẩy, nhẹ nhàng đưa những ánh sắc sỡ của chúng. Có một cơn gió lạnh thổi từ cánh rừng bên bờ tới, và một trận mưa những đoá hoa long lanh như những viên ngọc quý rơi xuống mặt đất. Ai cũng bật một tiếng thở dài, và có một nghịch âm nhẹ thôi nhưng chói tai xuyên suốt nền âm nhạc của các thiên thần.

— Vasitthi, em yêu ơi! - Kamanita gọi, ngạc nhiên nắm lấy tay nàng. - Em có trông thấy không? Có nghe thấy không? - Cái ấy là cái gì vậy? Điều đó có nghĩa gì vậy?

Nhưng Vasitthi chỉ mỉm cười thản nhiên nhìn chàng:

— Ngài đã nghĩ đến điều đó, khi ngài phán bảo:

“Làn gió thổi rửa nhẹ nhàng thoảng qua tất cả những thứ đã hình thành, làm chúng tan. Ngay cả hoa Thiên đàng cùng tàn lụi như vườn cây tuyệt đẹp nơi trần gian”.

— Ai đã nói câu cách ngôn khủng khiếp, cái câu giết chết mọi hy vọng này thế?

— Là ai nếu không phải chính Ngài. Đức Thế Tôn, Người Đáng tin cậy về Biến đổi và về Trí tuệ. Người đã vì thương cảm con người mà nêu học thuyết để khai sáng tất cả mọi người, để an ủi từng người. Người đã nêu lên và giải thích cho thế giới với những sinh linh cao quý và không cao quý của nó. Với cả đám những thần linh, những con người và quỷ sứ. Người dẫn lối, Người chỉ ra con đường thoát khỏi thế giới biến đổi này: Đức Thế Tôn, Đấng Hoàn Thiện, Đức Phật.

— Đức Phật đã nói vậy chẳng? Ôi không phải, Vasitthi ơi, anh không tin điều đó. Nhiều khi những lời của những bậc thầy vĩ đại như thế bị hiểu sai và truyền đạt không đúng, điều đó chính bản thân anh đã biết rõ nhất đấy. Bởi lẽ thời ấy, khi ở Rajagaha tại tiền sảnh của một bác thợ gốm, anh đã qua đêm cùng một tu sĩ gàn dở, hẩn ta đã muốn trình bày cho anh biết học thuyết của Đức Phật. Tuy nhiên điều mà hẩn ta nêu ra lại là những chuyện vớ vẩn, một cái học

thuyết đầy tính mơ mộng, hết sức thiển cận. Dẫu cho anh cũng đã cảm giác được là có những cách ngôn chính cống làm cơ sở cho nó - tuy nhiên đã bị chủ ý làm sai lệch và bị cái kẻ kỳ quặc này giải thích theo cách khác đi. Chắc chắn là người ta cùng đã nói sai những lời đó cho em.

— Không phải vậy, hiền huynh! Bởi vì em đã nghe lời đó từ chính miệng Đức Thế Tôn.

— Sao, em thân yêu? Vậy là chính em đã được giáp mặt Đấng Hoàn Thiện rồi ư?

— Đúng vậy. Em đã ngồi dưới chân Ngài.

— Anh chúc mừng em vì hạnh phúc này, Vasitthi! Hạnh phúc - anh thấy ngay mà - với em trong hoài niệm, cả anh nữa, anh cũng sẽ hạnh phúc và tự tin như em nếu như ở giây phút cuối cùng, số phận ác nghiệt của anh - trái quả vừa chín của những hành vi xấu trong quá khứ - không lấy đi mất cái may mắn nhất là được thấy Đức Phật Thích Ca. Bởi lẽ một cái chết đầy bạo lực đã cản anh trên con đường đi tới chỗ Ngài, ở địa điểm mà Ngài trú, chính cũng là Rajagaha, vào buổi sáng sau khi anh nói chuyện với cái nhà tu hành gần đó. Chỉ còn khoảng mười lăm phút đường cách rừng xoài mà ở đó Ngài dừng chân, thì số phận đã ập đến với anh. Nhưng nay thì anh đã được điều đó an ủi, tức là Vasitthi của anh đã đạt được cái mà anh bị trượt mất. Ôi hãy kể anh nghe tất cả những gì về nó, em đến với Ngài, Đức Thế Tôn như thế nào. Chắc chắn điều đó sẽ giúp anh đứng dậy và tăng lực cho anh. Và cái từ mà anh cảm thấy ghê sợ, giết chết mọi hy vọng đến vậy, sẽ được anh hiểu và nó sẽ mất đi cái gai của nó. Và có khi thậm chí nó lại nhận được một cái nguyên nhân an ủi thầm kín nào đó chăng.

— Rất sẵn sàng, hiền huynh ạ. - Vasitthi trả lời.

Họ hạ xuống những bông sen của họ, và Vasitthi tiếp tục với câu chuyện về những trải nghiệm của nàng.

THOÁNG HIỆN TRÊN SÂN HIÊN

Chiếm em làm vợ là cái đích của Satagira. Đạt đích rồi, mối tình của hắn nguội lạnh nhanh lắm, càng nhanh vì phía em không đáp trả. Em đã hứa sẽ làm người vợ chung thủy, mà hắn biết, em đã hứa là em giữ lời. Hơn thế thì em không làm nổi, cho dù em có muốn.

Em sinh cho hắn được một bé gái, con bé chết ngay năm vừa mới lên hai. Hắn cưới vợ hai, không ai thấy lạ, em lại càng không. Cô này sinh cho hắn đứa con trai mà hắn hằng ao ước. Thế là được cất nhắc lên vị trí thứ nhất trong nhà, cô ấy hiền, cô ấy khéo biết cách trói chặt mối tình của hắn, cái mà em quá vui lòng khước từ. Thêm nữa, hắn càng ngày càng bận công việc, bởi hắn được nắm vị trí của ông bố sau ngày ông ấy qua đời.

Nhiều năm đã qua đi như thế, êm ả. Càng ngày em càng tự tách mình ra, mà như thế cũng rất tốt cho em.

Em không buông thả mình cho nỗi buồn tang tóc của mình, em chỉ giao du với các kỷ niệm của chính mình, em sống trong hy vọng rồi sẽ có ngày gặp lại anh ở trên kia, mà quả thật niềm hy vọng ấy đã không nở nữa rồi.

Tòa dinh thự của nhà Satagira nằm ở chính con hẻm mà anh từng đã nhiều lần leo lên, để đến chỗ “sân hiên của những cây vô tu”. Song nó ở một chỗ khác còn dốc hơn nhiều và nó cũng có một cái sân hiên giống như cái của nhà bố mẹ em. Chiều nào mà đẹp trời, em cũng ra đó, mùa nóng lắm khi em ở lại đó cả đêm, ngủ trên một cái giường nhỏ. Vì vách đá cheo leo, vì tường bao cũng cao, đường đã dốc đứng lại trơn, chắc chẳng có ai lặn mò lên đến tận đó được.

Có một đêm trăng tuyệt đẹp, dịu dàng, em ở đó nằm trên giường mà mãi không ngủ được. Rồi nghĩ đến anh, nghĩ đến cái buổi tối đầu tiên mình được ở bên nhau, nghĩ đến lúc em với Medini ngồi ở cái ghế đá hoa ngoài sân hiên đợi các anh. Còn đang mong thì đã thấy bóng anh nhô lên, cao hơn bờ tường, mà anh vội vã khác thường, anh vào trước Somadatta.

Hình ảnh ấy sống động quá, trong lúc mơ màng, không chủ ý, tự nhiên em ngược nhìn hàng lan can. Thì quả thật, có một bóng người chột nhô lên ở đó. Em vốn định ninh rằng chỗ đó sẽ không bao giờ có ai lên được. Thế thì còn nghi ngờ gì nữa: đó chính là hồn anh. Nỗi nhớ đã kinh động hồn anh về để an ủi, và để cho em biết anh sẽ chờ em ở chỗ nào trên cõi ấy.

Vì thế em không hề thấy sợ, em vùng chạy, giang hai cánh tay đón. Cái bóng đứng trên sân cũng rảo chân bước tới. Mà sao lạ, vóc dáng lại cao lớn hơn vóc dáng của anh nhiều, một gã khổng lồ. Thôi chết, hồn ma của Angulimala mất rồi. Lúc ấy thì em khiếp quá, phải chống tay, vịn đầu ghế để cho khỏi ngã.

— Cô đợi ai? - Cái gã kinh khủng ấy vừa hỏi vừa tiếp tục bước tới.

— Một hồn ma, song không phải là ông. - Em đáp.

— Hồn Kamanita hả?

Em gật đầu.

— Xem cử chỉ đón tiếp, - gã nói tiếp, - tôi e cô có người yêu và tối tối người ấy vẫn đến đây thăm cô. Nếu là thế chắc gì cô giúp tôi. Mà tôi lại cần cô giúp, như cô cần tôi giúp.

Nghe mấy lời lạ lắm ấy, em mới dám nhìn lên. Thì hình như không phải ma, mà là một con người hẳn hoi, bằng xương bằng thịt. Nhưng trăng lại ở sau lưng anh ta, em bị quáng và vẫn còn sợ nên chỉ nhìn thấy đường viền của một vóc người mà em cho rằng phải là một con quỷ.

— Tôi không phải là hồn ma của Angulimala, - gã đoán ra, - tôi là người, như cô.

Em bắt đầu run, không phải vì sợ, vì đứng trước mặt em chính là kẻ đã giết người em yêu một cách tàn bạo.

— Quý phu nhân đừng sợ. - Gã lại nói. - Tôi chẳng có gì đáng sợ; quý phu nhân mới là người mà chính tôi đã sợ, mà tôi - đúng như quý phu nhân nói, không dám nhìn thẳng vào mắt, bởi tôi đã nói dối quý phu nhân.

— Ông nói dối tôi? - Em hét lên và cũng chẳng biết có phải vì mừng không. - Có khi người em yêu còn sống, hay và vì càng thất vọng hơn - đã bị lừa, tự tách mình khỏi người vẫn sống.

— Tôi đã, - gã đáp, - cho nên chúng ta mới cần đến nhau. Cả hai có cùng một mối thù phải trả và trả cho cùng một kẻ thù: trả cho Satagira!

Khoát tay đường bệ như một vị lãnh chúa, gã mời em ngồi, gã có nhiều điều cần nói. Em cố lấy lại bình tĩnh, ngồi ghé vào mép ghế, nhìn trân trân, nín thở chờ.

— Kamanita và đoàn người của hắn sa vào tay tôi ở vùng rừng Vedisa. Hắn đã dũng cảm tự vệ nhưng vẫn bị bắt, không bị thương. Tiền chuộc đến đúng hẹn, nên hắn đã được thả. Hắn đã về đến Ujjeni, an toàn.

Em thở phào nhẹ nhõm. Nghe đến đó chỉ còn thấy mừng, nhưng thật là khờ. Bởi cuộc sống chia lìa chúng ta còn hơn cả cái chết.

— Lúc tôi sa vào tay Satariga, - Angulimala nói tiếp, - nó tức thì nhận ra chuỗi pha lê với lá bùa mắt hổ tôi đeo ở cổ vốn là của Kamanita. Tối hôm sau nó một mình vào ngục và lạ chưa, nói hứa thả tôi nếu như tôi chịu thề với một người con gái là tôi đã giết Kamanita. "Thề không thôi, nó bảo, chưa đủ để tin, song "niệm chú" thì phải tin!". Nó hẹn đến khuya, khoảng canh một sẽ cho người dẫn tôi đến một cái sân hiên, có cô gái ở đó. Sẽ cho cưa xiềng sẵn, đến lúc phá chẳng khó khăn gì. Xong việc cứ nhẩy qua lan can, lần xuống hẻm, theo hẻm mà đi cho đến chỗ có một con mương hẹp - nơi một con suối nhỏ ở bên dưới tường thành chảy qua để đổ vào con sông Hằng. Nó long trọng thề sẽ để cho tôi trốn khỏi Kosambi, không cản. Tôi không tin nó lắm nhưng chẳng còn con đường nào khác. "Niệm chú" giả cũng được, song tôi lại sợ nữ thần mếch lòng trút cơn giận xuống đầu tôi. Tức thì tôi nghĩ ra một cách là thề lắt léo sao đó để việc không thật mà lời lại rõ, ai nghe cũng tưởng Kamanita đã chết.

Tất cả diễn ra đúng như giao ước, chính cô đã chứng kiến. Thế mà lúc tôi nhảy xuống sông Hằng mới bơi được có dăm sải, đã có một chiếc thuyền chở đầy lính chặn đầu. May mà ở hai cổ tay vẫn còn lòng thông hai đoạn xiềng sắt. Tôi đánh chết hết chúng, lật thuyền rồi bám vào chiếc thuyền đã bị lật ấy mà sang bên kia sông. Thì ra thằng Satagira đã bội ước, giăng bẫy. Nó phải trả món nợ ấy và bây giờ đã đến lúc.

Em nghe mà ớn lạnh. Bàn tay ấy nhuộm máu của không biết bao nhiêu người vô tội. Đành rằng gã không giết Kamanita thật, nhưng lại chính vì gã mà chúng ta phải xa nhau suốt cả cuộc đời.

Giọng sôi nổi và tha thiết, gã nói tiếp:

— Tôi biết cô cũng có mối thù nóng lòng muốn trả cho nên tôi mới đến đây. Tôi theo dõi Satagira đã mấy tuần nay. Tôi có nguồn tin chắc chắn là nó có việc sắp phải ra khỏi thành. Nó sẽ đem theo rất nhiều quân binh và còn có thể có lắm mọ lừa để đánh lạc hướng. Lẽ đương nhiên, tôi cũng có quân của tôi. Song mọi việc sẽ đơn giản đi nếu tôi biết được chính xác ngày giờ nó lên đường và con đường mà nó sẽ đi. Việc này chỉ được cô giúp mới xong, tôi rất mong cô nhận lời.

Từ nãy em vẫn lẳng lặng ngồi nghe, bây giờ em mới vặn lại, gã lấy quyền gì mà dụ em liên minh với kẻ cướp.

— Lúc liên minh với ai đó, điều quan trọng nhất là phải tin được. Cô hoàn toàn có thể tin ở tôi trong việc này. Tôi cần cô vì chỉ cô mới biết được chính xác mấy điều tôi muốn và cần biết. Cô cần tôi vì một tâm hồn cao thượng mà kiêu hãnh như cô chỉ có thể thỏa mãn một khi kẻ phản bội đã bị trừng trị. Cô mà là đàn ông thì hẳn cô tự tay làm việc ấy. Nhưng cô lại là đàn bà, vì thế cô cần mượn tay tôi.

Em chưa kịp phản đối thì gã đã lại khoát tay, ra điều gã chưa nói hết:

— Ngoài việc trả cho xong mối thù còn có cái khác nữa, quan trọng hơn thế với cô, đó là với đến hạnh phúc trong tương lai. Với tôi, đó là sám hối tội lỗi trong quá khứ. Người ta bảo tôi tàn bạo. Đúng, tôi đã làm nhiều việc mà như lời thuyết pháp của các tu sĩ, cứ mỗi việc là phải đền tội dưới địa ngục đến cả trăm, ngàn năm. Nhưng tôi lại có một ông bạn Vajacravas, vốn là một bậc trí giả rất thông thái, nổi tiếng. Ông ấy bảo làm gì có địa ngục với nhục hình. Ông ấy còn bảo kẻ cướp, trái lại, là kẻ thấm tinh thần của Brahma sâu sắc nhất, là đỉnh cao của sáng tạo. Thế đấy, tuy tôi chưa bao giờ tin...

Thôi được hãy để những chuyện ấy lại đó. Tôi đã nói dối cô nên ngay ngày ấy tôi đã không dám nhìn thẳng vào mắt cô. Cho đến tận bây giờ tôi còn ân hận như bị gai đâm sâu vào thịt mà chưa dứt ra được; vì tôi mà cô đã phải xa Kamanita, phải lấy Satagira. Bây giờ tôi muốn tháo cái xiềng ấy cho cô, tháo xong tôi sẽ đích thân đến Ujjeni để dẫn Kamanita về đây cho cô. Này, một cô vợ đẹp moi bí mật của chồng thì khó khăn gì nhỉ? Ngày mai, chập tối tôi sẽ trở lại. Nào hãy làm việc của cô đi, tôi cũng làm việc của tôi.

Gã cúi chào thật thấp. Em còn bối rối, chưa nói được gì thì gã đã biến mất, cũng nhanh như lúc gã đến.

SATAGIRA

Cả đêm em ở trên sân thượng, đây là một chiến lợi phẩm yếu đuối của những đam mê mà em chưa biết tới, nay được mở tung ra. Những niềm đam mê này chơi với con tim em trong trò chơi của chúng, hết như những cơn lốc với một nhánh lá.

Kamanita của em vẫn còn sống! Tại quê hương xa xôi nơi chàng ở, chàng đã nghe tin em lấy chồng - vì nếu không chàng đã đến đây từ lâu rồi. Trong mắt chàng, chắc em phải hiện lên như sau: Sao lại thiếu chung thủy đến thế - hay yếu đuối đến mức đáng thương như vậy! Và với sự hạ nhục này dành cho em, duy nhất chỉ Satagira có lỗi. Hận thù của em đối với anh ta lớn lên từng phút một, và em cảm nhận sâu sắc cái sự thật trong câu nói của Angulimala, đến mức nếu như em là đàn ông, chắc chắn em đã giết chết Satagira rồi.

Sau đó thì cái tương lai nào đó mà Angulimala đã bất ngờ mở ra cho em, lại xuất hiện: Một khi em đã được tự do, thì em có thể lấy người mà em yêu. Ở ý nghĩ này thì toàn bộ cơ thể em đã rơi vào một cơn bão loạn mạnh mẽ tới mức em tin rằng, máu sẽ phải làm nổ tung trái tim và hai thái dương. Không đủ sức đứng thẳng nữa, em chẳng còn có thể lảo đảo tìm một cái ghế, mà đành đổ mình xuống nền đá cẩm thạch. Em hoàn toàn bất tỉnh.

Cái lạnh của buổi ban mai khi băng tan^[18] đưa em trở lại với sự tồn tại bất hạnh của mình, với những vấn đề khủng khiếp của nó.

Liệu phải chăng đó là sự thật khi em đã muốn liên kết với một tên tướng cướp, một kẻ giết người tới ngàn lần, để loại bỏ ra khỏi cuộc đời cái người mà ngày xưa đã có lần dẫn em đi quanh ngọn lửa đêm tân hôn?

Nhưng em vẫn còn chưa biết bao giờ chồng em ra đi cơ mà! Và làm sao mà em có thể biết được chính xác thời điểm anh ta khởi hành, cũng như con đường anh ta có ý định theo đuổi, trong khi anh ta lấy đó làm một điều bí mật?

“Đối với một phụ nữ kiêu diễm thì không khó moi bí mật từ người hôn phu”. - Những lời này của tên cướp vẫn vang bên tai em và cho em thấy tất cả sự hèn nhát của một hành động như vậy. Em sẽ chẳng bao giờ có thể đi đến quyết định giành lấy niềm tin của anh ta qua sự âu yếm, để rồi bán đứng anh ta cho kẻ thù không đội trời chung của chính anh ta. Nhưng cũng chính nhờ đó, khi em đã cảm nhận được rõ điều này, mà em cũng sáng tỏ ra rằng, thật ra đây chỉ là việc moi bí mật đầy tính phản bội và tính giả nhân giả nghĩa mà từ sâu trong tâm khảm, em kinh tởm. Nhưng một khi em đã có trong tay bí mật đó - nếu em đã biết được em phải đi tới đâu để tìm ra cái bảng có ghi đầy đủ tất cả - thì chắc là em đã thông báo cho Angulimala cái tin chết người đó.

Khi em đã rõ được điều này thì người em run lên lấy bối trước kinh hãi, hết như em đã có lỗi ở cái chết của Satagira. Em cảm ơn số mệnh đã không cho em khả năng có được thông tin này. Bởi lẽ dù cho em có biết được chính xác giờ họ khởi hành, thì cũng chỉ chính bản thân Satagira hay nhiều nhất là một người thân cận của anh ta biết được là người ta đã chọn những con đường hay hẻm nhỏ nào.

Em thấy vàng dương buổi bình minh mạ vàng rờn lên những tháp nhọn và mái vòm của thành Kosambi, hết như em nhìn ngắm cái màn kịch hấp dẫn này từ sân hiên của những cây vô tư quá thường xuyên - nhưng ôi thôi! bằng những cảm giác hoàn toàn khác - khi đêm đêm, em cùng anh trải qua những giờ phút quá ư sung sướng ở đó. Bất hạnh hơn bao giờ hết, nhột nhật và khổ não, cứ như chỉ qua một đêm, em đã già đi hàng chục tuổi, em về lại tòa lâu đài.

Để đến phòng mình, em phải đi qua một hành lang dài, sau đó có một số phòng với cửa kính

có đan lưới che. Khi em đi qua một cái phòng như thế, em nghe thấy có tiếng người. Có tiếng của chồng em cất lên: “Hay đấy, vậy là đêm nay chúng ta sẽ khởi hành sau nửa đêm một tiếng”.

Em vô tình dừng lại. Vậy là em đã biết cái giờ đó rồi! Nhưng còn con đường đi? Mặt em ửng đỏ, bởi vì em chơi cái trò nghe lén trước cửa. “Chạy đi, chạy đi! - Có ai bảo vậy ngay trong thâm tâm em. – Vẫn còn thời gian đó!”. Nhưng em vẫn đứng đó như trời trồng.

Lúc đó thì Satagira không nói tiếp nữa. Có lẽ là anh ta đã nghe thấy tiếng chân em, và cái tiếng đó đã dừng ở trước cửa. Bởi lẽ cánh cửa đó bỗng dưng bật mở. Chồng em đã đứng trước mặt em.

— Em nghe tiếng anh khi em đi ngang qua đây, - em bảo khi đi nhanh đến quyết định, - và nghĩ ngay đến việc phải hỏi xem, liệu em có cần mang cho anh ít thứ giải khát hay không, bởi vì anh phải làm việc sớm đến vậy. Nhưng sau đó em lại sợ làm phiền anh và muốn đi tiếp.

Satagira nhìn em không chút nghi ngờ, thậm chí rất thân tình.

— Anh cảm ơn em, - anh ta nói, - anh chẳng cần thứ giải khát gì, nhưng em hoàn toàn chẳng làm phiền anh gì đâu. Trái lại, anh vừa muốn gọi em và chỉ sợ em chưa dậy mà thôi. Chính vào lúc này, em rất có ích cho anh đấy.

Anh ta mời em vào phòng, điều mà em làm dù hết sức ngạc nhiên. Em rất hồi hộp, liệu anh ta muốn gì ở em, nhất là vào đúng lúc này đây, khi trong thâm tâm, em đang hoàn toàn bị chế ngự bởi một kế hoạch giết anh ta.

Có một người đàn ông mà em nhận ra là sỹ quan chỉ huy đội kỵ binh và là người thân cận của Satagira, đang ngồi trên một cái ghế lùn. Khi em vào, y đứng dậy và cúi mình rất thấp. Satagira bảo em ngồi bên cạnh anh ta, vẫy tay bảo viên chỉ huy đội kỵ binh ngồi xuống, rồi quay sang em.

— Vấn đề là, Vasitthi yêu dấu của anh: Anh phải lên đường nhanh nhất có thể, để giải quyết một vụ tranh chấp giữa các làng tại miền Đông Gauen. Tuy nhiên từ một vài tuần nay ở những vùng rừng rú phía Đông Kosambi, cụ thể là rất gần chính thành phố này, người ta thấy nổi lên một lũ thảo khấu. Thậm chí còn có tin đồn rằng kẻ chỉ huy chúng chẳng phải ai khác mà chính là tên Angulimala. Ở đây người ta dám hỗn xược tới mức khẳng định rằng, hồi ấy Angulimala đã trốn thoát khỏi nhà tù, và anh đã thay đầu y bằng một cái khác giống thế để đem treo lên cổng thành. Dĩ nhiên là chúng ta chỉ có thể cười cho những câu chuyện thần thoại như thế. Tuy nhiên thằng tướng cướp này có vẻ như chẳng chịu thua cái tên Angulimala nổi tiếng kia về mặt táo gan là bao. Còn nếu như y thật sự muốn mạo danh tên kia để thông qua cái tên vinh hiển nọ mà thu phục được nhiều bè đảng, thì chắc chắn là y sẽ xuất phát từ điểm là, phải thực hiện một hành động rất chi là sáng láng nào đó. Bởi vậy luôn luôn phải có một sự thận trọng nào đó đấy!

Trên một cái bàn nhỏ, bày đầy đá quý bên cạnh anh ta có một chiếc khăn lụa. Anh ta cầm lấy để lau trán. Hôm nay, anh ta bảo, dầu còn sớm nhưng đã rất nóng rồi. Em biết ngay rằng, nỗi sợ hãi trước Angulimala đã làm anh ta đổ mồ hôi. Nhưng lẽ ra điều đó phải thức tỉnh ở em niềm thương cảm, thì khi nhìn cảnh này, em càng thấy khinh bỉ anh ta. Em thấy anh ta chẳng phải là anh hùng và ngạc nhiên tự hỏi, không hiểu qua cơ may nào mà anh ta đã đi đến thành công bắt được cả Angulimala. Angulimala, tên tướng cướp mà em có cảm giác như tên Bhima kinh khủng ở Mahabharata mà chính anh, Kamanita yêu dấu của em, cũng đã có dịp được sát cánh chiến đấu cùng ông ta trên bình nguyên Kurukshetra.

— Nhưng bây giờ thì anh không thể, - chồng em tiếp tục ngay, - đến những làng đó với cả một đội quân hùng hậu, thậm chí anh cũng chẳng muốn mang theo chuyển đi quá 30 kỵ binh. Bởi vậy mà hơn thế nữa, cần phải có một sự thận trọng nào đó, thậm chí phải có mưu mẹo và đánh

lừa được. Về điều này thì anh vừa mới nói với Panduka trung thành của anh. Và anh ta cũng có trình bày với anh một sáng kiến hay mà nay anh muốn phổ biến cho em, sao cho những ngày này em khỏi quá lo lắng cho anh.

Em lâu bầu vài lời để tỏ lòng cảm ơn về sự lưu ý này.

— Panduka, - anh ta tiếp tục, - sẽ ngay lập tức quyết định mọi sự chuẩn bị cần thiết, sao cho sớm mai anh có thể làm như đi với một lực lượng quân đội đáng kể theo hướng Đông để bắt cướp. Vậy nếu như bọn cướp – điều này thì anh chẳng nghi ngờ - có ở thành phố những kẻ trợ giúp, mà chúng có nhiệm vụ báo tin cho lũ kia, thì như vậy qua đó, lũ cướp sa bẫy. Vì trong khi đó thì anh khởi hành với 30 kỵ sỹ của mình một giờ sau nửa đêm, và thực ra là theo cổng Nam, và đi qua vùng đồi núi lập nên một vòng cung lớn trước khi đi theo hướng Đông. Ngay khi đó anh cũng sẽ tránh những con lộ chính, cho tới khi chỉ cách Kosambi vài dặm. Nhưng chính ở vùng này lại có ngôi nhà nghỉ mát của cha em, nên em phải biết từ thuở nhỏ tất cả những con đường lớn nhỏ ở đó. Bởi vậy em có thể, anh nghĩ vậy, giúp anh nhiều với những lời khuyên.

Em lập tức làm việc đó, và trong khi em mô tả tởm mĩ tất cả mọi thứ cho anh ta, em bảo người ta đem đến cho em một cái bảng mà trên đó em vẽ một bản đồ chi tiết về vị trí cái nhà đó, với gạch chéo ở những nơi mà anh ta phải đặc biệt lưu ý và nhớ kỹ. Nhưng em đặc biệt khuyên anh ta nên dùng một con hẻm đi qua một cái khe. Con hẻm này hẹp dần tới mức ở một đoạn ngắn, hai kỵ sỹ không thể đi song song được với nhau, nhưng thay vì thế mà con đường này không được ai biết tới đến mức, ngay khi bọn cướp có phỏng đoán được rằng anh ta sẽ đi một đường vòng như vậy, thì chắc chắn cũng chẳng có ai sẽ tìm anh ta ở đó.

Nhưng ở cái khe này ở tuổi trẻ con vô tư, em đã có chơi với các anh của em cùng với Medini và những đứa con của người tá điền của gia đình nhà em.

Satagira nhận thấy tay em khi đang vẽ trên bảng hơi run, và hỏi em, liệu em đang sốt chẳng. Em trả lời, đó chỉ là vì em mệt mỏi sau một đêm không ngủ. Tuy nhiên anh ta cầm lấy tay em và lo lắng thấy rằng nó lạnh và đầy mồ hôi, và khi em muốn rút tay về với lời nhận xét, điều đó chẳng có nghĩa lý gì, thì anh ta vẫn giữ nó trong tay anh ta, trong khi anh ta nhắc nhở em phải cẩn thận và chăm lo sức khỏe. Và trong ánh mắt và giọng nói của anh ta, em nhận ra với sự không hài lòng chẳng gì tả nổi, thậm chí trong nỗi khiếp sợ ghê gớm, có một chút gì đó của sự âu yếm đáng ngạc nhiên từ cái thời khi anh ta uống công theo đuổi em. Em vội vàng nói, thực sự em cảm thấy không hoàn toàn khỏe và bởi vậy em muốn đi nghỉ ngay.

Tuy nhiên Satagira còn đi theo em tới hành lang, và ở đây khi chúng em chỉ còn lại hai người với nhau, anh ta bắt đầu xin lỗi em: tất nhiên là thông qua mẹ của cậu con trai anh ta thì anh ta đã sao nhãng em một thời gian rất lâu. Nhưng sau khi trở về thì điều đó sẽ thay đổi: em sẽ không phải tiếp tục ở trên sân thượng một mình lâu nữa. Dầu cho sự âu yếm nọ có vẻ như nảy ra từ nắm mồ của một mối tình thời trẻ mà nay đã biến mất, ở đó dầu sao em vẫn phải công nhận, nó thậm chí chỉ dành cho em và với một lòng chung thủy khá là búng bình. Và em cũng không thể không giành một chút gì trong trái tim em cho anh ta, vậy nên có một lúc, em đã dao động trong chủ định của mình: vậy là những lời cuối cùng, được nói ra với một cái mỉm cười ngọt ngào và một sự thân tình đáng kinh tởm, chỉ quá thích hợp để lại cân bằng cái tác dụng này, ở chỗ là chúng nhắc nhở em chú ý tới những quyền lợi mà qua sự phản bội hèn hạ của anh ta đối với em, anh ta đã mưu mô để đạt được mục đích đó.

ANGULIMALA

Một sự yên tĩnh đáng sợ bao trùm lên em khi bấy giờ em quay trở lại phòng mình. Chẳng còn gì phải suy ngẫm nữa, không còn gì nghi ngờ để chống lại nữa, chẳng có câu hỏi nào đang đợi phải trả lời. Mọi việc thế là đã được quyết định cả rồi. Karma^[19] của anh ta muốn vậy. Rõ ràng là anh ta đã phải trả giá qua hai lần phản bội với em và Angulimala.

Sự bình yên này lớn tới mức, em thiếp đi ngay khi em lên giường - hết như bản thể em quá lo lắng mà đã cố gắng vượt qua cho được những giờ chờ đợi vô nghĩa này.

Khi màn đêm buông xuống, em lên sân thượng. Trăng còn chưa lên. Em chẳng phải chờ lâu. Cái dáng to lớn của Angulimala nháy qua tường ngăn và đến cái ghế em đang ngồi, mặt nửa như quay đi.

Em bất động, và không nhấc cặp mắt khỏi những hình vân của nền cẩm thạch sặc sỡ, em bảo:

— Điều mà người muốn biết thì ta đã biết rồi. Mọi thứ : giờ anh ta khởi hành, số người tháp tùng, hướng anh ta đi, và những con đường và hẻm nhỏ anh ta theo. Bị nghiệp ác của mình thúc đẩy, tự anh ta đã bày tỏ đến mức như ép buộc ta nhận cái tính thân mật đến riêng tư của anh ta, nếu không thì ta đã không biết được tất cả, bởi vì ta cũng đã chẳng bao giờ dự đoán anh ta qua sự âu yếm giả tạo.

Em đã nghĩ kỹ về những lời này. Bởi lẽ chúng ta điên khùng đến vậy trong sự kiêu hãnh của mình, tới mức ngay đến giờ, khi em đã tự mình biến thành kẻ tiếp tay, đồng lõa cho một tội phạm, thì đối với em đó vẫn là một ý nghĩ không thể chịu đựng nổi, nếu trong mắt anh ta em bị coi thường hơn như em thực sự là vậy.

Những lời tiếp theo của em cũng được suy ngẫm kỹ trước chẳng kém.

— Tuy nhiên về tất cả những điều đó, người sẽ không biết được đến một chữ, nếu như trước đó người không hứa với ta rằng người chỉ giết anh ta, nhưng không hành hạ anh ta bằng bất cứ cách nào, và người cũng sẽ chỉ giết anh ta, chứ không giết bất cứ người nào khác trong đoàn tháp tùng anh ta, nếu như người không cần đến thế để tự vệ. Tuy nhiên ta sẽ chỉ cho người một địa điểm nơi người có thể bắt gặp và giết anh ta, hoàn toàn đơn lẻ và chẳng cần tới ấu dả. Vậy là người phải hứa với ta điều đó bằng một lời tuyên thệ trịnh trọng. Nếu không người có thể giết ta mà chẳng có thể moi thêm chỉ một chữ từ nơi ta.

— Hết như chân lí là cho đến ngày hôm nay tôi là một người phục vụ trung thành của Kali, - Angulimala trả lời, - thì tôi sẽ không giết bất cứ người nào trong đoàn tháp tùng anh ta, và cũng chắc chắn như vậy là anh ta sẽ không chịu bất cứ cực hình nào.

— Tốt, - em bảo, - ta tin người. Vậy giờ đây hãy nghe và hãy nhớ tất cả kỹ đi. Nếu như người có ở thành phố này những kẻ đồng lõa, thì chắc người đã phải biết rằng người ta đã chuẩn bị để ngày mai bắt đầu chuyến truy quét bọn cướp. Tuy nhiên đó tất cả hoàn toàn chỉ là giả tạo để đánh lừa người. Trên thực tế thì Satagira, được kỳ sỹ tháp tùng, ngay hôm nay một giờ sau nửa đêm sẽ rời thành phố qua cổng Nam, bỏ qua ở rừng Sinsapa ở phía trái và vòng xa hơn về phía Nam để đi trên những con đường phụ qua vùng đồi núi theo hướng Đông.

Và em cho y một bản mô tả rất chi tiết địa điểm cho tới cái khe rất hẹp, qua đó thì Satagira sẽ phải đến, và ở đó y sẽ dễ dàng và chắc chắn giết được anh ta.

Có một sự im lặng nặng nề kế tiếp lời nói của em. Trong khi đó, em chỉ nghe thấy tiếng lấy hơi nặng nề của chính mình. Em cảm thấy em còn chưa đủ sức để đứng lên và bỏ đi như em đã dự định.

Cuối cùng thì Angulimala cũng nói, và ngay cái giọng ôn tồn, thậm chí đến buồn bã của y làm em ngạc nhiên tới mức, em gần như hãi hùng và bất giác rùng mình.

— Vậy là sự việc đã xảy ra như thế, - y bảo, - và người, cái người thiếu phụ nhu mì, dịu dàng, người chắc chắn không bao giờ chủ tâm gây nỗi đau đớn chỉ cho một sinh linh nhỏ bé nhất, bây giờ thì người đã liên kết với cái người xấu xa nhất mà tay hấn vấy máu, thậm chí cái chết của chồng người sẽ đè nặng lên lương tâm nhà người và những con đường Nghiệp đen tối của hấn sẽ tiếp tục tác động tới nhà người trên chuyến đi dốc dựng đứng để xuống tới thế giới của địa ngục - đúng, đấy là thực tế, một khi bây giờ người đã nói cho tên cướp Angulimala như vậy.

Em chẳng biết là mình có còn nên tin tai mình nữa không. Nếu không, em đã nói với ai? Đó chính đã là tiếng nói của Angulimala, dấu cho cũng có sự thay đổi đáng lạ nọ về giọng điệu. Và khi bây giờ em ngạc nhiên quay lại và nhìn kỹ vào y, thì không còn nghi ngờ gì nữa, tên tướng cướp đang đứng trước mặt em, dấu cho ở tư thế toàn bộ của y thể hiện một tính cách khác với cái tính cách mà ngày hôm trước đã giữ em ở trong vòng phong tỏa khủng khiếp của y.

— Nhưng chẳng phải lo chi, quý bà kính mến. - Y chêm vào. - Tất cả những điều này sẽ không xảy ra. Không xảy ra bất cứ cái gì, không xảy ra nữa, hết như người đã chỉ dành lời nói của người cho cái cây này.

Đối với em, những lời này cũng khó hiểu như những lời trước đó. Tuy nhiên em vẫn hiểu được là, do một nguyên nhân bất kỳ nào đó mà y đã từ bỏ kế hoạch trả thù Satagira.

Sau khi qua những căn rút lương tâm khủng khiếp bởi em đã leo tới đỉnh cao bất thường này của tội ác, thì cái sự tan biến bất chợt, không thể hiểu nổi này, cái sự tẩu thoát ma quái này của cái công trình đó là một sự đánh lừa mà em không chịu đựng nổi. Sự căng thẳng bệnh hoạn của lương tâm em được trút ra trong một tràng câu chửi thề mà em trực tiếp quăng vào mặt Angulimala. Em gọi hấn là một tên vô lại bất lương, một kẻ khoác lác trống rỗng, thất hứa, một kẻ hèn nhát và còn những gì nữa cơ - điều ghê gớm nhất mà em muốn nghĩ ra, bởi lẽ em hy vọng rằng do tức giận mà cái người đàn ông khét tiếng xấu xa toàn Ấn Độ này bị kích động tới mức, sẽ bằng một cú đấm với nắm tay bằng thép của y để giáng em xuống sàn.

Nhưng khi em ngừng, chính ra vì em hết hơi chứ chẳng phải em hết lời, thì Angulimala lại trả lời em bằng một sự bình tĩnh gây hổ thẹn:

— Ta xứng với người tất cả những điều này và cả những câu chửi thậm tệ hơn nữa kia, và người những muốn qua đó mà kích động cái lão già Angulimala, ta tin vậy, đến mức hấn sẽ giết người - bởi lẽ đó là dự định mà người muốn, như ta đã nhận ra được. Nhưng nếu cho bây giờ có một người khác nói với ta những điều còn ghê gớm hơn thế nữa, thì ta chẳng những đã bình tĩnh chịu đựng, mà thậm chí còn phải cảm ơn hấn ta, vì hấn ta đã tạo cho ta cơ hội vượt qua được một cuộc thi để khỏi bệnh. Phải chăng chính sư phụ đã dạy ta: "Angulimala, mi phải tập điềm nhiên hết như Trái đất. Hết như người ta vứt cái tinh khiết và cái không tinh khiết lên Trái đất, và Trái đất không vì vậy mà lo sợ, lần chẳng cưỡng lại - nghĩa là mi, Angulimala, tập điềm nhiên hết như Trái đất". Bởi lẽ, Vasitthi ơi, không phải mi nói với tên cướp Angulimala, mà là với môn đồ Angulimala.

— Môn đồ nào, sư phụ nào? - Em hỏi với sự sốt ruột đầy khinh miệt, mặc dầu cái ngôn ngữ kỳ lạ của người đàn ông không thể hiểu nổi này không phải là không thành công ở việc gây nên một tác động gần như mê hoặc lên em.

— Người mà người ta gọi là Đấng Hoàn Thiện, là Đấng Hiếu Vũ Trụ, là Đấng Hoàn Toàn Thức Tỉnh, là Đức Phật, - y trả lời, - thì người đó là sư phụ. Mi chắc cũng đã nghe nói về Ngài?

Em lắc đầu.

— Ta tự khen mình là hạnh phúc, - y nói, - rằng đó chính là ta, mà qua mồm kẻ đó lần đầu tiên mi đã nghe được tên Đấng Được Ban Phước. Nếu như trước đây Angulimala đã gây nhiều cái ác cho mi, thì nay y đã làm nhiều điều thiện hơn cho mi qua tư cách một môn đồ.

— Ai là cái Ngài Đức Phật này vậy? - Em hỏi ở cùng cái cung bậc đó, mà không muốn cho thấy, sự quan tâm ở em đã được thức tỉnh đến mức nào. - Ngài có liên quan gì đến cái ứng xử khó hiểu này của nhà người, và việc nghe đến tên Ngài có thể mang lại ân huệ nào cho ta?

— Cũng chỉ cần nghe tới tên của cái người mà người ta gọi là Đấng Được Chào Đón, - Angulimala bảo, - là đã hết như tia sáng đầu tiên của một cái đèn rọi đến cho kẻ ngồi trong bóng tối. Nhưng bây giờ ta sẽ kể hết tất cả cho nhà người, xem ta đã gặp được Ngài và Ngài đã chuyển hướng cuộc đời ta như thế nào. Bởi lẽ chắc chắn là điều đó xảy ra ngày hôm nay ít nhất thì cũng không phải là chỉ vì nhà người.

Ngay từ đêm đầu tiên, dù cho vẻ hung dữ toát ra từ người y, có một sự lịch thiệp nào đó trong cách ứng xử của y đã làm em ngạc nhiên. Nhưng còn đáng chú ý hơn nữa là cái phẩm cách không cần tìm mà với nó, y đến ngồi bên em, như một kẻ cảm thấy mình đang ở giữa những kẻ đồng loại của y.

NGỤC GIÁO

Hôm đó - Augulimala kể cho Vasitthi nghe - mặt trời mới kịp lên được vài con sào là tôi đã ra đứng ở bìa rừng, ngóng về hướng mấy ngọn tháp Kosambi. Lòng vẫn hận Satagira và cũng không hiểu liệu rồi y có hóa giải được nỗi băn khoăn cho tôi. Chợt nhìn thấy trên con lộ chạy từ cửa thành phía Đông vào rừng, một người bộ hành khoác áo màu vàng đang ung dung tự tại đi có một mình. Hai bên đường thì người chăn bò, người làm đồng thấy đều đang còn cắm cúi vào công việc. Lại thấy mấy người ở ven đường réo gọi người bộ hành đơn độc kia, nói với theo gì đó; mà những người ở xa hơn cũng ngừng tay, đứng nhìn theo, chỉ trỏ. Rồi thấy người kia cứ đi tới, mấy người ở gần đó nhất lại càng xăng xái, muốn cảnh báo, muốn can ngăn; có người thậm chí đã chạy theo, đã kéo áo. Điều bộ vừa sốt sắng vừa hoảng hốt; tưởng chừng như họ bảo: “Đừng có đi nữa! Đừng có vào rừng! Trong ấy có Angulimala, tên cướp khét tiếng!”.

Thế nhưng người bộ hành kia vẫn nhằm thẳng vào rừng, vô tư đi tới. Đến lúc này nhìn thấy rõ tấm áo khoác với cái đầu cạo nhẵn, tôi đã nhận ra: đó là một người tu khổ hạnh, thuộc dòng Con trai của Sakyer^[20], một người đàn ông đã có tuổi, dáng vóc lấm liệt.

Tôi thầm nghĩ: “Tuyệt, thật thế, khác người! Đã từng có đến mười, ba mươi, thậm chí năm mươi gã đàn ông kết thành toán, vũ khí trong tay kéo đến, vẫn cứ sa vào uy lực của mình cả. Thế mà gã thầy tu này lại dám đến có một mình, như muốn gây gổ!”.

Gã công khai nhục mạ uy lực của tôi đến thế, chạnh lòng chứ! Vậy là tôi quyết tâm giết gã; thêm nữa, tôi còn nghĩ: không chừng gã lại là người của Satagira phái vào rừng để do thám.

Bởi lẽ - tôi nghĩ - cả lũ thầy tu khổ hạnh ấy, cậy nhờ tín ngưỡng dân gian cho chúng được thụ hưởng yên ổn, chúng giả tạo và vụ lợi như nhau, sai bảo thế nào mà chẳng xong. Ông bạn thông thái Vajacravas vốn từng dạy tôi cách nhìn sự đời như thế.

Người thầy tu lúc này đã vào đến cửa rừng. Tôi vội quơ cây giáo, khoác cây cung, đeo bao tên rồi bám sát từng bước.

Đến một chỗ thuận, không bị cách bức vì cây cối, tôi mới đứng lại, tuốt cây cung khỏi vai, nhằm thẳng mé lưng trái bắn một phát, cốt để cho mũi tên đi xuyên tim. Nhưng mũi tên lại bay vọt qua đầu.

“Hắn tên quá tồi mới bay lạc”. - Tôi thầm nghĩ. Mới gỡ bao tên ra cầm tay, chọn lấy một mũi thật hoàn hảo, có lông vũ hẵn hoi, nhằm bắn một phát xuyên gáy. Mũi này tạt sang trái, tên cắm ngập thân cây. Mũi sau lại tạt sang phải và rồi cứ thế, cho đến lúc hết nhẵn tên.

“Lạ quá, thật khác thường. - Tôi thầm nghĩ. - Mình từng bày trò vui, bắt tù binh đứng tựa lưng vào hàng rào để mình ngắm bắn, mà bắn từ xa; lúc người tù được bước qua bên thì tên cắm đầy, in rõ hình người trên rào. Đến con đại bàng lao vút qua, mình vẫn còn bắn rơi. Tay mình hôm nay thế nào ấy!”.

Lúc này, người thầy tu đã đi vượt lên được khá xa. Phải chạy đuổi thì mới giết được gã bằng giáo. Thế nhưng đến lúc chỉ còn cách độ năm mươi bước thì lại không tài nào rút được khoảng cách nữa, dù cho có vận dụng hết gân cốt. Mà hình như gã kia vẫn chỉ thủng thẳng từng bước.

Tôi thầm nghĩ: “Lạ thật, chưa có khi nào lạ đến thế! Con voi hoảng loạn, con hoẵng tháo thân, mình còn đuổi kịp. Gã cứ ung dung bước một, mình thì ra sức chạy, mà vẫn không kịp. Chân mình hôm nay thế nào ấy!”.

Tôi mới đứng lại, gọi:

— Đứng lại, thầy tu, đứng lại.

Gã vẫn bình thản bước tới, đáp với lại;

— Ta vẫn đứng, Angulimala, mi cũng đứng lại đi!

Đến nước này thì quá lạ, tôi thầm nghĩ: “Hẳn khi nãy gã thầy tu đã dùng phép lạ nào đó nên mũi tên của mình mới bay chệch hướng, gã đã niệm chú thể nào đó nên mình mới không thể đuổi kịp. Sao lúc này đây gã cũng nói sai rõ ràng: gã đang đi thì gã bảo gã vẫn đứng, còn đòi mình đứng lại, mặc dù gã trông thấy hẳn hoi là mình đã đứng lại, ngay đơ như cái gốc cây này. Khác nào con ngỗng đang bay mà bảo cây sồi: “Sồi này, ta đang đứng! Mi cũng đứng lại đi!”. Chắc chắn phải có cái gì bí ẩn ở đây. Ấn nghĩa trong những lời gã nói nhất định có giá hơn cái mạng sống của gã nhiều lần”.

Tôi bèn gọi:

— Này thầy tu, đang đi thì mi bảo mi đứng, còn ta đang đứng thì mi lại bảo ta đi. Hãy giảng giải xem nào, thầy tu! Mi đứng yên như thế nào, ta không đứng yên như thế nào!

Gã trả lời tôi:

— Ta, ta chẳng làm cho một sinh linh nào phải đau khổ, ta tĩnh, không động nữa; nhưng mi, mi tàn hại sinh linh nên mất tĩnh, mi phải động từ chốn đau khổ này qua chốn đau khổ khác.

Tôi lại trả lời:

— Rằng chúng ta luôn động, thì tôi đã được nghe nói. Nhưng về cái hằng định, cái động trong đêm tối thì tôi chưa hiểu. Nói thế ngắn gọn quá, xin phiền Đại đức giảng kĩ hơn. Ngài nhìn đây, tôi đã quăng giáo, tôi xin trình trọng thề: tôi sẽ để Ngài yên!

Gã bảo:

— Angulimala, lần thứ hai mi đã thề sai.

— Lần thứ hai?

— Lần thứ nhất là lần mi bắn sai đó.

Giờ thì chẳng còn có gì lạ, gã đã biết đến từng chuyện thầm kín, thế nhưng tôi chưa chịu dừng lại đó, vẫn cố biện bạch:

— Thừa Đại đức, đương nhiên lời tôi đã nói là chắc như đinh đóng cột, tôi mà thề thì lời chẳng sai, tạo ảo tưởng chỉ do nghĩa. Nhưng điều tôi vừa thề với Ngài đây, cả nghĩa cả lời đều chân thực.

— Không chắc, - gã đáp, - bởi mi không thể để ta yên. Vì mi ấy, nếu như mi muốn ta để cho mi yên.

Nói rồi gã quay ngoắt lại, thân thiện vẫy tôi bước tới.

— Xin vâng, thưa Đại đức. - Tôi khiêm nhường nói.

— Thế thì nghe đây và hãy chú ý!

Gã ngồi xuống dưới bóng một gốc cây to và bảo tôi ngồi dưới chân gã.

Rồi gã bắt đầu giảng cho tôi nghe về cái Thiện, cái Ác, về các hậu quả, mỗ xẻ cặn kẽ tất tật, cứ như giảng cho một đứa trẻ. Vì tôi thật sự dốt nát; lũ học trò dòng khổ hạnh thông thường là đám thanh thiếu niên Poraluma, chúng thuộc lòng, thậm chí cả kinh Veda. Tôi thì chưa từng có khi nào được nghe nói sâu xa như thế, kể từ ngày ở trong rừng tối âm u tôi ngồi dưới chân Vajacravas - đã có lần tôi kể với Vasitthi đấy, mà nếu không chắc Vasitthi cũng đã thấy có người nhắc đến.

Vậy mà bây giờ gã thầy tu khổ hạnh kia lại tiết lộ là chẳng có một thứ thần quyền tùy tiện nào

cả, chỉ có cái tâm của chúng ta, với những ý nghĩ và những hành động của nó, chính nó làm cho chúng ta sinh ra ở đây và ở đó, lúc thì trên một cõi trần, lúc thì ở tận một cõi trời, lại có lúc ở ngay một cõi địa ngục. Khiến tôi không khỏi nhớ đến Vajracravas: bằng lý lẽ và cả bằng kinh sách, anh ta đã chứng minh rằng không hề có địa ngục, rằng kinh sách mà có đoạn nào nói đến các hình phạt dưới địa ngục thì chẳng qua chỉ là vì bọn yếu đuối, bọn đốn hèn lén lút thêm thắt để dọa dẫm người khỏe mạnh, người dũng cảm, để lo trước cho cái thân chúng trước sức mạnh. Tôi nghĩ: “Đến anh bạn Vajracravas còn chưa bao giờ thuyết phục hẳn được mình. Vậy liệu gã thầy tu kia có làm được? Đây là quan niệm chọi quan niệm, là học giả chống học giả. Ai phán quyết bây giờ, bên nào sai bên nào đúng”.

Chợt gã thầy tu bảo:

— Angulimala, mi chẳng toàn tâm toàn ý, mi lại nghĩ đến Vajracravas với những giáo lý sai lầm của hắn rồi.

Rất ngạc nhiên, tôi thú nhận:

— Thì ra Đại đức cũng biết ông bạn Vajracravas của tôi sao?

— Họ có chỉ cho ta nắm mồ của hắn trước cổng, ta cũng đã thấy đám lũ khách khờ đại đến đó cầu nguyện trong niềm huyễn tưởng rằng hắn là một vị thánh.

— Vậy anh ấy không phải là bậc thánh sao?

— Được, nếu mi nghĩ vậy thì bây giờ chúng ta đi tìm hắn, để xem với cái thánh thiện của hắn, hắn ra sao rồi?

Gã thầy tu nói ngọt xớt, cứ như đi từ nhà này sang nhà khác. Tôi tròn mắt nhìn gã:

— Đi tìm anh ta? Vajracravas? Làm sao tìm được?

— Đưa tay đây! - Gã bảo. - Ta sẽ thiền sâu, tâm kiên định rồi thì đường nào lên cõi thần, đường nào xuống cõi quỷ ắt nhận ra. Lúc đó cứ việc theo đường mà đi, ta nhìn thấy gì thì mi cũng nhìn thấy thứ đó.

Tôi chìa tay ra cho gã. Gã ngồi đó một hồi, im lặng, mắt nhắm, đồng tử hướng vào trong, còn tôi chẳng cảm thấy gì cả. Chợt tôi thấy như người đang bơi, bỗng có con quỷ ở dưới nước nắm lấy cánh tay mà kéo xuống cùng với nó, trời xanh biến mất, cây cối trên bờ biến mất, sóng vỗ ở tận phía trên đầu, càng xuống sâu càng tối. Thỉnh thoảng cũng có ánh lửa le lói, tiếng âm ghê gớm vẳng cả tai.

Cuối cùng thấy tôi ở trong một cái hang khổng lồ, tối mò nhưng lại cũng có vô số những tia sáng run rẩy, cứ vừa lóe lên đã lại tắt ngấm. Cho đến lúc mắt đã quen với bóng tối mới thấy: hóa ra đó là ánh lấp lánh của những mũi giáo sắt do những cánh tay vô hình vung qua vung lại, như ở một trận đấu giữa các hồn ma. Nghe thấy cả tiếng thét, tuy nhiên lại không phải tiếng thét man rợ, dũng mãnh của chiến binh say trận mạc, mà là tiếng gào, tiếng rú của những người bị thương, cũng vô hình. Là bởi các tiếng động khủng khiếp ấy vọng ra từ tận đáy hang, nơi mà các mũi giáo lao qua giật lại đã khuấy lên cả một đám mù rung rinh, cuộn xoáy. Nhưng phía trước hang vẫn trống không.

Đến đây thì xuất hiện ba nhân vật, do một cái hốc đen xì ở mé bên phải cùng lúc khắc ra. Giữa là Vajracravas, trần truồng, run từ đầu xuống chân như thể rét lắm hoặc đang lên cơn sốt. Đi kèm là hai kẻ mình người, chân chim, cựa vuốt rất to, một kẻ đầu cá, một kẻ đầu chó. Mỗi kẻ cầm một cây giáo dài.

Kẻ đầu cá nói trước:

— Bạch Đại đức, địa ngục giáo là đây. Theo án quyết của phán quan là phải chịu đủ một vạn

nằm hình phạt. Hai ngọn giáo này sẽ đâm xuyên liên tục. Rồi sau còn tùy việc khác, có thể được tái sinh ở đâu đó.

Đến kẻ đầu chó:

— Bạch Đại đức, cứ mỗi lần hai ngọn giáo bắt chéo trong tim thì là đã thi hành án được một ngàn năm.

Vừa nói xong cả hai tên giám ngục đã vội vung giáo đâm Vajacravas. Như có một hiệu lệnh, tức thì từ tứ phía hết thấy các ngọn giáo ở xung quanh đó tới tấp đâm tới khác gì cả một bầy quạ lao vào cái xác thối, mổ rĩa tơi bời. Nhìn khiếp quá, nghe Vajacravas đau đớn la hét thảm thương quá, tôi ngất đi.

Đến lúc tỉnh lại, thấy tôi đang nằm dài dưới chân Đại đức, bên một gốc cây to ở giữa rừng.

— Mi thấy chưa, Angulimala?

— Thưa, đã thấy. - Muốn mà không dám nói thêm: “Xin cứu tôi!”, bởi làm sao cứu nổi?

— Khi nào phần xác của mi rã ra rồi, do hành vi của mi mà mi phải theo con đường dốc ấy xuống địa ngục, phán quan cõi âm lại tuyên án mi đúng như thế, tất bọn giám ngục sẽ lôi mi đến cái ngục giáo ấy để chịu hình phạt; liệu như thế có là quá đáng không, Angulimala?

— Ôi không; thưa Đại đức. Tôi sẽ khước từ nó, có Ngài chứng giám, tôi xin thề sẽ từ bỏ các thói quen ma quỷ.

— Ngày trước đã có lần phán quan cõi âm ngồi suy ngẫm: kẻ đã thật sự làm điều ác tất phải cam chịu các hình phạt cứng rắn như thế! Ôi, giá như ta lên được giới người, giá như trên thế giới lại xuất hiện một Đấng Hoàn Thiện, một Đức Phật đã hoàn toàn giác ngộ, mà ta được ở bên cạnh Người, được nghe Đấng Thế Tôn thuyết pháp và hiểu được!

Điều vị phán quan cõi âm ngày ấy thầm ước. Angulimala, chính là mi bây giờ. Dù sao thì ở cái lục địa Ấn này, Angulimala, rất hiếm thung lũng màu mỡ, rừng xanh mượt mà, đồi cây xinh đẹp, đầm sen quyến rũ; trái lại, đầy rẫy sông dữ, rừng già, núi đá hoang vắng, sa mạc khô cằn. Thì cũng như thế, sinh linh người ít, những giống khác đông gấp bội. Thì cũng như thế, người sinh ra cùng thời có Phật trên cõi trần ít lắm, mà sinh ra vào những thời không có Phật lại quá nhiều. Thì cũng như thế, trong cái số ít ỏi kia nào mấy kẻ có duyên được gặp Đấng Hoàn Thiện, so với số kẻ chẳng được thấy Người. Thế nhưng mi, Angulimala, mi đã lên làm người, mà lại ở một thời trên cõi trần đã có một Đức Phật Hoàn Thiện xuất hiện, mà Đức Thế Tôn ấy mi đã được gặp và mi cũng có thể quanh quẩn ở bên Người.

Hiểu ra mấy lời ấy, tôi chấp tay reo:

— Xin chúc phúc, ôi Đức Thánh Thiện! Vậy ra chính Ngài là Đức Phật Hoàn Thiện đã giác ngộ. Vậy ra Đấng sinh linh thanh cao nhất đã đoái thương đến kẻ xấu xa tồi tệ nhất. Vậy ra Người sẽ cho phép kẻ hèn mọn được quanh quẩn bên Người?

— Ta sẽ, - Đấng Thế Tôn đáp, - và hãy nhớ lấy điều này nữa: người gặp được Đức Thế Tôn đã ít, người chịu lắng nghe thuyết pháp còn ít hơn và người hiểu được pháp giới lại càng ít nữa. Lại đây con.

Rồi Đức Thế Tôn đi vào rừng, nhanh nhẹn cứ như người đi săn voi cưỡi trên lưng một con voi đã thuần. Rồi Người lại đi ra khỏi rừng, hết như một người đi săn voi ra khỏi rừng, theo chân Người là một chú voi hoang đã chịu khuất phục tài nghệ thuần dưỡng của Người.

LỄ VẬT TINH KHIẾT

Không biết là bao lâu rồi em mới hé môi được, chắc lâu lắm, em cứ ngồi câm lặng đó mà nghe Angulimala kể, mặc cho hiện lên từng điểm từng điểm, rồi suy ngẫm và càng thấy lạ. Bởi lẽ em từng được nghe nhiều truyền kỳ về phép lạ của các bậc thánh thần, nhất là về các hành vi huyền diệu của Krishna thời Người còn đang đi lang thang ở cõi trần, thế nhưng tất cả gần như vẫn chẳng đáng gì so với câu chuyện mà Angulimala được trải qua ở trong rừng vào cái ngày hôm ấy.

Và em tự hỏi, liệu con người vĩ đại kia, chỉ trong vòng vài tiếng đã hoàn lương được một tên cướp khét tiếng - như chính hấn vừa kể, liệu con người Hoàn Thiện kia đã cảm hóa được kẻ man rợ bậc nhất trên đời - dễ dàng và chắc chắn đến thế, liệu rồi con người ấy có vỗ về nỗi con tim vốn bất an, luôn thăng thốt vì đau khổ của em, có xua tan nỗi đám mây tối u sầu bằng ánh sáng của những lời lẽ thông tuệ? Hay là như vậy quá khó, quá khả năng giải quyết của chính bậc tu hành vốn đã thánh thiện nhất?

Em không rơi vào trường hợp sau, tuy thế em vẫn hỏi bậc tu hành vĩ đại mà hấn tôn là thầy kia hiện ở đâu, và liệu em cũng có thể được gặp.

Angulimala đáp: “Quý bà hỏi ngay câu ấy là đúng - mà nếu không thì còn hỏi gì khác nữa? Vậy nên tôi mới tìm đến quý bà. Trước ta định liên minh trong cái ác thì bây giờ ta liên minh trong cái thiện. Đức Thế Tôn hiện ở trong rừng bồ đề mà chính quý bà vừa nói. Mai quý bà cứ vào đó, song hãy đợi gần tối đã. Bởi lúc ấy các vị tăng mới xong buổi thiền, mới tập hợp ở ngôi đền cổ Krishna để nghe Đức Thế Tôn giảng pháp, cho họ và nhiều người khác nữa. Bởi vào giờ ấy, thiện nam tín nữ từ trong thành cũng kéo nhau đến đó, để được nhìn thấy Người, được lắng nghe những lời thông tuệ của Người, mỗi chiều mỗi đông hơn. Một buổi thuyết pháp như thế thường kéo dài đến tận tối mịt. Tôi biết chắc, bởi lẽ tôi đã có dã tâm lên kế hoạch kéo quân đến cướp của đám đông. Thực phẩm, vải vóc mà nhiều người quỳên cúng, dâng tiến cho dòng tu, tuy không sang trọng gì nhưng cũng chẳng phải là thứ đồ bỏ đi. Tôi đặc biệt để tâm đến vài nhân vật quý phái, có ý đồ bắt cóc để đòi tiền chuộc và còn hơn thế, tôi hy vọng bằng một vụ tảo bạo đến thế ở ngay trước cửa thành, tôi sẽ dụ được Satagira ra khỏi thành. Bởi lúc lên kế hoạch, tôi chưa biết là hấn sắp có việc đi xa – vậy hỡi quý phu nhân, xin đừng bỏ lỡ, chiều tối mai nhớ đến ngôi cổ tự Krishna mà cầu phúc cho lâu dài. Bây giờ tôi còn phải đi nhanh đến đó, để xem có nghe được thêm gì nữa. Vào những tối có trăng như thế các vị tăng ngồi lại với nhau để đàm đạo lâu lắm và cũng cho phép người ngoài cùng nghe”.

Hấn cúi chào thật thấp rồi vội vã ra đi. Sáng hôm sau em mới cử người đến chỗ Medini, lúc này cả chị ấy cũng sẵn sàng cùng với chồng là Somadatta nhận lời em đến thung lũng Krishna, như ngày ấy, khi có việc dàn xếp để cho cặp uyên ương gặp nhau. Thật ra thì, trước đã có lần chị ấy xin chồng dẫn ra ngoài ấy vào một chiều nào đó, vì vẫn có ý háo hức muốn xem người ta nói chuyện gì. Nhưng Somadatta lại có ý e ngại những người Bà La Môn trong nhà. Vì thế chị ấy mừng rỡ vô cùng khi được che chắn bởi lời mời của chính phu nhân vị thượng thư.

Tức thì chúng em ra chợ, nơi Somadatta vẫn mua bán để nhờ chọn cho ít vải, thứ nào may áo cho tăng ni được. Em cũng mua khá nhiều dược phẩm. Trở về nhà rồi, lại lục lọi các phòng kho: từ vò dầu loại tinh khiết nhất, từng thùng mật ong với bơ, với đường, từng liễn mút đủ loại dược xếp riêng ra để dùng vào việc thành kính. Tủ riêng của em bị lục lọi và lấy đi nhiều nhất: nước thơm, bột gỗ đàn hương, long não. Rồi ra ngoài vườn, thăm hoa cũng không được miễn trừ. Đến giờ hàng mong đợi, chỉ còn có việc chất hết tất cả lên một cỗ xe do con la kéo. Chúng em thì leo lên một cỗ xe khác, giống hai con ngựa trắng dòng Sindh thuần chủng. Chúng em kéo

nhau ra cửa thành.

Sau lưng, mặt trời đã xuống đến gần sát các toà mái vòm và các ngọn tháp. Bụi ánh lên một màu vàng rực; dọc đường người hành hương đi lũ lượt - phần nhiều đi bộ, họ cũng muốn được nhìn thấy và được nghe Đức Phật như chúng em. Chẳng mấy lúc mà đến cửa rừng. Bỏ xe lại đó, đi bộ tiếp, đám tùy tùng theo sau, lễ mễ khuân lễ vật.

Từ cái đêm chúng ta chia tay nhau ở đó, em chưa hề trở lại cánh rừng ấy. Bây giờ, cùng với một đám tùy tùng như thế, bước vào trong bóng râm mát của nó, như có một thứ hương nhớ tích lại ở đó chờ em, năm này qua năm khác, từ dịu dàng trở thành ra ngào ngạt, em đứng đó như mù mị. Đường như mối tình của em thức tỉnh với tất cả sức mạnh của nó, đã chặn đường, tố cáo em đào ngũ và phản bội. Vì em đến đây không phải là để hít thở cái hương nhớ, cấp thức ăn mới cho nó, mà là để tìm lấy sự bình yên cho con tim thất vọng và đau đớn. Song như vậy chẳng phải là quên, là khước từ tình yêu sao? Chẳng phải là bội ước và phản bội sao?

Trong niềm nghi hoặc, e dè, em đứng đó, do dự, không biết có nên đi nữa hay là quay lại. Medini thì đã mất kiên nhẫn bởi cứ phải bước thung thủng trong lúc mà nhiều người đã vượt lên.

Thế nhưng quang cảnh trong rừng, hoàng hôn muộn ánh lên một màu vàng dịu dịu, lá rừng khê reo rì rào, xào xạc đều đều - người ta vào đến đó tức thì nín lặng, hồi hộp, e dè nghiêng ngó; xa xa chút nữa, dưới một gốc cây to có vị tu khổ hạnh ngồi sắp bằng, trong nếp gấp của chiếc áo khoác màu vàng đang đắm mình trong dòng thiền, rồi cũng có người này người khác chợt tỉnh, đứng lên nhưng không nghiêng ngó mà đều nhìn cả về một phía, hướng về một mục tiêu đang còn vô hình - tất cả đậm vẻ thanh tao và đường như minh chứng nơi đây diễn ra những sự kiện hiếm có, thậm chí thiêng liêng mà không một thứ quyền lực nào trên trái đất này được cưỡng lại, kể cả tình yêu - nếu cưỡng, chính nó sẽ mất trọn cái thần quyền của nó.

Em quả quyết bước tới, và những lời Đức Thế Tôn nói với Angulimala: rất nhiều người sống ở thời không có Phật, mà trong số những người sống cùng thời với Phật, lại có rất ít người được nhìn thấy và được nghe Phật nói - những lời ấy cứ vang vang bên tai em như thể tiếng chuông ngân và em cảm thấy em là kẻ đi lẻ hiếm hoi sắp được thụ hưởng một sự kiện, mà hẳn nhiều người cũng đang kéo đến kia phải ganh tị. Lúc vào đến quãng rừng trống có phế tích của ngôi đền thì thấy đã có đông người tụ tập, thế tục có, tăng ni có. Họ đứng từng nhóm, số đông túm tụm ở chỗ gần phế tích trước mặt. Gần thăm cở chỗ em đứng, em nhắc thấy một nhóm đông các vị tăng, và trong số ấy, nổi bật lên một vị, đích thực là người khổng lồ, bởi ông ta cao lớn hơn hẳn những người cao nhất đứng bên ông một cái đầu.

Còn đang ngó nghiêng chưa biết nên bước qua mé nào, chợt lại thấy một vị tăng già dòng khổ hạnh từ trong rừng ra, đi ngang giữa các vị tăng kia và chúng em. Vóc dáng uy nghi đường bệ mà sắc mặt rạng ngời vẻ thanh thản, khiến em chợt nghĩ ngay: liệu đây có phải hoàng tử Thích Ca mà người ta vẫn tôn là Đức Phật?

Tay cầm một nắm lá bồ đề, hướng về các vị tăng kia, Người hỏi:

— Các đệ tử thấy thế nào, lá trong tay ta nhiều hay lá trong rừng nhiều?

Và các vị ấy trả lời:

— Lá trong tay Đấng Thế Tôn ít, lá trong rừng mới nhiều.

— Cũng như thế, - Người nói, (bây giờ thì em đã biết, đó chính là Đức Phật) - cũng là như thế, hỏi các đệ tử, điều ta đã biết mà chưa nói cho các người biết còn nhiều hơn điều ta đã nói cho các người biết. Bởi phỏng ích gì, không vì vậy mà các người trở thành ngay được bậc thánh thiện, không vì vậy mà các người thoát được ngay cõi tục, diệt được hết dục, đoạn tuyệt được

cái nhất thời, lên được chốn tinh khiết, lên đến Niết Bàn.

— Vậy là vị tăng già kỳ cục kia lại có lý. - Kamanita reo lên.

— Vị tăng già nào? - Vasitthi hỏi.

— Vị thầy tu khổ hạnh - như anh đã kể, mà anh được gặp ở gian hàng của một người thợ gốm cái đêm hôm ấy, đêm cuối cùng của cuộc đời trần thế của anh. Ông ta cứ muốn thuyết giảng giáo lý của Đức Thế Tôn tuy không đạt lắm, như anh nhận thấy. Song ông ta cũng đã dẫn ra những câu châm ngôn đích thực, có chỗ thậm chí đúng đến từng chữ, hết như em vừa kể, thậm chí nói đúng cả địa điểm, làm cho anh xúc động lắm. Giá như anh linh cảm được là em cũng từng có mặt ở đó, chắc anh còn xúc động hơn nữa!

— Hẳn là ông ta cũng ở trong số người có mặt hôm đó. - Vasitthi nói. - Dù sao thì ông ta cũng đã truyền đạt chính xác. Và Đức Thế Tôn còn nói thêm: “Hỡi các đệ tử, mà ta đã nói những gì cho các người biết? Thế nào là khổ, ta đã nói cho các người biết. Thế nào là sinh khổ, thế nào diệt khổ, con đường nào diệt khổ, ta đã nói cho các người biết cả. Cho nên, hỡi các đệ tử, cái ta đã nói, hãy coi là đã nói; cái ta chưa nói, hãy coi là còn chưa nói”.

Dứt lời, Người xòe bàn tay cho lá rơi. Có một chiếc lá lúc này cứ lượn lờ, quay tròn ở ngay gần, em mới mạnh dạn bước lên, bắt lấy nó không cho rơi xuống đất - như thể em được nhận từ chính tay Người vậy, rồi giấu ngay cái kỷ niệm vô giá ấy vào trong ngực, một biểu tượng của cái “Không nhiều” song lại duy nhất cần mà Người đã trích ra từ kiến thức vô biên của Người để truyền đạt, và em nhất quyết sẽ không rời nó cho đến tận cuối đời.

Cử chỉ ấy của em đã khiến Đức Thế Tôn chú ý. Chợt thấy vị tăng khổng lồ cúi rạp mình, thì thảo điều gì đó. Đức Phật lại nhìn em một lần nữa rồi vẫy tay cho vị tăng.

Vị này bước lại. Tất cả chúng em cúi rạp xuống, rồi em nói rằng em là phu nhân của vị thượng thư, có chút lễ mọn đem theo để dâng tiến cho dòng tu, vậy xin hãy vui lòng nhận cho, và tất cả đến đây là cốt để được nghe những lời của chân lý

— Xin quý phu nhân đến gần hơn. - Vị tăng nói, tức thì em nhận ra qua tiếng nói, đó là Angulimala. - Đấng Thế Tôn muốn đích thân tiếp nhận lễ vật.

Mọi người tiến đến chỗ cách Đức Thế Tôn có mấy bước, cúi rạp xuống, kính cẩn chấp tay trước trán, em chẳng thốt ra được một lời.

— Quý phu nhân cho nhiều, - Đức Thế Tôn nói, - mà các đệ tử của ta lại chỉ cần ít. Họ là những người thừa kế chân lý, không phải là những người thừa kế nhu cầu. Thế nhưng các đời Phật trước đây từng đã có lệ và đều vui lòng tiếp nhận đồ quyên cúng của tín đồ có lòng thành, để tạo dịp cho tín đồ thể hiện đức hạnh bố thí. Bởi một khi mọi người đã nhận thức ra cái “quả” của việc “cho”, như ta nhận thức được, thì cho dù chỉ còn một nắm gạo họ cũng chẳng nỡ lòng nào ăn hết, mà không chia sẻ ít nhiều cho kẻ khó khăn hơn mình, và có như thế thì rồi mới xua đi được cái tính ích kỷ vẫn làm mờ ám tâm thức họ. Vậy dòng tu xin cảm ơn và xin tiếp nhận lễ vật của quý phu nhân - một món lễ vật tinh khiết. Ta gọi đó là một món lễ vật tinh khiết vì do nó bên cho sẽ được tinh khiết và bên nhận cũng vậy! Là như thế nào? Là Vasitthi, người cho, là người thanh tịnh, thuần khiết và những người nhận là những người thanh tịnh, thuần khiết. Như thế, qua một món lễ vật, bên cho được tinh khiết, bên nhận cũng được tinh khiết. Đó là, Vasitthi, tính tinh khiết cao nhất của lễ vật - của một món như vậy, mà quý phu nhân đã dâng tiến.

Rồi Đức Thế Tôn quay sang phía Angulimala:

— Này con, hãy đem các lễ vật này vào kho. Nhưng trước tiên, hãy chỉ chỗ cho các vị khách quý ở ngay trước thềm đền, bởi bữa nay ta sẽ từ đó giảng pháp cho những người có mặt.

Augulimala bảo người làm đứng chờ xong, yêu cầu bọn em đi theo. Trước tiên, chúng em xin lấy ra tất cả chỗ hoa đã mang đến, với một vài tấm thảm đẹp nữa. Rồi được đám đông đang kéo đến kính cẩn nhường lối, bọn em theo vị hộ pháp cao lớn ấy lên đền.

Đến đây bọn em trải thảm lên các bậc thềm, quần từng tràng hoa quanh các cây cột cổ kính, đã bị phong hóa, vỡ nứt từng mảng. Medini với em còn ngắt cả một giỏ đầy hoa hồng, lấy cánh hoa rắc lên tấm thảm trên bậc thềm cao nhất, là chỗ Đức Thế Tôn sẽ đứng. Trong lúc ấy thì đám đông đã tự sắp xếp thành một hình bán nguyệt, thế tục bên tay trái, tăng ni bên tay phải ngồi đều, các hàng phía trước ngồi trên thảm cỏ. Bọn em cũng tìm được chỗ trên một cây gỗ đã đổ, chỉ cách các bậc thềm mấy bước. Dễ phải tụ tập ở đó đến năm trăm con người, vậy mà im lặng gần như tuyệt đối, chỉ nghe thấy tiếng lá rừng rì rào từng cơn và khe khẽ xào xạc.

ĐỨC PHẬT VÀ KRISHNA

Vàng dương buổi hoàng hôn bắn chùm sáng của nó xuyên qua các thân cây, giống như nó gửi lời chúc phúc thánh thiện đến đám đông đang tụ họp trên bãi cỏ giữa rừng. Và những đám mây thấm hồng của buổi chiều muộn bay lơ lửng vượt lên nền lam của không trung là một cuộc họp thứ hai, lập nên bởi những đám mây trời.

Ngôi đền với những viên đá đen đúa, nứt nẻ trước mặt, em uống món thể lỏng rực lửa này của vàng dương hết như bô lão già nua đang nhâm nhi một ly rượu hồi xuân. Do tác động ma thuật của những đốm sáng đỏ, vàng và những bóng màu hồng thì bản chất của nó trở nên sống động hơn. Những viên sứ mẻ của các rãnh khía ở cột lóng lánh lên, các góc cạnh lấp lóe, những hình xoắn ốc uốn éo, các đường vân sóng lượn nổi bật vàng rực, những nhánh lá càng ngày càng lớn hơn. Dọc theo các bậc thềm của nền nhà đã xây cao, bên cạnh các đế cột hình vuông và những đỉnh cột, quanh các bệ xà và trên sân thượng của mái nhà hình vòm tròn - ở đâu cũng thấy đan xen hỗn độn những hình dáng kỳ lạ mang tính thần thoại. Các vị thần xuất hiện trong vàng hào quang, những hình dạng nhiều đầu, nhiều tay với tứ chi phát triển, nhưng phần lớn là đã què quặt, người này rướn bốn cái cổ mất đầu ra, kẻ khác dung đưa tám mẩu cánh tay đã cụt. Những bộ ngực và hông của những nữ thần với tứ chi phồng phao hé mở và lặn lại gần, và những bộ mặt tròn trịa của họ phải trũng xuống bởi sức nặng của các món tóc cuốn lên thành những cái tháp, được trang điểm bằng các vành đầu, một nét cười rạng rỡ như vàng dương ban mai nở quanh những cặp môi đầy đặn nặng suy tư. Những cái bụng như rắn lượn của quỷ sứ uốn quanh, các cánh đại bàng vươn ra, những bộ mặt kỳ dị của lũ quái vật dữ tợn nhăn nhó cười, răng cắn rín rít; những đầu người lúc nhúc, các vòi voi, đầu ngựa, sừng bò tốt, sừng hươu, cằm cá sấu, mõm khỉ và mõm hổ lẩn lư trong cái mớ hỗn độn như cuộn chỉ rối.

Đó không còn là một kiến trúc được trang điểm bởi những kiệt tác nghệ thuật nữa: Chỉ là những tác phẩm đã trở lại với cuộc sống thường nhật mà đứt đoạn với trình tự xây dựng, chúng bứt ra khỏi cái cơ bản và chính cái này cũng chẳng còn làm nhiệm vụ cái đế được nữa. Có vẻ như cả một thế giới mới đã tỉnh dậy từ giấc ngủ trong đá của mình, và chúng vươn ra với hàng ngàn những hình dáng của chúng để lắng nghe - nghe cái người đàn ông được đám đông bao quanh và dù bị che vẫn nổi bật trên bậc thềm cao nhất, rực sáng màu vàng trong những nếp áo choàng rủ xuống - chính Ngài, cái người sống động, con người duy nhất thanh thản giữa cuộc sống bạo loạn, điên khùng của những kẻ u mê.

Bây giờ thì sự yên lặng của cuộc họp có vẻ như càng sâu hơn, thậm chí em có cảm giác như cây cối ngừng lao xao. Và Đức Thế Tôn cất cao giọng.

Ngài nói về ngôi đền mà Ngài đang đứng trên các bậc thềm của nó, và ở đó hàng trăm năm nay, tổ tiên chúng ta đã cầu khẩn Krishna để qua cái gương cuộc sống anh hùng của Ngài mà nhờ đó sẽ cổ vũ một tác động và một tính cam chịu đầy tính anh hùng ca trên cõi trần này và sẽ được kích thích qua ân huệ của Ngài. Để sau khi chết, bay lên Thiên đàng tươi vui và hưởng thụ ở đó lạc thú trên trời. Nhưng bây giờ, chúng ta là các hậu duệ tập trung tại đó để nghe thấy từ miệng Đức Phật Hoàn Thiện những tiếng nói của sự thật, để học cách tiến hành một sự chuyển hóa tinh khiết, thánh thiện và cuối cùng, qua sự hoàn toàn khác phục mọi đòi hỏi những cái thoáng qua để đạt tới sự kết thúc của khổ đau, là cõi Niết Bàn.

Như vậy là Đức Phật, Kẻ Thức Tỉnh hoàn toàn, đã hoàn thiện tác phẩm của Krishna. Như vậy là chúng ta, những Kẻ Trưởng Thành, hoàn thiện điều mà tổ tiên chúng ta đã bắt đầu bằng những đàn tối thượng như trẻ thơ.

— Các người nhìn xem kìa! - Ngài nói. - Hết như một nghệ sĩ ưu tú từ những ngày tháng đã

qua từ ngàn xưa, đã tạo dựng nên cuộc chiến bằng voi của Krishna tạc trên đá - và Ngài chỉ vào một bức phù điêu vĩ đại nằm gần ngay sát dưới chân em, mà một chân khoan vào thẳm cỏ một góc cạnh, chân kia tựa vào một đỉnh cột gần như đã bị chôn xuống đất. Trong cái nóng hầm hập cuối cùng của vầng dương mà nó lướt trên hòn đá đầy rêu, người ta còn dễ dàng nhận ra một thanh niên, đang đặt chân lên đầu một con voi đã chết, tay nhổ một chiếc ngà của nó.

Và Đức Thế Tôn kể chuyện vua xứ Mathura, chính là tên bạo chúa đáng sợ Kamsa, sau khi đã mời Krishna đến dự một buổi thi đấu ở Hoàng cung, đã ngầm ra lệnh cho viên quản tượng của mình phải xua con voi chiến hung dữ nhất đàn voi của y tấn công chàng trai trẻ hoàn toàn không biết trước gì hết ngay ở cổng trường đấu. Nhưng rồi chàng trai trẻ này đã giết chết con quái vật này, làm vua sợ hết hồn, máu me đầy mình và chàng trai trẻ đó với chiếc ngà bị vỡ trên tay, bước vào trường đấu.

— Tuy nhiên những kẻ thù của Đức Thế Tôn. - Ngài kể tiếp, - cũng đã từng xua một con voi hung dữ tấn công Ngài. Khi nhìn thấy con quái vật lao vào mình, một nỗi thương cảm bỗng xâm chiếm Đức Thế Tôn. Bởi vì máu chảy lênh láng từ bả vai con vật, do những vết thương mà bọn xua voi đã lấy ngọn giáo đâm vào. Nhưng niềm thương cảm còn cao hơn nữa, bởi vì Ngài thấy trước mặt mình một sinh linh khổ nạn, bị đẩy vào nỗi đam mê điên cuồng, lẽ ra thiên nhiên đã ban phú cho sự dũng mãnh và sức lực khủng khiếp, nhưng lại ít hiểu biết, và vì sự vô minh này mà bị sự dã man của những kẻ xấu lợi dụng xua vào một trạng thái điên cuồng để đến nỗi phải giết thậm chí cả Đức Phật: Một sinh linh hung dữ, mù quáng, mà sẽ rất khó thành công với việc qua con đường vô cùng dài để đạt tới sự trở thành con người và đi vào con đường giải thoát. Vì hoàn toàn bị xâm chiếm bởi niềm thương cảm nên Đức Thế Tôn không cảm thấy sợ hãi nữa, và cũng chẳng có ý nghĩ nào về sự nguy hiểm đến bản thân có thể nảy sinh. Nên Ngài suy ngẫm: Nếu ta thành công trong việc rọi tia sáng dù nhỏ nhất vào chốn tối tăm đầy bão tố này, thì một cái mầm ánh sáng như vậy dần dần sẽ bùng lên, và sau đó sinh linh này được ánh sáng của nó dẫn dắt, sẽ đạt tới kiếp thành người, thì nó sẽ tìm thấy học thuyết của Đức Thế Tôn trên Trái đất, người mà trước đây nó đã tấn công, và cái học thuyết này sẽ trợ giúp giải thoát nó.

Tâm trí tràn ngập ý tưởng này, Đức Thế Tôn dừng lại ngay giữa đường, nâng bàn tay lên để có tác dụng hiền dịu, rồi thân thiện nhìn kẻ đang lên cơn điên loạn và nói những lời nhẹ nhàng mà âm sắc của nó đi vào trái tim kẻ khủng. Con voi khổng lồ sững lại trong cơn điên của nó, do dự đứng đưa cái đầu to như ngọn núi của nó, thay vì tiếng gầm to như sấm mà trước đó ai cũng nghe thấy, giờ chỉ còn phát ra những tiếng rú sợ hãi nghe như tiếng kèn hơi. Khi đó nó lắc lư cái vòi theo mọi phía trong không trung - hết như một chú voi bị bắn giữa rừng sẽ hành xử, một khi nó bị mất vết chân của kẻ thù dấu mặt và hy vọng đánh hơi thấy lại được. Thực vậy, con voi này đã nhằm kẻ thù. Cuối cùng, nó chậm rãi đến gần Đức Thế Tôn, chỉ cách vài bước, và quỳ xuống hết như nó vẫn quen làm vậy trước chủ, một khi vị này muốn trèo lên mình nó. Có chú voi đã được thuần hóa theo sau, Đức Thế Tôn đi vào vườn để thuần hóa lũ kẻ thù của Ngài, mà chính vì chúng mà Ngài phải lên đường.

— Bằng cách đó, - Đức Phật kết thúc sự so sánh như vậy, - Đức Thế Tôn đã chấp nhận cuộc đấu voi của Krishna, chuyển hóa nó về mặt tinh thần, tinh luyện nó, hoàn thiện nó!

Trong khi em nghe câu chuyện này - làm sao em có thể nghĩ đến cái gì khác hơn là đến Angulimala, kẻ hung dữ nhất trong số những kẻ hung dữ, kẻ mới hôm qua thôi đã muốn giết chết Đức Phật và qua sức mạnh không gì chống đỡ nổi uy tín của Ngài mà đã được thuần hóa, thậm chí được quy đạo, cho nên bây giờ em thấy y trầm mặc ngồi trong hàng ngũ các tu sĩ - ngay ở bên ngoài đã là một người khác rồi. Và vì vậy em thấy có vẻ như những lời của Đức Thế Tôn đặc biệt là dành cho em, cho nhân vật duy nhất - ít nhất cũng là bên ngoài giới tu sĩ - biết

vấn đề và có thể hiểu mặt nghĩa của bài nói.

Ngoài ra Đức Thế Tôn còn nói về Krishna như là “chú rể một vạn sáu ngàn một trăm lần”, mà ở đây tổ tiên chúng em đã tôn vinh Ngài ở tư cách đó. Và em lại có cảm giác như chính điều này có một mối liên hệ ngầm tới em, bởi lẽ em còn nhớ là vào cái đêm đáng nhớ với cuộc gặp gỡ cuối cùng của chúng ta đó, con mụ phù thủy đáng ghét đã gọi vị thánh anh hùng bằng cái tên đó, mà khi nghe, tim em cũng hoàn toàn không phải là không run. Sau đó bằng một giọng hơi hài hước, Đức Thế Tôn kể về việc làm sao mà Krishna sở hữu được tất cả tài sản mà Ngài tước lột được từ lâu đài của vị vua yêu quái Naraka.

— Vậy là vào một ngày đẹp trời, - Ngài bảo, - Ngài mới kết hôn với tất cả trinh nữ, đồng thời, bằng cách Ngài xuất hiện ở từng người với tư cách là hôn phu của nàng ta. Một vạn sáu ngàn một trăm là con số các bà vợ của Ngài, và vị thánh thể hiện một lúc nhiều vai như vậy, cho nên mỗi cô gái đều tưởng: Ngài chỉ chọn riêng em mà thôi.

Nhưng nếu ta, - Đức Thế Tôn tiếp tục như vậy, - công bố học thuyết và trước mặt ta là một phòng họp với hàng trăm sư tăng và sư ni và những thường dân của cả hai phái đang chăm chú lắng nghe, thì mỗi người trong số thánh giả đều nghĩ: "Nhà tu hành Gautama chỉ công bố học thuyết cho riêng ta mà thôi". Bởi lẽ ta hướng cái trí lực của ta vào từng cảm xúc của mỗi người đi tìm thanh bình, và đưa nó về sự bình yên, tập hợp nó lại. Như vậy là ta giữ được mãi, và bằng cách này ta chấp nhận vị thế một vạn sáu ngàn một trăm lần chú rể của Krishna, chuyển hóa nó về mặt tinh thần, tinh luyện nó, hoàn thiện nó!

Khi đó em có cảm giác như Đức Thế Tôn đã đọc được ý nghĩ của em và đã ngầm khiển trách em, rằng em đã thông qua cái sự điên khùng về một vị thế được ưu tiên để lộ ra tính phù phiếm đòi bại nơi mình.

Và Đức Phật nói tiếp về việc làm sao Krishna đi theo niềm tin của tổ tiên chúng ta, dù Ngài đã là vị thánh cao nhất, chịu trách nhiệm và gìn giữ cho toàn bộ thế giới, mà vẫn động lòng thương xót các sinh linh, bước từ trên trời cao của Ngài cùng một phần của cái bản thể của Ngài và để biến thành một con người trong toàn thể loài người. Tuy nhiên đối với Ngài, Đức Thế Tôn, khi Ngài sau cuộc đấu tranh dữ dội đã dành được cho mình sự khai sáng Hoàn Thiện, tính xác thực về sự cứu rỗi thánh thiện, không gì lay chuyển nổi, thì đã đi đến nhu cầu, kiên trì hưởng thụ sự tinh anh thánh thiện này và không công bố học thuyết cho người khác.

Bởi lẽ cái giới nghiệm hưởng thụ này - ta nghĩ vậy – sẽ chẳng bao giờ hiểu nổi sự tách khỏi tất cả mọi hình thái, sự cạn đi của niềm say mê cuộc sống, sự cứu rỗi khỏi điên loạn, và từ sự trình bày học thuyết sẽ chỉ phát sinh khó nhọc và tai họa cho ta mà thôi. Vậy nên tinh thần ta hướng về sự kín đáo, mà không vào việc trình bày học thuyết. Và ta ngắm nhìn một lần nữa thế giới bằng con mắt đã được thức tỉnh. Và hết như người ta thấy trong hồ sen một vài bông sen, bông này phát triển bên trong nước và luôn ở dưới nước, còn những bông khác lại vươn lên tới mặt nước rồi bởi trên đó, và cuối cùng là từng bông lẻ vọt lên trên mặt nước và đứng đó, không hề thấm nước: Vậy là ta thấy trên thế giới có những sinh linh đê tiện, những sinh linh cao thượng và những sinh linh cao thượng nhất. Và ta nghĩ: Nếu không được nghe học thuyết thì chúng sẽ thất lạc mất: Những người này sẽ hiểu học thuyết. Và vì thương các sinh linh, ta quyết định tạm thời khước từ sự chiếm dụng mà không hề bị vẩn đục sự thanh bình thánh thiện của cõi Niết Bàn và công bố học thuyết cho thế giới. Vậy một Đức Phật Hoàn Thiện chấp nhận sự giáng thế của Krishna và việc nhân hóa của Ngài, nội tâm hóa nó, làm biến đổi nó, hoàn thiện nó.

Em cảm thấy vui sướng không gì tả xiết, bởi lẽ em biết, Đức Phật xếp em vào những bông sen vươn từ sâu dưới nước lên trên mặt nước, và nhờ sự trợ giúp của Ngài mà trước đây em đã nổi lên và sẽ tự do đứng đó, không hề bị tham muốn bởi vật chất.

Rồi Đức Thế Tôn kể về những hành động anh hùng của Krishna, mà qua đó Ngài giải phóng thế giới khỏi những con quái vật và những ông vua ác để cứu rỗi các sinh linh, bằng cách chiến thắng con rắn ở đầm Koliya, đánh bại con quỷ hình bò mộng Aristha, tiêu diệt những con quái vật khủng khiếp Dhenuka và Kishi và vua của loài quỷ Naraka, chiến thắng và giết những ông vua ác Kamsa và Paundraka và những tên bạo chúa khát máu khác, nỗi sợ hãi của những người bất lực, và như vậy là bằng cách đa dạng này mà giảm bớt số phận đau khổ của loài người. Nhưng Đức Thế Tôn không chỉ diệt trừ những kẻ thù đe dọa loài người từ bên ngoài mà cả những con quái vật ở ngay trong tim của chúng: tham lam, hận thù và điên khùng, ích kỷ, ham khoái lạc, khát khao phù phiếm. Và Ngài không chỉ giải phóng loài người khỏi thói hư này hay thói hư khác, mà khỏi khổ đau.

Sau đó Kẻ Được Ban Phúc nói về khổ đau mà nó theo đuổi cuộc đời mọi nơi và mọi lúc, như hình với bóng. Khi đó em có cảm giác như có một bàn tay khoan dung nâng nỗi đau vì tình của chính mình lên, mang nó đi mất, rồi vớt nó vào cái khối lớn những khổ đau mà ở đó trong vòng xoáy chung, nó biến mất khỏi tầm mắt em. Em cảm thấy sâu lắng từ bên trong rằng, em không có quyền đòi hỏi hạnh phúc bền lâu khi mọi người đều khổ đau. Em đã hưởng được hạnh phúc của mình: Nó đã sinh ra, đã hưng thịnh và đã trôi qua, như Đức Phật dạy chúng ta rằng, tất cả mọi thứ trên thế giới này đều sinh ra nhờ nhân duyên và sau thời gian tiến triển của nó - dài hay ngắn - lại sẽ phải qua đi. Và chính cái tính thoáng qua đó, mà tính không có bản chất của mỗi vật sẽ được bộc lộ ra, đó là nguyên nhân cuối cùng, không triệt tiêu được - không triệt tiêu được, chừng nào sự ham mê tồn tại tiếp tục lan tràn, mà không hủy diệt được, và luôn luôn sinh ra cái mới. Vâng, như mỗi kẻ đã dính vào tội lỗi qua sự tồn tại của nó, thì em phải - em có cảm giác vậy - nếu em được miễn trừ đau khổ, thì bây giờ em còn cảm thấy tội lỗi gấp đôi và cảm nhận nhu cầu chịu trách nhiệm phần của mình. Vậy nên em không thể khóc than về số phận của mình nữa, mà hơn thế, trong lời của Ngài thì ý nghĩ sau luôn có ở em: "Ôi. sao cho mọi sinh linh không phải chịu đau khổ nữa! Sao cho vị thánh này thành công ở sự nhiếp cứu rỗi của Ngài, sao cho tất cả mọi người, tất cả được tha lỗi và được khai ngộ, để đạt tới sự kết thúc của mọi khổ đau!".

Và bây giờ sư phụ nói, cũng về cái kết thúc của khổ đau này và về thế giới, về sự vượt qua mọi dạng tồn tại, về sự cứu rỗi trong sự dừng đứng không có ước vọng, về sự ngừng điên khùng, về Cõi Niết Bàn - những lời kỳ lạ, tuyệt diệu về cái hòn đảo duy nhất trong cái biển nhấp nhô của sự phát sinh mà con sóng của sự chết bị đánh tan một cách bất lực ở bờ đầy đá ngầm của nó, và theo đó thì học thuyết của Đấng Hoàn Thiện sẽ đi sang bờ như một chiếc bè rất an toàn. Và Ngài nói về nơi linh thiêng này của sự thanh bình, không phải như kẻ nào đó kể cho chúng ta điều mà hẳn nghe từ những người khác - từ những tu sĩ - và cũng không giống với một ca sĩ để cho sức tưởng tượng của mình lớn lên, mà như một người thông báo những gì đã tự trải nghiệm được và những gì đã nhìn thấy được.

Dĩ nhiên là khi đó Ngài nói nhiều điều mà một người đàn bà ít học như em không hiểu, và ngay người thông thái nhất cũng chẳng dễ hiểu. Có một số điều thì em chẳng thể liên hệ được với nhau, bởi lẽ đó đồng thời là cả cái tồn tại và cái không tồn tại, cái không sống và cái còn ít hơn cả bất động. Tuy nhiên em có cảm giác hết như kẻ được nghe một bài hát mới, hoàn toàn chẳng hề có cái gì giống với những bài cũ mà ở đó anh ta chỉ hiểu được một vài từ, trong khi những âm thanh lại đi vào trái tim khi chúng nói được hết mọi điều. Và nhưng âm thanh mới hay làm sao! Những âm thanh có độ tinh khiết của pha lê, sao cho tất cả những thứ khác bị ngưng lại, đối với người ta cứ như những tiếng động trống rỗng. Những âm thanh đi từ chốn xa vời đến vậy, chào mừng từ độ cao siêu nhiên đến vậy, tới mức thức tỉnh được một nỗi khao khát mới, không ngờ, mà từ đó người ta có cảm giác là chẳng bao giờ nỗi khao khát này có thể

để cho bất cứ một cái gì trần tục hay gần với trần tục dừng lại được, và nếu có dừng lại được thì nó cũng sẽ chẳng bao giờ biến mất hoàn toàn.

Trong khi đó thì màn đêm dày đặc đã buông xuống. Ánh sáng yếu ớt của Mặt trăng ló lên từ sau, hắt cái bóng của đèn xuống bãi cỏ trong rừng, ngang giữa toàn thể diện tích nó. Vì vậy hầu như chẳng thể nhận ra hình dáng diễn giả. Nên những lời siêu nhiên này có vẻ như tự nó vang lên từ chốn thánh thần mà nó nuốt chửng tất cả hàng ngàn những hình dạng hung dữ và rối loạn, lườm gạt cuộc đời vào bóng tối của nó và dựng chồng cao lên thành những dạng đơn giản, nhưng nặng nề - là nắm mồ cho tất cả mọi cuộc sống, cả trần tục lẫn thiên đường.

Bó tay quanh gối, em ngồi yên lắng nghe, nhìn lên trời nơi có những ngôi sao lớn sáng lung linh trên những ngọn cây sẫm tối. Rực sáng, dòng Ganga của thiên đường cắt ngang qua nó. Khi đó em hồi tưởng lại giờ phút mà hai chúng ta ở chính nơi này đã giơ tay lên trời trước dòng chảy lóng lánh bạc của nó, dòng nước cấp cho những hồ sen này, long trọng hứa sẽ lại gặp nhau ở đây, Tây Phương cực lạc - ở bầu trời vui vẻ, hoàn toàn giống với trời của Krishna, mà về nó thì giờ đây Đức Thế Tôn cũng nói tới như là nơi mà những người sùng đạo tập nập đổ đến. Và khi em nghĩ đến điều đó, thì lòng em buồn rầu, nhưng em chẳng hề cảm thấy nhu cầu vươn tới một cuộc sống trên thiên đàng như vậy - bởi lẽ đã có một tia sáng đầu tiên của một cái gì đó vô cùng cao cả hơn đã rọi sáng mắt em.

Và không hề thất vọng, chẳng có một động thái đau đớn nào của một người mà hy vọng quý giá nhất vừa bị tan vỡ, em nghe được những lời của Đức Thế Tôn: "Tất cả những cái sinh ra sẽ bay đi, hòa tan vào thành làn gió thoảng qua của sự thối rữa. Ngay cả những bông hoa của thiên đàng cũng tàn lụi như ở một vườn hoa tráng lệ nơi trần thế".

THIÊN ĐÀNG TÀN LỤI

“Vâng, anh yêu của em ạ, - Vasitthi nói thêm, - em không hề thất vọng mà tiếp nhận những lời đó, những lời mà anh có cảm giác như chúng hủy diệt mọi hy vọng. Và bây giờ em chẳng hề đau đớn, thậm chí rất vui vẻ, nhìn quanh thấy mọi nơi, chân lý ở những lời này đang trở thành hiện thực”.

Trong khi Vasitthi kể chuyện thì trên thực tế, sự tàn lụi tuy tiến triển chậm rãi, nhưng không gì cưỡng lại được, và bây giờ thì không còn một chút nghi ngờ gì nữa, tất cả những sinh linh này và môi trường xung quanh chúng đều đang dần suy yếu để đi đến tàn lụi và phân hủy hoàn toàn.

Những bông sen đã trụi quá nửa số cánh hoa, và nước chỉ còn lấp lánh thừa thớt giữa những thân cây sặc sỡ này, và bất cứ lúc nào chúng cũng có thể rơi vào tình trạng run rẩy bởi một cánh lá vừa rơi. Những hình dạng ngồi trên các đài hoa đã mất hết kiểu dáng, theo những tư thế ít nhiều chùng xuống: người này thì đầu cúi xuống sát ngực, người kia thì chùng vai, và chúng đều như qua cơn ớn lạnh khi sốt, mỗi khi một đợt gió lạnh tràn qua những chòm cây thừa thớt của những cánh rừng, làm cho hoa, lá lá tả rơi. Bị nổi buồn làm giảm đi, và càng ngày càng liên tục hơn bị những nghịch âm đau đớn lấn át, âm nhạc của các thiên thần; những tiếng thở dài não nuột và tiếng rên rỉ đầy hãi hùng trộn lẫn vào đó. Tất cả những thứ được rọi sáng - bộ mặt và quần áo của những kẻ siêu thoát và những thiên thần, mây và hoa - tất cả chúng ngày càng mất đi sự hào nhoáng, và một lần sương mờ buổi hoàng hôn có vẻ như muốn đan những cái sợi của chúng để tạo nên chân trời xa vời. Cái mùi thơm tươi tắn của hoa mà nó vừa lướt nhẹ qua mọi thứ để làm cho tinh thần phấn chấn, nay nó dần trở thành một mùi ngạt thở, gây mê tâm hồn và ru ngủ.

Kamanita nói với cái khoát tay uể oải:

— Làm sao người ta, Vasitthi thân mến, có thể cảm thấy vui mừng khi nhìn thấy như vậy.

— Bởi vậy, anh yêu ơi, em có thể vui khi nhìn thấy như vậy, bởi lẽ, nếu tất cả là bền vững và không thoáng qua, thì sẽ không có gì cao hơn.

Thế nhưng có một cái gì đó cao hơn, bởi lẽ cái đó đi qua - và có một cái không thoáng qua, không sinh ra. Chính cái đó được Đức Thế Tôn gọi là “Niềm vui của tính thoáng qua”, và bởi vậy mà Ngài nói: “Nếu như người nhận thức được sự suy tàn của cái được sáng tạo ra, thì người cũng biết cái không được sáng tạo ra”.

Qua những lời lạc quan này thì nét mặt Kamanita tươi lên, như một đoá hoa đang héo khô bởi hạn hán, nay gặp mưa nên sống trở lại.

— Đáng khen lắm, Vasitthi ạ! Em được trao cho anh cùng sự may mắn. Đúng, anh cảm thấy như vậy. Chúng ta chỉ còn thiếu nước là chưa định hướng đủ cao nỗi khát khao của chúng ta. Bởi lẽ chúng ta đã khát khao cho mình cuộc sống này ở một thiên đàng đầy hoa. Và dĩ nhiên hoa, theo bản chất của chúng, phải tàn. Tuy nhiên những ngôi sao là không thoáng qua, các quỹ đạo của chúng thay đổi theo những quy luật giá trị mãi mãi. Và hãy nhìn xem kìa, Vasitthi, trong khi tất cả mọi thứ khác đều cho thấy những dấu vết mờ mờ của sự tàn lụi, thì con sông nhỏ - một nhánh của dòng Ganga - mà nước của nó trong sáng như sao và đầy đặn, chảy vào hồ của chúng ta - chính vì nước này cũng từ thế giới tinh tú đến. Ai đạt được tới cái đích đó, là đi vào được sự tồn tại dưới dạng các thần tinh tú, người đó sẽ hơn hẳn kiếp của cái thoáng qua.

— Tại sao chúng ta lại không thể đạt được cái đó? - Vasitthi hỏi. - Bởi lẽ em đã nghe thấy các tu sĩ nói họ hướng cả tâm trí và trái tim họ về lại vương quốc của Brahma Chục Vạn Lần. Và

ngay bây giờ thì vẫn chưa muộn, nếu như cái câu cổ điển được rút ra từ bài ca cao thượng như sau vẫn đúng:

"Cái tồn tại, mà hẳn nghĩ về nó khi hẳn từ biệt thể xác này, và mỗi lần ở phía bên kia hẳn sẽ đi vào cái tồn tại này".

— Vasitthi! Em cho anh cái sự dũng cảm siêu nhân đó! Tiến lên, chúng ta hãy hướng tất cả suy tư của chúng ta về việc có thể bước vào vương quốc của Brahma Chục Vạn Lần.

Khi nàng vừa mới đi đến quyết định này thì có một cơn lốc mạnh nổi lên và thổi qua rừng rú và ao hồ. Hoa và lá xoay tít rồi bay đi. Những người đứng trên hồ sen thu mình lại, chân tay run lẩy bẩy, rên rỉ kéo chặt áo choàng vào người.

Như một người, do hít phải cái không khí tù túng, đầy mùi hoa trong phòng kín, đang rất ngột thở, bỗng thấy luồng gió biển tươi mát với mùi muối đại dương thổi qua cánh cửa để ngỏ, nay hút đầy phổi cái không khí mới này và cảm thấy mình như được sống lại: Chính Kamanita và Vasitthi đã cảm nhận như vậy khi hương thơm của sự tinh khiết hoàn toàn tràn tới, mà họ có thể hít nó vào bên bờ sông Ganga.

Vasitthi mới hỏi:

— Anh có cảm thấy gì không?

— Lời chào từ dòng Ganga, và nghe kìa, nó đang gọi ta. - Kamanita bảo.

Bởi vì những tiếng ca thán của những khúc ai oán đưa ma của các thiên thần đang bị những tiếng long trọng nghe như tiếng sấm rền lấn át.

— Tốt, chúng ta đã quen đường. - Vasitthi sung sướng reo lên. - Anh có sợ không, Kamanita?

— Sao anh lại có thể sợ được? Đến đây đi thôi!

Và như một đôi uyên ương từ tổ phóng ra và ngược chiều gió, họ bay đi. Tất cả mọi người đều ngạc nhiên là ở chốn này còn có những sinh linh đủ sức lực và dũng cảm để bay. Nhưng khi họ đang bay ngược chiều gió như vậy, bỗng có một cơn bão xoáy bứt hết lá và linh hồn của mọi thứ phía sau nó, và như vậy đã kết thúc cuộc đời đang lay lắt của Sukhavati.

Rồi họ bay tới rừng cọ, vượt qua nó. Trải rộng trước họ là bề mặt màu bồng bạc của dòng sông vũ trụ, kéo dài tới tận chân trời lam thẳm.

Họ bay vượt qua những đợt sóng trào dâng của nó, và ngay lập tức, họ bị luồng không khí mạnh đang hoành hành ở đó cuốn vào rồi kéo đi theo cơn bão. Tốc độ cao của chuyến bay, phát ra tiếng rú khủng khiếp cùng tiếng sấm và tiếng lạnh lạnh của chuông chiều làm cho mọi cảm giác của họ biến mất.

TRONG VƯƠNG QUỐC CỦA BRAHMA CHỤC VẠN LẦN

Kamanita và Vasitthi quay trở về với tồn tại, trong vương quốc của Brahma Chục Vạn Lần, dưới dạng một thần tinh tú kép.

Cái ánh sáng nguyên nguyên mà sự tồn tại về mặt tâm linh của Kamanita gắn với nó, bao bọc một cách đều đặn thiên thể đó, vì nó sống bằng sức lực và được ý chí chỉ huy. Do ý chí này mà trước hết, ngôi sao quay quanh trục của nó. Chuyển động này là cuộc sống riêng, là tính đặc thù của nó.

Nó biểu hiện và phản chiếu cái vinh hoa của Vasitthi. Khi thay thế các tia sáng, họ quay quanh một tâm điểm, ở đó những tia sáng này hội tụ lại. Điều này là tình yêu của họ, chuyển động xung quanh nó là cuộc sống tình ái của họ, và việc họ phản chiếu lẫn nhau trong mỗi tình đó là niềm lạc thú yêu đương của họ.

Phóng tầm mắt theo mọi phía, cả hai đồng thời ngắm nhìn không gian bao la vô hạn. Đâu đâu họ cũng thấy số thần linh nhiều vô kể, và cũng như họ, các ánh nhìn bằng tia sáng này thu nhận họ rồi phản xạ đi. Khi đó, ban đầu có một số cùng họ lập nên một nhóm riêng. Cạnh đó là những nhóm khác, các nhóm đó cùng với nhau tạo nên một hệ vũ trụ hoàn chỉnh. Xa hơn là những hệ khác, chúng cũng gắn kết với nhau để tạo nên một dãy các hệ. Và tiếp đến nhiều dãy khác, các vòng của dãy, và những quả cầu gồm các vòng dãy. Kamanita và Vasitthi chỉ huy tinh tú kép của mình trong chuyển bay hòa hợp với các tinh tú khác trong nhóm của họ, hết như ở một vòng xoáy cổ trật tự của vũ điệu, họ không đến quá gần các tinh tú láng giềng mà cũng không đi quá xa chúng, trong khi tất cả trong ứng xử với nhau, thông qua một mối thiện cảm nhất định, thông báo cho nhau biết về hướng chính xác và tốc độ phù hợp của chuyển động. Tuy nhiên khi đó đồng thời hình thành một ý chí chung chỉ huy chuyển động các nhóm của toàn hệ, mà hệ này lại bằng chính cách đó để chuyển động tiếp với các hệ cùng loại.

Và sự tham gia vào vũ điệu khủng khiếp, lơ lửng này của các thiên thể, những chuyển động tương tác lẫn nhau.

(Thiếu trang 233)

Và đó là việc Brahma xuyên suốt họ, mối quan hệ gắn bó của họ với vị thần cao nhất, việc họ được ban phước, việc họ thờ cúng, sự siêu thoát của họ.

Nhưng một khi ở Brahma, họ có tâm điểm hội tụ mọi thứ, thì vũ trụ Brahma này, dù là vô hạn, vẫn đồng thời bị giới hạn.

Như mắt con người từ thời xa xưa đã, khi mừng tượng trên vòm trời, phát hiện ra một “vòng tròn các con vật”, thì ở đây các thần tinh tú cũng thấy vô số các vòng tròn các con vật được mô tả và đan thành một mặt cầu những bức tranh, ở đó những nhóm sao xa nhất gộp lại với nhau thành những hình thù phát sáng. Khi phát sáng chiếu vào nhau, phát sáng tách khỏi nhau, các hình dạng, là những dạng tinh tú của mọi sinh linh sống và đan trên các thiên thể hay giữa chúng, sẽ xuất hiện như là những ảnh gốc tồn tại mãi mãi của tất cả những gì, khi bao thành những yếu tố thô, sinh và hủy trong dòng chảy luôn thay đổi của sự hình thành.

Và việc nhìn các hình gốc này là tri thức của họ về vũ trụ.

Nhưng một khi họ có nhiều mắt, mà nhìn toàn bộ không nháy mắt, bằng một tầm nhìn đã nhận ra sự thống nhất của thánh và tính đa dạng của các sinh linh của vũ trụ: đối với họ thì sự thông thái mang tính thần thánh và tri thức về vũ trụ trùng khít thành một. Nếu một khi con người hướng tầm nhìn vào sự thống nhất thánh thiện, thì tính đa dạng về hình dáng của vũ trụ biến đổi sẽ biến mất. Và cũng vậy, nếu anh ta quan sát cái vũ trụ đó, anh ta không còn giữ chặt

được sự thống nhất nữa. Bởi vậy tri thức của con người là một kiến thức mảnh lẻ, luôn dao động, liên tục có nguy cơ nghi vấn. Nhưng họ lại đồng thời nhìn được cả tâm và vòng tròn, bởi vậy kiến thức của họ là một kiến thức thống nhất, không bao giờ dao động, không bị bất cứ nghi vấn nào đe dọa.

Vậy thời gian thầm lặng chảy qua toàn bộ vũ trụ Brahma đang phát sáng này. Cũng hết như khi ở một dòng sông chảy yên lặng và thẳng tắp, hoàn toàn trong suốt, mà dòng chảy của nó không bị một vật cản nào ngăn hay cắt đứt, người ta sẽ không nhận ra chuyển động của nó: y như thế thì ở đáy dòng chảy của thời gian là không nhận thấy được, bởi lẽ nó không bị cản bởi những ý nghĩ và cảm xúc tăng hay giảm.

Sự không nhận thấy được này của tiến trình thời gian là tính vĩnh hằng của nó.

Và tính vĩnh hằng này là một sự điên khùng.

Và đó cũng là tất cả những gì mà nó bao hàm trong mình: Tri thức của nó, tính Thánh đã ban phước cho nó, khoái lạc của nó với sự tồn tại, cuộc sống của nó trong vũ trụ, cuộc sống tình ái của nó và cuộc sống riêng của nó nhấn vào sự điên khùng và đã pha màu điên khùng.

BÌNH MINH CỦA CÁC VŨ TRỤ

Một lần kia, Kamanita bỗng có một cảm giác bứt rứt, một sự thiếu vắng.

Chàng chú ý đến Brahma Chục Vạn Lần, khởi nguồn cho mọi thứ. Nhưng cảm giác đó không tan biến, mà còn gia tăng gần như không nhận thấy được từ chục vạn năm này qua chục vạn năm khác. Bởi lẽ qua cái cảm giác gia tăng đó mà dòng thời gian cho đến nay là yên lặng đến mức không nhận biết được, đã gặp vật cản, hết như qua một hòn đảo bỗng dưng gặp phải, mà qua những tảng đá ngầm của đảo, nó sủi bọt tràn qua. Và ngay lập tức xuất hiện một cái “Trước đó” và một cái “Sau đó” - như nếu có một tảng đá ngầm nổi lên ở một dòng sông sẽ xuất hiện một cái “Trước” và một cái “Sau” cái chặn dòng sông.

Và Kamanita có cảm giác bây giờ Brahma Chục Vạn Lần không còn sáng như trước nữa. Nhưng sau khi chàng đã quan sát Brahma năm triệu năm, chàng có cảm giác như chàng đã quan sát Ngài từ lâu mà chưa nhận được sự xác thực.

Và chàng hướng sự chú ý vào Vasitthi. Lúc đó chàng mới biết rằng chính nàng cũng đang chăm chú quan sát Brahma. Chàng hết sức ngạc nhiên. Với ngạc nhiên là cảm xúc. Với cảm xúc là ý nghĩ cũng đến. Với ý nghĩ, ngôn ngữ cho ý nghĩ đến ngay.

Và chàng nói:

— Vasitthi, em có thấy không? Có chuyện gì xảy ra với Brahma Chục Vạn Lần vậy?

Sau chục vạn năm Vasitthi trả lời:

— Đó là chuyện xảy ra với Brahma Chục Vạn Lần, ánh sáng của Ngài giảm đi.

— Anh cũng có cảm giác vậy. - Kamanita nói sau cũng một khoảng thời gian như vậy. - Dĩ nhiên chắc đó chỉ là một hiện tượng thoáng qua. Nhưng với anh, ngay điều đó cũng là kỳ lạ, là ở Brahma Chục Vạn Lần có thể xảy ra sự thay đổi.

Sau một khoảng thời gian, tức là sau vài triệu năm. Kamanita nói tiếp:

— Anh không biết, liệu anh có quáng gà không, Vasitthi. Em có nhận thấy không, độ sáng của Brahma Chục Vạn Lần lại gia tăng?

Sau năm lần với mỗi lần là chục vạn năm, Vasitthi trả lời:

— Độ sáng của Brahma Chục Vạn Lần không gia tăng mà liên tục giảm. Hết như một miếng sắt, khi lấy từ bể lò ra với màu sáng trắng, thì ngay sau đó chuyển thành màu sáng đỏ: vậy là bây giờ ánh sáng của Brahma Chục Vạn Lần đã là màu hung đỏ.

— Điều anh ngạc nhiên là liệu cái đó có nghĩa gì - Kamanita bảo.

— Cái đó có nghĩa là, anh thân mến ạ, độ sáng của Brahma Chục Vạn Lần đang tắt dần.

— Không thể được, Vasitthi, không thể được! Liệu sau đó thì độ chói sáng và độ huy hoàng của toàn bộ thế giới Brahma này sẽ ra sao đây?

— Ngài đã trù liệu trước điều đó, khi Ngài bảo: “Cuộc sống vươn tới trời cao nhất, đầy ánh sáng - và phân hủy. Hãy nên biết rằng, rồi một ngày kia, độ chói sáng của một thế giới Brahma cũng sẽ tắt hoàn toàn”.

Chỉ sau vài ngàn năm, cái chàng Kamanita hấp tấp vì sợ hãi kia đã bảo:

— Ai đã buông câu cách ngôn khủng khiếp, mang tính nhắc nhở cho toàn thế giới như thế này?

— Ai nếu không phải là Ngài, Đức Thế Tôn, người am hiểu thế giới, Đấng Hoàn Thiện, Đức

Phật.

Khi đó Kamanita trở nên trầm tư.

Một thời gian dài, chàng suy nghĩ về những lời này và liên tưởng đến một số điều. Vậy là chàng nói:

— Đã có lần, Vasitthi ơi, ở Sukhavati, tại Tây Phương cực lạc, em đã nói tới một câu cách ngôn của Đức Phật mà nó trở thành hiện thực ngay trước mắt chúng ta. Và anh còn nhớ, khi đó em đã kể lại cho anh nghe toàn bộ một bài nói của Ngài, Đức Thế Tôn. Vậy là em đã nghe, ồ Vasitthi thân mến, cả những bài nói khác nữa của Đức Thế Tôn?

— Rất nhiều, hiền huynh ạ, bởi lẽ em đã ở gần Ngài hàng ngày trọn cả một nửa năm. Vâng, thậm chí em cũng nghe thấy cả những lời cuối cùng Ngài nói ra.

Kamanita nhìn nàng đầy ngạc nhiên và kính nể. Rồi chàng nói:

— Bởi vậy nên em mới, như anh đã nói, là sinh linh thông thái nhất của toàn bộ cái thế giới Brahma này. Bởi lẽ tất cả những thần tinh tú xung quanh đây đều đã lâm vào trạng thái khiếp đảm, sáng không đều đặn nữa, nhấp nháy và hấp hối. Và ngay cả Brahma Chục Vạn Lần cũng đã trở nên không ổn định nữa, và từ độ sáng lờ mờ của Ngài đôi khi còn lóe ra những chớp giận dữ. Nhưng em lại sáng ổn định hết như một cái đèn ở nơi lặng gió. Và đó cũng là một dấu hiệu của nhiễu loạn, một khi bây giờ có thể nghe thấy được chuyển động của những thiên thể này - như chúng mình trước kia, ở rất xa đây, ở nơi thiên đàng bên bờ dòng Ganga thiên thần, đã nghe thấy được những tiếng mạnh mẽ như tiếng sấm rền, như tiếng chuông ngân nga xa xa từ cái thế giới Brahma này, thì nay chúng ta nghe nó đến từ mọi phía. Điều đó có nghĩa là, tính hòa hợp của những chuyển động đã bị nhiễu, đã xảy ra sự phân chia và phân tán lực lượng. Bởi lẽ nếu đúng ra thì phải là: "Khi thiếu thốn thì sinh ra ồn ào. nhưng sung túc thì tự nó đã bình thản". Vậy nên anh cũng chẳng nghi ngờ là em đúng. Tiến lên đi, Vasitthi, trong khi xung quanh ta cái thế giới Brahma này tắt đi và rơi vào sự hủy diệt, hãy kể cho anh những hoài niệm của em về Đấng Hoàn Thiện để anh có thể thanh thản được như em. Hãy kể cho anh biết tất cả về cuộc đời em! Bởi lẽ có lẽ đây là lần cuối cùng mà chúng mình còn đoàn tụ tại đây, nơi mà những sự kiện còn có thể thông báo cho nhau từ tâm hồn này sang tâm hồn kia. Và anh vẫn chưa giải thích nổi rằng, tại sao Angulimala lại xuất hiện chỗ anh tại Ujjeni mặc dầu anh đã được người ta làm cho sáng tỏ về việc y đi tu. Tuy nhiên việc y xuất hiện như thế lại có tác dụng kích động anh đi hành hương. Đó là nguyên nhân vì sao anh không rơi vào những con đường đầy dốc cheo leo, mà đến tái sinh tại Tây Phương cực lạc, để từ đó với sự trợ giúp của em, đã vươn lên được tới cái thế giới cao nhất này trên trời, ở đó chúng mình đã hưởng thụ cuộc sống thần tiên cả một thời gian dài vô tận. Nhưng anh phỏng đoán rằng cú kích động anh đi hành hương đó cũng còn đến từ em nữa kia. Điều đó là vì, nhưng trước hết cũng còn là, tại sao lại xảy ra cái việc đó, là em vì sự may mắn của anh mà đã xuất hiện trên thiên đàng và lại bước vào sự tồn tại ở một vị trí cao hơn rất nhiều về Sự Ban Phước. Đó là điều anh muốn biết.

Và trong khi hàng ngàn, hàng ngàn năm sự giảm độ sáng của Brahma càng ngày càng dễ nhận ra hơn, và các thần tinh tú càng mờ hơn, trong khi chúng càng ngày càng lấp lóe mất ổn định hơn, và từ cái vòng cháy đỏ càng ngày càng mờ hơn này của Brahma có những vạch lửa khủng khiếp bắn ra và quét đi quét lại khắp không gian, hết như vị thần với trăm cánh tay khổng lồ giang ra tìm kẻ thù vô hình, kẻ đang dồn ép Ngài. Trong khi đó những chuyển động bị nhiễu của các thiên thể mà xuất hiện những dòng xoáy rút cả những thiên hà nguyên vẹn ra khỏi vương quốc Brahma, mà thế chỗ đó là bóng tối của không gian trống rỗng ập đến, hết như nước biển đổ ập vào một khi chiếc tàu bị rò. Và trong khi ở những chỗ khác, các thiên hà rơi vào sự xâm nhập lẫn nhau và bùng lên một đám cháy toàn vũ trụ mà những vụ nổ của nó đã

bắn những loạt sao xa tới tận vực lửa của Brahma. Và trong khi những tiếng sấm rền của những hòa âm đang đổ vỡ và đang lao vào nhau - tiếng hấp hối của bản nhạc các quả cầu - đang cuốn đi ngày càng khủng khiếp hơn từ nơi này sang nơi khác trên trời và đang vọng lại - thì Vasitthi không hề bối rối, đàng hoàng kể cho Kamanita những trải nghiệm cuối cùng của nàng ở cõi trần.

Ở RỪNG KRISHNA

Kể từ cái đêm đầu tiên đó, em không bỏ lỡ cơ hội nào để tới thăm rừng Krishna và để được qua những lời giáo huấn của Đức Thế Tôn hay một trong những học trò vĩ đại của Ngài mà nhập môn sâu hơn vào học thuyết.

Trong khi vị hôn phu của em đang còn đi vắng, nỗi sợ hãi của dân thành Kosambi trước tên tướng cướp Angulimala càng ngày càng tăng. Bởi vì những động thái mới không hề được tiết lộ nên càng kích thích trí tưởng tượng. Bỗng nhiên lan truyền tin đồn rằng Angulimala muốn một đêm kia sẽ tấn công rừng Krishna rồi bắt cóc những người dân đến tụ tập tại đó để thăm viếng, và thậm chí cả chính Đức Phật. Qua đó thì sự kích thích tinh thần tăng lên đến gần như nổi loạn. Người ta tự bảo, nếu như qua bàn tay đê tiện của lũ lục lâm mà Đức Thế Tôn phải chịu nhiều đau khổ ngay trước Kosambi, thì nhân dân cả thành phố sẽ phải hứng chịu sự tức giận mà các thần thánh sẽ trút lên.

Có cả một khối người lớn tràn qua các phố, và khi tập trung trước Hoàng cung, họ đòi hỏi mà gần như đe dọa rằng, vua Udana phải ngăn ngừa tai họa này, và phải làm sao cho Angulimala trở nên vô hại.

Ngày hôm sau thì Satagira trở về.

Ngay lập tức, anh ta không tiếc lời ca ngợi về lời khuyên rất hay của em, mà anh ta phải cảm ơn chỉ riêng nó, với việc anh ta được an toàn trở về nhà. Vajira, vợ thứ hai của anh ta xuất hiện với đứa con nhỏ trên tay ra đón bố, bị tổng khứ nhanh ra ngoài: anh ta còn bận nhiều việc quan trọng với em.

Khi chúng em không còn bị ai quấy rầy nữa và chỉ còn mặt đối mặt, anh ta bắt đầu nói ngay về mối tình của anh ta là điều gây cho em rất nhiều khó chịu. Rồi về việc trên đường đi, anh ta lạc em ra sao, và nay anh ta rất mừng về sự hội ngộ này ra thế nào.

Em những muốn kể về những vụ lộn xộn trong thành phố để đổi hướng câu chuyện và đưa anh ta sang những ý nghĩ khác, thì người ta báo có viên quản khổ tới mời anh ta lên yết kiến vua.

Khoảng một tiếng sau anh ta trở về - một con người khác. Mặt nhợt nhạt hẳn ra, và với dáng điệu hoảng hốt, anh ta vào phòng em, gieo mình lên một chiếc ghế và bảo, anh ta là người đàn ông bất hạnh nhất vương quốc này. Là một nhân vật vĩ đại nhưng đã đổ, gần như là kẻ ăn mày, nếu không muốn nói là thậm chí nhà tù hay lưu đày đang đe dọa anh ta, và lỗi của mọi bất hạnh này là mối tình vô biên của anh ta với em, nhưng em chẳng hề đáp lại dù chỉ một lần. Còn với đòi hỏi được nhắc đi nhắc lại của em rằng phải nói em rõ, điều gì đã xảy ra, thì cuối cùng anh ta mới trấn an em tới mức, kể lại toàn bộ những diễn biến trong Hoàng cung, với nhiều cơn bộn phát bởi tuyệt vọng và luôn phải lau mồ hôi trán.

Vua tiếp anh ta trong trạng thái rất căú kỉnh và không muốn nghe một chút gì về cuộc tranh cãi đã được hòa giải ở làng, nhưng đe dọa là sẵn sàng nghe anh ta thú nhận toàn bộ sự thật về Angulimala, và nay Satagira cũng phải sấm hối trước em, mà không hề linh cảm rằng em đã được biết kỹ về điều đó đến mức nào. Dầu sao thì qua chuyện đó anh ta chỉ thấy đấy là bằng chứng cho “tình yêu vô hạn” của anh ta đối với em. Và nhắc tới tình yêu của em với anh đơn giản là một trò mơ mộng rồ dại của tuổi trẻ, dĩ nhiên là chẳng thể dẫn đến một cái gì.

Tuy nhiên sự việc lại đến tai nhà vua bằng cách sau.

Trong khi Satagira đi vắng thì cảnh binh đã thành công trong việc tìm ra kẻ trợ giúp Angulimala mà trong cuộc hỏi cung có tra tấn thì tên này đã khẳng định rằng cái tên cướp đó

đúng là Angulimala, và khi đó, không như vị thượng thư đã quả quyết, chết bởi tra tấn, mà đã bỏ trốn được, ngay cả đến cuộc tấn công của Angulimala vào rừng Krishna hẳn cũng biết. Đức vua dĩ nhiên bức đến tột độ về việc Satagira đã để cho tên cướp ghê gớm tẩu thoát rồi sau đó đã lừa cả toàn thành Kosambi và nhà vua bằng cách treo một cái đầu giả lên. Nhà vua không muốn nghe một lời nào để bào chữa hay chỉ là lời xin lỗi. Nếu như trong ba ngày mà Satagira không vô hiệu hóa được Angulimala - như nhân dân yêu cầu điều đó - thì tất cả những hậu quả của sự thất sủng với nhà vua, anh ta phải gánh chịu đến mức cao nhất.

Sau khi Satagira kể hết chuyện đó, anh ta khóc và gieo mình lên ghế, bứt tai bứt tóc và xử sự như một thằng điên.

— Anh được an ủi rồi đó, chồng tôi ạ! - Em bảo. - Hãy theo lời khuyên của tôi, không phải ba ngày nữa, mà ngay ngày hôm nay anh phải nhận lại được sự sủng ái của nhà vua. Thậm chí không chỉ có vậy, mà điều đó còn rạng rỡ với anh hơn bất cứ lúc nào.

Satagira ngồi dậy, nhìn em hết như người ta ngắm một kỳ quan.

— Em khuyên anh cái gì đây?

— Anh hãy trở lại gặp nhà vua và thuyết phục ngài đi đến rừng Krishna trước thành phố, ở đó ngài đến ngôi đền cổ để tìm Đức Phật và hỏi Ngài lời khuyên. Những điều còn lại sẽ tự nó diễn ra.

— Em là một phụ nữ thông minh. - Satagira bảo. - Dẫu sao thì lời khuyên này cũng tốt, bởi lẽ Đức Phật đó là người thông thái nhất của loài người. Dù cho khó hy vọng có được kết quả tốt cho anh như em nghĩ, nhưng anh vẫn muốn thử.

— Việc các hệ quả chắc chắn sẽ đến, - em bảo, - điều đó em xin lấy lời danh dự ra hứa.

— Anh tin em, Vasitthi ạ. - Anh ta bảo, đứng lên rồi nắm lấy tay tôi. - Làm sao có thể không tin em được. Xin thề với Indra! Em là một phụ nữ tuyệt vời, và bây giờ anh đã thấy, anh chẳng lầm chút nào khi thời trai trẻ ngây thơ, nhưng anh đã theo một bản năng mà từ trong đám đông những cô gái xinh đẹp của thành Kosambi lại chỉ chọn lựa em và ngay khi em lạnh lùng với anh, anh vẫn không từ bỏ mối tình đó.

Sự nhiệt thành mà anh ta khen em làm em suýt nữa phải hối hận là đã cho anh ta lời khuyên giá trị như vậy. Tuy nhiên những lời tiếp đó đã trấn an em. Bởi lẽ bây giờ anh ta nói về lòng biết ơn của anh ta mà nó không bao giờ cạn, dù cho em có thử thách đến thế nào đi chăng nữa.

— Em chỉ có một yêu cầu duy nhất mà nếu anh thực hiện thì nó đã đủ minh chứng cho lòng biết ơn của anh.

— Hãy nêu lên ngay đi, - anh ta kêu lên, - và nếu em có đòi hỏi chẳng nữa việc anh phải gửi Vajira với thằng con trai về lại chỗ cha mẹ cô ta, thì anh cũng sẽ thực hiện ngay lập tức mà.

— Yêu cầu của em là một yêu cầu chính đáng, chứ không phải là không chính đáng. Nhưng em chỉ nói ra khi lời khuyên của em đã được chứng minh là đúng hoàn toàn. Nhưng hãy nhanh chóng đi đến lâu đài và cố gắng yết kiến nhà vua.

Chẳng bao lâu sau, anh ta đã trở về, rất hân hoan thấy mình đã thành công trong việc thuyết phục nhà vua thực hiện chuyến công du đó.

— Chỉ khi vua Udena biết rằng, lời khuyên đó của em, - anh ta bảo, - và em đã hứa danh dự cho sự thành công của nó, thì nhà vua mới nhượng bộ. Bởi nhà vua cũng rất tin em. Ôi, anh mới tự hào biết bao là đã có một phụ nhân như em!

Những lời như thế không thiếu trong tâm trạng tràn trề niềm tin của anh ta chỉ vốn đã làm em bối rối lắm rồi, và nếu như trong tất cả chuyện này, em không có những dự định bí mật, thì

chắc càng thêm khó chịu.

Vậy là chúng em lên đường ngay đến lâu đài, ở đây việc chuẩn bị cho chuyến đi đã được hoàn tất.

Ngay khi các tia sáng Mặt trời vừa giảm sức nóng của chúng, vua Udena bước lên con voi dành cho quốc lễ của mình, chú Bhaddavatika. Đó là một con voi đã già lắm rồi nên chỉ được gọi đến vào những dịp đại lễ. Chúng em, người giữ kho, viên quản khố và những bậc quyền thần cao cấp khác cho xe mình đi theo đoàn xe, có hai trăm kỵ sỹ mở đường và hai trăm khóa hậu.

Tại cửa rừng, nhà vua ra lệnh cho chú voi Bhaddavatika quỳ gối, rồi ngài từ trên kiệu leo xuống. Chúng em cũng lần lượt xuống xe, để xe lại và cuốc bộ theo đoàn tùy tùng đến đền Krishna mà ở đó đã có Đức Phật, được báo trước về chuyến thăm viếng của nhà vua rồi, đang cùng đám môn đồ chờ đón.

Nhà vua vui vẻ nhận lời chào kính cẩn của Đức Thế Tôn và ngồi xuống bên cạnh. Khi tất cả chúng em cũng đã yên vị, Đấng Hoàn Thiện mới hỏi:

— Kính thưa Đức vua, có chuyện gì sao? Phải chăng vua xứ Benares hay một trong số những ông vua láng giềng của ngài đã đe dọa xâm lấn nước này?

— Chẳng phải vua xứ Benares, mà cũng không có một trong số những ông vua láng giềng đe dọa ta, chỉ có điều là ở nước ta có một tên tướng cướp tên là Angulimala. Hắn dã man và khát máu, quen thói cướp bóc và giết chóc không hề biết thương tiếc cả người lẫn vật. Hắn làm cho làng mạc không còn là làng nữa, thành phố không còn ra phố nữa, và cả quốc gia cũng chẳng thành một nước nữa. Hắn giết người ta rồi cắt ngón tay cái treo trên cổ làm vật trang sức. Trong tâm khảm của hắn man rợ tới mức, hắn đã lên kế hoạch tấn công cả khu rừng linh thiêng này và bắt cóc cả Đức Thế Tôn lẫn các môn đệ. Vì sợ hãi trước hiểm họa này mà dân xứ ta ca thán ghê gớm, họ tụ tập thành những đám đông trước Hoàng cung và đòi ta phải vô hiệu hóa cái tên Angulimala này. Vậy nên bây giờ tâm trí ta chỉ còn bận bịu về chuyện đó.

— Nhưng nếu Ngài, thưa bệ hạ, lại thấy tên Angulimala với đầu cạo trọc, râu tủa nhẵn nhụi, ăn vận quần áo nhạt màu, nay đã xa lạ với thói giết người, đã bỏ được thói ăn cướp, chỉ còn dùng một bữa một ngày, đang tiết dục, trong sạch về đạo đức, tính cách đáng quý: nếu vậy thì Ngài sẽ làm gì với y?

—Ồ, nếu vậy thì thưa Ngài, chúng ta sẽ long trọng mà nghênh tiếp y, sẽ đứng lên chào y và mời y ngồi, sẽ đề nghị y chấp nhận từ chối chúng ta quần áo, thực phẩm, nơi ở và thuốc men cho trường hợp y bị ốm. Chúng ta sẽ, như thông lệ, bảo đảm an toàn, che chở và chăm sóc y. Nhưng làm sao, thưa Ngài, một người hung dữ, tàn ác lại có sự chuyển biến tư cách nhanh đến vậy?

Ngay lúc đó đã thấy cái kẻ Angulimala ấy đang ngồi không xa Đức Thế Tôn. Và Đức Thế Tôn chỉ cánh tay phải sang phía đó rồi nói với vua Udena như sau:

— Thưa bệ hạ đáng kính, đây chính là tên Angulimala đấy ạ.

Khi đó mặt nhà vua mới bệch ra vì sợ hãi. Nhưng còn mạnh hơn nhiều là nỗi kinh hoàng của Satagira. Mắt hắn như muốn lòi ra khỏi con ngươi, tóc tai dựng ngược cả lên, mồ hôi hột vã ra ướt trán.

— Than ôi, - anh ta thét lên, - đúng rồi, đấy chắc chắn là Angulimala, và chính cái kẻ khốn khổ này đã đưa vị vua của hắn đến đây, và phải chịu quyền y của y.

Khi đó thì em lại thấy rất rõ ràng, anh ta chỉ run lên vì sợ hãi như vậy, duy nhất bởi lẽ chính

bản thân anh ta đang ở trong tay kẻ thù không đội trời chung của mình.

— Cái kẻ ghê tởm này, - anh ta tiếp tục thét lên, - đã lừa lọc tất cả chúng ta. Chính Đức Thế Tôn và cả vợ ta nữa, như tất cả phụ nữ, đều rất tin vào những chuyện cải hóa. Bởi vậy nên chúng ta đã rơi vào cái bẫy này.

Cặp mắt anh ta lơ lảo nhìn quanh, cứ như đằng sau mỗi một gốc cây, anh ta lại thấy một chục tên cướp. Bằng giọng lắp bắp, với cánh tay run rẩy, anh ta thề thốt trước nhà vua, xin được chạy trốn ngay để cứu cái sinh mạng đáng quý của anh ta.

Bởi vậy em mới đi lên và nói:

— Hãy bình tĩnh đã nào, đức ông chồng em! Em hoàn toàn có thể thuyết phục được cả anh lẫn nhà vua đáng kính rằng, đây không phải là cái bẫy và chẳng có nguy hiểm gì đe dọa chúng ta cả.

Và em mới kể tại sao em đã bị Angulimala thuyết phục cùng hẳn định tổ chức tấn công chồng em như thế nào, rồi chính cuộc tấn công này lại được chặn đứng do đồng minh của em đã cải tà quy chính.

Khi Satagira nghe thấy anh ta đã đến gần cái chết như thế nào, anh ta đã ngã vào tay viên quản khổ để không ngất xỉu.

Em liền quỳ xuống mà xin vua tha cho chồng em, hết như chính em đã tha thứ cho anh ta. Bởi lẽ anh ta chỉ do nhiệt thành nên đã bị lừa mà phạm tội, và khi đó chỉ vô tình mà tuân theo một sự dẫn dắt trên cao, mà cái này thì nay lại tác động một điều kỳ diệu cao quý nhất ngay trước mắt chúng ta: Thay vì hành quyết một tên cướp, thì tên cướp đó đã trở thành một vị thánh.

Và khi nhà vua đầy trắc ẩn đã đồng ý lại dành cho chồng em tất cả mọi ưu ái, thì em mới nói với Satagira:

— Em đã giữ lời hứa của mình. Vậy thì giờ đến lượt thực hiện lời hứa của anh và chấp thuận đề nghị duy nhất của em. Đề nghị đó là anh đồng ý để em được quy đạo Phật.

Bằng cách cam lặng mà gặt đầu, Satagira đã cho em sự đồng thuận, điều mà anh ta cũng chẳng làm khác được.

Nhưng nhà vua, nay đã hoàn toàn bình thản trở lại, đi về phía Angulimala, vui vẻ và trân trọng nói với y, bảo đảm cho y sự che chở của nhà vua. Sau đó ngài lại đi đến với Đức Thế Tôn, cúi mình xuống mà rằng:

— Thật kỳ diệu thay, thưa Ngài, hãy xem Đức Thế Tôn đã quy phục kẻ không chịu khuất phục như thế nào. Bởi lẽ cái tên Angulimala này mà ta chẳng bằng hình phạt lẫn lưỡi giáo khuất phục được, thì Đức Thế Tôn lại khuất phục chẳng bằng hình phạt lẫn lưỡi giáo. Những cánh rừng kếp và bội ba linh thiêng này, nơi mà chúng ta nhận biết được một điều kỳ diệu như vậy, kể từ hôm nay sẽ thuộc về giáo phái những kẻ thánh thiện. Và Đức Thế Tôn hãy cho phép ta được bắt đầu xây dựng ở đó một khu nhà cho sư nam và một khu nhà thứ hai cho sư nữ.

Bằng lời cảm ơn đầy trọng thị, Đức Thế Tôn chấp nhận món quà quý của nhà vua. Sau đó nhà vua từ biệt, và cùng đoàn tùy tùng rời đi. Còn em thì ở lại, để ngay ngày hôm sau làm lễ tuyên thệ.

CÁCH NGÔN GIẢN ĐƠN

Bây giờ em đã là sư nữ, và mỗi sáng sớm em mang bát xin ăn đến Kosambi. Ở đó em đi từ nhà này sang nhà khác để người ta đổ cho đầy - mặc dầu Satagira chính ra rất muốn em bỏ việc đi xin ăn này.

Một ngày kia, em đến cửa lâu đài của ông ta, bởi lẽ những sư nữ già nhất có khuyên em cũng nên qua cả sự thử thách này. Khi đó Satagira vừa đi tới cổng, nhưng ngại ngừng tránh em và buồn bã che mặt mình. Ngay sau đó viên quản gia đến và khóc lóc van xin em đồng ý để mọi thứ mà em cần hàng ngày sẽ được gửi đến. Tuy nhiên em trả lời là em coi trọng việc tuân thủ những quy định của giáo phái.

Sau khi em đi xin ăn như vậy trở về, và ăn hết phần xin được, qua đó giải quyết xong việc ăn uống rất đậm bạc cho cả ngày, thì em được một trong số các sư nữ già dạy, buổi tối trong cuộc họp, em nghe lời giảng của Đức Thế Tôn hay của một môn đồ lớn tuổi, chẳng hạn Sariputta hay Ananda. Tuy nhiên sau đó xảy ra sự kiện là, liên tục hết sư nữ này đến tìm sư nữ khác: "Hiền muội ạ, rừng Sinsapa hấp dẫn lắm, đêm trăng mới tuyệt vời làm sao, cây cối trổ đầy hoa, hương thơm trời đất thoang thoảng khắp nơi, người ta nói vậy. Tiếp đi thôi, chúng ta hãy tìm hiền muội Sumedha đi. Cô ấy là người biết gìn giữ ngôn từ, là bề hiểu biết. Bài nói của cô ấy chắc sẽ làm cho rừng Sinsapa lộng lẫy gấp đôi". Và chúng em trải qua phần lớn đêm đó bằng những cuộc tọa đàm với nhiều suy tư. Cuộc sống ở thiên nhiên hoang dã như thế này, hoạt động tư duy liên tục và trao đổi tư tưởng sôi nổi, qua đó chẳng còn có thời gian cho những áp ủ suy nghĩ tầm tối về đau buồn của bản thân hay những mơ mộng vớ vẩn, cuối cùng là sự nâng cao và gạn lọc tâm trạng thông qua sức mạnh của sự thật - tất cả những điều đó bồi bổ tối đa cho thể xác và tâm hồn. Một cuộc sống mới, đáng quý hơn mở ra trước mặt em, và em thưởng ngoạn một hạnh phúc thanh thản, sáng sủa mà trước đó vài tuần, em còn không dám ước mơ tới.

Khi mùa mưa tới, ngôi nhà sư nữ đã xong, với gian phòng thoáng dang để tụ họp chung và những gian nhỏ cho từng người. Chồng em và một số nhà giàu khác là họ hàng của đám sư nữ chẳng bỏ lỡ cơ hội trang bị cho chỗ ở chung này của chúng em bằng chiếu, đệm, thảm, giường ghế. Vậy nên chúng em khá đầy đủ mọi thứ, những thứ thuộc về một cuộc sống dễ chịu và nếu phong phú thì càng quý. Vậy là thời gian tù túng này rồi cũng qua, với sự thường xuyên trao đổi trò chuyện về những vấn đề tôn giáo và suy nghĩ bản thân và đào sâu tư tưởng. Tối đến chúng em, một khi thời tiết cho phép, đến gian phòng lớn dành cho sư nam để nghe sư phụ giảng hay đôi khi Đức Thế Tôn hay một trong số những môn đồ lớn tuổi cũng đến chỗ chúng em.

Nhưng khi cánh rừng mà sư phụ khen ngợi nhiều như vậy, tươi mát và trẻ lại, chào đón chúng em bằng sự phong phú gấp ngàn lần về mầm non và hoa thơm, mời chúng em đến nghỉ ngơi về tư duy và họp hành chung dưới tán lá tự do của nó, thì có tin gây rầu rĩ là Đức Thế Tôn đang chuẩn bị đi hành hương đến những tỉnh miền Đông. Nhưng dĩ nhiên là chúng em chẳng có quyền hy vọng rằng Ngài luôn dừng lại ở Kosambi. Chúng em cũng biết rằng sẽ rất sai, nếu ca thán về những điều không tránh khỏi, và chúng em sẽ không xứng với sư phụ, nếu như chúng em để cho sự buồn chán xâm chiếm. Bởi vậy cuối buổi chiều, chúng em thanh thản và bình tĩnh đến đền Krishna để lần cuối lắng nghe được nhiều lời Đức Phật, và chia tay Ngài.

Đứng trên thềm, Đức Thế Tôn nói về sự diệt của mọi sự sinh, về sự tan biến của tất cả mọi thứ đã được hợp, về sự thoáng qua của mọi hiện tượng, về tính không có bản chất tối hậu của mọi hình tượng. Rồi sau khi Ngài đã cho thấy rằng, không có nơi nào ở thế giới này hay thế

giới nào khác, dù có muốn đi thật xa cũng vậy, không có nơi nào về không gian và thời gian mà có thể tìm thấy một chốn chắc chắn, một nơi trú ẩn ổn định, Ngài mới nói tới cái từ mà đúng ra nên gọi là “mang tính nghiền nát thế giới”, và bây giờ nó đang trở thành-hiện-thực-xung-quanh-chúng-ta: “Cuộc sống len lỏi cho đến tận trời cao nhất đầy ánh sáng, rồi lại tan rã. Các con có biết không, ngay cả sự vinh hoa của một thế giới Brahma rồi cũng hoàn toàn tắt đi”.

Một trong số các môn đồ có nói với chúng em, các sư nữ rằng sau buổi nói, từng người chúng em phải đến Đức Thế Tôn để chào từ biệt Ngài và nhận lời giáo huấn của Ngài cho việc cố gắng phấn đấu sau này của chúng em. Bởi lẽ em thuộc một trong số những người trẻ nhất và chủ tâm tự kiểm chế nên đã đạt được là người cuối cùng gặp Ngài. Bởi em không cho phép ai là người sau em còn được nói với Đức Thế Tôn, và còn tự bảo, qua đó em có được một cuộc trao đổi thanh thản hơn, dài hơn là nếu sau em còn có người đợi. Sau khi em cúi chào một cách thành kính, Đức Thế Tôn nhìn em bằng cái nhìn khai sáng em đến tận nơi sâu thẳm nhất, rồi bảo:

— Với con, Vasitthi, ta cho con ở ngưỡng chốn linh thiêng đang tàn tạ này của vị hôn phu mười sáu ngàn một trăm lần[21] để dưới mái lá của rừng Sinsapa mà ngẫm nhớ đến ta và suy nghĩ sự việc tới cùng. Từ mái lá này con lấy một chiếc đeo trước tim để có bóng nó trong tim - với cách ngôn sau đây: “Ở bất cứ đâu có ái tình, thì ở đó cũng có khổ đau”.

— Đây là tất cả? - Em ngớ ngẩn hỏi vậy.

— Tất cả và đủ.

— Thừa Ngài, vậy nếu khi con kết thúc câu cách ngôn, sau khi con đã nhập tâm hoàn toàn ý nghĩa của nó, con được phép hành hương đến gặp Đức Thế Tôn để nhận được một cách ngôn mới?

— Điều đó là cho phép, một khi con còn có nhu cầu phải hỏi Đức Thế Tôn.

— Tại sao con lại không có nhu cầu đó? Một khi Ngài là nơi trú ẩn của chúng con.

— Hãy lấy nơi trú ẩn cho chính con, lấy chỗ trú ẩn làm thành học thuyết!

— Con muốn điều đó. Nhưng chính Ngài là cái bản ngã của các môn đồ, là học thuyết sống động. Và chính Ngài cũng có nói: Không cho phép.

— Nếu như con đường không làm cho con mệt mỏi.

— Không có con đường nào làm cho con mệt mỏi được.

— Đường xa đấy, Vasitthi ạ! Xa hơn con tưởng, hơn tư duy con người có thể phác họa ra.

— Và dù cho con đường có đi qua cả ngàn cuộc đời chẳng nữa, qua hàng ngàn vũ trụ chẳng nữa: Không có con đường nào làm cho con mệt mỏi được.

— Được rồi, Vasitthi ạ! Từ biệt nhé, và hãy luôn nhớ tới lời mình.

Vào lúc này thì nhà vua cùng với đoàn tùy tùng lớn tiến đến gần để từ biệt Đức Thế Tôn.

Em rút về phía hàng sau cùng, từ nơi đó, em là nhân chứng khá là lơ đãng về những diễn biến tiếp theo của buổi tối cuối cùng này. Bởi lẽ em không phủ nhận rằng, em có hơi thất vọng về cái câu cách ngôn giản đơn mà Đức Thế Tôn đã ban cho em. Dù sao vẫn có nhiều sư nữ nhận được những câu cách ngôn khó hơn nhiều từ Đức Thế Tôn để xử lý về mặt trí tuệ: người này thì câu cách ngôn về sự hình thành từ nguyên nhân, người khác thì về cái không phải là bản ngã, người thứ ba về tính thoáng qua của các hiện tượng. Vậy nên em coi là mình vừa bị một cú xúc phạm, điều này làm em vô cùng rầu rĩ. Nhưng khi tiếp tục suy ngẫm thì em đi đến giả thiết rằng, có lẽ Đức Thế Tôn nhận thấy nơi em việc hơi tự đề cao mình, và bằng cách này muốn

giảm bớt nó đi. Bởi vậy em quyết định phải luôn cảnh giác để không qua sự phù phiếm và tự thỏa mãn mình mà bị cản trở trong sự tiến bộ trí tuệ của mình. Chẳng bao lâu sau, em đã có thể tự hào rằng, đã kết thúc với cách ngôn, và được phép tự mình đến lấy một cách ngôn mới từ chính miệng Đức Thế Tôn.

Với sự vững tin này, sáng sớm hôm sau em thấy Đức Phật bắt đầu đi hành hương với rất nhiều môn đồ - trong số này dĩ nhiên có cả Ananda, người đang chờ sự phụ và luôn quan tâm tới Ngài, và cũng là người luôn đối xử với em theo cách dịu dàng, và hết sức có thiện ý, đến mức em có cảm giác là, em sẽ rất thiếu vắng ông và cái nhìn luôn mang tính động viên của ông, thậm chí hơn cả ngài Sariputta thông thái, người trong nhiều điểm nan giải đã giúp em nhiều bởi những giải thích đi vào tiểu tiết sâu sắc. Nay thì em bị phó mặc với chính nội lực của mình.

Khi em trở về từ chuyến đi xin ăn và xong bữa, em đi tìm một cái cây rất đẹp nằm giữa một thảm cỏ xanh rờn trong rừng – bức tranh nguyên thủy thật sự về "những cây vĩ đại, làm thoát tiếng ồn" mà người ta hay bảo rằng, nếu con người ngồi ở đó thì có thể suy nghĩ được.

Vậy là em làm điều đó, bằng cách nghiêm túc tiến hành mổ xẻ câu cách ngôn của mình. Khi tối đến, em về phòng họp thì em mang theo, như chiến lợi phẩm của một ngày miệt mài làm việc, một sự bất an nội tâm với chính mình và một linh cảm mơ hồ rằng có thể có một tình huống nào đó xảy ra với câu cách ngôn này. Nhưng tối hôm sau, khi em từ sự thanh bình trong tư duy trở về, thì em đã biết chính xác Đức Thế Tôn muốn nói gì khi Ngài trao cho em câu cách ngôn này.

Em đã từng tin rằng, em đang ở trên con đường đúng đắn đi đến sự thanh bình hoàn hảo và đã bỏ rất xa phía sau mỗi tình của mình, với những sự hồi hộp đam mê của nó. Nhưng cái người thấu hiểu tâm địa không ai so sánh được đó thậm chí đã thấy được rằng, em chưa vượt qua được mỗi tình của mình, mà nó chỉ bị cái ảnh hưởng mạnh mẽ của cuộc sống mới xua đuổi mà thôi. Và nó đã rút về một góc sâu kín nhất để rình mò ở đó, chờ thời cơ mà thôi. Vậy Ngài muốn là, qua việc em hướng sự chú ý về mỗi tình đó, sẽ nhử nó ra từ chốn ẩn náu của nó, để sau đó vượt qua được nó.

Dĩ nhiên nó cũng bước ra, nhưng với sức mạnh khủng khiếp, tới mức lập tức em rơi ngay vào một cuộc tranh đấu nội tâm và nhận ra ngay là, em không được ai dành cho một thắng lợi dễ dàng.

Cái tin đáng ngạc nhiên rằng, khi đó người yêu của em không bị giết chết và có nhiều khả năng nhất là vẫn đang cùng em hít thở cái không khí trong lành này trên Trái đất, dĩ nhiên đến giờ đã có hơn nửa năm rồi. Nhưng khi qua hiện tượng trên sân thượng, cái nhận biết kia mới bất chợt xuất hiện nơi em, thì nó lại bị những đợt sóng cảm xúc như bão tố mà tự chúng gây kích động, tràn ngập và gần như chìm ngụp giữa vòng xoáy của chúng. Cảm giác cảm tức, ý nghĩ trả thù, nung nấu những kế hoạch có tính tội ác lần lượt xoay vần trong một vòng quay ma quỷ - khi đó thì sự hồi cải của Angulimala đến, ấn tượng mãnh liệt của Đức Phật, cuộc sống mới, bình minh của một thế giới mới, hoàn toàn không thể tưởng tượng ra được mà những yếu tố của nó bao hàm sự hủy diệt mọi yếu tố của thế giới cũ. Nhưng bây giờ thì cơn bão tố đầu tiên của cái mới đã qua đi, sự phụ vĩ đại của ảo thuật thánh thiện này đã biến mất khỏi tầm nhìn của em, và em cô độc ngồi đó, tầm nhìn của em phóng về tình yêu - tình yêu của em. Khi đó lại xuất hiện rõ rệt cái thông tin đó, và một sự khao khát vô hạn về người yêu xa vời, nhưng đang còn sống, xâm chiếm em. Nhưng liệu chàng thực sự còn sống không? Và liệu chàng còn yêu em nữa không?

Những câu hỏi như thế càng kích động nỗi nhớ nhung của em nhiều hơn qua sự không chắc chắn đến khủng khiếp của nó, nên việc vượt qua tình yêu của em, việc nhập tâm câu cách ngôn

đó, không tiến triển được. Em luôn luôn nghĩ về tình yêu và sự đau khổ.

Những cuộc tranh đấu nội tâm càng ngày càng vô vọng này của em không qua mặt được các sư nữ khác. Em nghe thấy rõ họ nói thế nào về em: “Vasitthi, cái cô vợ trước của thượng thư mà chính cái ông Sariputta nghiêm khắc kia cũng phải thường xuyên khen ngợi về sự thấu hiểu những điểm nan giải trong học thuyết, thì nay cô ấy lại không xong được với câu cách ngôn đơn giản của mình”.

Qua đó em càng mất tinh thần hơn. Ngượng ngùng và tuyệt vọng hoàn toàn xâm chiếm em, cuối cùng em tin rằng, em không thể chịu đựng được trạng thái này nữa.

SƯ NỮ ỒM

Trong thời gian này, hàng tuần có một trong số những sư nam sang bên bọn em và giảng cho chúng em về học thuyết. Khi đến lượt Angulimala, thì em không tới phòng họp, mà nằm ở lại phòng mình và đề nghị một sư nữ đến nói với Angulimala: “Sư nữ Vasitthi, thưa ngài, đang ốm nặng phải nằm lại phòng và không đến họp được. Vậy xin ngài quá bộ, sau buổi học đến phòng cô ta để giảng đạo cho cả Vasitthi, sư nữ đang ốm”.

Và sau buổi học Angulimala đáng kính đến phòng em, kính cẩn chào em và ngồi xuống cạnh giường.

— Xin xem đây, hiền huynh - em bảo, - điều mà không ai được nói: một sư nữ ốm bởi yêu đương, và ở cái bệnh này của tôi thì chính anh, hiền huynh, cũng có lỗi. Bởi lẽ anh đã cướp đi mất đối tượng mối tình của tôi. Tuy anh đã đưa tôi đến vị thầy thuốc giỏi này, và vị ấy chữa được mọi bệnh ở đời. Thế nhưng tài chữa bệnh của Ngài nay chẳng có tác dụng gì đến tôi nữa. Vì vô cùng uyên bác nên Ngài nhận biết ngay điều này và cho tôi một vị thuốc để đưa chất gây bệnh từ từ ra khỏi người bằng một cơn sốt. Vậy nên bây giờ anh thấy cơn sốt nhớ nhưng đang bùng cháy nơi tôi. Và giờ tôi muốn nhắc anh về một lời hứa mà anh đã trao cho tôi một thời, chính là vào đêm mà anh muốn lôi kéo tôi vào tội phạm, và việc thực thi nó bị sự can thiệp của Đức Thế Tôn phá hỏng. Khi đó hiền huynh có nói với tôi là hiền huynh đi Ujjeni và sẽ báo cho tôi những tin tức đáng tin cậy về Kamanita, liệu chàng còn sống không, và liệu chàng có khỏe không. Điều mà trước đây kẻ cướp đã hứa với tôi, thì nay tôi đòi hỏi ở kẻ tu hành. Bởi lẽ điều tôi cần biết rằng, liệu Kamanita có còn sống không, và nếu sống thì cuộc sống thế nào, đã là một nhu cầu cấp bách tới mức, nếu nó không được thỏa mãn, thì đầu óc tôi chẳng còn để cho một ý nghĩ hay một cảm giác nào khác. Bởi vậy mà tôi chẳng thể thực hiện được một bước dù nhỏ nhất để tiếp tục đi trên con đường giải thoát của chúng ta. Vì thế mà hiền huynh phải làm điều đó cho tôi, và trấn an cho tinh thần tôi bởi bất kỳ một tin tức xác thực nào.

— Như cô, hiền muội Vasitthi, yêu cầu tôi. - Y nói, cúi xuống, rồi đi ra phía cửa.

Tiếp đó y về lại phòng mình để lấy cái bát xin ăn. Rồi ngay lập tức, lên đường để đi tới rừng Sinsapa. Nói chung, người ta đều tin rằng, y đã hành hương theo Đức Thế Tôn. Chỉ có tôi mới biết mục đích thực chuyển đi này của y.

Sau bước đi này, em thực sự cảm thấy mình đã thanh thản hơn, tuy nhiên em bắt đầu nghi vấn, liệu lẽ ra, em có phải gửi kèm một lời hỏi thăm, hay một thông tin cho người mình yêu hay không. Nhưng em có cảm giác là điều đó không thích hợp, và cũng chẳng thánh thiện. Không thể bằng cách như thế để dùng một tu sĩ làm kẻ trung gian cho ái tình, trong khi y vẫn có thể rất thích hợp với việc đi tới một thành phố ở xa, và báo cáo về là y thấy gì ở đó. Và y cũng có thể là một thứ hoàn toàn khác - em tự nhủ như vậy với hy vọng ngầm - nếu như y, dù không được lệnh nhưng lại làm theo suy đoán của chính y mà quyết định nói với người yêu của em về em.

“Tự tôi sẽ tới Ujjeni, và sẽ đưa anh ấy về đây, khỏe mạnh và an toàn” - những lời này luôn vang lên trong tâm khảm sâu thẳm nhất nơi em. Liệu kẻ tu hành có thực hiện lời hứa của kẻ cướp chẳng? Tại sao lại không, khi y tự thấy rằng, điều cần thiết đối với cả hai chúng ta là thấy được nhau và nói chuyện với nhau?

Và như vậy là có một ý nghĩ mới, ý nghĩ mới này được một tia hy vọng le lói, vô hình rọi sáng, trước tiên làm em lóa mắt và bối rối. Nếu như người mà em yêu quay về thì sao - điều gì ngăn cản em ly khai với đạo để trở thành vợ chàng?

Khi câu hỏi này xuất hiện, mặt em bừng cháy bỏng. Em bất giác phải lấy tay che mặt sợ có người đang quan sát mình. Một hành vi như vậy sẽ chịu một sự giải thích sai, đáng ghét tới mức nào đây? Liệu người ta có thấy nó như là em chỉ lấy đạo của Đức Phật làm một cái cầu nối để chuyển từ hôn nhân không có tình yêu thành một hôn nhân có tình? Chắc chắn là có nhiều người giải thích theo cách đó. Nhưng cuối cùng thì, liệu phán xét của người khác có ích gì với em? Và liệu có hay hơn rất nhiều không, nếu em vẫn giữ nguyên là một phụ nữ ngoan đạo tu tại gia, trung thành với Phật giáo, thay vì là một sư nữ đi tu mà trái tim vẫn nằm bên ngoài Phật giáo.

Vậy nếu như Angulimala chỉ mang về cho em tin rằng, Kamanita của em vẫn còn sống, và em suy ra từ cái cách mô tả cuộc gặp của hai người rằng, người em yêu vẫn trung thành, vẫn khao khát nhớ em. Khi đó thì em sẽ tự hành hương tới Ujjeni. Và em tự họa ra cái cảnh khi một sớm kia, với tư cách một nữ tu sĩ hành hương, em sẽ đứng trước cửa nhà anh, khi anh tự tay xúc cơm vào bát xin ăn cho em, và khi đó sẽ nhận được ra em - rồi nổi vui khôn xiết của chúng ta khi chúng ta hội ngộ.

Dĩ nhiên, chuyến hành hương tới Ujjeni là rất xa, và đi hành hương một mình là không thích hợp với một nữ tu hành. Nhưng em cũng chẳng cần phải mất nhiều thời gian mới tìm được một người đồng hành. Chính vào lúc này, Somadatta đã đi đến kết cục buồn. Nỗi đam mê của hắc cho con xúc xắc bắt hạnh luôn thắng thế, và sau khi hắc nướng toàn bộ gia sản của mình vào trò đỏ đen, hắc đã tự vẫn trên dòng Ganga. Medini bị chấn động sâu sắc đã quy đạo. Có lẽ ít hơn là cuộc sống tôn giáo với sự tôn nghiêm khắc khổ và mục đích cao thượng, mà nhiều hơn là do nhu cầu được gần bên em, đã dùng sức hút không gì cưỡng nổi kéo chị tới khu rừng thánh thiện này. Bởi lẽ trái tim trẻ thơ của chị luôn hướng về em với một sự trung thành rất cảm động. Cũng vậy mà em chẳng hề nghi ngờ sự đồng thuận của chị, một khi em ngỏ với chị dự định của em muốn chị cùng em tới Ujjeni, hay thậm chí nếu cần, cùng đi với em tới tận cùng thế giới. Ngay bây giờ việc chị ở bên em đã khích lệ em rất nhiều, hết như ngược lại bằng những lời an ủi chân thành về việc mất chồng, em cũng đã giảm thiểu nhiều đau đớn cho chị.

Khi thời điểm Angulimala phải trở về đã đến, hàng chiều em luôn đi tới ven rừng phía Tây Nam, và ngồi xuống dưới một gốc cây rợp bóng mát và ở độ cao đủ lớn để từ đó em có thể quan sát từ xa con đường mà trên đó y phải đến. Em tự suy đoán lẽ ra khoảng đến tối thì y sẽ tới đích.

Cả một tuần em canh chờ một cách vô ích ở đó, và em luôn tự nhủ, dù mất một tháng, em cũng vẫn chờ. Tuy nhiên tới ngày thứ tám, khi vầng dương đã xuống thấp tới mức em phải lấy tay che mắt, thì từ xa em đã phải để ý tới một bóng người tiến dần tới rừng. Chẳng bao lâu đã nhận ra màu vàng rực sáng của chiếc áo choàng, rồi khi cái bóng đó vượt qua một người thợ rừng đang trên đường về nhà, thì đã là một người cực kỳ cao, tới mức bất thường. Thực vậy, đó là Angulimala - đơn độc. Y không mang theo Kamanita của em “khỏe mạnh và an toàn” về - điều đó là sao? Nếu như y chỉ có thể bảo đảm với em rằng, người em yêu vẫn còn sống, thì em cũng sẽ tự tìm con đường đến với chàng.

Trái tim em đập mạnh khi thấy Angulimala đứng trước mình và chào bằng cử chỉ lịch thiệp.

— Kamanita đang sống rất sung túc tại thành phố quê hương, - y bảo, - đích thân tôi đã thấy và nói chuyện với anh ta.

Và y kể cho em nghe chuyện, khi một ngày kia y đến ngôi nhà giống như lâu đài của anh như thế nào, rồi hai vợ của anh nhieếc mắng y thô bạo ra sao, rồi anh tự mình can thiệp như thế nào, đuổi hai con vợ ác hiểm về nhà và xin lỗi và tiếp chuyện y vui vẻ ra sao.

Sau khi đã tử mỉ báo cáo, y cúi mình xuống trước mặt em, cuốn lại chiếc áo choàng lên vai và

quay lại, hết như y muốn đi tiếp theo hướng đó chứ không về rừng.

Em ngạc nhiên hỏi, liệu y có đi tới phòng họp của các môn đồ không.

— Tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ cô giao. - Y trả lời. - Bây giờ chẳng còn có gì cản tôi đi theo con đường về hướng Đông, theo chân của Đức Thế Tôn, tới Benares và Rajagaha, ở đó tôi sẽ gặp Ngài.

Khi nói như vậy thì người đàn ông cao lớn này, bằng những bước dài bước tiếp theo rìa rừng, mà không ban phát cho mình dù chỉ một chút xíu nghỉ ngơi. Em trân trân nhìn theo y rất lâu, thấy vàng dương lặn kéo dài bóng y tới trước cho đến tận ven đồi ở chân trời, thậm chí còn dài hơn thế, cứ như nổi khát khao đi trước y một cách mãnh liệt, trong khi em chôn chân ở lại như người què, hoàn toàn chẳng có một cái đích nhưng nhớ nào, cho bất cứ một hy vọng tình ái nào.

Trái tim em đã chết, giấc mơ của em đã tan biến mất rồi. Từ ngiệp ngã của kẻ tu hành: “Cuộc sống gia đình là một góc ô nhiễm” luôn vang lên trong tâm hồn cô tịch của em. Trên cái sân hiên tuyệt vời nào đó của những cây vô tư, dưới bầu trời lồng lộng, đầy sao lấp lánh và ánh trăng lan tỏa, đó là chốn thân thuộc tình yêu của em. Làm sao cái kẻ điên khùng như em có thể nghĩ rằng, có thể gửi nó đi xin ăn đến một cuộc sống gia đình với đầy những góc ô nhiễm ở Ujjeni, để cho những con mụ đàn bà đang cãi vã nhau phải sùi bọt mép ra mà chửi rửa nó?

Khó nhọc lắm em mới lết về được phòng mình để đổ xuống rồi nằm dài trên cái giường bệnh của mình. Cú hủy diệt bất chợt những hy vọng được kích động mãnh liệt của em là quá mạnh cho sức đề kháng đã bị những xung đột trong tâm trí kéo dài hàng tháng nay làm cho cạn kiệt. Medini chăm sóc em ngày đêm với sự hy sinh bản thân không gì sánh nổi. Tuy nhiên một khi tinh thần em, nhờ sự điều dưỡng của chị, phần nào vượt lên được những đau đớn và những cơn sốt, thì kế hoạch hành hương lại được hoàn thiện theo một hướng mới. Không phải em muốn hành hương theo hướng mà em đã gửi Angulimala tới, mà theo cái đích mà bây giờ chính y đang đi tới: Em muốn đi theo dấu chân của Đức Thế Tôn, cho tới khi em gặp được Ngài.

Liệu em đã kết thúc được câu cách ngôn của em hay chưa? Thực ra, từ chốn sâu thẳm nhất bây giờ em đã biết được, đau khổ để ra từ ái tình như thế nào. Và vì vậy em cũng được phép, em tự nhủ vậy, đi tìm Đức Phật để từ sức mạnh của một vị thánh mà tái sinh, để có thể cố gắng tiếp tục vươn tới cái đích cao thượng nhất. Em cũng tin cậy nói dự định này của mình cho Medini đáng yêu, và chị tức thì tiếp nhận với sự nhiệt thành rực lửa những ý nghĩ không ai ngờ được này, rồi vẽ nên trong tâm hồn ngây thơ của chị bức tranh tuyệt đẹp đến mức nào khi chị có thể cùng em lướt qua những mảnh đất huyền diệu, tự do hết như những chú chim trên không trung, khi thời kỳ di cư gọi chúng bay tới các miền xa lạ ở chân trời.

Dĩ nhiên tạm thời chúng em phải kiên nhẫn chờ đợi đã, cho đến khi em hồi phục được ít nhiều. Và khi điều đó tạm đạt được, thì mùa mưa ập đến lại đưa chúng em vào một cuộc thử thách nghị lực dài lâu hơn. Trong bài nói cuối cùng của Đức Thế Tôn, Ngài kêu gọi chúng ta:

“Hết như vào tháng cuối của mùa mưa, vào dịp cuối thu, sau khi đã phân tán và xua đuổi hết những đám mây trĩu nặng hơi nước đi, vàng dương ló lên trên bầu trời và không khí đánh tan tất cả những sương mù để trời bừng sáng và rực lửa: hết như vậy cũng đối với các môn đồ là lối sống, nó sẽ mang đến hạnh phúc hiện tại và tương lai, và rực sáng, nó xua tan những lời bẻm mép của những kẻ sám hối và tu hành tầm thường, và nó bừng sáng và rực lửa”.

Khi xung quanh chúng em, thiên nhiên thực thi cái bức tranh này, thì chúng em đang rời khỏi rừng Krishna ngay trước Kosambi, và lái những bước chân của mình theo hướng Đông, chúng em đi nhanh để tới vàng dương của lối sống thánh thiện.

CÔI NIẾT BÀN CỦA ĐẮNG HOÀN THIỆN

Sức khỏe của em suy sụp tới mức không cho phép em hàng ngày thực hiện những chuyến đi bộ xa, và đôi khi bắt em phải nghỉ một ngày. Cho nên sau chuyến hành hương một tháng, chúng em chỉ mới tới Veseli. Ở đây chúng em được biết rằng, Đức Thế Tôn đã ở đó khá lâu, nhưng sau tuần trước, Ngài lại tiếp tục lên đường thực hiện chuyến hành hương.

Trước đó ít lâu, ở làng có một người theo giáo phái sinh sống, chúng em được nghe thấy rằng, Sariputta và Moggallana đã đi vào Côi Niết Bàn. Ý nghĩ rằng hai đại sư này, hai vị giáo chủ của giáo phái, không còn ở cõi trần thế nữa, đã gây chấn động lớn nơi em. Dầu cho tất cả chúng em đều biết rằng những vĩ nhân này, thậm chí cả Đức Phật nữa, cũng đều là con người như tất cả chúng ta. Nhưng ý nghĩ rằng, họ có thể bỏ chúng ta mà ra đi, chưa bao giờ đến với chúng ta. Sariputta, người luôn giải đáp cho em những câu hỏi khó của giáo phái bằng cách chậm rãi của Ngài, vậy là đã đi khỏi đây rồi. Vị này là một sư tăng trông ngoài rất giống sư phụ. Và vị này, cũng như Đức Thế Tôn, đang vào tuổi tám mươi. Vậy phải chăng ngay chính Đức Phật cũng đang đi gần đến đoạn kết cuộc sống trần tục của Ngài?

Có lẽ là sự bất an xuất hiện bởi nỗi lo sợ này lại gây nên một cơn địa chấn dài cho trạng thái sốt nóng ở em. Dầu sao em cũng về đến Veseli một mỏi và ốm đau, ở đây có một nữ môn đồ giàu có của giáo phái, bà này hết sức cố gắng bằng mọi cách chăm lo cho các nam nữ tu hành hành hương đi qua đây, bà ta vội vã đi tìm em, đưa Medini và em về nhà bà ấy và chăm lo rất cẩn thận.

Chẳng bao lâu sau, em mới nói với bà ta về nỗi lo của mình: Liệu có thể xảy ra không điều này: Đức Thế Tôn, đã già hệt như Sariputta, cũng sắp chia tay chúng ta?

Vậy là linh hồn sùng đạo đó nức nở, nước mắt tuôn trào như suối:

— Giời ơi! Vậy là chị vẫn chưa biết hả? Ở Veseli này, có lẽ quãng hai tháng nay, người được Thánh Ban Phước đó đã tiên đoán rằng, ba tháng nữa, Ngài sẽ lên Côi Niết Bàn. Tất cả chúng tôi đã nhìn thấy Ngài lần cuối cùng ở đây. Và người ta phải suy ngẫm: Chỉ cần Ananda đủ hiểu biết và nói đúng lúc, thì điều đó đã chẳng bao giờ xảy ra, và Đức Phật sẽ sống mãi cho tới khi kết thúc kiếp này của thế giới!

Em mới hỏi, liệu Ananda thánh thiện có liên quan gì tới điều đó, và bằng cách nào y đáng bị với một lời quở trách như vậy.

— Bằng cách này, - bà ta trả lời, - một ngày kia, Đức Thế Tôn cùng với Ananda tới đền Capala ở ngoại vi thành phố. Khi đó người được Thánh Ban Phước mới bảo: Dù ai chẳng nữa đã hoàn thiện được những trí lực ở mình, thì người đó, nếu như y muốn, sẽ sống được toàn bộ một kiếp của thế giới. Ôi, tại sao cái lão Ananda ngớ ngẩn đó, mặc dầu đã nhận được dấu hiệu rõ ràng như vậy, đã không nói ngay: Mong sao Đức Thế Tôn sẽ sống trọn cả một kiếp của thế giới nhằm cứu rỗi cho chúng sinh! Chắc chắn là linh hồn y đã bán cho Mara kẻ ác, bởi lẽ y chỉ nêu lên lời cầu khẩn khi đã là quá muộn!

— Làm sao mà có thể muộn được, - em mới hỏi, - khi mà Đức Thế Tôn vẫn đang còn sống?

— Điều đó là như sau: Chị phải biết rằng, trước đây năm mươi năm, khi tại Uruvela Đức Thế Tôn đã tiếp thu được toàn bộ kiến thức Phật giáo, và sau bảy năm bèn bĩ phần đầu để thưởng ngoạn sự thanh thản tâm hồn thánh thiện, đang nghỉ ngơi dưới cây Nyagrodha của người chăn dê; thì bỗng nhiên có Mara kẻ ác tiến đến gần Ngài, bởi lẽ rất lo lắng vì nguy cơ vương quốc của y sẽ bị Đức Phật đe dọa; và với hy vọng có thể ngăn cản được sự phổ biến Giáo lý, đã nói: "Thần thánh cho mi! Đã đến lúc Đức Thế Tôn phải đi về Côi Niết Bàn!". Nhưng Đức Phật trả lời: "Kẻ ác

kia, ta sẽ không đi về Cõi Niết Bàn một khi chưa truyền được Giáo lý cho loài người; một khi chưa thu nạp được những môn đồ có khả năng bảo vệ được Giáo lý này trước những sự tấn công, và tiếp tục truyền bá nó. Chỉ khi đó, kẻ ác kia, ta mới đi về Cõi Niết Bàn, khi vương quốc của Sự thật được thiết lập một cách vững chãi!".

Tuy nhiên sau khi ở đây tại Thánh địa Capala, Đức Thế Tôn, như tôi đã bảo chị, nói với Ananda và vị này, chẳng cho một dấu hiệu gì là hiểu, bỏ đi, thì Mara kẻ ác đã tiến tới gần Đức Thế Tôn và bảo Ngài: "Thánh thần cứu Ngài! Với Đức Thế Tôn, bây giờ thời điểm đã đến để đi về Cõi Niết Bàn. Cái khi đó tại Uruvela dưới cây Nyagrodha của người chăn dê Đức Thế Tôn đã nói với tôi như là điều kiện để Ngài về với Cõi Niết Bàn, thì bây giờ đã hoàn tất. Vương quốc Sự thật đã được thiết lập một cách vững chãi. Vậy nên bây giờ là lúc Đức Thế Tôn phải về Cõi Niết Bàn!". Khi đó, Đức Phật mới nói với Mara kẻ ác như sau: "Hãy đừng lo lắng chi, hỡi kẻ ác kia! Cõi Niết Bàn của Đấng Hoàn Thiện sắp xảy ra. Sau ba tháng kể từ giờ thì Đấng Hoàn Thiện sẽ về Cõi Niết Bàn". Tuy nhiên khi lời này vang lên thì Trái đất chuyển rung, như chính bản thân chị cũng đã cảm nhận được.

Thực vậy, ở Kosambi, khoảng một tháng trước khi em lại rời rừng thiêng, đã cảm thấy một trận động đất nhỏ, điều mà em cũng đã nói với bà ấy.

— Thấy chưa! - Bà ta kêu lên, đầy kích động. - Ở đâu thì người ta cũng cảm thấy nó. Toàn bộ Trái đất rung chuyển, những cái trống của thần linh vang rền, khi Đấng Hoàn Thiện chối từ được sống lâu hơn. Ui dào, nếu như cái lão Ananda ngớ ngẩn đó, mặc dầu đã kịp thời hiểu được tín hiệu phát đi rõ ràng như vậy! Bởi vì sau khi y, trong buổi thiền bị trận động đất trên đánh thức, đã quay trở về với Đức Thế Tôn và đề nghị Ngài hãy ở lại trần thế ở phần còn lại này của một kiếp thế giới: khi đó thì Đấng Hoàn Thiện đã trao lời mình cho Mara và chối từ thời gian sống lâu hơn.

Từ những lời nói của người đàn bà sùng đạo nhưng hơi mê tín này em suy ra rằng, trong khoảng thời gian khi ở tại Veseli, Đức Thế Tôn đã cảm thấy những dấu hiệu của cái chết đang đến gần và chắc có nói cho những môn đồ biết rằng, Ngài sắp chết.

Bởi vậy nên em không còn phải khổ sở nữa dưới mái nhà hiếu khách này. Em phải đến với Đức Phật trước khi Ngài từ bỏ chúng ta ra đi. Đó là niềm an ủi lớn cho chúng ta, khi chúng ta luôn có thể hướng đến Ngài, cái nguồn không bao giờ cạn kiệt cho sự thật. Chỉ có thể nhờ Ngài, em mới có thể giải được tất cả những mối nghi ngờ của linh hồn em đầy hoảng sợ. Trên toàn thế giới chỉ có Ngài là có khả năng ban trả lại cho em sự thanh bình mà vào một ngày nào đó em đã được nếm trải khi em ngồi hướng lòng thành kính về Ngài ở đền Krishna tại khu rừng Sinsapa gần Kosambi.

Vậy là chúng em khởi hành sau mười ngày, sức khỏe em hồi phục và cho phép đi bộ ít nhiều. Với bà chủ đáng mến của em, hơi bận tâm về việc để cho em tiếp tục đi ở tình trạng suy yếu như thế này, em an ủi bằng lời hứa sẽ chuyển lời thăm hỏi đầy thành kính của bà tới Đức Thế Tôn. Chúng em đi tiếp theo hướng Tây Bắc, theo những vết chân Đức Thế Tôn mà chúng em luôn thấy chúng càng ngày càng mới hơn, khi càng tiến xa hơn và từ nơi này sang nơi khác, luôn hỏi han. Tại Ambagama, trước đó tám ngày Ngài có lưu lại. Khu rừng Sala ở Bhoganagara, ba ngày trước khi chúng em tới Ngài vừa rời bỏ để đi tới Pava.

Rất mệt mỏi, vào đầu giờ chiều chúng em cũng tới được địa phương này. Ngôi nhà đầu tiên đập vào mắt chúng em là ngôi nhà của một người thợ rèn đồng. Dễ nhận ra điều này vì có nhiều đồ kim loại treo dọc tường nhà. Nhưng không nghe thấy một tiếng quai búa nào cả. Có vẻ như hôm đó là một ngày lễ, vì bên giếng trong sân đám gia nhân đang rửa chén bát, cứ như ở đó vừa mới tổ chức một tiệc cưới.

Bống có một người đàn ông nhỏ bé, ăn vận bảnh bao đi đến chỗ chúng em và lịch sự đề nghị được đổ cơm vào những chiếc bát xin ăn của chúng em. “Nếu như các vị đến sớm hơn vài tiếng, ông ta chưa thêm, thì trong bữa tiệc của chúng tôi, tôi còn có thêm hai vị khách đáng quý và đáng kính nữa. Bởi lẽ sự phụ của các vị, Đức Thế Tôn, đã ăn trưa ở chỗ chúng tôi cùng với đám môn đồ của Ngài”.

— Vậy là Đức Thế Tôn đang còn ở tại Pava đây?

— Bây giờ thì không còn nữa rồi, bà đáng kính ạ. - Gã thợ rèn trả lời. - Ngay sau khi dùng bữa, Đức Thế Tôn lên cơn bạo bệnh, Ngài bị đau đớn ghê gớm tới mức suýt ngất. Điều đó làm tất cả chúng tôi rất sợ hãi. Tuy nhiên rồi Đức Thế Tôn cũng vượt qua được cơn hiểm nghèo và trước đây khoảng một tiếng, Ngài đã lên đường đi Kusinara.

Lẽ ra tốt nhất là em đã tiếp tục đi, bởi vì những gì mà người thợ rèn vừa nói về cơn bạo bệnh làm em lo sợ trước điều xấu nhất có thể xảy ra. Tuy nhiên vẫn có sự cần thiết tới mức thành mệnh lệnh, bởi không thể gia tăng sức khỏe chỉ bằng thức ăn, mà còn cả một chút nghỉ ngơi.

Con đường từ Pava tới Kusinara thì chẳng thể lạc được. Nó dẫn ta dần vượt qua những cánh đồng đã được gieo trồng, rồi tới những bãi cỏ lau và những lùm cây nhỏ, và dần vào sâu trong rừng. Chúng em còn lội qua một con sông nhỏ, và ít nhiều tỉnh táo hơn nhờ tranh thủ tắm mát. Nghỉ rất ngắn, chúng em lại lên đường. Sắp tối rồi, mà em chỉ có thể lê bước một cách khó khăn.

Medini cố gắng thuyết phục em qua đêm dưới gốc cây ở một ngọn đồi nhỏ. Chẳng có gì phải vội.

— Kusinara này không hơn gì một xóm nhỏ và có vẻ như đã bị nhấn sâu vào rừng rậm. Tại sao hiền muội lại có thể tin rằng Đấng Hoàn Thiện sẽ chết ở đây? Chắc chắn là rồi Ngài sẽ ra đi ở công viên Jetavana tại Savitti, hay ở một trong số hai đồng cỏ của Ngài tại Rajagaha. Nhưng rõ ràng là Đức Thế Tôn sẽ chẳng bao giờ tan biến ở chốn hoang vu cô tịch này! Nào có ai biết Kusinara là đâu?

— Có thể là từ nay trở đi, người ta sẽ nghe nhiều về Kusinara. - Em bảo rồi đi tiếp.

Nhưng sức em mau cạn kiệt. Dù vậy, em vẫn quyết định phải trèo lên đỉnh cái mỏm đồi trọc tiếp đó, với hy vọng từ đây có thể thấy được vùng ngoại vi của Kusinara. Còn nếu không, chúng em phải qua đêm trên mỏm đồi đó, ở đây chúng em sẽ đỡ lo bị lũ hổ báo hay rắn rết tấn công, và phần nào tránh được sự bốc hơi của cơ thể, rất nguy hiểm vì gây sốt.

Khi đã lên tới trên đó, chúng em mỗi mắt tìm chỉ một dấu vết nhỏ bé nào đó của một chòm xóm. Có vẻ như rừng sâu đã liên tục lấp át những bụi cây lúp xúp. Rồi những khóm lá xum xuê của một khu rừng rậm lại chồng chất lên nhau, và ở một khe hẻm đen ngòm có con sông hung dữ cuộn cuộn chảy. Đó chính là con suối mà chỉ mới đây ít lâu, bọn chúng em còn tắm mát trên dòng chảy hiền hòa của nó.

Cả ngày trời oi bức và đầy mây mù. Bống có cơn gió mát thổi tới, rồi trời càng ngày càng rạng ra, hết như hết màn che này tới màn che khác được nhắc lên.

Những tảng đá hùng vĩ tạo nên bức tường che khu rừng mà cây cối trên núi phía sau vẽ nên mái che - đó là những rặng núi phủ kín cây cối mà từ xa thì trông hết như những chiếc gối phủ rêu xanh rờn - và càng ngày càng vươn lên cao, như muốn biến mất trên trời. Trên cao, duy nhất chỉ lơ lửng một dải mây dài màu đỏ ối.

Trong khi chúng em ngắm dải mây đó thì nó thậm chí bốc cháy một cách lạ kỳ. Hết như khi cha em đang dùng kim kéo một tấm vàng ròng vừa được lọc sạch tạp chất ra khỏi bể lò. Rồi sau khi đã lạnh đi, cha em đặt nó lên một chiếc chần tơ xanh lơ: Vậy là bức tranh sáng láng này

cháy rực lên cạnh những mặt cắt chói vàng. Giữa đó lơ mờ những dải xanh lá khoáng đạt, và chúng kéo xuống thấp hết như ta gập chiếc quạt lại. Rồi chúng mờ đi để hòa vào lớp không khí không màu phía dưới, trông cứ như chúng muốn đi xuống những đỉnh núi màu xanh lá tiếp giáp. Khi những mặt cắt càng rực đỏ hơn, thì những dải viền càng đậm xanh hơn. Đó nhất thiết chẳng phải là mây!

“Ngọn Himavat”^[22]. - Medini thì thầm, xúc động và hoàn toàn quy phục bởi sự hùng vĩ của thiên nhiên, bàn tay chị chạm nhẹ lên cánh tay em.

Ôi, vậy là ngọn núi của những ngọn núi đã sừng sững hiện lên trước mắt chúng em. Đó là lãnh địa của thế giới băng tuyết muôn thuở, ngôi nhà của các vị thánh, chỗ trú ngụ của các thần linh. Ngọn Himavat - ngay từ thuở ấu thơ, cái tên này đã gây trong tâm em tràn trề tình cảm sâu nặng, những e dè và nể trọng, ngấm chứa những linh cảm về sự thanh cao. Từ các truyền thuyết và chuyện cổ tích, em thường nghe câu: “Và Ngài hướng về ngọn Himavat, rồi ở đó Ngài sống cuộc đời khổ hạnh của kẻ chân tu!”. Hàng ngàn, hàng ngàn người đã leo lên đó, họ là những kẻ đi tìm sự giải thoát, nhằm tại nơi cô tịch của núi non và qua các bài tập sám hối giành được sự may mắn - mỗi người đều mang theo mình sự điên khùng của chính mình: Vậy là Ngài đang gần tới, cái người duy nhất không biết điên mà chúng ta đang tiếp bước.

Trong khi em mông lung nghĩ suy như vậy thì bức tranh rực cháy đã tắt ngấm, cứ như ông trời đã nuốt chửng nó rồi.

Tuy nhiên do mãi ngẩn nhìn cảnh vật trên mà em cảm thấy mình phấn kích ghê gớm tới mức không còn nghĩ gì đến sự yên tĩnh nữa.

— Ngay cả khi Đức Thế Tôn, - em bảo Medini, - có dẫn chúng ta đi tới cái đỉnh nào đi nữa, mà từ chốn thanh cao đó tan biến vào cái thanh cao nhất của mọi cảnh quan, thì em vẫn theo chân Ngài và đạt tới chân Ngài!

Và em mạnh dạn bước tiếp. Nhưng đi chưa được nửa tiếng, em bỗng thấy những bụi cây lúp xúp biến mất, và đất đai trống trọt hiện ra trước mặt. Trời đã tối hẳn. Trăng rằm to tròn đỏ ối sừng sững hiện lên trên cánh rừng đối diện, cuối cùng chúng em cũng đến được Kusinara.

Thực ra thị trấn này cũng chẳng lớn gì hơn một làng người Mallas, với tường thành và nhà cửa bằng đất sét nện và cành cây đan lại. Ấn tượng đầu tiên của em là: Thành phố nhỏ này chắc đã bị một căn bệnh khủng khiếp hủy diệt. Trước các khung cửa, những người già yếu, ốm đau ngồi bệt mà ca thán âm ỹ.

Chúng em mới hỏi họ, điều gì đã xảy ra.

— Ối dào! - Họ gào lên, hai tay xoa nhau. - Chẳng bao lâu nữa, Đấng Hoàn Thiện sẽ chết. Chỉ trong vòng một giờ nữa, ánh sáng của vũ trụ sẽ tắt ngấm. Những người Mallas đã đi tới rừng Sala để được ngắm nhìn và tôn vinh vị thánh. Bởi lẽ ngay trước khi Mặt trời lặn, Ananda đã đến thành phố chúng tôi, rồi đi đến chợ chính, ở đó những người Mallas đang thảo luận về một công việc chung, Ananda mới bảo: “Hôm nay, ngay trước khi màn đêm buông xuống, ời những người Mallas, sẽ xảy ra Cõi Niết Bàn của Đấng Hoàn Thiện. Hãy lo sao để sau này các người không phải hối hận: Đức Phật đã chết tại thành phố chúng ta, mà chúng ta không biết tận dụng cơ hội để tới thăm Đấng Hoàn Thiện ở những giờ phút cuối cùng của Ngài”. Vậy nên những người Mallas cùng với vợ con họ đã đi đến rừng Sala, ca thán và khóc than. Còn chúng tôi quá già yếu nên phải ở lại và chẳng được tôn vinh Đức Thế Tôn ở những giờ phút cuối cùng của Ngài.

Chúng em hỏi đường đi từ thành phố tới cánh rừng Sala đó. Tuy nhiên khi chúng em bước lên con đường này thì nó đã đông nghịt những nhóm người Mallas trên đường trở về. Vậy tốt nhất

là chúng em tranh thủ tạt nhanh qua cánh đồng để đến góc rừng.

Ở đây đang có một nhà tu hành dựa gốc cây mà khóc. Ngay khi em cảm động dừng lại thì lập tức y ngược mặt nhìn trời - toàn bộ ánh sáng trắng rằm trải trên nét mặt ướt đầm lệ vì khổ đau của y, và em nhận ra ngay Ananda.

“Vây là tôi đến chậm mất rồi”. - Em tự nhủ, và cảm thấy mọi sức lực tan biến.

Nhưng em bỗng nghe tiếng lao xao trong bụi cây, rồi một vị tu hành to như hộ pháp xuất hiện và đặt bàn tay y lên vai Ananda:

— Anh Ananda quý mến, sư phụ gọi hiền huynh.

Như thế là em vẫn thấy được Đức Phật ở những giây phút cuối cùng của Ngài! Lập tức, sức lực lại trở lại với em, và nó cho phép em theo đuổi được hai người.

Bấy giờ Angulimala mới nhận ra chúng em. Nhờ biết được cái nhìn đầy lo âu của y nói gì, em mới bảo:

— Đừng sợ, hiền huynh ơi, việc chúng tôi khóc lóc âm ỹ và than vãn như mấy mụ đàn bà thế này sẽ chẳng hề phá rối những giây phút cuối cùng của Đấng Hoàn Thiện đâu! Từ Veseli tới đây, chúng tôi chẳng hề cho phép mình nghỉ ngơi dù chút đỉnh để làm sao thấy cho được Đức Thế Tôn. Vây nên đừng cản bước chúng tôi, chúng tôi cũng muốn chứng tỏ mình can đảm.

Khi đó y mới khoát tay bảo theo bọn họ.

Chúng em chẳng hề phải đi xa.

Trên một bãi cỏ nhỏ trong rừng, có lẽ có đến hai trăm đồng môn tụ họp, họ đứng theo hình vòng cung. Ở giữa là hai cây Sala mà hoa của chúng tạo nên một hình khối duy nhất, Đấng Hoàn Thiện nằm nghỉ dưới đó, trong một cái lều được lắp bằng những áo choàng vàng, chúng được trải giữa hai gốc cây. Ngài kê đầu trên cánh tay phải. Những bông hoa vẫn nhẹ nhàng rơi lên Ngài như những giọt mưa xuân.

Đằng sau Ngài, em như thấy trong thâm tâm mình những đỉnh của ngọn Himavat luôn chìm trong băng tuyết vĩnh cửu, gần như bị ánh đêm che mất. Những đỉnh này vừa mới được em nhìn ngắm, tuy rất vội vàng, nhưng đầy mê đắm, và em phải cảm ơn vì nhờ chúng mà bây giờ em đang đứng trước Đấng Hoàn Thiện.

Và Ngài nói với Ananda đang đứng trước Ngài:

— Ta biết ngươi, Ananda, đang buồn rầu khóc than bởi ý nghĩ: “Mình chưa rửa hết tội, chưa đạt tới đích, thế mà sư phụ của mình đã bỏ đi vào Cõi Niết Bàn. Ngài, chính người thương ta nhất”. Tuy nhiên Ananda ơi, đừng khóc than, đừng buồn rầu nữa! Ta chẳng đã bảo ngươi, Ananda, từ lâu: Rồi người ta cũng phải vĩnh biệt mọi thứ mà người ta yêu quý? Làm sao có thể, Ananda, để cho cái hình thành, lại không biến đi? Tuy nhiên ngươi, Ananda, ngươi đã tôn vinh Đấng Hoàn Thiện từ lâu, trong sự yêu mến và thân thiện, với những niềm vui, không có gì sai. Ngươi đã làm việc thiện. Hãy nghiêm chỉnh cố gắng, nếu vậy thì ngươi sẽ thoát khỏi những ý nghĩ ham muốn, sự ích kỷ và những điên loạn.

Như để chứng tỏ rằng mình không để nỗi buồn chết chóc xâm chiếm, Ananda mới hỏi, dùng hết nghị lực để giữ giọng bình thản, liệu các môn đệ phải làm gì với phần xác của Đấng Hoàn Thiện, một khi Ngài đã ra đi.

— Các ngươi chẳng nên lo nghĩ gì nhiều. - Đức Phật trả lời. - Có nhiều môn đồ ngoan đạo và thông thái trong số các nhà quý phái, trong số các giáo sỹ Bà La Môn, trong số các nhà tư sản tại gia - chính họ sẽ tôn vinh lần cuối cho những phần xác còn lại của Đấng Hoàn Thiện. Các ngươi có những việc quan trọng hơn phải làm. Hãy suy ngẫm về những gì là vĩnh cửu chứ

không phải cái sẽ chết. Hãy tiến nhanh lên phía trước mà không ngoái lại sau.

Và khi phóng tầm nhìn của mình về mọi phía và dành lại cho từng người ít phút, Ngài nói tiếp:

— Có thể là những môn đệ sẽ nghĩ như sau: “Tiếng nói đã đánh mất người thầy của nó, chúng ta không còn thầy nữa”. Tuy nhiên các người chẳng nên suy luận như vậy. Các môn đồ ạ, chính học thuyết mà ta đã dạy các người, đó là thầy các người đó, một khi ta ra đi. Bởi vậy không nên dựa vào những chỗ dựa bên ngoài. Hãy giữ vững theo học thuyết, cũng như là trên chỗ dựa vậy! Hãy là tia sáng dẫn đường của chính mình, hãy là chỗ dựa của chính mình.

Rồi sau đó Ngài cũng lưu ý tới em - cái nhìn của Kẻ Thương Người Nhất dừng lâu ở em, đầy thương cảm. Và em cảm thấy cuộc hành hương của mình không phải là vô ích.

Sau một lúc ngắn, Ngài mới nói:

— Có lẽ ở mỗi người trong số các người, các môn đệ ạ, đều có chút hoài nghi nào đó về học thuyết cũng như người thầy. Hãy tự do hỏi đi các môn đệ, để sau này các người khỏi phải ân hận là: “Sự phụ đã đến chỗ chúng tôi, mặt giáp mặt, thế mà chúng tôi đã không hỏi Ngài”.

Bởi lẽ Ngài đã nói như vậy, nghĩa là đã yêu cầu mọi người, nên mọi người cũng lặng thinh.

Làm sao còn nghi ngờ gì được nữa, khi sự phụ đang ra đi như vậy? Ngài đang nằm dài như vậy, những tia sáng trắng phủ đầy lên người Ngài - hết như những thiên thần trên trời đã chuẩn bị chiếc giường liệm cho Ngài. Những nhành hoa rơi lả tả trên người Ngài - hết như Trái đất cũng phải than khóc sự mất mát của nó. Ngài lại giữ được cho chính mình không hề lay động ngay giữa đám môn đồ đang hết sức cảm động, Ngài bình thản, vui vẻ: Ai ở đây mà không cảm thấy rằng vị thánh hoàn thiện này đã gạt bỏ vĩnh viễn mọi điều chưa hoàn thiện, vượt qua được mọi điều xấu? Cái mà người ta gọi là “Cõi Niết Bàn vô hình” thì nay ta thấy trước mắt ở những nét sáng chói của Đức Phật đang từ bỏ thế giới để ra đi. Và Ananda gấp những ngón tay lại, cảm động sâu sắc:

— Nhưng mới tuyệt diệu làm sao, hỡi trời! Thật vậy, tôi tin rằng, trong cuộc họp mặt này không thấy bất kỳ một ai còn nghi ngờ gì.

Còn Đức Thế Tôn trả lời y:

— Từ toàn bộ niềm tin của người, Ananda, người đã nói. Ta tin là không có ở nơi nào mà người còn nghi ngờ. Ngay cả những kẻ chậm tiến nhất vẫn đã được khai ngộ và cuối cùng y sẽ đạt tới đích.

Với lời hứa hẹn này, mỗi chúng ta đều cảm thấy như một bàn tay mạnh mẽ đã mở cho Ngài cánh cửa của cái Vĩnh hằng. Một lần nữa cặp môi Ngài mở ra, công bố cho toàn vũ trụ sự thật tối cao và cuối cùng: “Tiến lên, các môn đồ, thật vậy, ta bảo các người: Mọi biểu hiện cũng đều qua đi. Hãy đấu tranh không mỏi mệt!”.

Đây là những lời cuối cùng của Đức Thế Tôn.

LỜI DI CHÚC CỦA VASITTHI

— Đó là những lời cuối cùng mà em còn tiếp nhận được trên Trái đất. Sức sống của em cạn kiệt, cơn sốt phủ màn sương lên các giác quan của em. Em chỉ còn thấy những hình dáng quanh em như những bức tranh thoáng qua trong mơ - bộ mặt của Medini luôn gần mặt em. Sau đó thì tất cả đều tối đi. Tuy nhiên, bỗng em có cảm giác như có một đợt tắm mát đã dập tắt cơn cháy bỏng vì sốt của em. Không, em cảm thấy mình như kẻ hành hương đứng bên một cái hồ vào lúc vầng dương đang cháy bỏng và phải tưởng tượng xem, cây sen phải cảm nhận thế nào khi nó được chìm sâu trong nước mát hết như tại nguồn, phải hút lấy sự mát mẻ bằng tất cả những chiếc xơ của mình. Đồng thời phía trên bắt đầu sáng ra, và em thấy ở đó bên trên có một bông sen đỏ lớn đang bơi. Trên viền của nó nổi lên bộ mặt đáng yêu của anh. Khi đó em tự mình trèo lên, và em thức tỉnh ra bên anh, trong Tây Phương cực lạc!

— Hoan nghênh em. - Kamanita bảo. - Em đã để cho trái tim đang yêu dẫn dắt đi theo con đường đó. Liệu giờ này anh còn ở đâu, nếu như em không đến bên anh ở đó? Tuy anh cũng chẳng hiểu, từ những đồng đồ nát của sự tàn lụi ghê gớm này của thế giới, chúng mình sẽ có thể đi đâu để tự cứu mình - nhưng em vẫn thối cho anh niềm vững tin, bởi lẽ em có vẻ như kiên định trước những điều ghê gớm này hết như tia sáng Mặt trời trước cơn giông tố.

— Ai đã thấy được cái vĩ đại nhất, anh yêu ạ, kẻ đó sẽ không bị cái nhỏ hơn lay chuyển. Nhưng điều này là nhỏ bé, đó là việc hàng ngàn, vâng, hàng ngàn vũ trụ sẽ tàn lụi đi. So sánh với việc một Đức Phật Hoàn Thiện sẽ đi vào Cõi Niết Bàn. Bởi lẽ mọi thứ mà ta nhìn thấy quanh ta, chỉ là một sự đổi thay, và tất cả mọi sinh linh này sẽ lại đi vào cuộc sống. Cái Brahma Chục Vạn Lần đang tức tối chống lại cái vĩnh hằng và đang nhìn chúng ta bằng cặp mắt ghen tức, vì chúng ta còn bừng sáng bình thản: y sẽ lại xuất hiện trở lại, trong khi có lẽ một người luôn phấn đấu cật lực sẽ xuất hiện như Brahma. Nhưng mỗi sinh linh tồn tại ở nơi mà ý chí sâu thẳm nhất của y và trí lực của y đưa đến. Tuy nhiên xét toàn cục thì mọi thứ sẽ lại như chúng vốn là vậy, chẳng tốt hơn mà cũng chẳng xấu đi. Bởi lẽ nó cũng được làm từ chính nguyên liệu đó. Bởi vậy mà em gọi nó là nhỏ nhoi. Và bởi vậy mà hoàn toàn chẳng những chẳng đáng sợ, mà thậm chí còn đáng mừng khi được trải nghiệm sự tàn lụi này của vũ trụ. Bởi lẽ nếu thế giới Brahma là vĩnh cửu, thì sẽ không có gì cao thượng hơn.

— Vậy em có biết một cái gì đó cao thượng hơn thế giới Brahma này chẳng?

— Thế giới Brahma này, như anh thấy, không bền lâu. Nhưng vẫn có một cái gì đó bất diệt, một cái gì đó hoàn thiện. "Có tồn tại, - Ngài có nói, - một nơi ở đó chẳng có đất mà cũng chẳng có nước, chẳng có ánh sáng mà cũng chẳng có không khí, chẳng có cái vô tận của không gian mà cũng chẳng có cái vô tận của giác ngộ, chẳng có sự tưởng tượng mà cũng chẳng có cái không tưởng tượng được. Điều đó có nghĩa là, các môn đồ ơi, chẳng có đến mà cũng chẳng có đi, chẳng có hủy mà cũng chẳng có sinh. Đó là cái kết thúc của khổ đau, là nơi yên nghỉ, là đất nước của thanh bình, là Cõi Niết Bàn vô hình".

Hãy giúp tôi, vị thánh thiện kia ơi, phục sinh trong đất nước của thanh bình!

Phục sinh - Ngài có nói vậy - không thích hợp với điều đó. Không phục sinh, ở đó thì điều đó không thích hợp. Nếu người gọi một cái gì đó để cụ thể hóa một cái gì đó và có thể nắm được nó - ở đó thì điều đó không thích hợp.

— Nhưng cái có thể nắm được liệu có ích gì với anh?

— Tốt hơn hãy hỏi: Cái gì đó có thể nắm được, thì cái đó còn có giá trị để với tay ra cho nó?

— Ôi, Vasitthi ơi, thực vậy, anh cho rằng, có lẽ thời xưa anh đã phạm tội giết giáo sỹ hay một

tội tương tự, bởi vậy mà anh phải đền tội một cách khủng khiếp như vậy ở con hẻm của Rajagaha. Bởi lẽ nếu như anh không từ giã cuộc đời ở đó, thì anh đã quỳ dưới chân Đức Thế Tôn, thậm chí cũng như em anh đã có mặt tại buổi Ngài ra đi vào Cõi Niết Bàn rồi. Và anh sẽ làm như em đang làm. Nhưng nào tiếp thôi, Vasitthi - trong khi các ý nghĩ và những tưởng tượng còn thuộc chúng ta, thì em hãy làm điều đó đi, vì yêu quý anh.

Hãy mô tả chính xác Đấng Hoàn Thiện, để sao cho anh có thể thấy Ngài trong tâm linh và qua đó đạt tới cái mà anh đã không nhận được trên Trái đất: Chắc chắn là điều đó sẽ cho anh sự thanh bình.

— Rất sẵn sàng, anh yêu ạ. - Vasitthi trả lời. Và nàng tả cho chàng sự xuất hiện của Đấng Hoàn Thiện, từng bước một, không quên dù chỉ một điều nhỏ bé nhất.

Nhưng Kamanita bất bình bảo:

— Ôi, mô tả thì có ích gì! Điều em nói, tất cả những điều như thế cũng sẽ có thể đúng cho nhà tu hành già mà anh đã có kể cho em về ông ta. Rằng anh đã cùng ông ấy qua đêm ở trong căn phòng lớn của anh thợ gốm, và ông ta cũng chẳng đến nỗi điên khùng như anh tưởng, bởi vì ông ta đã, như bây giờ anh nhận biết, nói một số điều đúng. Hãy tiếp đi thôi, Vasitthi, hãy đừng nói gì với anh nữa, mà hãy tưởng tượng trong tâm trí Đấng Hoàn Thiện cho tới khi em thấy Ngài, như em đã thấy Ngài ngay trước mặt mình. Và nhờ sự giống nhau về tâm trí của chúng mình, khi đó có lẽ anh sẽ có thể tham gia vào linh ảnh này được chẳng.

— Rất sẵn sàng, anh yêu ạ.

Và Vasitthi tưởng tượng ra Đấng Hoàn Thiện, khi Ngài đang chuẩn bị để tan biến vào Cõi Niết Bàn.

— Anh có thấy Ngài không, anh yêu?

— Chưa đâu, Vasitthi.

“Mình phải tâm trí hóa bức tranh tưởng tượng này” - Vasitthi nghĩ vậy. Và nàng nhìn quanh trong không gian vô tận, nơi mà thế giới Brahma đang đi vào sự tàn lụi.

Hệt như một anh thợ kim hoàn vĩ đại, khi anh ta vừa hoàn thành cái khuôn một bức ảnh thánh tuyệt hảo, và anh ta bỗng thiếu kim loại để đổ đầy cái khuôn này, vậy anh ta phải nhìn quanh trong cái xưởng thợ của mình. Và tất cả những gì đang ở quanh đó về ảnh thánh nhỏ, các tượng, bình hoa và bình nước, tất cả của cái của anh ta, tác phẩm để đời của anh ta, - tất cả những thứ đó được anh ta tự nguyện và thích thú vút vào lò luyện kim để có thể đúc được một cách hoàn thiện chỉ riêng bức ảnh thánh tuyệt hảo này: Vậy là Vasitthi nhìn quanh trong không gian vô tận: Và tất cả những gì còn có được của ánh sáng đang mờ ảo đi và những gì còn lại của những hình tượng đang tan biến của cái thế giới Brahma này, cái đó được nàng cuốn hút vào mình qua năng lực trí tuệ của mình, khi đó chẳng hề để ý gì đến toàn bộ không gian xung quanh, và giam toàn bộ cái khối các chất tinh tú này vào những cái khuôn của trí tưởng tượng của nàng, và như vậy đã tạo nên trong không gian bức tranh vĩ đại rực sáng của Đấng Hoàn Thiện, khi Ngài đang chuẩn bị đi vào Cõi Niết Bàn.

Và khi nàng nhìn thấy hình ảnh này trước nàng, nàng chẳng hề cảm nhận sự thiện cảm, chẳng hề có ưu sầu. Bởi lẽ chính Thánh Upagupta vĩ đại, khi qua ma thuật của Mara kẻ ác, Ngài đã thấy được hình hài của Đức Phật đã mất từ lâu, thì Ngài bỗng cảm nhận sự thiện cảm, vì vậy Ngài đã quỳ xuống lạy linh ảnh này và bị nổi u sầu xâm chiếm, ca thán: “Đau đớn thay cái tính thất thường không hề biết thương tiếc này, sao cho nó cũng làm tan biến được cả những hình tượng tuyệt hảo như thế này! Bởi lẽ thể xác tuyệt hảo của vị thánh vĩ đại đang phải chịu tính thoáng qua và đang chịu sự hủy diệt”.

Nhưng điều đó không đúng với Vasitthi.

Không hề lay động, tập trung tâm trí, nàng ngắm nhìn cái hình tượng, hết như người nghệ sỹ ngắm nhìn tác phẩm của mình, và chỉ chú ý tới việc làm sao truyền được cái đó cho Kamanita.

— Bây giờ anh cũng đã bắt đầu thấy một hình dạng. - Chàng nói. - Ôi, vậy thì hãy giữ chặt lấy nó, hãy để cho nó sáng rõ hơn!

Khi đó thì Vasitthi lại quay lại nhìn vào trong không gian.

Ở giữa không gian này vẫn còn là ánh sáng chói loà, rực lửa, bắn những tia chớp giận dữ của Brahma Chục Vạn Lần.

Và nhờ trí lực của mình, Vasitthi giật vị thần linh cao thượng nhất này ra khỏi nơi trú ngụ của Ngài và giam Ngài vào cái khuôn của hình tượng Đức Phật. Khi đó hình tượng này bỗng rực sáng và trở nên sống động, hết như một kẻ vừa thưởng thức một món uống tăng lực.

— Bây giờ anh đã nhìn thấy nó rõ hơn. - Kamanita bảo.

Khi đó Vasitthi bỗng có cảm giác hết như Đức Phật nói với nàng: “Vậy là con đã đến, con gái của ta. Con đã xong với bài nói của mình chưa?”.

Và hết như người ta liên thông với bức hình trong mộng của mình, Vasitthi trả lời: “Con nói hết rồi, thưa Ngài”.

“Tốt rồi, con gái ta ơi! Và đường dài không làm con mệt đấy chứ? Con có cần tới sự trợ giúp của Đấng Hoàn Thiện nữa không?”.

“Không, thưa Ngài, con không còn cần tới sự trợ giúp của Đấng Hoàn Thiện nữa”.

“Tốt rồi, con gái ta ơi! Con đã tìm thấy chỗ trú ẩn nơi chính mình, con an nghỉ ở nơi chính bản ngã của con, Vasitthi”.

“Con đã làm quen được với chính bản ngã con, thưa Ngài. Hết như khi người ta mơ những cái tán lá ở thân cây Pisang ra mà không thấy ở đó tâm gỗ, mà từ đó có thể đóng nên một chỗ dựa chắc chắn. Vậy nên con đã làm quen được với chính bản ngã con: Một nhúm những hình tượng biến đổi, ở đó không có gì là vĩnh viễn, mà ở đó người ta có thể an nghỉ được. Và với cái đó, con đã cho đi bản ngã con: “Đấy không phải là tôi, cái đó không phải là của tôi” - Con phán xét như vậy về điều đó”.

“Đúng rồi, con gái ta ơi! Con chỉ còn cần bám chặt vào học thuyết”.

“Học thuyết, thưa Ngài, đó là cái đã đưa con tới đích. Hết như một kẻ nhờ cái bè mà đã vượt qua được một con sông lớn, sau khi đã đến được bờ bên kia, hẳn không giữ bè nữa, không kéo nó bên mình nữa: Vậy là con không còn bám chặt vào học thuyết nữa, con để nó đi”.

“Đúng rồi, con gái ta ơi! Như vậy con không bám giữ vào cái gì nữa để bị phụ thuộc, con sẽ hồi sinh ở nơi ta, ở chốn thanh bình”.

“Hồi sinh”, Ngài nói vậy ư, thưa Ngài, “điều đó không phù hợp. Không phải hồi sinh, điều đó không phù hợp”. Và cả cái học thuyết này nữa. Rằng cả hồi sinh lẫn không phải hồi sinh đều không phù hợp - cả cái học thuyết này nữa cùng không phù hợp. Không còn có một cái gì là phù hợp nữa, và cái ít phù hợp nhất lại là cái “Không có một cái gì”. Vậy là bây giờ con đã hiểu”.

Khi đó hình tượng Đức Phật mỉm cười, một cái cười mỉm sáng láng.

— Bây giờ anh cũng nhận ra được nét mặt. - Kamanita bảo. - Như cái hình gương phản chiếu bởi dòng nước chảy, anh nhận biết nó lò mờ. Ôi, hãy giữ chặt nó, nắm chặt nó, Vasitthi!

Vasitthi nhìn quanh trong không gian. Không gian trống rỗng. Vậy là Vasitthi nhập ngay thân xác của chính nàng vào cái khối tinh tú của hình tượng.

Kamanita nhận thức rõ là Vasitthi đã biến mất như thế nào. Nhưng hết như một người trong cơn hấp hối để lại một bản di chúc, vậy nên Vasitthi đã di huấn cho chàng bức chân dung Đức Phật, đó là cái duy nhất còn ở lại với chàng trong không gian. Và bây giờ chàng nhận thức nó rõ ràng. “Cái nhà tu hành già mà tôi cùng qua đêm ở Rajagaha và tôi cho là điên khùng, đó chính là Đấng Hoàn Thiện! Ôi, bên trên tôi là những kẻ khùng! Liệu có còn kẻ nào khùng hơn tôi nữa chẳng? Cái mà tôi cho là sự may mắn, là sự cứu rỗi mà tự mình ước nguyện, thì cái đó tôi đã nắm giữ từ hàng tỷ năm nay rồi!”.

Khi đó, hình tượng tiến đến gần chàng hết như một đám mây lững lờ trôi đến và bao bọc chàng vào một đám sương mù rực sáng.

BÓNG ĐÊM CỦA VŨ TRỤ VÀ BUỔI BÌNH MINH CỦA VŨ TRỤ

Hết như tại một phòng đại lễ khi mà tất cả các đèn nến đều đã tắt, tuy nhiên ở một góc vẫn còn có một chiếc đèn nhỏ leo lét cháy trước một bức tranh thánh: Vậy là Kamanita chỉ còn lại một mình trong đêm vũ trụ.

Bởi lẽ cũng như thân xác của chàng đã được cuốn vào chất tinh tú của hình hài Đức Phật, thì tâm linh chàng cũng đã hoàn toàn cuốn hút vào những ý nghĩ của Đức Phật: Đó cũng là chất dầu cung cấp lửa cho chiếc đèn con này.

Toàn bộ cuộc tọa đàm mà chàng thực hiện trong sân thượng của anh thợ gốm tại Rajagada với Đức Thế Tôn lại hiện lên trong ký ức của chàng theo từng câu, từng chữ một. Nhưng sau khi chàng đã hoàn toàn lướt qua như vậy, chàng lại trở lại từ đầu. Và mỗi câu đối với chàng hết như một cánh cửa lớn mà từ đó mở ra những bước tư duy mới mà chúng lại dẫn đến những con lộ khác. Và chàng đi qua tất cả chúng, bằng bước đi đầy suy ngẫm, và không còn gì đối với chàng là còn ở trong tối được.

Và trong khi tinh thần chàng đang bận đi vào và xử lý những ý nghĩ của Đức Phật như vậy, thì phần xác của chàng càng ngày càng hút đám mây tinh tú bao quanh nó vào mình, và cuối cùng thì đám mây này trở nên trong suốt. Bóng tối của đêm vũ trụ bắt đầu chuyển thành một màu lam hiền dịu mà càng ngày càng thâm hơn. Khi đó Kamanita mới nghĩ: Ngoài kia là bóng tối ghê rợn của đêm vũ trụ. Nhưng rồi thời điểm sẽ tới khi trời rạng ra và một vũ trụ Brahma mới bắt đầu xuất hiện. Nếu như suy nghĩ và xem xét của tôi hướng vào việc trở nên vũ trụ Brahma Chục Vạn Lần, người sinh ra cuộc sống cho vũ trụ này, thì tôi không thấy ai có thể để cho thứ hạng đó thoát khỏi tôi được. Bởi lẽ trong khi tất cả sinh linh của cái thế giới Brahma đó bị rơi vào sự bất lực và sự tồn tại vô ích, thì ở đây tôi luôn ở tư thế sẵn sàng, tỉnh táo và mạnh mẽ về tinh thần. Vâng, tôi thậm chí có thể, nếu tôi muốn, ngay vào thời điểm này gọi những sinh linh đó trở về với sự sống, mỗi cái về đúng vị trí của nó, và bắt đầu với một ngày mới ở thế giới đó. Nhưng duy nhất có một điều tôi không thể: Tôi chẳng bao giờ có thể gọi Vasitthi trở về với sự sống, Vasitthi ra đi theo cái cách biến mất mà nó không để lại một cái mầm sự sống. Không có vị thánh nào và cũng chẳng có Brahma nào có thể tìm thấy nàng. Nhưng làm sao tôi có thể sống thiếu Vasitthi, nàng là cái đẹp nhất và tốt nhất của cuộc đời tôi? Và sự tồn tại Brahma là gì đối với tôi, khi mà người ta có thể vượt qua nó? Tôi cần tính thời gian làm gì, nếu có tồn tại sự vĩnh hằng?

Có một sự vĩnh hằng và một con đường dẫn tới sự vĩnh hằng. Thời xưa đã có một giáo sỹ Bà La Môn già dạy tôi rằng, có một trăm đạo quán nhỏ đan quanh trái tim, qua đó linh hồn có thể đi quanh cơ thể. Tuy nhiên chỉ có duy nhất một đạo quán dẫn tới đỉnh đầu. Qua đạo quán này linh hồn sẽ lìa khỏi cơ thể. Vậy là có hàng trăm, hàng ngàn, thậm chí hàng chục vạn con đường dẫn đi lung tung trong thế giới này, qua những nơi chốn khổ đau nhiều vẻ, lâu dài và ngăn ngui, được trang trí đẹp và xấu: trời và thế giới loài người và thế giới loài vật và địa ngục. Nhưng chỉ có một con đường duy nhất dẫn hoàn toàn ra khỏi thế giới này. Đó là con đường đi tới sự vĩnh hằng, con đường đi tới cái chưa ai bước tới. Tôi đang trên con đường đó. Đi tiếp thôi, tôi muốn đi tới cùng.

Và chàng nghĩ tiếp về những ý nghĩ của Đức Phật về con đường dẫn tới việc tiêu hủy khổ đau. Và cái màu lam của đêm vũ trụ trong suốt ngày càng thâm hơn.

Nhưng ngay khi đêm vũ trụ đó bắt đầu trở nên màu đen, thì Brahma mới cùng rực sáng lên, một Brahma Chục Vạn Lần mà Ngài chiếu sáng và duy trì hàng chục vạn vũ trụ.

Và vị Brahma cho ban hành lời hiệu triệu vui vẻ nhằm thức tỉnh:

“Hãy tỉnh táo lên, tất cả mọi sinh linh kia, các người đã bất động cả cái đêm vũ trụ này trong lòng sự không tồn tại! Hãy đến đây đi để tạo dựng nên đêm vũ trụ Brahma mới, để tận hưởng ngày vũ trụ Brahma mới, mỗi người ở nơi chốn của mình, mỗi người theo sức lực của mình!”

Và các sinh linh và các vũ trụ xuất hiện lên từ sự không tồn tại của màn đêm, tinh tú này bên cạnh tinh tú kia, và hết như tiếng reo mừng của hàng chục vạn sinh linh và âm thanh của hàng chục vạn chiếc trống và hàng chục vạn chiếc tù và, vang lên tiếng:

“Brahma Chục Vạn Lần, người gọi chúng ta mở ra ngày vũ trụ mới, muôn năm! Chúc cho chúng ta, những sinh linh được chọn để cùng thụ hưởng với Ngài cái ngày vũ trụ này, để sau khi được cứu rỗi phản ánh cái vinh quang thánh thiện của Ngài, được may mắn!”

Khi Kamanita nhìn thấy và nghe thấy tất cả sự kiện này, thì lòng chàng tràn đầy niềm thương cảm sâu sắc.

“Những sinh linh này và những vũ trụ này, những vị thánh tinh tú này và chính vị Brahma Chục Vạn Lần reo mừng hân hoan chào mừng ngày vũ trụ, ăn mừng cuộc sống. Tại sao vậy? Tại vì họ không biết Sự thật”.

Qua niềm thương cảm này đối với thế giới, với các vị thánh và với vị thánh cao thượng nhất thì Kamanita vượt qua được phần còn lại của sự ái kỷ.

Nhưng bây giờ thì chàng cân nhắc: “Ngay trong ngày vũ trụ này cũng sẽ xuất hiện những vị Đức Phật Hoàn Thiện, các Ngài đó sẽ công bố Sự thật. Nếu như những vị thánh này nghe thấy sự thật thánh thiện và nhớ lại rằng, trong buổi bình minh của vũ trụ đã thấy một sinh linh đi ra khỏi vũ trụ, thì sự hồi tưởng này sẽ có ích cho họ. “Đã có một người trong bọn chúng ta, cũng là một thành phần của chúng ta, đi trước bằng con đường đó”, họ sẽ nói vậy và điều đó mang lại may mắn cho họ. Vậy nên ta sẽ trợ giúp cho tất cả mọi người bằng cách trợ giúp cho chính ta. Bởi lẽ trên thực tế, không ai có thể trợ giúp cho chính mình nếu không trợ giúp cho tất cả mọi người”.

Sau đó có một số, rồi càng ngày càng nhiều hơn các vị thánh tinh tú nhận ra rằng, có một vị, vị này không phải ngày càng sáng hơn, mà lại càng ngày càng giảm thiểu độ sáng.

Và họ mới gọi chàng:

“Ôi hỡi, hiền huynh! Hãy ngắm nhìn Brahma vĩ đại, Chục Vạn Lần kia, để sao cho độ sáng của hiền huynh lại bùng lên, sao cho hiền huynh bùng sáng lên như bọn ta! Cả anh, hiền huynh ơi, anh cũng được chỉ định để phản ánh sau cứu rỗi niềm vinh quang của vị thánh cao thượng nhất”.

Khi các vị thánh gọi chàng như vậy thì Kamanita không nhìn về họ, cũng chẳng nghe họ.

Và những vị thánh thấy chàng càng ngày càng mờ đi hơn, họ rất lo lắng cho chàng. Và họ hướng sang Brahma:

“Brahma vĩ đại ơi! Người rọi sáng và người duy trì! Ôi, hãy ngắm nhìn sinh linh đáng thương kia, để theo dõi việc độ sáng của y giảm thiểu thay vì gia tăng! Ôi, hãy chú ý đến y, hãy rọi sáng y, hãy làm cho y bùng lên! Cả Ngài cũng đã gọi y để y phản ánh sau cứu rỗi niềm vinh quang của Ngài.”

Và vị Brahma vĩ đại, đầy lòng trắc ẩn trước mọi sinh linh, liền hướng sự chú ý của Ngài tới Kamanita để làm cho chàng bùng sáng lên và khuếch đại chàng.

Tuy nhiên độ sáng của Kamanita vẫn giảm thiểu một cách rõ rệt.

Điều đó càng làm cho vị Brahma vĩ đại khó chịu, vì cái sinh linh này chẳng để cho Ngài rọi

sáng và không phản ánh độ sáng của Ngài, trong khi Ngài đang vui mừng bởi hàng chục vạn vũ trụ đang được sưởi ấm bằng ánh sáng của Ngài và hân hoan ngợi ca Ngài.

Rồi Ngài rút một phần lớn của sức sáng thánh thiện của Ngài từ các vũ trụ về - sức sáng đủ để mỗi lửa cho hàng ngàn vũ trụ - và hướng vào Kamanita.

Nhưng độ sáng của Kamanita vẫn tiếp tục giảm, cứ như chàng đang đi tới chỗ hoàn toàn tắt ngấm.

Nên bây giờ Brahma bắt đầu hết sức lo sợ, hết sức hãi hùng: Riêng cái này đã vượt ra ngoài tầm quyền lực của ta - vậy liệu ta còn có toàn năng không đây? Ta thậm chí chẳng biết con đường y đi - vậy liệu ta còn có thấu hiểu toàn thức không đây? Bởi lẽ cái đó không tắt giống như các sinh linh tắt đi khi chết để sau các công trình lại được phục sinh. Không phải như những vũ trụ trong đêm Brahma tắt để lại bừng sáng lên. Ánh sáng nào rọi sáng cho y mà y dám cự tuyệt cái ánh sáng của Brahma vĩ đại? Vậy là có một thứ ánh sáng, sáng hơn của ta? Vậy là có một con đường, đi ngược con đường của chúng ta - con đường đi vào chốn chưa bước tới? Liệu chúng ta có bao giờ đi theo con đường này không - con đường đi vào chốn chưa bước tới?

Vậy là Brahma Chục Vạn Lần phải cân nhắc:

"Tiếp theo, ta sẽ rút sức sáng của ta mà nay nó đang lan truyền trong không gian về và sẽ nhấn chìm toàn bộ các vũ trụ này trở về chốn tối tăm của đêm Brahma. Và ta sẽ hội tụ ánh sáng của ta vào một tia duy nhất và hướng nó vào sinh linh kia, để cứu nó cho thế giới Brahma của ta."

Và Brahma Chục Vạn Lần rút sức sáng lan truyền trong không gian của Ngài về, sao cho toàn bộ các vũ trụ lại bị nhấn chìm về chốn tối tăm của đêm Brahma. Và khi Ngài hội tụ ánh sáng của mình thành một tia duy nhất, Ngài hướng nó vào Kamanita.

"Vậy ở chốn này, tinh tú sáng nhất phải sáng cho toàn bộ vũ trụ Brahma của ta!" - Ngài nghĩ.

Vậy là Brahma Chục Vạn Lần rút lại về mình cái tia sáng duy nhất này, nó có sức sáng đủ mạnh để châm mỗi cho hàng chục vạn vũ trụ, rồi lại truyền ánh sáng của mình vào toàn bộ không gian.

Nhưng ở nơi mà Ngài hy vọng thấy tinh tú sáng nhất, thì chỉ thấy một đốm sáng nhỏ đang lui tụt.

Trong khi trong không gian vô tận các vũ trụ hết cái này đến cái khác thay nhau bừng sáng và hoan hỉ chen nhau tới lễ Brahma, thì kẻ hành hương Kamanita hoàn toàn tắt ngấm, hết như một cái bắc đèn tắt đi, khi nó cháy đến giọt dầu cuối cùng.

HẾT



Ghi Chú

Trừ đoạn Đức Phật kể hành hương ở sân thượng của anh thợ gốm (Majjhimanikayo số 140, nhưng ở đây kể hành hương biết và hiểu Đức Phật) và đoạn cải đạo của Angulimala^[21] thì những sự kiện kể ở cuốn sách này được tôi hư cấu - điều mà tôi xin lưu ý, bởi lẽ một số người đọc bản thảo đã tưởng rằng tôi đã xử lý một truyền thuyết Ấn Độ. Chỉ đoạn mô tả buổi chơi bóng là tôi lấy từ tập truyện ngắn Dacakumaracaritam của Dandin. Cả trong phần dẫn nhập rất hay của bản dịch tiếng Đức tác phẩm này của J.J.Meyer - tôi đã thấy được gợi ý tốt. Việc tôi dùng các tác phẩm lịch sử văn hóa của thời xưa và nay, đặc biệt là của Jatakas để tô vẽ bối cảnh, là dễ hiểu, về các tác phẩm hiện đại ở đây xin nêu Những đóng góp cho vấn đề tình dục Ấn Độ của Richard Schmidt, là nguồn tài liệu rất phong phú.

Những lời của Đức Phật dễ nhận ra (trang 140-144). Xin cảm ơn về những tác phẩm dịch của TS Karl E. Neumann Những bài diễn văn của Buddhos (Majjhimanikayo) và của GS Oldenberg Đức Phật.

Chẳng cần nêu kỹ rằng một số đoạn Upanishad (trang 36, 129, 141) được kể theo GS Deussens Sáu mươi Upanishad của Veda.

Nếu những nhà chuyên môn có ý định dạy tôi về một số điểm chưa chính xác, thì xin nhắc rằng người viết Kamanita, Kể Hành Hương đã biết rất kỹ, ông ta đã lấy bao nhiêu quyền tự do và tại sao. Chẳng hạn tôi chẳng rõ, liệu từ Kusinara có thể thấy đỉnh núi phủ tuyết của Himalaya hay không. Tôi quan niệm rằng, những yêu cầu của thơ phú được đặt trước những yêu cầu của địa lý.

Nhu cầu từ trái tim của tôi là vẽ một bức tranh thực về quan niệm sống và về thế giới của Phật giáo.

Dresden, tháng 9-1906

K. Gjellerup

• Chú thích

[1] Cái ô che nắng bằng vàng là biểu tượng cho nhà vua.

[2] Rajagaha: cố đô, ngày nay mang tên là Rajgir, ở cách thành phố Patna 18km về phía Đông Nam.

[3] Ganga, sông Hằng linh thiêng của Ấn Độ.

[4] Đại học kiểu như Oxford của nước Ấn Độ cổ (thuộc bang Pendschab).

[5] Hastinapura: Thành phố Voi.

[6] Bến cảng có những bậc thềm dành cho người tắm sông - thường bị ngắt quãng bởi các phần nhà nhô ra và các nhà hóng mát và được kết thúc bởi một vòm cửa đồ sộ, hoành tráng.

[7] Truyền thuyết liên quan tới những cái tên kỳ lạ này sẽ được kể trong chương 36: “Đức Phật và Krishna”.

[8] Ca sĩ lễ hiến sinh đạo Veda.

[9] Đi xin ăn.

[10] Tứ diệu đế: Khổ đế, Tập khổ đế, Diệt khổ đế và Đạo đế.

[11] Bát chính đạo: Chính kiến, Chính tư duy, Chính ngữ, Chính nghiệp, Chính mệnh, Chính niệm, Chính tinh tiến, Chính định.

[12] Chữ vạn (tiếng Phạn: स्वस्तिक svastika, tiếng Trung Quốc: 卐) chữ linh thiêng của Phật giáo biểu tượng cho phúc đức, tốt lành, hoan lạc cao siêu.

[13] Cõi tịnh độ của Phật A Di Đà.

[14] Angulimala: vòng đeo bằng ngón tay cái.

[15] Phong tục Bà La Môn, vợ chết theo chồng, N.D.

[16] Agni: Hỏa thần.

[17] Dân tộc du mục nay thuộc Iran, N.D.

[18] Sáng ra trời ấm lên, băng tan thì nó lấy nhiệt ở xung quanh, nhiệt độ không khí giảm, trời lạnh đi nhiều, đó là quy luật tự nhiên, một định luật vật lý, N.D.

[19] Nghiệp

[20] Dòng họ Thích Ca.

[21] Chỉ Krishna

[22] Himalaya.

[23] Chương 34. Những chi tiết về truyền thuyết theo Majjh, số 86. Đoạn về buổi bắn cung bị hỏng, do tôi thêm vào. Cảnh địa ngục cũng không ở đó, mà ở số 50. Đoạn tiếp sau đó về phán quan ở địa ngục lấy ra từ số 130.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>